

VL00003638



ÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRÊN THẾ GIỚI
S MODÈLES D'EXÉCUTION DES DÉCISIONS DE JUSTICE

HÀ NỘI, 17 - 18 / 04 / 2006

KỶ YẾU HỘI THẢO ACTES DU COLLOQUE

2006

VL00003638

NHÀ PHÁP LUẬT VIỆT - PHÁP
MAISON DU DROIT VIETNAMO - FRANÇAISE

87, Rue Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi
Tel: (84 4) 8351899 Fax: (84 4) 8352080 Email : mdvf@maisondu droit.org



agence intergouvernementale
de la francophonie



ORGANISATION
INTERNATIONALE DE
LA FRANCOPHONIE



Hội thảo quốc tế
«CÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRÊN THẾ GIỚI»
Hà Nội, ngày 17 & 18/04/2006

Tọa đàm
“DỰ THẢO BỘ LUẬT THI HÀNH ÁN”
Hà Nội, ngày 19/04/2006

KỶ YẾU HỘI THẢO

THƯ VIỆN QUỐC HỘI

Nhà Pháp luật Việt – Pháp
87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (844) 8351899 – Fax: (844) 8352080
Email: mdvf@maisondudroit.org

MỤC LỤC

HỘI THẢO QUỐC TẾ

"CÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRÊN THẾ GIỚI"

Diễn văn khai mạc của **ông Đinh Trung Tụng**, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam ----- 05

Diễn văn khai mạc của **ông Jean-François Blarel**, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Pháp tại Việt Nam-----08

Diễn văn khai mạc của **ông Stéphane Plumet**, Giám đốc Văn phòng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ----- 11

Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc lựa chọn mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia ----- 13
Ông Claude Brenner, Giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Panthéon-Assas, Cộng hòa Pháp

Khía cạnh pháp lý và nguyên tắc cơ bản trong thủ tục thi hành án hình sự tại Pháp ----- 29
Ông Dominique Couturier, Thẩm phán, Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng Le Havre, Cộng hòa Pháp

Những vấn đề thực tiễn trong thủ tục thi hành án hình sự tại Cộng hòa Pháp --- 39
Ông Alain Guillou, Công tố viên cao cấp, Tòa phúc thẩm Rouen, Cộng hòa Pháp

Tổ chức thi hành án hình sự tại Trung Quốc: nhìn từ góc độ pháp lý và thực tiễn ----- 49
Ông Cheng Chunming, Giáo sư Trường Đại học Luật và Khoa học chính trị Trung Quốc

Thực tiễn thi hành án hình sự và quản lý trại giam tại Cộng hòa Pháp ----- 56
Ông Stéphane Gely, Giám đốc Trại giam Fresnes, Cục quản lý trại giam, Bộ Tư pháp, Cộng hòa Pháp

Tổ chức thi hành án hình sự tại Cộng hòa Hungari ----- 71
Ông Szeplaki-Nagy Gábor, Thẩm phán cao cấp, Chánh Văn phòng, Tòa án tối cao Hungari

Thực tiễn thi hành án hình sự không giam giữ tại Việt Nam----- 83
PGS. TS. Nguyễn Ngọc Anh, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Công an, Việt Nam

Thi hành án dân sự tại Cộng hòa Pháp – Nguyên tắc chung: nhìn từ góc độ lý luận ----- 91
Ông Claude Brenner, Giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Panthéon-Assas, Cộng hòa Pháp

Thi hành án dân sự theo quy định pháp luật của Cộng hòa Pháp ----- 103
Ông Patrice Nocquet, Nguyên Chủ tịch Hội đồng thừa phát lại Pari, Cộng hòa Pháp

Thực tiễn thi hành các quyết định dân sự trong bản án hình sự ----- 113
Ông Alain Guillou, Công tố viên cao cấp, Tòa Phúc thẩm Rouen, Cộng hòa Pháp

Thủ tục thi hành án dân sự tại Việt Nam – Những hạn chế, bất cập và hướng giải quyết ----- 124
Th.s Nguyễn Thanh Thủy, Phó Cục trưởng, Cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp, Việt Nam

Tổ chức thi hành án dân sự tại Nhật Bản----- 135
Bà Yuko Nishitani, Giáo sư Khoa Luật, Trường Đại học Tohoku, Nhật Bản

Thi hành án hình sự, dân sự, hành chính tại Ấn Độ ----- 140
TS. Lintong O. Siahaan, SH, Tòa án hành chính tối cao, Ấn Độ

Mô hình tổ chức thi hành án tại Lào ----- 147
Ông Bounsavad Boupha, Cục trưởng, Cục quản lý thi hành án, Bộ Tư pháp, Lào

Thi hành án hành chính tại Pháp ----- 150
Ông Jean-François Debat, Thẩm phán, Tòa Hành chính tối cao, Cộng hòa Pháp

Giới thiệu Dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam ----- 174
Ông Nguyễn Bình, Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp, Việt Nam

Báo cáo Tổng kết Hội thảo ----- 185
Ông Claude Brenner, Giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Panthéon-Assas, Cộng hòa Pháp

PHỤ LỤC

Chương trình Hội thảo quốc tế "Các mô hình tổ chức thi hành án trên thế giới" ----- 189

TỌA ĐÀM "DỰ THẢO BỘ LUẬT THI HÀNH ÁN"

Hà Nội, ngày 19/04/2006

Kỳ yếu Tọa đàm "Dự thảo Bộ luật Thi hành án" 194

PHỤ LỤC

Chương trình Tọa đàm "Dự thảo Bộ luật Thi hành án"----- 233

Bản sao lưu trữ

**DIỄN VĂN KHAI MẠC CỦA ÔNG ĐINH TRUNG TỤNG,
THỦ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP VIỆT NAM**

Thưa Ngài Jean-François Blarel, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Pháp tại Việt Nam,

Thưa Ngài Stephan Plumet, Giám đốc Văn phòng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ,

Thưa các ngài Đại sứ,

Thưa các chuyên gia quốc tế,

Thưa Ban giám đốc Nhà pháp luật Việt-Pháp,

Thưa quý vị đại biểu,

Trước tiên, thay mặt Bộ trưởng Bộ Tư pháp Uông Chu Lưu, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các vị khách quý, các chuyên gia đến từ Châu Âu và một số nước trong khu vực Đông Nam Á cũng như đồng đảo các chuyên gia Việt Nam đến từ các Bộ, ngành trung ương, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu, tổ chức xã hội và đại biểu một số tỉnh, thành trong cả nước đến dự Hội thảo quốc tế "**Các mô hình tổ chức thi hành án trên thế giới**" do Nhà Pháp luật Việt - Pháp phối hợp với Bộ Tư pháp, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam và Tổ chức quốc tế Pháp ngữ tổ chức. Sự có mặt đồng đảo của các chuyên gia thuộc nhiều quốc tịch và thành phần khác nhau tại Hội thảo thể hiện sự quan tâm đặc biệt của quý vị nói riêng và cộng đồng quốc tế nói chung đối với vấn đề thời sự này.

Thưa quý vị đại biểu,

Thi hành án là một hoạt động quan trọng nhằm thực hiện trên thực tế bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền. Các cơ quan Nhà nước tiến hành hoạt động tố tụng không chỉ nhằm ra bản án, quyết định đúng đắn mà còn đảm bảo cho bản án, quyết định đó phải được đưa ra thi hành kịp thời và triệt để. Có như vậy, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mới được bảo vệ, các quy tắc của cuộc sống xã hội mới được tôn trọng và thực hiện trong cuộc sống, uy tín của Nhà nước mới được nâng cao.

Mô hình thi hành án là vấn đề phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, có nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, xét cho cùng, mô hình thi hành án có thể hiểu là cách thức tổ chức, quản lý và trình tự hoạt động của hệ thống cơ quan quản lý và cơ quan trực tiếp thi hành các bản án, quyết định. Từ đó hình thành khái niệm hệ thống cơ quan quản lý thi hành án và cơ quan thi hành án.

Đối với trường hợp của Việt Nam, trước năm 1993, trên thực tế hầu như không có sự phân biệt giữa cơ quan quản lý thi hành án và cơ quan thi hành

án. Các chức năng quản lý và tổ chức thi hành án được thống nhất trong một cơ quan, ví dụ tòa án vừa thực hiện chức năng quản lý công tác thi hành án, vừa là cơ quan trực tiếp thi hành án.

Sau khi có Pháp lệnh thi hành án dân sự 1993 và Pháp lệnh thi hành án phạt tù năm 1993, thì ở Việt Nam bắt đầu tách biệt hai loại cơ quan. Một bên là các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về thi hành án và một bên là cơ quan thi hành án. Với việc tách biệt chức năng này, hiện nay đang có nhiều cơ quan khác nhau có liên quan đến công tác thi hành án dân sự và hình sự. Trong thi hành án dân sự, các cơ quan có liên quan hiện nay có thể được chia thành ba loại: Cơ quan quản lý Nhà nước về thi hành án (gồm Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện...); cơ quan giúp cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý thi hành án (Cục thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Cục thi hành án thuộc Bộ quốc phòng, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) và cơ quan trực tiếp thi hành án (Thi hành án cấp tỉnh, Thi hành án cấp huyện). Trong thi hành án hình sự, theo quy định hiện hành, hình phạt tù được giao cho Bộ công an; hình phạt không giam giữ và các hình phạt khác ngoài tù được giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan; các bản án và quyết định của Tòa án quân sự do các tổ chức trong quân đội đảm nhận.

Nhìn chung, trong mô hình tổ chức thi hành án dân sự và hình sự hiện nay tại Việt Nam, còn tồn tại ba bất cập lớn.

Thứ nhất, pháp luật thi hành án quy định trong nhiều văn bản khác nhau, còn thiếu cụ thể, không đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

Thứ hai, tình trạng thiếu tập trung, thống nhất trong quản lý thi hành án, đặc biệt là thi hành án hình sự không phải hình phạt tù đã làm giảm hiệu quả công tác thi hành án.

Thứ ba, thiếu sự gắn kết giữa thi hành án dân sự và thi hành án hình sự, đặc biệt là các vụ án hình sự có bồi thường thiệt hại. Điều này làm giảm đáng kể hiệu quả của công tác thi hành án nói chung. Công tác thi hành án dân sự và thi hành án hình sự được giao cho ba cơ quan khác nhau quản lý, sự phối hợp giữa ba cơ quan gặp nhiều khó khăn, đã hạn chế và làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thi hành án.

Kết quả tổng kết 10 năm thi hành án dân sự và kết quả bước đầu tổng kết công tác thi hành án hình sự ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2004 cho thấy việc có nhiều văn bản pháp luật khác nhau quy định về thi hành án nhưng lại thiếu tính cụ thể, không đảm bảo tính hệ thống, cùng với sự thiếu tập trung, thống nhất trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là những nguyên nhân làm cho công tác thi hành án ở Việt Nam, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Sự cắt khúc, thiếu tập trung, thống nhất trong quản lý đã làm cho công tác thống kê, báo cáo, tổng kết thực tiễn để kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách sát hợp với thực tiễn và tăng

cường hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành gặp nhiều khó khăn. Cơ chế quản lý hiện hành chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát của xã hội đối với hoạt động thi hành án. Thực tế này đòi hỏi Việt Nam phải sớm có một cơ chế quản lý phù hợp hơn, đảm bảo cho hoạt động thi hành án được thực hiện có hiệu quả, vận hành một cách thông suốt, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng cũng như của xã hội đối với hoạt động thi hành án.

Công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải có sự đổi mới, chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tư pháp nói chung và thi hành án nói riêng. Cần phải nhấn mạnh rằng, thi hành án là một vấn đề hết sức hệ trọng, liên quan trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý Nhà nước, đến trật tự, kỷ cương pháp luật và ảnh hưởng sâu sắc đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, hay nói rộng hơn là quyền dân sự cơ bản của con người, như quyền về tài sản, quyền được lao động, quyền tự do, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm... Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tỏ rõ quyết tâm đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải cách hệ thống thi hành án nằm trong chiến lược tổng thể về cải cách hành chính và cải cách tư pháp, nhấn mạnh đến việc cần phải xây dựng một Bộ luật Thi hành án điều chỉnh tất cả các lĩnh vực thi hành án và chỉ đạo cụ thể từ nay đến năm 2010 phải chuẩn bị các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để thực hiện việc chuyển giao tổ chức và công tác thi hành án cho Bộ Tư pháp.

Do đây là một dự án luật quan trọng, nên Việt Nam rất cần tìm hiểu, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước trong quá trình hoàn thiện Dự thảo Bộ luật thi hành án trước khi trình Quốc hội xem xét trong thời gian tới.

Trong tinh thần đó, tôi nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến của Nhà Pháp luật Việt-Pháp tổ chức Hội thảo quốc tế về chủ đề hết sức thiết thực này. Trong hai ngày Hội thảo, bên cạnh các báo cáo tham luận của các chuyên gia Việt Nam chúng ta sẽ nghe các chuyên gia quốc tế phân tích các khía cạnh pháp lý cũng như thực tiễn trong việc lựa chọn, xây dựng mô hình thi hành án phù hợp với điều kiện đặc thù của từng quốc gia, và gợi ý những giải pháp có thể vận dụng vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Với những lý do đó, chúng tôi rất mong chờ kết quả của Hội thảo này, mong chờ sự chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia đến từ Châu Âu và các nước trong khu vực là những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thi hành án.

Tôi xin tuyên bố khai mạc hội thảo. Xin chúc các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

**DIỄN VĂN KHAI MẠC CỦA ÔNG JEAN-FRANÇOIS BLAREL,
ĐẠI SỨ CỘNG HÒA PHÁP TẠI VIỆT NAM**

Thưa ngài Thứ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam,

Thưa các ngài Đại sứ,

Thưa ông Giám đốc Văn phòng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ,

Thưa Ban giám đốc Nhà Pháp luật Việt -Pháp,

Thưa quý vị đại biểu,

Tôi rất vinh dự được cùng ngài Thứ trưởng phát biểu khai mạc Hội thảo quốc tế này, hội thảo tập hợp đại diện của nhiều nước trong và ngoài khu vực bao gồm: Lào, Campuchia, Thái Lan, Indônêxia, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp và Hungari.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn các đoàn chuyên gia đã nhận lời vượt qua bao chặng đường để đến với chúng ta trong Hội thảo này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến quý vị đại biểu là đại diện của nhiều cơ quan ban, ngành trung ương và địa phương của Việt Nam. Sự tham gia của các bạn vào Hội thảo này sẽ cho phép chúng ta cùng nhau phân tích, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm với nhau.

Thi hành án - chủ đề của Hội thảo hôm nay - mới nghe qua tưởng chừng là một chủ đề mang tính kỹ thuật, thậm chí khô khan và chỉ thu hút được sự quan tâm của một số ít chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, không những không phải là một đề tài dành riêng cho giới nghiên cứu pháp luật, mà thi hành án là một trong những vấn đề hệ trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, công cuộc mà Việt Nam đang nỗ lực tiến hành và đã thu được thành công từ nhiều năm nay.

Thi hành án thường là thi hành bản án, quyết định do Tòa án ban hành sau một vụ kiện lâu dài, khó khăn và tốn không ít chi phí; bản án, quyết định đó là kết quả của một quá trình làm việc đầy cam go của cả luật sư lẫn thẩm phán và công tố viên; đó là giải pháp mà các cơ quan tư pháp của Nhà nước tìm ra để giải quyết tranh chấp giữa các bên, những người đang lo lắng và nóng lòng chờ đợi phán quyết của Tòa án. Vì vậy, sẽ không còn gì tồi tệ hơn nếu như bản án, quyết định đó không được thi hành mà nguyên nhân chỉ vì các bên liên quan không được cung cấp những thủ tục làm công cụ chắc chắn và hiệu quả, có thể giúp họ thực hiện trên thực tế bản án, quyết định dành cho mình và thu được những kết quả mong đợi từ bản án, quyết định đó. Nhận xét này không chỉ đúng trong trường hợp tranh chấp dân sự giữa các cá nhân hoặc doanh nghiệp (vì trường hợp này liên quan đến những lợi ích kinh

tế lớn hoặc sự yên ấm của gia đình), mà còn đúng đối với cả các vụ án hình sự (vì việc thi hành bản án, quyết định hình sự là điều kiện để duy trì trật tự công và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm quy tắc xã hội).

Nhà nước dân chủ hiện đại phải là một Nhà nước mang lại cho người dân khả năng thực hiện các quyền của mình không chỉ trên lý thuyết mà còn trên thực tế và thực tiễn cuộc sống. Nếu không thì việc được tòa án xét xử vẫn chỉ là sự thực hiện quyền thuần túy về hình thức, một phương thức tốt nhưng chỉ trên lý thuyết của các nhà nghiên cứu. Nó không mang lại lợi ích nào cho xã hội và không thực sự giải quyết được các tranh chấp về kinh tế, xã hội hay hôn nhân gia đình.

Hơn nữa, nếu bản án, quyết định của tòa án một nước không được thực hiện thì công cuộc xây dựng pháp luật của nước đó sẽ mất đi phần lớn tác dụng. Bởi vì về nguyên tắc, luật pháp vẫn là một chuẩn mực mà chính quyền và công dân phải tôn trọng; nhưng trong trường hợp vi phạm thì không có một chế tài dân sự hay hình sự nào để buộc người có hành vi vi phạm tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành. Từ đó dẫn đến tình trạng mất an toàn pháp lý cao độ, cho dù nhà làm luật có nỗ lực đến đâu để xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất và nhằm bảo vệ công dân.

Riêng trong lĩnh vực hình sự, ngoài những vấn đề liên quan đến tính hiệu quả trực tiếp, còn đặt ra vấn đề quy định ở chừng mực nào là vừa đủ để cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ trật tự xã hội với bảo vệ quyền của cá nhân. Một mô hình thi hành án hợp lý phải là mô hình vừa cho phép hiện thực hóa các hình phạt đã tuyên, vừa đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, tức là thi hành án trên cơ sở phù hợp với nhân thân của người bị kết án. Và lại, bảo vệ lợi ích của xã hội và bảo vệ quyền con người là hai nhiệm vụ không có gì mâu thuẫn nhau, bởi vì chỉ khi nào hình phạt đúng và phù hợp thì mới đảm bảo được một cách hiệu quả việc cải tạo người phạm tội và giúp họ tái hòa nhập xã hội sau này. Một mô hình thực thi công lý mà đi theo hướng quá nghiêm khắc thường không giúp cho người phạm tội thực tâm cải tạo, họ vẫn bị đặt ra ngoài lề xã hội và tiếp tục là một mối nguy hiểm đối với trật tự công cộng.

Những kinh nghiệm sắp được trình bày tại hội thảo này đặc biệt phong phú và đa dạng, vì bên cạnh đại diện của các nước Đông Dương còn có chuyên gia là giảng viên đại học đến từ Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ. Cho phép tôi đặc biệt nhấn mạnh đến sự tham gia của chuyên gia đại diện cho Hunggari, người sẽ giới thiệu cho chúng ta về hệ thống thi hành án tại một đất nước mà diễn biến chính trị tại đó trong 15 năm trở lại đây là biểu hiện cho một mô hình xây dựng Nhà nước pháp quyền trên cơ sở tôn trọng những giá trị lịch sử và văn hóa dân tộc. Do vậy, đó là một ví dụ rất đáng quan tâm trong bối cảnh Việt Nam hiện nay và tất nhiên, chúng ta sẽ không thể không đề cập đến trường hợp của Việt Nam.

Trong bối cảnh Quốc hội Việt Nam trong kỳ họp sắp tới sẽ xem xét thông qua dự án Bộ luật thi hành án, tôi tin tưởng rằng Hội thảo này sẽ mở ra một quá trình nghiên cứu sâu rộng về vấn đề hệ trọng này. Tôi xin chúc hội thảo thành công tốt đẹp và xin nhường lời cho các tham luận viên trình bày chi tiết hơn.

Xin cảm ơn sự chú ý của quý vị.

Bản sao lưu trữ

**DIỄN VĂN KHAI MẠC CỦA ÔNG STÉPHAN PLUMAT,
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG KHU VỰC CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG,
TỔ CHỨC QUỐC TẾ PHÁP NGỮ**

Kính thưa ngài Thứ trưởng Bộ Tư pháp,

Kính thưa ngài Đại sứ,

Kính thưa ông Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp,

Kính thưa các chuyên gia,

Thưa các quý vị,

Hội thảo mà chúng ta khai mạc ngày hôm nay là sự kiện quốc tế đầu tiên trong năm nay của Nhà Pháp luật Việt-Pháp. Đây cũng là cuộc gặp gỡ đầu tiên do Nhà Pháp luật tổ chức với sự hỗ trợ của Tổ chức quốc tế Pháp ngữ.

Đặc biệt hơn, cuộc hội thảo này là thành quả công tác của đoàn khảo sát đánh giá nhu cầu hợp tác pháp luật và tư pháp của các nước Campuchia, Lào, Thái Lan, Việt Nam, do Nhà Pháp luật Việt-Pháp và Văn phòng Châu Á - Thái Bình Dương, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ phối hợp tổ chức vào tháng 5 và tháng 6 năm 2005. Kết quả khảo sát cho thấy mô hình tổ chức thi hành án là một trong các nội dung mà cả 4 nước cùng quan tâm và tin tưởng, đây cũng là nội dung thu hút sự quan tâm của nhiều nước Châu Á khác không phải là thành viên của Tổ chức quốc tế Pháp ngữ và đang có đại diện tham dự cuộc hội thảo ngày hôm nay. Đó chính là các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia. Tôi xin được nhiệt liệt chào mừng đoàn đại biểu đến từ các nước này.

Cuộc hội thảo ngày hôm nay là một trong những hoạt động hợp tác lâu dài giữa Nhà Pháp luật và Tổ chức quốc tế Pháp ngữ. Chúng tôi tin rằng mối quan hệ hợp tác tốt đẹp này sẽ tiếp tục phát triển hiệu quả trong thời gian tới.

Thông qua quan hệ hợp tác với Nhà Pháp luật và Bộ Ngoại giao Pháp, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ tiếp tục theo đuổi mục tiêu đã đề ra trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, đó là hỗ trợ các nước thành viên trong công cuộc cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp. Đối với các nước Việt Nam, Lào, Campuchia, cuộc cải cách này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thành công và hiệu quả vào nền kinh tế quốc tế. Đây cũng là dịp để Tổ chức quốc tế Pháp ngữ hỗ trợ một thiết chế hợp tác đào tạo, thông tin và trao đổi kinh nghiệm xây dựng pháp luật, được hình thành từ mong muốn của hai Chính phủ là thắt chặt mối quan hệ để xây dựng một không gian phát triển bền vững. Đó chính là Nhà Pháp luật Việt-Pháp. Cho đến thời điểm này, không ai có thể phủ nhận những đóng góp tích cực của Nhà Pháp luật Việt-Pháp đối với sự phát triển của hệ thống pháp luật và tư pháp của Việt Nam.

Cùng với thời gian, Nhà Pháp luật đã tiếp thu được rất nhiều kinh nghiệm quý báu. Chúng tôi mong muốn rằng những kinh nghiệm này sẽ được chia sẻ với các nước trong khu vực, cụ thể là Lào và Campuchia, thông qua việc tạo điều kiện cho các nước này được tham gia vào hoạt động hợp tác do Pháp và Việt Nam khởi xướng. Từ gần 5 năm nay, hoạt động hợp tác này luôn nhận được sự hỗ trợ của Tổ chức quốc tế Pháp ngữ.

Chúng tôi mong rằng trên tinh thần đoàn kết vì phát triển bền vững vốn là một trong những mục đích tồn tại của Tổ chức Pháp ngữ, mối quan hệ hợp tác song phương này sẽ nhanh chóng được nâng lên thành mối quan hệ đa phương.

Nhân dịp này, tôi xin được nhiệt liệt biểu dương Nhà Pháp luật Việt-Pháp vì những nỗ lực hết mình nhằm đáp ứng yêu cầu của các đối tác pháp ngữ. Tôi cũng xin được nhiệt liệt biểu dương các quan hệ hợp tác khác trong khối Pháp ngữ, như Cộng đồng Pháp ngữ tại Bỉ, vì đã thường xuyên hợp tác với Nhà Pháp luật Việt-Pháp để mở rộng hơn nữa phạm vi ảnh hưởng của các hoạt động của mình.

Kính thưa ngài Thứ trưởng,

Kính thưa toàn thể quý vị,

Tôi xin được dừng lời ở đây. Xin chúc các quý vị làm việc hiệu quả. Tôi mong rằng các tham luận và trao đổi tại cuộc hội thảo này sẽ giúp ích được phần nào cho công cuộc cải cách nhằm tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền ở đất nước các bạn.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn các chuyên gia đến từ nhiều nước khác nhau trong khu vực và các chuyên gia Việt Nam đến từ nhiều cơ quan, ban ngành trong cả nước, vì đã nhận lời tham gia cuộc Hội thảo ngày hôm nay.

Xin chân thành cảm ơn.

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC LỰA CHỌN
MÔ HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN PHÙ HỢP
VỚI ĐIỀU KIỆN CỦA MỖI QUỐC GIA**

Claude Brenner

*Giáo sư, Trường Đại học Tổng hợp Panthéon-Assas
Cộng hòa Pháp*

Hội thảo này được tổ chức trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đang triển khai soạn thảo dự án Bộ luật điều chỉnh thống nhất mọi lĩnh vực thi hành án, từ thi hành án dân sự, án hình sự đến thi hành án hành chính. Do đó, với mục đích tạo điều kiện cho các cơ quan pháp luật và tư pháp Việt Nam tìm hiểu và tham khảo kinh nghiệm từ nhiều nước khác nhau trên thế giới, hội thảo này đề cập đến những nội dung đặc biệt phong phú và đa dạng. Theo quan điểm của pháp luật Pháp, xây dựng một bộ luật chung về thi hành án dân sự và thi hành án hình sự là một dự án đầy tham vọng. Bởi lẽ giữa hai lĩnh vực thi hành án này vẫn chưa có sự thống nhất rõ ràng về mặt logic, mỗi lĩnh vực đều dựa trên những căn cứ riêng và mang tính đặc thù. Xin lấy một ví dụ, giữa thủ tục thi hành án phạt tù và thủ tục cưỡng chế thu hồi nợ có liên quan như thế nào với nhau? Tất nhiên, trong cả hai trường hợp đều có yếu tố cưỡng chế và sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang công quyền. Nhưng về cơ bản thì đó là hai thủ tục khác nhau, nhằm những mục đích khác nhau: một trường hợp là thi hành án dân sự, trong đó sự tham gia của lực lượng vũ trang công quyền là nhằm bảo vệ lợi ích của cá nhân, còn trường hợp kia là thi hành án hình sự, trong đó sự tham gia của lực lượng vũ trang công quyền là nhằm bảo vệ lợi ích chung của xã hội.

Tuy nhiên, nếu xem xét một cách kỹ lưỡng hơn, chúng ta sẽ nhận thấy giữa thi hành án dân sự và thi hành án hình sự có những điểm tương đồng không thể phủ nhận. Trong cả hai trường hợp, mục tiêu theo đuổi đều là nhằm thi hành một văn bản tư pháp, mà trước hết là bản án, quyết định của tòa án - cơ quan tài phán Nhà nước. Bởi vì nếu cho rằng thủ tục cưỡng chế thi hành trong lĩnh vực dân sự có thể được sử dụng nhằm thi hành các văn bản ngoài tư pháp, thì như theo quy định và thực tiễn pháp luật Cộng hòa Pháp, việc thi hành đó chỉ được coi là phần nối tiếp, là sự mở rộng có chủ đích riêng của việc thi hành các quyết định của cơ quan tài phán Nhà nước. Chẳng hạn như ở Pháp, các biện pháp cưỡng chế thi hành, kê biên có thể được sử dụng trong việc thi hành các phán quyết trọng tài, tức là những quyết định của cơ quan tài phán tư. Tuy nhiên, trước đó, phán quyết trọng tài bắt buộc phải được một cơ quan tài phán Nhà nước công nhận và cho thi hành. Tương tự như vậy, trong một số điều kiện nhất định, hợp đồng và văn bản pháp lý thuộc phạm vi

điều chỉnh của luật tư có thể được cưỡng chế thi hành mà không cần qua kiểm tra trước của tòa án. Điều kiện ở đây là văn bản đó phải là văn bản công chứng, tức là văn bản được lập bởi công chứng viên với tư cách là viên chức công quyền (trước kia là bổ trợ tư pháp) - người được ủy quyền thực hiện một phần quyền lực nhà nước. Như vậy, trọng tâm của hoạt động cưỡng chế thi hành án, như theo quy định của Pháp và của phần lớn các hệ thống pháp luật khác, là thi hành bản án, quyết định của cơ quan tài phán Nhà nước, còn việc đó là án dân sự, hành chính hay hình sự thì thực ra không quan trọng.

Cách hiểu như trên giúp ta đặt sang một bên yếu tố đa dạng của đối tượng thi hành án (bản án, quyết định dân sự, hành chính hoặc hình sự) để tìm ra sự thống nhất trong các thủ tục thi hành án, đó là việc phải có một văn bản tư pháp để thi hành. Tuy nhiên, không nên quá lạm dụng cách hiểu này, chẳng hạn như cho rằng thi hành án nói chung là thi hành các quyết định theo luật công. Chúng ta đều biết rằng phân biệt giữa luật tư và luật công chưa phải là quan điểm phổ biến trên thế giới; trong nhiều hệ thống pháp luật, vẫn chưa có sự phân định giữa ngành luật dân sự và luật hành chính, chưa thành lập 2 hệ thống tòa án tồn tại độc lập, song song là tòa án dân sự và tòa án hành chính như ở Pháp. Nhưng gần như tất cả các nước đều nhận thấy sự cần thiết phải trao cho cơ quan hành chính Nhà nước quyền áp dụng một số biện pháp cưỡng chế thi hành đơn giản và nhanh chóng, nhằm thực hiện các quyền của riêng cơ quan hành chính Nhà nước hoặc các quyền mà họ có được khi thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công. Chẳng hạn như ở Pháp, cơ quan hành chính Nhà nước có thêm ba quyền năng theo quy định chung của pháp luật, bao gồm: quyền áp dụng một số biện pháp cưỡng chế thi hành nhất định, mang tính tuyệt đối (ví dụ điển hình nhất là biện pháp thông báo đến người thứ ba đang giữ tài sản), quyền sử dụng nhân viên thi hành án của chính mình để thu hồi một số khoản nợ mà không thông qua thừa phát lại, và quan trọng nhất là quyền tự ban hành văn bản có hiệu lực thi hành (nói một cách khác, cơ quan hành chính Nhà nước có quyền công nhận hiệu lực thi hành cho các quyết định của chính mình mà không phải thông qua tòa án). Có lẽ đây là một dạng đặc quyền, nhưng điều đó cũng cho thấy rõ rằng điều kiện phải có một văn bản tư pháp - sợi dây liên hệ giữa thi hành án dân sự và thi hành án hình sự - không phải là tuyệt đối. Một lần nữa, chúng ta trở lại với ý kiến cho rằng điểm đặc thù của cưỡng chế thi hành án, cái cho ta thấy mọi biểu hiện chung của nó (không tính đến những đặc thù của từng lĩnh vực thi hành án và từng văn bản cần thi hành), chính là sự tham gia của quyền lực nhà nước thông qua các biện pháp cưỡng chế và bạo lực mà Nhà nước được độc quyền sử dụng một cách hợp pháp trong Nhà nước pháp quyền.

Sự tham gia của quyền lực nhà nước là điều tất yếu trong thi hành án hình sự: đó không chỉ là đòi hỏi về mặt lý luận mà còn là một đòi hỏi của xã hội. Bởi vì nếu để cho các thiết chế quyền lực tư thực hiện việc trừng phạt các hành vi vi phạm pháp luật hình sự, một việc vốn được coi không chỉ là dấu hiệu không thể thiếu mà còn là biểu hiện rõ rệt nhất của quyền lực nhà nước,

thì chủ quyền và chức năng của Nhà nước sẽ bị xem xét lại; mà đây là điều không thể chấp nhận được. Còn trong lĩnh vực thi hành án dân sự, vấn đề tất nhiên sẽ khác, do thủ tục cưỡng chế thi hành án không nhằm phục vụ xã hội nói chung, mà nhằm bảo vệ lợi ích riêng của các cá nhân. Tuy nhiên, không vì thế mà không cần đến sự tham gia của quyền lực nhà nước vào hoạt động thi hành án. Thi hành án dân sự vẫn cần có sự tham gia của quyền lực nhà nước với những lý do không khác nhiều so với trong lĩnh vực hình sự. Một khi phương thức tổ chức xã hội trong một Nhà nước pháp quyền dựa trên nguyên tắc cơ bản là không cho phép cá nhân sử dụng bạo lực, mà tất cả đều phải đặt dưới quyền lực nhà nước, thì Nhà nước cần trao cho những người nào chúng mình được quyền của họ các biện pháp cưỡng chế để thực hiện quyền đó. Điều này ít nhất đòi hỏi Nhà nước, hay nói đúng hơn là thiết chế nắm giữ quyền lực nhà nước, phải tổ chức và hướng dẫn việc áp dụng và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành án theo phương pháp mệnh lệnh, bởi vì các biện pháp đó là biểu hiện của việc sử dụng bạo lực một cách hợp pháp để bảo vệ lợi ích cá nhân. Nếu Nhà nước không làm như vậy thì có nghĩa là đã phủ nhận quyền của chủ nợ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đối với mình; và nếu không thể dùng biện pháp cưỡng chế để buộc thực hiện một nghĩa vụ thì nghĩa vụ đó không phải là nghĩa vụ dân sự, nghĩa vụ pháp lý theo đúng nghĩa của từ, mà chỉ là một nghĩa vụ đạo đức, một trách nhiệm lương tâm đơn thuần. Thực ra, quan điểm này đã được chứng minh bằng việc mới đây, Tòa án châu Âu về quyền con người đã công nhận quyền được thi hành án là một quyền cơ bản, quyền này đã được ghi nhận tại Điều 6 Công ước châu Âu ngày 4/11/1950 về các quyền con người và quyền tự do cơ bản.

Theo quy định tại Công ước này, *"Mọi người đều có quyền được xét xử một cách công bằng, công khai và trong một thời hạn hợp lý, bởi một tòa án độc lập và khách quan, được thành lập theo quy định của pháp luật, trong vụ kiện về tranh chấp liên quan đến quyền và nghĩa vụ dân sự của mình, hoặc trong vụ kiện về hình sự mà người đó là bị đơn."* Mặc dù Công ước không dự kiến việc đảm bảo thi hành án, thế nhưng Tòa án châu Âu về quyền con người lại có hai suy luận theo hướng này và cho rằng thi hành án cũng là một quyền cơ bản của con người. Thứ nhất, Tòa án châu Âu cho rằng thời gian cần thiết để buộc thi hành một văn bản tư pháp phải được tính trong thời hạn hợp lý mà Công ước yêu cầu các Quốc gia tôn trọng nhằm mang lại công lý cho công dân. Điều đó thể hiện rất rõ mối liên hệ tự nhiên giữa việc có được một bản án, quyết định của tòa án, với việc thi hành bản án, quyết định đó: bản án sẽ không có tác dụng gì nếu như không được thi hành. Trên cơ sở tuyệt đối hóa mối quan hệ logic tất yếu giữa bản án, quyết định của tòa án với thi hành án, Tòa án châu Âu đã suy luận xa hơn nữa, cho rằng cưỡng chế thi hành án cũng là một quyền cơ bản của con người. Có lẽ chúng ta nên tìm hiểu lập luận của Tòa án châu Âu ở đây, vì lập luận đó cho thấy rõ vì sao các cơ quan công

quyền, như đã nói ở trên, cần xây dựng một cơ chế cho phép thực hiện cưỡng chế thi hành án, dù là án trong lĩnh vực nào.

Theo quan điểm của Tòa án châu Âu về quyền con người (bản án *Hornsby c/ Grèce* số 18357/91 ngày 19/3/1997), quyền được xét xử theo quy định tại Điều 6 §1 của Công ước châu Âu về các quyền con người và quyền tự do cơ bản sẽ trở nên vô nghĩa nếu nội luật của một Quốc gia thành viên cho phép xảy ra tình trạng một bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật và hiệu lực bắt buộc thi hành nhưng vẫn không được thi hành, gây thiệt hại cho một bên đương sự. Bởi vì sẽ rất vô lý nếu như Công ước đó đã quy định chi tiết các nguyên tắc bảo đảm cho các bên trong quá trình xét xử (công bằng, công khai và nhanh chóng), mà lại không bảo vệ việc thi hành các bản án, quyết định của tòa án. Nếu điều khoản này của Công ước chỉ được coi là quy định về việc khởi kiện ra tòa và quy trình xét xử, thì có nguy cơ tạo ra những tình huống không phù hợp với nguyên tắc tính tối cao của pháp luật mà các Quốc gia thành viên đã cam kết tuân thủ khi phê chuẩn Công ước. Do vậy, thi hành án dù trong lĩnh vực nào và ở cấp xét xử nào cũng đều phải được coi là một bộ phận cấu thành của "vụ kiện" theo quy định tại Điều 6. Bản án nói trên của Tòa án châu Âu thu hút được sự chú ý đặc biệt vì đó là bản án tuyên về việc cơ quan có thẩm quyền ở Hy Lạp đã từ chối cho thi hành một bản án của Tòa án Hành chính tối cao phê phán một quyết định hành chính áp dụng đối với một số cá nhân công dân. Bản án của Tòa án châu Âu đã cho thấy trong các Nhà nước pháp quyền, cưỡng chế thi hành án có xu hướng được coi như một quyền chủ quan của người được thi hành án, và quyền này có ý nghĩa quan trọng đến mức ý định công nhận quyền đó là một quyền cơ bản đã trở nên gần như không thể lay chuyển, ngay cả khi không có quy định rõ trong văn bản pháp luật.

Các quan hệ pháp luật và cưỡng chế chắc chắn không được thiết lập theo một mô hình duy nhất, thống nhất trên toàn thế giới; chắc chắn không phải nơi nào cũng có nhận thức như nhau đối với yêu cầu đảm bảo hiệu lực của pháp luật (căn cứ cho quyết định của Tòa án châu Âu). Mặc dù vậy, bất cứ hệ thống pháp luật nào cũng đều không thể cho phép cơ quan công quyền thả nổi hoạt động thi hành án mà không gây ra hậu quả lớn kinh tế và xã hội. Tóm lại, có thể đặt ra hai nguyên tắc làm tiên đề và đây cũng là 2 nội dung chính được đề cập đến trong tham luận dẫn đề này:

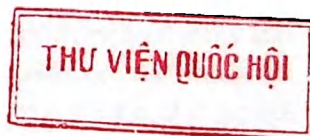
Thứ nhất, không thể có một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất mà trong đó không có cơ chế thi hành án một cách hữu hiệu: đối với mỗi Nhà nước khi bắt tay vào công cuộc xây dựng hoặc đổi mới, các cơ quan công quyền của Nhà nước đó không thể dừng lại ở việc đặt ra những thủ tục thi hành án cho người dân thực hiện, mà không chú tâm thường xuyên đến hiệu quả thực tế của những thủ tục đó. Vấn đề đặt ra ở đây là phải xác định những yêu cầu mà một mô hình tổ chức thi hành án hiện đại cần đáp ứng đầy đủ.

Thứ hai, do thi hành án không phải là một lĩnh vực độc lập nên không thể được tổ chức theo một mô hình thống nhất trên toàn cầu, và do quy định pháp luật về thi hành án phụ thuộc chặt chẽ vào những quy định pháp luật mà nó bảo đảm thực hiện, cho nên không thể có một mô hình tổ chức thi hành án hợp lý mà không có sự phối hợp chặt chẽ với luật nội dung và luật tố tụng có liên quan.

I. Một hệ thống pháp luật đồng bộ không thể thiếu một cơ chế thi hành án hữu hiệu

Nguyên tắc đầu tiên chúng ta có thể dùng làm căn cứ trong việc lựa chọn mô hình tổ chức thi hành án, đó là một hệ thống pháp luật đồng bộ không thể thiếu một cơ chế thi hành án hữu hiệu. Có thể đánh giá tính hữu hiệu của một mô hình tổ chức thi hành án thông qua một số yêu cầu cơ bản mà hoạt động thi hành án cần đáp ứng đầy đủ hoặc trên cơ sở phối hợp một cách hài hòa nhất có thể được. Nhưng để có thể đạt được sự cân bằng trong việc đáp ứng các yêu cầu đó, thì trước hết cần xác định rõ những thách thức của việc thi hành án, mà những thách thức này chắc chắn sẽ khác nhau tùy từng lĩnh vực thi hành án hình sự hay thi hành án dân sự.

A. Những thách thức đối với hoạt động thi hành án



1. Thi hành án hình sự

Hoạt động thi hành án trong lĩnh vực hình sự đặt ra những vấn đề có ý nghĩa rất lớn, mà thực chất chính là vấn đề liên quan đến tinh thần và triết lý của pháp luật hình sự. Bởi vì, nếu có thể nói một cách đơn giản nhất, thì công việc lựa chọn của nhà làm luật hình sự là lựa chọn giữa hai quan điểm hoàn toàn trái ngược nhau. Quan điểm thứ nhất - và cũng là giải pháp dễ dàng nhất - đó là xác lập trong luật, thậm chí cả trong bản án, quyết định áp dụng hình phạt, nguyên tắc tương xứng nghiêm ngặt và tuyệt đối giữa hình phạt và tội phạm, sao cho một khi tòa án đã có bản án, quyết định cuối cùng xác định và tuyên hình phạt, thì bản án, quyết định đó chỉ việc đem ra thi hành, theo nguyên tắc bất di bất dịch là thi hành án là bước hoàn thiện bản án. Quan điểm thứ hai là giải pháp ngược lại so với giải pháp thứ nhất, theo đó trong thi hành án hình sự, thời hạn, mức độ, thậm chí cả phương thức chấp hành hình phạt sẽ trực tiếp tùy thuộc vào các yếu tố cá nhân thể hiện trong quá trình chấp hành hình phạt như: thái độ của người phạm tội, những cố gắng của người phạm tội nhằm tái hòa nhập xã hội, tiến triển của họ trong các liệu pháp tâm lý...

Tuy nhiên, trong cả hai quan điểm trên, chấp hành hình phạt đều là tâm điểm của những nghiên cứu và giải pháp được đề xuất, với lý do hết sức đơn giản là vì chấp hành hình phạt đánh dấu việc chuyển từ quy phạm trừu tượng sang việc áp dụng trên thực tế những quy định pháp luật có trọng tâm là hình phạt. Đó chính là điều đã được thể hiện qua trào lưu tư tưởng có từ thế kỷ 18, là khởi nguồn dẫn đến việc cải cách pháp luật hình sự ở các nước châu Âu. Chẳng phải điểm nổi bật nhất trong chuyên luận nổi tiếng của Beccaria về tội

phạm và hình phạt là đề nghị phải thay thế những hình phạt hà khắc từ thời xa xưa, mà việc thi hành do các thẩm phán tùy tiện quyết định, bằng những hình phạt đúng mức và được bảo đảm chắc chắn thi hành đó sao? Chẳng phải những luận đề về phương thức mới để bảo vệ xã hội và về cái mà đôi khi được gọi là chủ nghĩa cổ điển mới đương đại, đều đã dùng cách này hay cách khác để nhấn mạnh đến sự cần thiết phải áp dụng hình phạt trên cơ sở phù hợp với đặc điểm nhân thân và tính chất nguy hiểm của người phạm tội đó sao?

Về phần pháp luật Pháp, Pháp đã lựa chọn dứt khoát nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và thi hành án hình sự trên cơ sở phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Do đó, ở Pháp, quy định pháp luật về thi hành án hình sự khác xa so với quy định pháp luật về thi hành án dân sự: trái ngược với nguyên tắc trong thi hành án dân sự là phải thi hành toàn bộ mọi nghĩa vụ dân sự, lĩnh vực thi hành án hình sự có nhiều kỹ thuật và biện pháp điều chỉnh hình phạt, phù hợp chính sách hình sự của Nhà nước Pháp là kết hợp cải tạo, răn đe với giáo dục, tạo điều kiện cho phạm nhân tái hòa nhập cộng đồng xã hội. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ phải tự lựa chọn định hướng trong hoạt động thi hành án hình sự, trên cơ sở chính sách hình sự của Nhà nước mình, tham khảo kinh nghiệm của các nước và nhằm đáp ứng những yêu cầu của xã hội hiện đại.

2. Thi hành án dân sự

Những thách thức đặt ra đối với thi hành án trong lĩnh vực dân sự rất khác so với trong lĩnh vực hình sự, nhưng cũng không kém phần quan trọng. Trong lĩnh vực dân sự, tính hiệu lực, hiệu quả của cưỡng chế thi hành án có ý nghĩa tác động trực tiếp đến sự cân bằng của pháp luật về trái vụ và pháp luật về tín dụng (tức là về các biện pháp bảo đảm thanh toán). Thủ tục thi hành án dân sự càng dễ dàng, thì pháp luật về nghĩa vụ hợp đồng sẽ càng có thể được tổ chức đơn giản và tiết kiệm; còn nếu thủ tục thi hành án dân sự càng khó khăn và phức tạp, thì các tác nhân kinh tế sẽ càng tìm cách tự bảo vệ mình bằng những biện pháp bảo đảm thanh toán chặt chẽ và tinh vi. Nước Pháp đã từng trải qua điều đó: sự phát triển bất thường của các biện pháp bảo đảm đối nhân ở Pháp là hệ quả của tình trạng suy giảm hiệu lực của thủ tục thi hành án liên quan đến việc thu hồi nợ có bảo đảm bằng tài sản (do tác động của thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp); những khó khăn trong việc thi hành án liên quan đến các biện pháp bảo đảm thông thường chính là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của các biện pháp bảo đảm chặt hơn trong thời gian gần đây (như quyền cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu...). Thế nhưng, hậu quả tất yếu của những diễn biến này là làm tăng chi phí tín dụng và kéo theo đó là chi phí của giao dịch, bởi vì doanh nghiệp sẽ tính cả chi phí tín dụng vào trong giá bán. Chính vì thế, một khung pháp lý cho hoạt động thương mại dù tuyệt vời đến đâu cũng không thể hy vọng có được thành công nếu như không được đi kèm với một mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án hữu hiệu; ngược lại, sự phát triển thái quá của các biện pháp bảo đảm nhằm

đối phó với việc cưỡng chế thi hành án sẽ làm suy giảm hiệu lực của pháp luật dân sự và pháp luật thương mại. Đây là một vấn đề đã được các nhà kinh tế học của Ngân hàng Thế giới đề cập đến trong các báo cáo thường niên "Doing business", mặc dù phương pháp nghiên cứu và các kết luận của họ còn gây nhiều tranh cãi do thiếu khách quan.

Như vậy, một mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án hữu hiệu và phù hợp cần phải tính đến những hệ lụy cơ bản này, nhưng không được vì thế mà trở nên quá chặt chẽ đến mức khắc nghiệt. Hiệu lực của một mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự sẽ được thể hiện qua việc mô hình đó tạo được sự cân bằng như thế nào giữa các yêu cầu đặt ra hay những giá trị đối kháng cần phải dung hòa.

B. Những yêu cầu đối với hoạt động thi hành án

1. Tính nhân đạo và hiệu quả

Quy định pháp luật về thi hành án trước hết phải đảm bảo cân đối giữa tính nhân đạo và tính hiệu quả, sao cho phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và văn hóa của đất nước. Nguyên tắc này thể hiện rất rõ trong lĩnh vực hình sự, trong đó việc áp dụng và chấp hành hình phạt là kết quả của một chính sách có thể điều chỉnh tùy theo từng nơi từng lúc nhưng đều trên cơ sở kết hợp giữa trừng phạt và chuộc tội, giữa trấn áp tội phạm và tạo điều kiện cho người phạm tội tái hòa nhập xã hội, giữa bảo vệ xã hội và cải tạo người phạm tội... Tương tự như vậy trong lĩnh vực dân sự: nếu chỉ tính đến lợi ích của người được thi hành án, thì cần có quy định buộc người phải thi hành án thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong mọi trường hợp. Nhưng pháp luật về thi hành án phải đáp ứng cả yêu cầu bảo vệ quyền tự do cá nhân và an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể của cá nhân, cho nên pháp luật Pháp không chấp nhận việc cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc làm công việc nhất định nếu việc thi hành đó dẫn đến sự ép buộc về mặt thể chất đối với người phải thi hành án. Về vấn đề này, có thể có những giải pháp như sau: thứ nhất là sử dụng các biện pháp có tác dụng thúc giục thi hành án như biện pháp phạt tiền, theo đó nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với người được thi hành án thì người phải thi hành án sẽ phải trả một khoản tiền phạt, mức phạt tăng dần theo thời gian không thực hiện nghĩa vụ. Thứ hai là tìm kiếm các giải pháp thay thế việc thi hành án bởi chính người phải thi hành án, chẳng hạn như giải pháp cho người thứ ba thi hành đúng nghĩa vụ cần thi hành nhưng chi phí do người phải thi hành án chịu. Thứ ba là nguyên tắc theo đó người phải thi hành án có nghĩa vụ buộc làm công việc nhất định mà không thực hiện nghĩa vụ đó thì sẽ phải bồi thường thiệt hại, có nghĩa là sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả một khoản tiền tương đương với nghĩa vụ buộc làm công việc nhất định ban đầu; khi đó, có thể tiến hành cưỡng chế thi hành án bằng các biện pháp kê biên tài sản của người phải thi hành án.

Nhưng việc cho phép cưỡng chế thi hành mọi loại nghĩa vụ thông qua biện pháp trả một khoản tiền chỉ càng làm tăng thêm những khó khăn đối với hoạt động thi hành án. Để hoạt động hiệu quả, hệ thống thi hành án dân sự phải có những biện pháp cưỡng chế thi hành phù hợp với từng loại tài sản và quyền tài sản; hơn nữa còn phải cho phép người được thi hành án biết được thông tin về sự tồn tại và nơi để tài sản của người phải thi hành án (liệu người phải thi hành án còn có bất động sản ở nơi nào khác? Người phải thi hành án có tài khoản ngân hàng không và mở tại ngân hàng nào? Người phải thi hành án có quyền yêu cầu đối với người thứ ba nào không, hay có cổ phần, vốn góp trong công ty nào không?). Như vậy có nghĩa là pháp luật về thi hành án phải cung cấp cho người được thi hành án các phương tiện để tìm hiểu về thành phần tài sản của người phải thi hành án, mà giải pháp này thường đòi hỏi phải có hệ thống sổ đăng ký hoặc công bố công khai tài sản, sự hỗ trợ của các cơ quan công quyền và có thể phải có cả cơ chế kiểm tra các văn bản đem thi hành. Bởi vì theo quan niệm cho rằng pháp luật hình thành từ các quyền tự do cá nhân thì việc tìm kiếm những thông tin cần thiết cho thi hành án có nguy cơ xâm phạm đến các quyền của cá nhân và đặc biệt là quyền bí mật đời tư.

Dù sao, tuy giải pháp cho phép thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho nghĩa vụ buộc làm công việc nhất định có phần dễ được chấp nhận hơn so với giải pháp buộc thực hiện đúng công việc đó, nhưng cũng không nên quá lạm dụng. Pháp luật về thi hành án cần tính đến cả những yêu cầu về tính nhân đạo và nói chung là tính hợp lý trên cơ sở vì lợi ích chung. Chính vì vậy, các mô hình tổ chức thi hành án ở phương Tây thuộc hệ thống dân luật cũng như hệ thống *common law* - đều chứa đựng những yếu tố dung hòa, gắn với điều kiện kinh tế và đặc điểm về nhân thân và hoạt động nghề nghiệp của người phải thi hành án. Do đó, có một giới hạn tương đối phổ biến trong việc cưỡng chế thi hành án, đó là những tài sản và thu nhập đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống của người phải thi hành án và gia đình thì không được kê biên, bởi vì xã hội cũng không được lợi gì nếu như các thành viên trong xã hội đó bị rơi vào cảnh túng bấn. Tương tự như vậy, các tổ chức hoạt động thương mại cũng thường được áp dụng thủ tục cưỡng chế thi hành án tập thể thông qua các thủ tục phá sản doanh nghiệp. Tác dụng của thủ tục này là phân chia rủi ro từ việc mất khả năng thanh toán của một doanh nghiệp cho tất cả các đối tác của doanh nghiệp đó cùng chịu, nhằm tránh xảy ra trường hợp việc một doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ sẽ dẫn đến hiện tượng phá sản theo dây chuyền nếu như để cho một trong các chủ nợ phải một mình chịu rủi ro của khoản nợ không được thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành án, một số khoản nợ có thể được ưu tiên thanh toán hơn do có liên quan đến lợi ích công cộng hoặc lợi ích chung của xã hội: ví dụ, pháp luật Pháp quy định riêng những biện pháp cưỡng chế thi hành để áp dụng đối với một số khoản nợ thuộc điều chỉnh của luật công (như nợ thuế nói chung và nợ thuế xuất nhập khẩu nói riêng); ngoài ra việc thi hành án đối với những khoản nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc tương đương cũng được ưu tiên.

2. Yêu cầu tiết kiệm và vấn đề chi phí thi hành án

Trong thi hành án dân sự, bên cạnh việc kết hợp giữa tính hiệu quả và tính nhân đạo, mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án còn phải kết hợp hài hòa giữa một bên là yêu cầu nhanh chóng và tiết kiệm, với bên kia là yêu cầu xây dựng quy trình thủ tục với một mức độ phức tạp đủ để bảo vệ tất cả các lợi ích liên quan: lợi ích của người được thi hành án, lợi ích của người phải thi hành án nếu người này có lý do chính đáng để phản đối thủ tục thi hành án được áp dụng, lợi ích của người thứ ba và đặc biệt là lợi ích của của những chủ nợ khác của người phải thi hành án nếu họ có căn cứ để phản đối hoặc ngược lại, hợp tác trong thủ tục thi hành án được áp dụng.

Do vậy, việc tổ chức cưỡng chế thi hành án sẽ đòi hỏi ít hay nhiều thời gian và chi phí tùy theo mức độ phức tạp của quy trình thủ tục được quy định trong luật. Tất nhiên, chi phí cưỡng chế thi hành án có thể sẽ cao hay thấp tùy theo đối tượng cụ thể của việc thi hành, bởi vì mức độ cần thiết phải bảo vệ lợi ích của người phải thi hành án và người thứ ba thường phụ thuộc vào tính chất của tài sản kê biên: quan điểm chung cho rằng nếu tài sản là bất động sản thì cần xem xét lưu ý hơn khi kê biên so với tài khoản ngân hàng và các khoản thu nhập. Nhưng cho dù trong trường hợp nào thì xét dưới góc độ kinh tế, cưỡng chế thi hành án cũng không thể tương đương như tự nguyện thi hành án, bởi vì thủ tục cưỡng chế thi hành án đòi hỏi ít nhất phải có sự chỉ đạo và giám sát tối thiểu từ phía cơ quan công quyền. Từ đó đặt ra vấn đề cơ bản là chi phí thi hành án dân sự do ai chịu? Trừ trường hợp để Nhà nước chịu (mà điều này xem ra khó có thể chấp nhận được), cần xử lý vấn đề chi phí thi hành án dân sự bằng cách quy định trách nhiệm đó cho người được thi hành án hoặc người phải thi hành án. Giải pháp đầu tiên có lẽ là yêu cầu người phải thi hành án nộp chi phí cưỡng chế thi hành án, bởi vì nếu người được thi hành án phải chịu chi phí này thì người đó sẽ không thể nhận được toàn bộ số tiền thanh toán khoản nợ đối với mình. Hơn nữa, quy định cho người phải thi hành án nộp chi phí cưỡng chế cũng là hợp logic, vì anh ta đã không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, giải pháp này có thể không được chấp nhận nếu không chia các trường hợp, bởi vì nếu buộc người phải thi hành án chịu chi phí cưỡng chế trong mọi trường hợp thì có nguy cơ là người được thi hành án sẽ sử dụng quá nhiều biện pháp kê biên hoặc sẽ chọn biện pháp tốn kém nhất hoặc có lợi nhất cho riêng mình, chứ không nhất thiết phải chọn thủ tục thích hợp nhất cho đối phương. Chính vì thế, pháp luật Pháp đã lựa chọn giải pháp trong đó có sự phân biệt 2 trường hợp cần thiết và không cần thiết, đó là: về nguyên tắc, các chi phí thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời và chi phí cưỡng chế thi hành án do người phải thi hành án nộp, trừ những chi phí rõ ràng là không cần thiết vào thời điểm chi.

Trước yêu cầu tiết kiệm chi phí cưỡng chế thi hành án và chỉ chi ở mức chi cần thiết, nhà làm luật có thể sẽ ưu tiên một vài biện pháp cưỡng chế thi hành và coi các biện pháp khác là thứ yếu, nhằm mục đích định hướng cho người được

thi hành án có cách xử sự phù hợp với lợi ích chung. Nhìn chung, nhà làm luật có thể điều tiết việc tự do lựa chọn biện pháp thi hành án của người được thi hành án (nếu có) thông qua nguyên tắc truy cứu trách nhiệm dân sự đối với hành vi sử dụng những biện pháp thi hành án không cần thiết hoặc gây bất lợi cho người phải thi hành án. Tuy nhiên, nhà làm luật không nên can thiệp quá sâu trong vấn đề này, bởi vì cưỡng chế thi hành án chỉ là giải pháp cuối cùng trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án, và pháp luật nên tạo điều kiện tối đa cho việc tự nguyện thi hành án, nhằm mục đích tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả của thi hành án. Vì những lý do đó, quy định của pháp luật Pháp về cưỡng chế thi hành án luôn dự kiến những khả năng cho phép người phải thi hành án được chuyển thủ tục cưỡng chế thi hành đối với họ thành thủ tục tự nguyện thi hành án. Thế nhưng, người phải thi hành án thường chỉ thay đổi thái độ sau khi đã phải chịu sức ép về kinh tế hoặc tâm lý: chẳng hạn như việc kê biên bất động sản hoặc một số động sản như phương tiện đi lại có thể là một biện pháp mạnh làm cho những người mắc nợ ngoan cố phải sợ và thay đổi thái độ. Do đó, điều quan trọng là pháp luật về thi hành án không nên bỏ phí những đòn bẩy như vậy, và không nên vì quá chú trọng đến nguyên tắc tiết kiệm mà bỏ qua những biện pháp tác động về tâm lý trong thi hành án.

II. Một mô hình tổ chức thi hành án hợp lý không thể không phối hợp chặt chẽ với luật nội dung và luật tố tụng

Những phân tích, lập luận ở trên nhằm khẳng định rằng không thể có một hệ thống pháp luật đồng bộ mà trong đó không có một cơ chế thi hành án hữu hiệu, đáp ứng một số yêu cầu chung. Nhưng điều đó không có nghĩa là tồn tại một mô hình ưu việt về tổ chức cưỡng chế thi hành án để áp dụng ở tất cả các nước trên thế giới. Hệ thống pháp luật nào cũng phải đáp ứng một số điều kiện tiên quyết và yêu cầu chung như nhau (chẳng hạn như nước nào cũng muốn có một cơ chế cưỡng chế thi hành án chắc chắn, nhanh chóng và ít tốn kém nhất có thể được). Tuy nhiên, như đã nói ở trên, do việc thi hành án trong lĩnh vực hình sự cũng như trong lĩnh vực dân sự là phần tiếp nối, thậm chí về bản chất, là việc thực hiện những quy định pháp luật mà nó thừa nhận, cho nên hoạt động thi hành án cần đi theo logic của chính ngành luật đó: thi hành án dân sự ở một nước phụ thuộc vào pháp luật dân sự của nước đó, còn thi hành án hình sự phụ thuộc vào pháp luật hình sự của nước đó. Vì vậy, một nước không thể xây dựng được một mô hình hợp lý để tổ chức cưỡng chế thi hành án nếu không phối hợp chặt chẽ những quy định về thi hành án với luật nội dung và luật tố tụng của nước mình: luật nội dung bao gồm những quy định trong công pháp, tư pháp hoặc luật hình sự mà hoạt động thi hành án phải bảo đảm việc thực thi; luật tố tụng bao gồm những quy định về trình tự, thủ tục xét xử và nói chung là quy định về những thủ tục tố tụng gắn liền với các biện pháp thi hành án.

A. Luật nội dung

Xét riêng trong lĩnh vực thi hành án hình sự, chúng ta có thể ngay lập tức nhận thấy rằng hoạt động thi hành án ở một nước không thể được tổ chức một cách thiếu thực tế theo một mô hình lý tưởng nào đó, mà trái lại, cần được tổ chức trên cơ sở luôn luôn gắn với những định hướng pháp luật hình sự của nước đó. Bởi vì như đã nói ở trên, hoạt động thi hành án hình sự đặt ra vấn đề liên quan đến chính tinh thần và triết lý của luật hình sự. Chúng ta không thể hình dung nổi trường hợp luật hình sự của một nước muốn tỏ ra tuyệt đối khách quan và mang tính răn đe, nhưng đến khâu thi hành án thì lại cho phép cá thể hóa việc chấp hành hình phạt và dự kiến các biện pháp cải tạo tâm lý - xã hội đối với người phạm tội. Ngược lại, sẽ rất khó hiểu nếu như luật hình sự đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải tạo điều kiện cho người bị kết án tái hòa nhập xã hội và việc quyết định hình phạt trên cơ sở phù hợp với nhân thân và thái độ của người phạm tội, nhưng lại bỏ qua mọi khả năng điều chỉnh trong quá trình chấp hành hình phạt.

Trong lĩnh vực thi hành án dân sự, yêu cầu gắn mô hình tổ chức thi hành án với luật nội dung cũng thể hiện rất rõ. Cách đây 10 năm đã có một hội thảo quốc tế được tổ chức về chủ đề so sánh các mô hình thi hành án dân sự ở châu Âu; cuộc hội thảo này đã không chỉ làm rõ những điểm tương đồng mà còn cho thấy nhiều điểm khác biệt lớn giữa các nước châu Âu trong quy định pháp luật về thi hành án dân sự. Sở dĩ có sự khác biệt này phần lớn là do hoạt động cưỡng chế thi hành án liên quan mật thiết đến chủ quyền quốc gia, nên khó chấp nhận xu hướng xích lại gần nhau giữa các nước như trong nhiều ngành luật tư pháp khác. Đó cũng chính là lý do giải thích vì sao các nước thuộc Liên minh châu Âu dù đã đạt được nhiều thành công về thống nhất pháp luật trong các lĩnh vực khác nhưng lại không mấy nỗ lực trong lĩnh vực thi hành án: những cố gắng thống nhất pháp luật trong lĩnh vực này mới chỉ dừng lại ở việc công nhận bản án, quyết định nước ngoài, mà minh chứng rõ nét nhất là sự ra đời của loại hình văn bản có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, tình trạng gần như độc quyền của pháp luật quốc gia trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án không chỉ bắt nguồn từ lý do chủ quyền quốc gia, mà còn xuất phát từ những yếu tố lý luận và đặc biệt là từ yêu cầu đảm bảo sự thống nhất giữa những quy định pháp luật nội dung và quy định về thi hành án.

Xét từ phương diện này, chúng ta cần tính đến nhiều yếu tố khác nhau trong quá trình tổ chức cưỡng chế thi hành án. Ví dụ, quy định về thủ tục thi hành đúng nghĩa vụ phải thi hành, cụ thể là thủ tục cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao lại nhà ở hoặc công trình xây dựng khác, cần phải được xây dựng trên cơ sở không xâm phạm đến nguyên tắc tôn trọng sự toàn vẹn về sức khỏe, thân thể và phẩm giá con người, cũng như trên cơ sở nhận thức rằng người chiếm giữ nhà của người khác là để thực hiện quyền có nhà ở, hoặc người chiếm giữ nơi làm việc hoặc nơi công cộng là để thực hiện quyền đình công hay biểu

tình. Việc xem xét những yếu tố này trong các hệ thống pháp luật khác nhau chắc chắn sẽ khác nhau. Tương tự như vậy, khi xây dựng pháp luật về kê biên tài sản và các thủ tục xử lý tài sản kê biên, cần xem xét xem liệu pháp luật dân sự có hay không có quy định về biện pháp bảo lưu quyền sở hữu, có cho phép hay không cho phép chủ nợ có bảo đảm bằng thế chấp hoặc một biện pháp bảo đảm bằng tài sản khác được thỏa thuận hoặc thông qua tòa án để nhận tài sản bảo đảm thay cho việc thanh toán nghĩa vụ trong trường hợp người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ. Trong trường hợp pháp luật dân sự có những quy định cho phép như vậy, thì có nguy cơ là sẽ không cần đến các biện pháp cưỡng chế thi hành án nữa, nhất là khi pháp luật dân sự cho phép xác lập các biện pháp bảo đảm tương tự đối với nghĩa vụ trả tiền. Còn trong trường hợp ngược lại, nếu công nhận cho người kê biên ưu tiên được quyền ưu tiên thì quy định đó có thể làm cho quy định của pháp luật dân sự về thứ tự ưu tiên của các biện pháp bảo đảm bị mất tác dụng.

Như vậy, có thể thấy rằng có nhiều nguy cơ xảy ra sự mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật. Từ đó đặt ra yêu cầu phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa những quy định của luật nội dung và pháp luật về thi hành án. Do thời gian có hạn, nên tôi chỉ đưa ra hai dẫn chứng đặc biệt quan trọng liên quan đến thi hành án dân sự.

1. Việc công nhận hiệu lực thi hành và giám sát thi hành án

Dẫn chứng thứ nhất là yêu cầu phối hợp giữa quy định về vấn đề công nhận hiệu lực thi hành cho một văn bản và quy định về quyền giám sát của tòa án đối với hoạt động cưỡng chế thi hành án. Do có sự tham gia của quyền lực nhà nước nên hoạt động cưỡng chế thi hành án trong hầu hết các Nhà nước pháp quyền đều đặt dưới sự kiểm tra giám sát của một cơ quan công quyền. Hoạt động kiểm tra giám sát này có thể do một cơ quan quản lý hành chính tiến hành theo cơ chế tiên kiểm, như định hướng hiện nay của pháp luật Việt Nam; nhưng thường là do cơ quan tư pháp thực hiện, ít nhất là trong quá trình tổ chức việc thi hành. Phải nói rằng vai trò kiểm tra giám sát của tòa án có ý nghĩa tương đối quan trọng và có hai phương thức kiểm tra giám sát việc thi hành án đối lập nhau:

Phương thức kiểm tra giám sát thứ nhất là phương thức đã được pháp luật Pháp áp dụng từ lâu, theo đó các biện pháp cưỡng chế thi hành án được tổ chức theo thủ tục tố tụng thông qua tòa án, cụ thể như sau: người được thi hành án nếu muốn thực hiện một biện pháp kê biên thì phải xin phép tòa án và nộp các giấy tờ chứng minh quyền của mình để tòa án kiểm tra. Nếu tòa án cho phép kê biên thì biện pháp kê biên sẽ do tòa án quyết định theo thủ tục như thủ tục xét xử một vụ kiện; tòa án cũng có thể ra quyết định công nhận hiệu lực của việc kê biên nhằm giúp cho người được thi hành án thực sự được thanh toán nghĩa vụ. Mô hình tòa án quản lý toàn bộ hoạt động cưỡng chế thi hành án như vậy có điểm hạn chế là làm cho hoạt động cưỡng chế thi hành bị chậm trễ và mất nhiều chi phí hơn; hơn

nữa, hoạt động tiên kiểm của tòa án có thể trở nên vô ích trong trường hợp người được thi hành án đã có một bản án, quyết định có hiệu lực thi hành.

Chính vì vậy, kể từ năm 1991, pháp luật Pháp đã áp dụng mô hình thứ hai với một quan niệm hoàn toàn đối lập về cưỡng chế thi hành án (mô hình này sẽ được hoàn thiện thông qua cải cách thủ tục kê biên bất động sản trong thời gian tới đây). Theo mô hình này, các biện pháp cưỡng chế thi hành về cơ bản không phải thông qua con đường tòa án: theo nguyên tắc, đương sự chỉ phải xin phép trước tòa án trong trường hợp muốn thực hiện một biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng lại chưa có một văn bản có hiệu lực thi hành; bản thân các thủ tục thi hành án cũng được "phi tư pháp hóa" trong quá trình thực hiện: nhìn chung, tòa án chỉ có thẩm quyền xem xét giải quyết những vướng mắc và tranh chấp phát sinh trong quá trình thi hành án.

Theo logic, nhà làm luật nào cũng phải lựa chọn giữa hai mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành như trên, nhưng nhà làm luật cũng hoàn toàn có thể chọn một giải pháp trung gian, trong đó có phân chia các trường hợp tùy theo loại văn bản cần thi hành hoặc tùy theo thủ tục thi hành. Nhưng cho dù lựa chọn giải pháp nào thì sự lựa chọn đó chỉ có thể được coi là hợp lý nếu như trước đó, nhà làm luật đã suy nghĩ cân nhắc xem nội luật quy định loại văn bản nào là văn bản có hiệu lực thi hành, tức là những văn bản cho phép áp dụng ngay các biện pháp cưỡng chế thi hành mà không cần thông qua tòa án: liệu tất cả các văn bản tư pháp có hiệu lực thi hành hay không, hay cần phải thỏa mãn điều kiện gì? Hợp đồng và tư chứng thư nếu muốn có hiệu lực thi hành thì phải do cơ quan nào lập và phải tuân theo những điều kiện gì? Rõ ràng, việc xem xét tìm hiểu luật nội dung sẽ quyết định phần lớn đến việc lựa chọn mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án theo thủ tục tư pháp hay ngoài tư pháp.

2. Cơ chế khởi kiện yêu cầu thanh toán và vấn đề thanh toán tiền thi hành án

Trước khi quyết định lựa chọn mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án, nhà làm luật cũng cần phải xem xét nghiên cứu những quy định của nội luật về phương thức xử lý vấn đề mất khả năng thanh toán của người mắc nợ. Bởi vì pháp luật về cưỡng chế thi hành án là pháp luật áp dụng trong những trường hợp thiếu nợ: thông thường, các biện pháp kê biên chỉ được áp dụng khi người mắc nợ không còn đủ tiền sẵn có để thanh toán cho tất cả các chủ nợ của mình. Câu hỏi đặt ra ở đây là luật nội dung quy định cho ai là người sẽ phải gánh chịu rủi ro không được thanh toán.

Nếu nội luật dự kiến cho phép mỗi chủ nợ đều có quyền kiện yêu cầu thanh toán một cách riêng lẻ, thì cần phải chú ý đến quy định về các biện pháp bảo đảm bằng tài sản. Do các giao dịch bảo đảm có hiệu lực đối với người thứ ba thông qua cơ chế đăng ký, công bố công khai, nên quy định về thủ tục cưỡng chế thi hành sẽ phải phù hợp với quy định về các biện pháp bảo đảm này: vì vậy, pháp luật về thủ tục cưỡng chế thi hành hoặc sẽ phải có quy định về thứ

tự thanh toán tiền thi hành án (theo đó, chủ nợ nào có bảo đảm trên tài sản kê biên thì có thể sẽ được thanh toán), hoặc sẽ coi thứ tự thanh toán đó như một điều kiện hoặc một yếu tố cấu thành của thủ tục thi hành án.

Ngược lại, nếu pháp luật dự kiến phân chia rủi ro cho tất cả các chủ nợ cùng chịu trong trường hợp người mắc nợ mất khả năng thanh toán, thì nhà làm luật sẽ phải xem xét kỹ các phương thức xử lý nợ tập thể, cụ thể là các thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp. Trong những lĩnh vực có áp dụng thủ tục giải quyết phá sản (chủ yếu là lĩnh vực luật thương mại), các thủ tục cưỡng chế thi hành theo yêu cầu riêng lẻ của chủ nợ cần được vô hiệu hóa nếu có thể xác định rõ trên cơ sở quyền của mỗi chủ nợ. Còn trong những lĩnh vực không áp dụng thủ tục giải quyết phá sản (ví dụ như trong quan hệ dân sự thông thường), nhà làm luật sẽ phải chọn lựa giữa một bên là giải pháp mở rộng phạm vi áp dụng các thủ tục giải quyết phá sản, với bên kia là giải pháp xây dựng một mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án trên cơ sở tính đến quyền lợi của tất cả các chủ nợ: ví dụ, nhà làm luật có thể loại trừ hoặc hạn chế bớt các biện pháp kê biên cho phép một mình người kê biên đầu tiên được thanh toán, tạo nhiều khả năng cho phép những chủ nợ tuy khai báo chậm nhưng vẫn được tham gia vào các thủ tục kê biên tài sản và thanh toán tiền bán tài sản kê biên... Nhưng tất cả những quy định đó cần được quyết định trên cơ sở xem xét kỹ quy định của pháp luật về trái vụ. Bởi vì biện pháp kê biên bao giờ cũng dẫn tới việc cưỡng chế thanh toán... và đó có thể là một trở ngại nếu cho phép người mắc nợ tự nguyện thanh toán cho bất kỳ chủ nợ nào mà họ ưu tiên, hoặc quy định về thứ tự thanh toán tiền thi hành án trong các thủ tục cưỡng chế thi hành.

B. Luật tố tụng

Quá trình xây dựng khung pháp luật cho hoạt động cưỡng chế thi hành án cũng cần tính đến các yêu cầu của luật tố tụng. Có 2 phương diện cần xem xét như sau: thứ nhất, trong trường hợp các thủ tục thi hành án dân sự được đặt dưới sự giám sát của tòa án, thì pháp luật về tổ chức thi hành án thông qua con đường tòa án phải phù hợp với các quy định tố tụng thông thường. Thứ hai, trong trường hợp văn bản cần thi hành là bản án, quyết định của tòa án, thì pháp luật về cưỡng chế thi hành án cần xem xét những quy định về các phương thức kháng cáo và về hiệu lực có hay không hoãn việc thi hành của việc kháng cáo.

1. Tổ chức hoạt động cưỡng chế thi hành án thông qua tòa án

Một khi hoạt động thi hành án dân sự mang tính chất là hoạt động thông qua tòa án, thì mô hình tổ chức thi hành án cần tuân theo những nguyên tắc tố tụng cơ bản như nguyên tắc xét xử khi có mặt cả 2 bên đương sự, quy định về việc tổng đạt và thông báo văn bản, và nhất là quy định về các phương thức khiếu nại. Tuy nhiên, có thể có những điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của hoạt động thi hành án: ví dụ như theo quy định của pháp luật Pháp, xuất phát

từ yêu cầu đảm bảo tính bất ngờ nên người được thi hành án có quyền xin phép tòa án cho áp dụng một biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không cần phải khởi kiện ra tòa, miễn là nếu có khiếu kiện thì nguyên tắc xét xử có mặt cả 2 bên đương sự lại được tuân thủ. Tương tự như vậy, nguyên tắc theo đó nếu có kháng cáo thì sẽ hoãn thi hành án, cũng không được áp dụng đối với những tranh chấp liên quan đến hoạt động cưỡng chế thi hành án. Tuy việc thực hiện gặp một số khó khăn nhất định, nhưng giải pháp này có ưu điểm lớn là tránh tình trạng trì hoãn việc cưỡng chế thi hành bằng cách khiếu nại liên tục.

Tính đặc thù của mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án thông qua tòa án được thể hiện về mặt tổ chức theo quy định của pháp luật Pháp ở chỗ gần như mọi thẩm quyền về cưỡng chế thi hành án đều được tập trung vào một thẩm phán duy nhất và hoạt động chuyên trách là thẩm phán theo dõi thi hành án (sắp tới, thẩm quyền trong việc kê biên bất động sản cũng sẽ được trao cả cho thẩm phán này). Cơ chế này có một ưu điểm rất lớn là giúp đơn giản hóa thủ tục và nâng cao chất lượng của hoạt động tư pháp. Những vướng mắc và khó khăn duy nhất là ở chỗ nên mở rộng đến mức độ nào thẩm quyền của thẩm phán này đối với những tranh chấp về mặt nội dung, tức là tranh chấp liên quan chủ yếu đến các văn bản hoặc nghĩa vụ là căn cứ của việc cưỡng chế thi hành.

Những giải pháp trên của pháp luật Pháp có thể sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho các nước khác trong quá trình xây dựng pháp luật của nước mình, nhưng vẫn phải trên cơ sở phù hợp với nguyện vọng và xu hướng riêng của mỗi nước.

2. Thi hành án và các phương thức kháng cáo

Sự thận trọng khi so sánh và tham khảo kinh nghiệm của các hệ thống pháp luật khác để xây dựng mô hình tổ chức cưỡng chế thi hành án có lẽ càng trở nên cần thiết hơn trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa mong muốn xây dựng một cơ chế thi hành án nhanh chóng, với yêu cầu cơ bản là dành cho người bị kết án hoặc người phải thi hành án một số phương thức kháng cáo hữu hiệu.

Vấn đề đặt ra ở đây chính là việc phải lựa chọn giữa giải pháp công nhận cho các phương thức kháng cáo có hiệu lực trì hoãn việc cưỡng chế thi hành, và giải pháp cho vẫn thi hành ngay quyết định bị kháng cáo. Trong trường hợp thứ nhất, nếu có kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo thì sẽ không được tổ chức cưỡng chế thi hành án, chừng nào bản án, quyết định bị kháng cáo chưa trở thành bản án, quyết định chung thẩm. Trong trường hợp thứ hai thì ngược lại, việc cưỡng chế thi hành án vẫn được thực hiện ngay, nhưng sẽ vô hiệu nếu tòa án thụ lý đơn kháng cáo xem xét lại bản án, quyết định liên quan.

Trong lĩnh vực hình sự, giải pháp cho thi hành ngay dễ dàng nhường chỗ cho giải pháp kháng cáo có hiệu lực trì hoãn thi hành án, ít ra là đối với những phương thức kháng cáo thông thường. Đây chính là giải pháp đã được ghi

nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam, không chỉ đối với việc kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, mà còn đối với việc kháng nghị theo thủ tục tái thẩm. Pháp luật Pháp cũng quy định việc kháng cáo lên Tòa án tư pháp tối cao Pháp có hiệu lực hoãn thi hành án. Tuy nhiên, trong lĩnh vực dân sự, nhà lập pháp có thể tự do lựa chọn hơn và việc lựa chọn phụ thuộc đồng thời vào thứ tự các vấn đề ưu tiên của hệ thống pháp luật và vào điều kiện thực tiễn: do vậy, bản thân thủ tục cho thi hành ngay bản án, quyết định bị kháng cáo có thể rất nên áp dụng, nhưng giải pháp này cũng có thể bị coi là quá nguy hiểm và có khả năng xâm phạm đến hiệu lực của việc kháng cáo. Nói một cách nôm na thì giải pháp này cũng có thể bị coi là một phương tiện hữu hiệu làm hạn chế việc kháng cáo và do đó, giúp giảm nhẹ gánh nặng cho tòa án.

Tất nhiên, không nhất thiết phải chọn lựa một cách cứng nhắc như vậy: chúng ta có thể phân ra nhiều trường hợp tùy theo phương thức kháng cáo và chỉ tập trung vào các phương thức kháng cáo thông thường (đến cấp phúc thẩm); ngoài ra, một số bản án, quyết định có thể được công nhận hiệu lực thi hành trước khi hết thời hạn kháng cáo, vì lý do đặc biệt (ví dụ như để thi hành một cách nhanh chóng các quyết định tuyên theo thủ tục cấp thẩm hoặc thủ tục khẩn cấp tạm thời) hoặc theo quyết định riêng của tòa án, trong khi những bản án, quyết định khác vẫn phải tuân theo nguyên tắc nếu có kháng cáo thì bị hoãn thi hành (đây là quan điểm hiện nay của pháp luật Pháp và hình như cũng là định hướng của pháp luật Việt Nam). Ngược lại, nếu chấp nhận giải pháp cho thi hành ngay bản án, quyết định bị kháng cáo, thì chúng ta có thể quy định cho tòa án có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành, và ít ra là có thể quy định về các biện pháp bảo đảm việc người được thi hành án trả lại những gì đã nhận, đồng thời phải bồi thường thiệt hại, nếu sau này bản án được thi hành ngay bị xem xét lại.

Như vậy, có thể thấy rằng thi hành án là lĩnh vực trong đó mọi phương án đều có thể được xem xét. Hội thảo này chính là dịp để chúng ta trao đổi quan điểm thẳng thắn và hiệu quả về chủ đề này.

KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI PHÁP

Dominique Couturier

*Chánh án Tòa án Sơ thẩm thẩm quyền rộng Havre
Cộng hòa Pháp*

Mọi người đều biết rằng không có hệ thống pháp luật nào có thể đảm bảo được độ tin cậy nếu không có một cơ chế thi hành án hiệu quả.

Bộ luật hình sự quy định các hành vi phạm tội và các chế tài hình sự dành cho các hành vi đó. Tòa án xác định bản chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, áp dụng chế tài. Tiếp theo là công đoạn tổ chức thi hành án, dưới sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng, và cuối cùng là bản thân việc thi hành, do một thẩm phán theo dõi thi hành án phụ trách.

Pháp đã lựa chọn cơ chế cho phép thay đổi việc thi hành án trên dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, nhằm cá thể hoá và làm cho việc thi hành án phù hợp với từng trường hợp cụ thể mà vẫn không ảnh hưởng đến yêu cầu bảo đảm trật tự công và ngăn ngừa tình trạng tái phạm.

Nguyên tắc cơ bản trong thi hành án được quy định tại điều 707 của Bộ luật tố tụng hình sự như sau:

“Chế tài do toà án hình sự áp dụng phải được thi hành một cách chặt chẽ trong thời hạn sớm nhất, theo quyết định hoặc dưới sự giám sát của các cơ quan tư pháp, trừ trường hợp không thể thi hành.

Việc thi hành án phải tạo điều kiện cho người bị kết án hoà nhập hoặc tái hoà nhập cộng đồng và ngăn ngừa nguy cơ tái phạm, đồng thời đảm bảo tôn trọng lợi ích chung của xã hội và quyền của người bị hại. Nhằm mục đích đó, hình phạt có thể được điều chỉnh trong quá trình thi hành để có thể tính đến tiến bộ và thực trạng của người bị kết án. Trong trường hợp có thể, việc cá thể hoá hình phạt phải cho phép người bị kết án từng bước được trả lại tự do và tránh tình trạng trả lại tự do mà cơ quan tư pháp không có biện pháp theo dõi nào.”

Có thể chia các nguyên tắc trong thi hành án thành hai nhóm:

nhóm các nguyên tắc liên quan đến văn bản làm căn cứ thi hành án,

nhóm các nguyên tắc liên quan đến phương thức thi hành án.

Theo nguyên tắc pháp quyền, chế tài hình sự chỉ được đưa ra thi hành nếu đã được một tòa án thành lập theo quy định của pháp luật áp dụng, sau khi xem xét hồ sơ theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Theo quy định của pháp luật Pháp, một cá nhân không thể bị áp dụng chế tài có tính hình sự chỉ bằng một quyết định hành chính.

Bản án được thi hành theo yêu cầu của Viện công tố, sau khi đã có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại điều 707 Bộ luật tố tụng hình sự, thì trên nguyên tắc, các bản án hình sự không được thi hành tạm thời.

Sở dĩ như vậy vì nếu bản án được thi hành mà có kháng cáo, kháng nghị và sau đó toà án áp dụng một chế tài nhẹ hơn, lại tự do hoặc tuyên bố trắng án cho bị cáo, thì thiệt hại do việc thi hành án vội vàng gây ra sẽ không thể sửa chữa được. Do vậy, bản án không được thi hành trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tuy nhiên, pháp luật cũng quy định những trường hợp ngoại lệ khá quan trọng đối với hiệu lực tạm đình chỉ thi hành của việc kháng cáo, kháng nghị.

Ví dụ: khoản 2 điều 708 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: thời hạn kháng nghị của Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Toà án phúc thẩm (2 tháng) đối với các bản án vi cảnh và tiểu hình không có hiệu lực tạm đình chỉ đối với thi hành các chế tài đã được tuyên.

Hay trường hợp khác: Quyết định bắt giữ hoặc quyết định đưa vào trại giam của Toà án tiểu hình sơ thẩm hoặc Toà án tiểu hình phúc thẩm đối với một người bị kết án ít nhất một năm tù, có hiệu lực thi hành ngay, ngay cả khi có kháng cáo, kháng nghị (xem các điều 465 và 512, Bộ luật tố tụng hình sự).

Các trường hợp ngoại lệ ngày càng được áp dụng nhiều, đặc biệt trong các ví dụ sau:

với thẩm phán xét xử người phạm tội chưa thành niên (điều 22, Pháp lệnh ngày 2-11-1945),

với việc thu hoặc huỷ giấy phép lái xe (điều L.224-13, Bộ luật giao thông đường bộ),

đối với việc buộc chấm dứt quảng cáo lừa dối (điều L.121-3 Bộ luật tiêu dùng),

đối với việc thực hiện án treo có thời gian thử thách (điều 132-41 Bộ luật hình sự).

Mặc dù việc thi hành ngay hay thi hành trong thời hạn sớm nhất là cần thiết, nhằm làm gương cho người khác, nhưng thực tế có thể không như vậy, việc thi hành hình phạt có thể được hoãn hoặc thay đổi. Tóm lại, chế tài do toà án tuyên không phải lúc nào cũng là chế tài được thi hành trên thực tế. Đó chính là khái niệm "xói mòn hình phạt".

Trong phần tiếp theo, tôi xin trình bày về những vấn đề sau:

Chấm dứt hình phạt mà không xoá tội (hết thời hiệu, đặc xá),

Chấm dứt hình phạt do xoá tội (đại xá),

Thay đổi chế tài theo thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự.

I. Chấm dứt hình phạt mà không xoá án tích (hết thời hiệu, đặc xá)

1. Thời hiệu

Tương tự như thời hiệu trong việc thực hiện quyền công tố (nghĩa là nếu hết thời hiệu thì không được truy tố người đã có hành vi phạm tội), pháp luật Pháp cũng thừa nhận thời hiệu trong việc thi hành án, nghĩa là nếu bản án không được thi hành sau một thời hạn nhất định kể từ ngày được toà án ban hành thì sẽ không được thi hành nữa.

Vấn đề này được quy định tại các điều từ 133-2 đến 133-6 của Bộ luật hình sự.

Hai nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở thực tế cho thấy rằng sau một khoảng thời gian nhất định, các hình phạt cũng như các hành vi phạm tội đều bị rơi vào quên lãng. Việc trấn áp chỉ có hiệu quả nếu nó được thực hiện một cách nhanh chóng, trên cơ sở nguyên tắc theo đó thì không trừng phạt gì còn hơn là trừng phạt quá muộn.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng nguyên tắc này có lợi cho những người xáo quyết và thường là nguy hiểm, là người biết cách làm cho công tác điều tra dù đôi khi được tổ chức rất tốt nhưng cũng phải thất bại.

Nguyên tắc này còn được áp dụng đối với cả các chế tài và biện pháp bảo đảm thi hành án bằng giam giữ, đối với biện pháp phạt tiền.

Được xây dựng trên cơ sở sự quên lãng, nên thời hạn tính thời hiệu thay đổi tùy theo tính chất hình phạt được tuyên, và được tính bắt đầu từ ngày hình phạt được coi là có hiệu lực cuối cùng. Cụ thể, thời hạn này là 20 năm đối với trọng tội, 5 năm đối với khinh tội và 3 năm đối với các tội vi cảnh (các điều 133-2, 133-3 và 133-4 của Bộ luật hình sự).

Tuy nhiên, đối với các hành vi khủng bố và buôn bán ma túy, thời hạn tính thời hiệu rất dài, là 30 năm và 20 năm tương ứng với hai loại hành vi trên (các điều 706-25-1 và 706-31, Bộ luật tố tụng hình sự).

Hình phạt đối với các tội chống lại loài người thì không được áp dụng thời hiệu (điều 213-5, Bộ luật hình sự).

Hết thời hiệu thi hành hình phạt đồng nghĩa với việc không phải thi hành hình phạt, nhưng hình phạt đó vẫn được ghi trong lý lịch tư pháp.

2. Đặc xá theo quyết định của Tổng thống

Đây là biện pháp khoan hồng do người đứng đầu Nhà nước, tức Tổng thống quyết định, theo đó, người bị kết án được miễn chấp hành một phần hay toàn bộ bản án, hoặc theo đó, một chế tài nhẹ hơn sẽ được áp dụng thay thế cho hình phạt lẽ ra đã có hiệu lực thi hành được tuyên trước đó.

Quyền hạn này bị nhiều người chỉ trích vì nó được thực hiện trong khi đã có những quy định khác trong pháp luật hình sự cho phép điều chỉnh mức độ nghiêm khắc của hình phạt, khi cần thiết, hoặc để sửa chữa sai lầm của cơ quan tư pháp. Cơ chế này bổ sung cho các quy định khác và đôi khi cho phép đi trước, ví dụ trong trường hợp Tổng thống cho đặc xá trước khi tái thẩm một vụ án do nghi ngờ là đã có nhầm lẫn từ phía cơ quan tư pháp.

Quyền hạn này không mới mà thực ra đã có từ thời phong kiến, trước Cách mạng tư sản Pháp. Ngày nay, nó được quy định tại điều 17 của Hiến pháp ngày 4-10-1958.

Điều 133-7 Bộ luật hình sự quy định rằng quyết định đặc xá chỉ có hiệu lực cho miễn chấp hành hình phạt.

Điều tiếp theo quy định thêm: quyết định đặc xá không ngăn cản quyền của người bị hại yêu cầu được bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Mọi hình phạt có tính chế tài hình sự đều có thể được đặc xá: chế tài phạt tù, chế tài phạt tiền, tước quyền.

Người có quyền đặc xá được tùy ý quyết định việc đặc xá: Tổng thống có quyền tự mình quyết định việc có đặc xá hay không.

Bản án vẫn tồn tại và được ghi vào trong lý lịch tư pháp và là căn cứ để xác định hành vi tái phạm hoặc xác định điều kiện hưởng án treo, nếu có.

Người bị hại vẫn có quyền đòi bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Có nhiều trường hợp xin đặc xá, nhưng số người được đặc xá rất ít (chưa đến 1%).

Bên cạnh quyết định đặc xá cá biệt, còn có quyết định đặc xá tập thể, được đưa ra nhân những sự kiện đặc biệt hoặc vào ngày lễ lớn (bầu cử tổng thống, ngày quốc khánh) và dành cho một số đông phạm nhân mà không tính đến tình trạng riêng của từng người.

Mặc dù thường xuyên vẫn có người chỉ trích, nhưng quyết định đặc xá vẫn được ban hành hàng năm, nhân ngày Quốc khánh 14-7 và được coi như một biện pháp chống lại sự quá tải của các trại giam.

Ví dụ, quyết định đặc xá tập thể ngày 12-7-2005 đã dẫn đến việc trả lại tự do cho khoảng 3.000 phạm nhân (so với con số 5.300 trong năm 2004) trên tổng số 60.000 người đang bị giam giữ tại các trại giam vào tháng 7 năm 2005.

Theo quyết định này, những người bị kết án đang bị giam giữ vào ngày 15-7-2005 được giảm án 15 ngày nếu như thời gian thụ án còn lại không quá 1 tháng, hoặc giảm 15 ngày mỗi tháng, đối với những người còn lại, nhưng tổng thời gian giảm không được vượt quá 4 tháng.

Người bị kết án tù mà chưa vào tù thụ án thì được giảm thời gian phạt tù 1 tháng (so với 2 tháng, theo quyết định đặc xá năm 2004). Quyết định đặc xá

này không áp dụng đối với phạm nhân tái phạm theo quy định của pháp luật, và đối với những người đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Các quyết định đặc xá liên tục như thế này có bất cập là chúng cho phép giảm án mà không tính đến thái độ cải tạo cũng như nỗ lực hoà nhập cộng đồng của mỗi phạm nhân. Do đó, những người bị kết án với thời hạn giam giữ ngắn thường hay lợi dụng chính sách này và từ chối mọi biện pháp điều chỉnh hình phạt.

Một nghiên cứu được thực hiện trong năm 2002 đã cho thấy, trên tổng số phạm nhân được điều tra, phần hình phạt tù được thi hành là 69%, trong khi đó 27% không được thi hành nhờ vào các quyết định giảm án, đặc xá và đại xá.

II. Chấm dứt hình phạt do xoá tội: Đại xá

Khái niệm đại xá (amnistie, xuất phát từ *amnestia* trong tiếng Hy Lạp) nghĩa là quên, hay tha thứ. Một hành vi được đại xá thì được coi như chưa bao giờ được thực hiện, căn cứ vào tính chất của hành vi đó mà nhà làm luật không coi là hành vi phạm tội nữa. Từ năm 1947 đến nay, đã có 29 luật đại xá được thông qua ở Pháp.

Xét về mục đích, đại xá trước đây là một biện pháp xoa dịu, được đưa ra cho những tội phạm chính trị, sau khi có những đảo lộn về chính trị, khi sự hỗn loạn đã được dẹp yên. Ngày nay, đại xá ngày càng được áp dụng thường xuyên với thường phạm, và cũng được xử dụng như một biện pháp nhằm giảm tải các trại giam, giống như biện pháp đặc xá.

Tuy vậy, đại xá vẫn chỉ là biện pháp được áp dụng tùy theo tình huống và đáp ứng những vấn đề có tính thời cuộc, và đôi khi liên quan đến những vấn đề thời sự...

Mục đích cơ bản của biện pháp này là nhằm làm giảm tình trạng căng thẳng tập thể và hoà giải với công dân: đó chính là mục đích của các luật đại xá đã được Nghị viện thông qua liên quan đến những sự kiện xảy ra sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2, sau sự kiện gọi là "nổi loạn" ở Algérie, ở Nouvelle Calédonie, ở Antilles và ở Đảo Corse; và cả luật đại xá năm 1988 về các hành vi phạm tội liên quan đến việc sử dụng tài chính trong hoạt động chính trị.

Trong thời gian đầu, đại xá có thể được áp dụng cả với những hành vi đã xảy ra trước đó một thời gian, ví dụ vào thời điểm bầu cử tổng thống. Ngoài ra, đại xá cũng được áp dụng đối với các tội ít nghiêm trọng, có chế tài chỉ là phạt tiền.

Việc đại xá cũng có thể được quyết định căn cứ vào khối lượng hoặc tính chất của hình phạt mà không tính đến tính chất của tội phạm. Trong trường hợp này, đại xá thực sự tạo điều kiện cho việc cá thể hóa hình phạt, bởi vì tòa án sẽ hoàn toàn có quyền căn cứ vào hoàn cảnh phạm tội và nhân thân của người phạm tội để quyết định mức hình phạt thấp hơn mức quy định trong luật, đồng thời dành cho người phạm tội cơ hội được hưởng đại xá, hoặc quyết

định mức hình phạt cao hơn mức quy định trong luật, qua đó tước cơ hội hưởng đại xá của người phạm tội.

Trong những trường hợp như vậy thì ngày ra bản án không còn có ý nghĩa quan trọng, bởi vì cái cần phải xem xét là thời điểm thực hiện hành vi bị truy tố để xác định xem hành vi đó xảy ra trước hay sau thời điểm quy định trong luật đại xá.

Trong một thời gian dài, luật đại xá chỉ áp dụng đối với những hình phạt có mức độ áp dụng không cao: phạt tiền, phạt tù dưới 3 tháng, phạt tù dưới ba năm cho hưởng án treo kèm theo điều kiện thử thách, phạt tù từ 1 năm trở xuống nhưng cho hưởng án treo thông thường.

Luật đại xá ngày 4 tháng 8 năm 1981 đã nâng cao đáng kể mức độ áp dụng và mở rộng phạm vi áp dụng đối với những hình phạt tù có giam giữ hoặc phạt tù cho hưởng án treo có thử thách từ 6 tháng trở xuống. Đối với hình phạt tù giam hoặc phạt tù cho hưởng án treo thông thường, ngưỡng thời gian đã được nâng lên 15 tháng.

Kể từ đó trở về sau, các đạo luật đại xá có phần chặt chẽ hơn vì đã áp dụng trở lại những mức giới hạn cũ. Nhưng qua tính toán cho thấy việc đại xá theo số lượng đã cho phép xóa bỏ khoảng 90% các án tiểu hình trong khoảng thời gian từ 1960 đến 1990.

Việc đại xá sẽ xóa bỏ tính chất tội phạm của những hành vi quy định trong luật đại xá, và chúng phải được coi như chưa từng tồn tại với tính chất là một tội phạm.

Điều 133 - 9 Bộ luật hình sự quy định: "việc đại xá xóa bỏ những hình phạt đã tuyên trước đó. Đại xá không dẫn tới khả năng bồi hoàn, nhưng kéo theo việc từ bỏ tất cả các hình phạt đã tuyên."

Như vậy, ngay sau khi luật đại xá được ban hành và kể từ ngày luật đó có hiệu lực, những phạm nhân nằm trong diện đại xá phải được trả tự do ngay lập tức, cho dù họ đã bị kết án hay đang trong thời gian tạm giam, trừ trường hợp họ bị giam giữ vì một lý do khác.

Việc kết án sẽ được xóa bỏ khỏi lý lịch tư pháp. Điều 113-1 Bộ luật hình sự nghiêm cấm việc nhắc lại sự tồn tại của sự kết án đó, hoặc ghi sự kết án đó trong bất kỳ giấy tờ, tài liệu nào.

III. Thay đổi chế tài: thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự

Là một lĩnh vực thường ít được biết đến rộng rãi, việc áp dụng các hình phạt tù rất hay gây ra những phản ứng mạnh mẽ. Người ta thường không hiểu được vì sao một phạm nhân được giảm hình phạt hoặc được trả tự do có điều kiện lại có thể ra tù mặc dù chưa thi hành hết trong trại giam toàn bộ hình phạt do tòa án tuyên. Đối với một số người thì thực tế đó dường như hoàn toàn trái lô gích và không hợp tình. Có không ít ý kiến cho rằng nếu làm như

vậy thì hình phạt tù không còn có ý nghĩa gì nữa, hiệu lực và tính nghiêm minh của bản án và của pháp luật không được đảm bảo. Thậm chí còn có ý kiến cho rằng cách làm đó đã hình thành một cấp xét xử thứ ba không được pháp luật quy định.

Những người theo quan điểm đó thấy rằng hình phạt đã mất tác dụng, và theo họ thì thủ phạm của tình trạng này chính là: thẩm phán theo dõi việc thi hành án hình sự (có người còn gọi là thẩm phán theo dõi việc không thi hành án hình sự).

Chế định thẩm phán này không phải là một chế định mới, mà đã được quy định trong một pháp lệnh ban hành ngày 23 tháng 12 năm 1958. Vào thời điểm đó, vai trò của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự chỉ giới hạn ở một số quyền hạn liên quan đến phạm nhân mà trước đó vốn được trao cho Tỉnh trưởng (cho phép ra khỏi nhà tù, bán tự do).

Cho đến tận năm 1970, các cuộc cải cách liên quan đến chế định này chủ yếu nhằm tăng cường thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự. Tuy nhiên, phải đợi đến khi các đạo luật ngày 15/06/2000 và ngày 9/03/2004 được ban hành thì thẩm phán theo dõi việc thi hành án hình sự mới được thực hiện thủ tục xét xử có tranh luận, được ra quyết định có căn cứ và mới tồn tại khả năng kháng cáo đối với các quyết định của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự.

Luật ngày 12/12/2005 (về xử lý các hành vi tái phạm tội) đã hoàn thiện thêm cơ chế trước đó, bằng cách bổ sung thêm một số biện pháp, chủ yếu nhằm quản lý tốt hơn người phạm tội bị kết án tù thời gian dài sau khi họ chấp hành xong hình phạt (giám sát tư pháp, chịu sự theo dõi điện tử di động).

Điều D 49-27 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: thẩm phán theo dõi việc thi hành án hình sự được quyền "xác định phương thức chấp hành hình phạt giam giữ và một số hình phạt hạn chế quyền tự do, bằng cách định hướng hoặc kiểm soát các điều kiện chấp hành những hình phạt đó".

Là một chế định quan trọng trong lĩnh vực thi hành án hình sự, thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự được giúp việc bởi một lực sự và có vai trò trọng tâm trong cơ chế cá biệt hóa hình phạt. Trong vòng vài năm, cơ chế pháp lý đó đã thay đổi từ những thủ tục nửa hành chính (sau khi tham khảo ý kiến của một ủy ban hoặc một ban) sang thủ tục nửa tư pháp kèm theo việc giới hạn các trường hợp kháng cáo, và cuối cùng là thủ tục tài phán trong đó người bị kết án được công nhận một số quyền (quyền đưa ra yêu cầu, quyền có luật sư, quyền kháng cáo quyết định của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự).

Trong khuôn khổ bài phát biểu này, chúng tôi không thể liệt kê toàn bộ những quyền hạn của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự, vốn vừa được trao thẩm quyền điều tra lẫn thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế (ra lệnh dẫn giải, bắt giữ, tạm giam).

Tôi chỉ xin nêu một số biện pháp mà thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể được áp dụng nhằm cá biệt hóa chế tài:

quyết định giảm hình phạt,

cho phép ra khỏi trại giam, có hoặc không có người dẫn giải,

quyết định tạm đình chỉ thi hành hình phạt hoặc chia hình phạt thành nhiều phần để thi hành ,

quyết định áp dụng chế độ bán tự do,

quyết định đưa phạm nhân ra khỏi trại giam,

quyết định thả tự do có điều kiện,

quyết định áp dụng biện pháp theo dõi điện tử,

quyết định phương thức điều chỉnh hình phạt, với tổng mức điều chỉnh không quá 1 năm,

chuyển từ hình phạt giam giữ sang phạt tù cho hưởng án treo, kèm theo nghĩa vụ phải thực hiện một công việc công ích hoặc trả một khoản tiền phạt, đối với những hình phạt thấp hơn hoặc bằng 6 tháng tù giam (Điều 723-15 đến 723-9, D 147-6 đến D 147-9 Bộ luật tố tụng hình sự),

Kết hợp với các cơ quan hữu quan để theo dõi việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo kèm theo thử thách và hình phạt buộc phải làm một công việc công ích.

Bên cạnh thẩm phán theo dõi việc thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định độc lập, cần phải lưu ý rằng cho đến thời điểm tháng 6 năm 2000, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền quyết định cho hoặc từ chối cho thả tự do có điều kiện đối với những phạm nhân đang chấp hành hình phạt có thời gian dài. Bên cạnh mỗi tòa phúc thẩm đã thành lập một hội đồng thẩm phán cấp vùng phụ trách việc thi hành án hình sự (và kể từ ngày 9 tháng 3 năm 2004 đổi tên thành phân tòa sơ thẩm phụ trách việc chấp hành hình phạt) với thành phần gồm ba thẩm phán theo dõi thi hành hình phạt, có thẩm quyền trong toàn bộ phạm vi quản hạt của Tòa án phúc thẩm, trừ một số khu vực địa lý đặc biệt.

Hội đồng thẩm phán cấp vùng có thẩm quyền:

quyết định thả tự do có điều kiện đối với những người bị kết án trên 10 năm tù và thời gian phạt tù còn lại trên 3 năm,

tạm đình chỉ việc chấp hành hình phạt đối với những đối tượng nêu trên trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo,

quyết định chấm dứt thời hạn bảo đảm,

Theo dõi về mặt xã hội - tư pháp hoặc giám sát tư pháp đối với những đối tượng nguy hiểm.

Cơ cấu tổ chức trên đây đã được hoàn thiện thêm một bước khi ban hành đạo luật ngày 9 tháng 3 năm 2004. Luật này đã thành lập tại mỗi Tòa phúc thẩm một phân tòa phụ trách việc chấp hành hình phạt có thẩm quyền giải quyết kháng cáo đối với các quyết định của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự hoặc của phân tòa sơ thẩm phụ trách việc chấp hành hình phạt.

Trên đây là những nội dung tóm lược về những giải pháp được đưa ra nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành quyết định của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự. Một điều cần khẳng định là việc cá thể hóa hình phạt không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của bản án, bởi vì hình phạt vẫn tiếp tục tồn tại và phát huy những tác động và hệ quả pháp lý liên quan đến thời gian kéo dài của hình phạt, cho dù phương thức thi hành hình phạt đó có như thế nào đi chăng nữa. Chẳng hạn, phương thức thi hành không làm ảnh hưởng đến việc tính thời gian chấp hành hình phạt để hưởng ân xá, đến các quy định về xóa án tích hoặc về xác định tình trạng tái phạm.

Thật vậy, bản án ấn định cho tương lai một khoảng thời gian phạt tù mà khoảng thời gian đó không bao giờ được vượt quá. Bản án cũng ấn định một khuôn khổ chung mà trong đó nhiều biện pháp cá biệt hóa hình phạt có thể được áp dụng, kể cả những biện pháp có thể dẫn tới chỗ giảm thời gian chấp hành hình phạt.

Như vậy, có thể nói rằng những thẩm phán đã ra tuyên hình phạt không có gì phải lo ngại rằng quyết định của họ sẽ bị làm sai lệch hoặc mất hiệu lực ở giai đoạn thi hành. Cũng cần nhấn mạnh rằng một số thẩm phán tuy không trực tiếp nói ra, nhưng vẫn thường trù liệu trước đến những biện pháp có thể làm giảm thời gian giam giữ. Hiện nay, trong các phiên họp của các Tòa án đại hình, trước khi bắt đầu phiên xét xử, hội thẩm nhân dân được thông tin chung về các phương thức thi hành án hình sự, tức là được thông tin về số phận của các quyết định của họ trong tương lai.

IV. Kết luận

Những người phản đối mô hình cá thể hóa hình phạt nhấn mạnh đến tính chất khoan dung của mô hình này, và cho rằng việc cho phạm nhân được hưởng biện pháp bồi thường sẽ làm giảm tính chất răn đe của hình phạt.

Tuy nhiên, nếu nhìn sự việc một cách khách quan hơn, chúng ta có thể thấy rằng đây không phải là những biện pháp được áp dụng một cách vô điều kiện, mà thực tế, là những biện pháp có điều kiện và có thể được điều chỉnh nếu các điều kiện quy định không được đáp ứng.

Do vậy, giảm mức hình phạt sẽ là biện pháp khuyến khích phạm nhân cải tạo tốt, đồng thời là biện pháp cần thiết để đảm bảo hiệu quả hoạt động của cơ sở giam giữ và cuộc sống trong tù của phạm nhân.

Hình thức giam giữ bán thời gian buộc phạm nhân phải làm việc khi không bị giam trong trại; điều này còn khó hơn rất nhiều việc phải ngồi cả ngày trong

tù, như trường hợp một số tù nhân do không có đủ công ăn việc làm nên buộc phải chấp nhận bị giam giữ cả ngày trong trại giam.

Giấy phép trích xuất đòi hỏi phạm nhân phải cam kết quay trở lại cơ sở giam giữ theo đúng thời hạn quy định, nếu không sẽ phải chịu hình phạt mới. Cần lưu ý rằng trong năm 2004, chúng tôi đã cấp 35.589 giấy phép trích xuất, trong đó tỷ lệ phạm nhân không quay trở lại cơ sở giam giữ chiếm 0,8%, tương đương với tỷ lệ năm 2003.

Biện pháp trả tự do có điều kiện phải đi kèm với biện pháp kiểm tra, giám sát và có thể quy định thêm một số nghĩa vụ hoặc một số quy định cấm khác. Các quy định này chặt chẽ đến mức một số người thậm chí còn muốn chấp hành nốt hình phạt thay vì yêu cầu được hưởng tự do có điều kiện.

Cuối cùng, hiệu quả của mô hình tổ chức mới đã cho phép mô hình này vượt qua được sự phản đối của dư luận vốn chỉ dựa trên các mặt hạn chế và rủi ro của mô hình.

Mỗi hình phạt phải được theo dõi và quản lý; thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự cần phải đảm bảo việc theo dõi và quản lý hình phạt bằng các biện pháp hợp lý, được đưa ra và triển khai áp dụng một cách sáng suốt. Nhìn chung, các kết quả thu được rất khả quan, kể cả đối với phạm nhân và người bị hại, gia đình của họ, quản giáo và toàn xã hội.

Các biện pháp mà tôi vừa trình bày với các quý vị không làm ảnh hưởng đến chính sách hình sự mà góp phần làm cho các chính sách đó được thực hiện tốt hơn. Việc áp dụng các biện pháp này xuất phát từ lợi ích xã hội nhằm đảm bảo cho người bị kết án hình sự được trả tự do trong các điều kiện và thời hạn hợp lý nhất, mà không có ý thức bất mãn, không trở thành gánh nặng cho bất kỳ ai và có đầy đủ cơ hội để hoàn thiện bản thân.

Trên đây tôi đã trình bày những vấn đề cơ bản liên quan đến tình trạng "xói mòn" hình phạt tù. Hiện tượng này không được tách biệt và liên quan đến cả hình phạt tiền. Nhiều quy định mới đã được thông qua trong Luật ngày 9-3-2004 và đã được pháp điển hoá trong Bộ luật tố tụng hình sự tại hai điều mới (707-2 và 707-3). Theo quy định tại Luật này, người bị phạt tiền mà thanh toán đầy đủ tiền phạt trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày ban hành bản án, thì được giảm 20% tiền phạt, nhưng tổng số tiền giảm không được quá 1.500 €.

Như vậy, chính sách hình sự Pháp không phải là không thể thay đổi.

NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN TRONG THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG HÒA PHÁP

Alain Guillou

*Công tố viên cao cấp
Tòa án phúc thẩm Rouen
Cộng hòa Pháp*

DẪN ĐỀ

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam Ông Chu Lưu trong chuyến thăm vừa qua tại Tòa án phúc thẩm Rouen, Cộng hòa Pháp, đã có một so sánh rất thú vị: "thi hành án là tấm gương phản ánh độ tin cậy của ngành tư pháp".

Như vậy, hoạt động thi hành án có vai trò rất to lớn và thi hành án hình sự được coi là một trụ cột chính trong chính sách tư pháp của mỗi quốc gia.

Việc không thi hành hoặc chậm thi hành án hình sự sẽ làm phương hại đến quyền lực của Nhà nước và khiến cho mọi nỗ lực của các lực lượng công an và tòa án nhằm bắt giữ, truy tố, xét xử người phạm tội đều trở nên vô nghĩa.

Xét ở góc độ tư pháp, ý chí này phải được thể hiện không chỉ ở việc cho thi hành bản án, quyết định hình sự đã tuyên, mà còn ở việc theo dõi sát sao toàn bộ quá trình thi hành án. Nhiệm vụ theo dõi, giám sát này là của lãnh đạo các tòa án, họ cũng là người chịu trách nhiệm về việc thực hiện giai đoạn quan trọng này trong vụ án hình sự.

Vừa rồi, ông COUTURIER đã dẫn ra Điều 707 của Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp. Về phần tôi, tôi chỉ trích dẫn những quy định của pháp luật Pháp theo đó, thi hành án hình sự cần được tiến hành một cách nhanh chóng và hiệu quả, nhưng không được quên một trong những mục đích cơ bản của hình phạt, đó là tái hòa nhập xã hội đối với người bị kết án và phòng ngừa tái phạm.

Các vấn đề đặt ra cần giải quyết có mức độ phức tạp khác nhau tùy thuộc vào loại hình phạt cần chấp hành (ví dụ: hình phạt tước quyền tự do hay hình phạt tiền?) hoặc tùy vào tính chất của bản án, quyết định hình sự (bản án tuyên hình phạt có phải là bản án chung thẩm hay không?)

Tương tự như vậy, phương thức xử lý tội phạm và tốc độ nhanh hay chậm của hoạt động điều tra, truy tố và xét xử trong hình sự cũng ảnh hưởng đáng kể đến tốc độ nhanh hay chậm của việc thi hành án, suy cho cùng thì ảnh hưởng đến hiệu quả trực tiếp của hoạt động thi hành án.

Trong hệ thống pháp luật của Cộng hòa Pháp ngày nay, Viện Công tố vẫn là cơ quan chủ chốt trong lĩnh vực thi hành án hình sự, nhưng thời gian gần đây,

vai trò của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự và Tòa án theo dõi thi hành án hình sự được tăng cường, cho nên một phần thẩm quyền của Viện Công tố đã được trao cho các đối tác này.

Tuy nhiên, hiện nay, Viện Công tố vẫn là cơ quan theo dõi và thúc đẩy hoạt động hành án một cách toàn diện, đồng thời cũng trên cơ sở cá thể hóa.

I. Các nguyên tắc trong thi hành án hình sự

Quyết định hình phạt là bước kết thúc của mọi quá trình tố tụng hình sự. Quá trình này đôi khi kéo dài, từ phát hiện tội phạm và điều tra đến quyết định truy tố và xét xử.

Năm 2004, các tòa án hình sự ở Pháp đã tuyên khoảng 1.237.000 bản án hình sự, trong đó bao gồm:

- 3000 án về trọng tội;
- 486.000 án về khinh tội;
- 570.000 án về tội vi cảnh.

Các cơ quan cảnh sát và hiến binh đã lập biên bản 5.500.000 vụ vi phạm pháp luật hình sự:

3.500.000 vụ bị tạm đình chỉ bởi không thể tiến hành khởi tố (không xác định được người thực hiện tội phạm, không xác định được các yếu tố cấu thành tội phạm...);

- 1.500.000 biên bản liên quan đến những vụ việc có khả năng truy tố, trong đó đã tiến hành khởi tố 700.000 vụ, 389.000 vụ đã áp dụng các biện pháp thay thế truy tố hình sự (nhắc nhở, các biện pháp bồi thường, hòa giải...) và 366.000 trường hợp bị đình chỉ vụ án.

Như đã nói ở trên, các nguyên tắc cơ bản trong thi hành án hình sự được quy định tại điều 707 Bộ luật Tố tụng hình sự, bao gồm:

- nguyên tắc thi hành nhanh chóng,
- nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của thi hành án,
- chuẩn bị cho người bị kết án tái hòa nhập xã hội.

Việc tuyên án và quá trình thi hành án được thực hiện trên cơ sở cá thể hóa hình phạt. Đó có thể là các hình phạt sau:

- Các hình phạt tước quyền tự do: hình phạt tù với nhiều hình thức khác nhau, kiểm soát bằng hệ thống điện tử;
- Các hình phạt hạn chế quyền tự do:

bằng cách quy định các nghĩa vụ mà người bị kết án buộc phải thực hiện: án treo kèm theo thử thách, án treo kèm theo nghĩa vụ lao động công ích;

bằng cách hạn chế một số quyền của người bị kết án: đình chỉ sử dụng giấy phép lái xe, giấy phép săn bắn...

➤ Hình phạt bằng tiền: phạt tiền hoặc tịch thu tài sản.

Tóm lại, quá trình thi hành án hình sự có thể được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn cho thi hành án và giai đoạn tổ chức thi hành án.

A. Cho thi hành án hình sự

Việc tổ chức thi hành án hình sự do các cơ quan hành chính (cơ quan quản lý trại giam, Kho bạc Nhà nước...) thực hiện theo quyết định và dưới sự giám sát của cơ quan tư pháp, cụ thể là của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án các cấp.

Tại Pháp, mặc dù Viện Công tố được tổ chức theo ngành dọc có trật tự thứ bậc, nhưng Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án các cấp là những thẩm phán:

Thành viên của tòa án nơi họ là đồng quản lý (cùng với chánh án) và tham gia các phiên xét xử;

Thúc đẩy hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, thông qua vai trò chỉ đạo hoạt động của lực lượng cảnh sát tư pháp;

Quyết định phương hướng giải quyết đối với các vụ việc và giám sát việc thực thi pháp luật của tòa án;

Như vậy, viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án các cấp thực hiện mọi hành vi tố tụng thuộc thẩm quyền: đưa ra quyết định về phương hướng giải quyết các vụ việc, định hướng giữa việc đình chỉ vụ án, truy tố hoặc các biện pháp thay thế truy tố, viết cáo trạng và đọc cáo trạng trước tòa án, kháng nghị phúc thẩm hoặc kháng nghị lên Tòa án Tư pháp tối cao trong trường hợp cần thiết...

Liên quan đến thi hành hình phạt, Viện Công tố là cơ quan có vai trò hàng đầu trong việc thúc đẩy thi hành án và có quyền giám sát lớn nhất:

Viện Công tố giữ vai trò giám sát cuối cùng về tính hợp pháp của các quyết định;

Viện Công tố phải bảo đảm bản án hình sự được thi hành đúng lúc, mặc dù điều này hiếm khi xảy ra trên thực tế; Viện Công tố không được cho thi hành hình phạt đã tuyên nếu việc thi hành có thể ảnh hưởng đến trật tự công cộng, hoặc nếu hình phạt được tuyên một cách bất hợp pháp, hoặc nếu việc tổ chức thi hành hình phạt có thể không được thực hiện một cách công bằng;

Viện Công tố phải thực hiện những công việc chuẩn bị cần thiết cho việc thi hành án hình sự: cụ thể, các bộ phận giúp việc cho Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án các cấp phải gửi trích lục bản án cho một số cơ quan khác để tổ chức thi hành án trên thực tế:

Cơ quan cảnh sát (để bắt và áp giải người phạm tội về nơi giam giữ, thu giữ các giấy tờ chứng nhận quyền của người bị kết án, ví dụ như giấy phép lái xe);

Cơ quan quản lý lý lịch tư pháp (để ghi bổ sung nội dung bản án vào cơ sở dữ liệu trung tâm...);

Kho bạc Nhà nước (để thu tiền phạt).

Tất nhiên, các cơ quan nói trên cũng phải có căn cứ để chắc chắn rằng bản án hình sự được cho thi hành. Các cơ quan này cũng có thể tiến hành điều tra hoặc có những tác động cần thiết.

Trong quá trình thi hành án hình sự, Viện Công tố có trách nhiệm giám sát tổng thể và có quyền đưa ra yêu cầu đối với Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự.

Cuối cùng, hàng năm, Viện Công tố có trách nhiệm báo cáo trước Chính phủ về tình hình thi hành án hình sự trong phạm vi quản hạt của mình.

B. Tổ chức thi hành án hình sự

Hiện nay, quá trình thi hành án hình sự có xu hướng được "tòa án hóa" với việc tăng cường thẩm quyền của Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự (chế độ 1 thẩm phán duy nhất) và việc thành lập Tòa án theo dõi thi hành án hình sự (chế độ xét xử tập thể) đối với những hình phạt nặng nhất.

Với sự tham gia tích cực của Viện Công tố, cả hai loại cơ quan tài phán này đều có quyền:

theo dõi việc chấp hành hình phạt tù hoặc việc tuân thủ một số nghĩa vụ của người bị kết án,

điều chỉnh phương thức thi hành hình phạt,

chuẩn bị cho việc ra tù của phạm nhân.

II. Các phương thức thi hành án

A. Thủ tục cho thi hành án

Các phương thức cho thi hành án hình sự rất đa dạng, tùy thuộc vào tính chất của bản án hình sự, tình hình của người bị kết án và hình phạt được tuyên.

Thủ tục thi hành án phạt tù ngay khi xuất trình trích lục bản án hình sự được thực hiện theo quy định tại nhiều điều khoản khác nhau của Bộ luật Tố tụng hình sự (Điều 723.15 và các điều tiếp theo, D49, D78, D230, C 243...).

Các thủ tục thi hành án phạt tiền và các khoản án nghĩa vụ trả tiền khác cần thu nộp Kho bạc Nhà nước, được thực hiện theo quy định tại Nghị định ngày 22/12/1964.

1. Thông báo bản án và các giấy tờ thi hành án

Trên cơ sở bản gốc (bản chính) của bản án hình sự, lục sự tiến hành lập các giấy tờ sau đây:

- a) **Bản sao có hiệu lực thi hành**: là bản sao toàn văn của bản án, trên đó có dấu "để thi hành". Bản sao này được sử dụng khi cần tổng đạt.
- b) **Bản sao y bản chính**: là bản sao toàn văn của bản án, trên đó không có dấu "để thi hành", nhưng được lục sự xác nhận là sao y bản chính. Bản sao thuộc loại này có thể dùng để thi hành một số loại hình phạt nhất định. Ví dụ, trong trường hợp Tòa án quyết định hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách hoặc kèm theo nghĩa vụ lao động công ích, lục sự sẽ chuyển một bản sao y bản chính quyết định hình sự cho Viện Công tố để Viện Công tố căn cứ vào đó, yêu cầu thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự đảm nhiệm việc quản lý người bị kết án.
- c) **Trích lục bản án, quyết định hình sự**: Trích lục bản án, quyết định hình sự do lục sự lập và ký, sau đó sẽ được Viện Công tố kiểm tra và xác nhận. Trích lục một bản án, quyết định hình sự bao gồm những nội dung cơ bản của bản án, quyết định đó.

Tùy theo loại hình phạt cần thi hành, lục sự có thể cấp:

- * trích lục nhằm thi hành án phạt tù (trích lục "phạt tù"): văn bản này có giá trị như lệnh giam giữ, cho phép cơ quan có thẩm quyền đưa người bị kết án vào trong tù. Ngay sau khi người bị kết án được đưa vào trại giam, văn bản trích lục này sẽ được lưu giữ tại phòng lục sự của trại giam đó;
- * trích lục "tài chính": là trích lục được cấp cho cơ quan quản lý Kho bạc Nhà nước nhằm thi hành các khoản án nghĩa vụ trả tiền (hình phạt tiền, chi phí tố tụng) theo quy định tại bản án, quyết định hình sự;
- * trích lục liên quan đến một số hình phạt bổ sung cũng như một số hình phạt thay thế.

Ví dụ:

trích lục liên quan đến hình phạt cấm hoặc hạn chế quyền lái xe,
trích lục liên quan đến hình phạt cấm phát hành séc,
trích lục nhằm niêm yết quyết định hình sự, hoặc để đăng trên báo chí.

d) **phiếu kỹ thuật và bản sao phiếu kỹ thuật nhằm mục đích công bố công khai hình phạt đã tuyên**

- * Chỉ những phiếu cần đưa vào lý lịch tư pháp mới đòi hỏi phải có sự xác nhận của thẩm phán công tố.
- * Từ năm 1986, các phiếu dùng để trao đổi thông tin với nước ngoài do Cơ quan quản lý lý lịch tư pháp quốc gia lập. Những tài liệu này liên quan đến hình phạt đã tuyên đối với công dân của nước cùng là thành viên của một

công ước quốc tế với Pháp, hoặc đối với người sinh ra tại nước đã ký thỏa thuận riêng với Pháp.

e) thông báo hướng dẫn đối với từng trường hợp

Nhằm cung cấp thêm thông tin đối với những hồ sơ đặc biệt trong đó người bị kết án phải chịu hình phạt tước quyền tự do trong thời hạn hơn 1 năm, hoặc phải chịu nhiều hình phạt mà sau khi tổng hợp hình phạt thì hình phạt tù chung có thời hạn hơn 1 năm, Viện Công tố sẽ gửi cho trại giam nơi giam giữ người bị kết án một bản trình bày về các tình tiết dẫn đến bản án trên.

Kèm theo thông báo đó là hồ sơ "về nhân thân" của người bị kết án, bao gồm các giấy tờ sau: bản sao báo cáo điều tra về nhân thân của người bị kết án, các báo cáo kiểm tra sức khỏe, tâm thần và y học-tâm lý của người bị kết án, bản cáo trạng cuối cùng và quyết định hình phạt.

Tất cả các tài liệu nêu trên có tính chất "đại diện" cho bản án, quyết định hình sự, cho nên cần bao gồm những nội dung thông tin không thể thiếu đối với việc thi hành bản án, quyết định hình sự đó, cụ thể như sau:

thông tin liên quan đến người bị kết án: hộ tịch, bao gồm cả nơi cư trú, quốc tịch, tình trạng hôn nhân,

Thông tin liên quan đến tòa án đã xét xử,

Thông tin liên quan đến tội phạm (thời gian và địa điểm thực hiện hành vi phạm tội) và hình phạt đã tuyên,

Thông tin liên quan đến tính chất của bản án (có hiệu lực thi hành hoặc hiệu lực chung thẩm),

Thông tin liên quan đến việc tạm giam trước đó và các quyết định đặc xá tập thể (nếu có).

2. Kiểm tra và gửi các giấy tờ thi hành án

Các giấy tờ nói trên phải được phòng lục sự và thẩm phán công tố phụ trách thi hành án hình sự kiểm tra kỹ lưỡng trước khi được xác thực thông qua dấu của tòa án và chữ ký của lục sự. Sau khi kiểm tra xong, thẩm phán công tố sẽ ghi ngày tháng và ký xác nhận vào trích lục bản án.

Công việc kiểm tra này đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa thẩm phán công tố và lục sự, nhằm mục đích phát hiện ra các sai sót (không chỉ về mặt kỹ thuật) mà người lập có thể mắc phải, ví dụ như sai sót liên quan đến người bị kết án, hình phạt, tính hợp pháp của bản án, quyết định hình sự, các văn bản pháp luật làm căn cứ cho bản án, hoặc sự thống nhất giữa các giấy tờ thi hành án với các nội dung trong hồ sơ.

Xin lưu ý rằng hiện nay, mọi công việc thông báo bản án và các giấy tờ thi hành án đã được tin học hóa, chủ yếu nhờ vào phần mềm EPWIN có kết nối mạng nội bộ, tạo nên một dây chuyền về hình sự trong tòa án.

Khi Viện Công tố nhận được các thông tin liên quan đến nhân thân của người bị kết án, tội phạm đã thực hiện, địa điểm và thời điểm thực hiện tội phạm, v.v... thì các thông tin này được đưa vào quản lý bằng phần mềm.

Sau đó, ở mỗi giai đoạn của vụ kiện, từng bộ phận có liên quan của tòa án sẽ bổ sung thêm các thông tin khác. Đến cuối dây chuyền (sau khi Tòa án tuyên án), trên cơ sở các thông tin này, Phòng lục sự và bộ phận thi hành hình phạt của Viện Công tố sẽ lập những giấy tờ thông báo về bản án cho các cơ quan có liên quan và yêu cầu các cơ quan đó tổ chức thi hành án trong phạm vi nhiệm vụ của mình.

Các cơ quan có liên quan nói trên bao gồm:

Cơ quan quản lý lý lịch tư pháp,

Bộ Tài chính (để thi hành án phạt tiền),

Các cơ sở thi hành hình phạt tù,

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự,

Bộ phận thông tin trong phạm vi địa phương hoặc quốc gia (Cơ sở dữ liệu về những người bị truy nã - FPR) của cơ quan cảnh sát và lực lượng hiến binh,

Bộ phận thông tin quốc tế trong phạm vi Schengen đối với các nước Châu Âu hoặc Interpol đối với các nước khác,

Các cơ quan thông tin báo chí.

3. Đẩy nhanh hoạt động thi hành án

Nước Pháp mới tiến hành một cuộc cải cách quy mô lớn nhằm đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả của quá trình thi hành án hình sự. Nội dung cải cách được quy định tại Luật ngày 9 tháng 3 năm 2004, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005.

Ngoài những biện pháp mang tính tổ chức (thành lập các Phòng Thi hành án trực thuộc Viện Công tố, có chức năng xử lý ngay các quyết định hình sự, thường xuyên làm việc với thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự về những bản án mà thẩm phán này được giao quản lý...), còn phải kể đến một cải cách trong lĩnh vực thi hành hình phạt tiền:

Nếu người bị kết án chấp hành ngay hình phạt tiền trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày có bản án thì sẽ được giảm 20% mức phạt. Tại phiên tòa, người bị kết án sẽ được cấp một bảng liệt kê tiền phạt để có thể nhanh chóng đến Kho bạc Nhà nước thanh toán khoản tiền phạt.

Phòng Thi hành án (BEX) hoạt động trong phạm vi của Phòng lục sự của Tòa án. BEX là một cơ cấu cao cấp trong bộ phận thi hành án hình sự của Viện Công tố.

Nhiệm vụ của BEX là gắn kết giai đoạn tuyên án với giai đoạn thi hành án. Công chúng có thể đến làm việc với BEX trong thời gian Tòa án xét xử hoặc sau đó. BEX hoạt động trong giờ mở cửa của Phòng lục sự của Tòa án.

Hoạt động của BEX cho phép rút ngắn chu trình giữa tuyên án với thi hành án. Mục tiêu trực tiếp của BEX là:

đẩy nhanh hoạt động thi hành án hình sự;

thông báo cho người bị kết án về các hình phạt Tòa án tuyên đối với họ, các phương thức kháng cáo, vấn đề bồi thường thiệt hại cũng như về chi phí tố tụng;

với sự đồng ý của người bị kết án, tiến hành giai đoạn đầu tiên của thi hành hình phạt tùy theo loại hình phạt đã tuyên;

thông báo và hướng dẫn cho người bị hại.

Việc thực hiện dự án này trong thời gian qua cho thấy cần huy động sự tham gia của nhiều cơ quan, cá nhân hoạt động trong ngành tư pháp (thẩm phán, công chức, luật sư, thừa phát lại, cán bộ Kho bạc Nhà nước, bộ phận phụ trách tái hòa nhập và thử thách trong các cơ sở giam giữ, cơ quan cảnh sát...), bổ sung một số điều kiện vật chất và tổ chức hệ thống thông tin từ chủ tọa phiên tòa và lục sự trường đến các đương sự.

Hiện nay chúng tôi đang tiến hành tổng kết đợt đầu thực hiện cải cách.

B. Các biện pháp được áp dụng trong quá trình thi hành hình phạt

1. Người bị kết án có thể yêu cầu điều chỉnh hoặc hủy bỏ những biện pháp xử lý được tuyên trong bản án (ví dụ: biện pháp đình chỉ sử dụng giấy phép lái xe)

Ngoài ra, nếu người bị kết án thỏa mãn một số điều kiện cụ thể thì có thể yêu cầu tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc cộng thu hút. Trong trường hợp này, tòa án có thẩm quyền là tòa án đã tuyên những hình phạt được yêu cầu tổng hợp hoặc trong trường hợp có nhiều bản án thì là tòa án đã xét xử sau cùng.

Các yêu cầu này sẽ do Viện Công tố xem xét, cho ý kiến trước khi đưa ra tòa án quyết định.

2. Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự cũng quyền điều chỉnh phương thức thi hành hình phạt tù bằng các biện pháp sau:

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể cho phép người bị kết án tạm đình chỉ hoặc chia nhỏ quá trình chấp hành hình phạt vì lý do sức khỏe hoặc gia đình, kèm theo một số điều kiện;

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể quyết định giảm hình phạt nếu người bị kết án cải tạo tốt. Mức giảm là 3 tháng đối với mỗi năm tù. Tuy nhiên, Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể hủy bỏ quyết

định giảm hình phạt nếu người bị kết án có biểu hiện không tốt khi bị giam giữ.

- 3. Liên quan đến hình phạt tù cho hưởng án treo có thời gian thử thách, Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của người bị kết án (xử sự đúng mực, tham gia học tập, chữa bệnh, không gặp gỡ một số đối tượng nhất định, bồi thường cho người bị hại...)**

Trong trường hợp người bị kết án không thực hiện những nghĩa vụ đó, Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể hủy bỏ việc cho hưởng án treo (tương tự như việc tòa án xét xử hủy bỏ hình thức thi hành án này nếu người đang được hưởng án treo phạm tội mới)

C. Các biện pháp được áp dụng vào giai đoạn cuối của thi hành hình phạt tù và việc chuẩn bị tái hòa nhập sau khi mãn hạn tù

Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp quy định nhiều biện pháp để chuẩn bị cho phạm nhân ra tù và tái hòa nhập xã hội. Các biện pháp này gồm:

1. Giám giữ theo chế độ bán thời gian:

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có quyền áp dụng biện pháp này nếu phần còn lại của hình phạt là từ 1 năm trở xuống và với một số điều kiện nhất định, chủ yếu là điều kiện phạm nhân phải có việc làm và nơi cư trú;

Tòa án theo dõi thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp này không kèm theo điều kiện về thời hạn nếu nhằm mục đích chuẩn bị cho việc tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Ban ngày, phạm nhân có thể ra ngoài trại giam để làm việc, học tập hoặc chữa bệnh. Sau khi kết thúc những hoạt động đó, họ phải trở về cơ sở giam giữ theo chế độ bán thời gian.

- 2. Kiểm soát bằng hệ thống điện tử:** Người được áp dụng biện pháp này phải có nơi cư trú và có đường dây điện thoại. Người bị kết án phải đeo một chiếc vòng điện tử vào tay, chiếc vòng này sẽ có tín hiệu báo hiệu qua hệ thống vệ tinh trong trường hợp người bị kết án đi xa mà chưa xin phép.

- 3. Tha tù trước thời hạn có điều kiện** có thể được áp dụng khi người bị kết án đã chấp hành được 1/2 hình phạt (hoặc 2/3 hình phạt trong trường hợp tái phạm) nếu người đó thỏa mãn các điều kiện có việc làm hoặc đang học tập, chữa bệnh và có nơi cư trú.

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp này nếu hình phạt đã tuyên bằng hoặc dưới 10 năm và phần còn lại của hình phạt bằng hoặc dưới 3 năm,

Tòa án theo dõi thi hành án hình sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp này đối với các trường hợp khác.

Trong trường hợp người bị kết án không chấp hành các nghĩa vụ kèm theo việc điều chỉnh hình phạt, Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể hủy bỏ việc điều chỉnh hình phạt.

KẾT LUẬN

Như tôi đã nêu trong phần dẫn đề, xử lý tội phạm bằng các biện pháp tư pháp là cả một quá trình, một dây chuyền trong đó, mỗi khâu, mỗi mắt xích đều giữ một vai trò quan trọng nhất định.

Ba giai đoạn cơ bản trong mỗi chu trình xử lý hình sự - bao gồm xử lý ban đầu các thủ tục và ra quyết định truy tố, quản lý các phiên xét xử và giải quyết hồ sơ, và cuối cùng là thi hành án - không thể được tiến hành một cách riêng rẽ và độc lập.

Do đó, khi nghiên cứu về việc cải tiến mô hình tổ chức thi hành án hình sự, cần phải xem xét một cách tổng thể phương thức tổ chức của toàn bộ quá trình tố tụng hình sự.

Viện Công tố giữ vai trò quan trọng và chủ đạo trong việc tổ chức và thúc đẩy hoạt động thi hành án.

TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI TRUNG QUỐC: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

Cheng Chunming và Han Yang¹

Giống như Việt Nam, Trung Quốc hiện nay cũng đang tập trung vào công cuộc xây dựng một Nhà nước pháp quyền nhằm bảo vệ quyền con người, và đồng thời khẳng định con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Cả hai nước chúng ta đều cùng chung cách tiếp cận khi khởi đầu bằng cách xây dựng một hệ thống các quy phạm pháp luật thống nhất; và cả hai nước chúng ta đang nỗ lực cải cách để xây dựng một Nhà nước pháp quyền. Dù rằng các nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở khắp mọi nơi đều giống nhau nhưng mỗi quốc gia lại có cách tiếp cận riêng, xuất phát từ văn hóa pháp lý và từ tình hình riêng. Chính vì vậy, Trung Quốc cũng có những mối quan tâm đặc biệt và áp dụng các giải pháp riêng phù hợp với tình hình của mình. Tôi nghĩ rằng tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia là một việc làm rất có ích, vì dù đó là thành công hay thất bại, chúng ta đều có thể học hỏi để tìm ra giải pháp tốt nhất. Tôi đánh giá cao các bạn Việt Nam khi các bạn đưa ra ý tưởng tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm về tổ chức thi hành án.

Trong phần trình bày sau đây, tôi tập trung giới thiệu mô hình tổ chức thi hành án hình sự ở Trung Quốc và không đề cập đến tổ chức thi hành án dân sự và hành chính. Điều này xuất phát từ các lý do cá nhân và kỹ thuật:

Từ góc độ cá nhân, tôi cho rằng công tác thi hành án dân sự ở Trung Quốc hiện nay không hiệu quả. Tỷ lệ bản án, quyết định chưa được thi hành rất cao. Để đi đến một bản án, quyết định, chúng tôi phải trải qua rất nhiều thủ tục phức tạp và mất thời gian; điều này khiến cho hiệu lực pháp lý của bản án không thực sự được đảm bảo. Hơn nữa, dù rằng pháp luật quy định cá nhân có quyền khiếu kiện quyết định hành chính thì trên thực tế, họ luôn là người thua kiện, bởi Nhà nước luôn được coi là chủ thể mạnh nhất và do đó không thể truy cứu trách nhiệm của Nhà nước và các cơ quan Nhà nước. Tuy Trung Quốc có quy định chính thức về công tác thi hành án dân sự và hành chính, nhưng thực tế tổ chức và thực hiện công tác này không phù hợp và còn nhiều hạn chế. Vì vậy, tôi không giới thiệu về công tác thi hành án dân sự và hành chính ở Trung Quốc.

¹ Ông **Cheng Chunming** - Giáo sư chuyên ngành Luật so sánh, trường Đại học Luật và khoa học chính trị Trung Quốc; Giám đốc Trung tâm nghiên cứu pháp luật Pháp; Tiến sĩ, Đại học Montpellier I.
Ông **Han Yang** - Phó Giáo sư, Trường Đại học Bắc Kinh; Tiến sĩ, Đại học Luật và khoa học chính trị Trung Quốc.
Ông **Cheng Chunming** và ông **Han Yang** đã cộng tác với nhau từ 3 năm nay tại Trung tâm nghiên cứu pháp luật Pháp do CHENG làm giám đốc.

Từ góc độ kỹ thuật, do không có nhiều thời gian để chuẩn bị, cộng với thời gian trình bày hạn chế, nên tôi không thể giới thiệu với các bạn về mô hình tổ chức thi hành án của Trung Quốc ở mọi lĩnh vực.

Vì vậy, tôi xin phép chỉ tập trung vào mô hình tổ chức thi hành án hình sự, không chỉ vì đây là mô hình được tổ chức tốt hơn cả và còn bởi vì, đây là mô hình ít mang đặc thù quốc gia và cho phép chúng ta có thể so sánh với các quy định quốc tế.

Về mô hình tổ chức thi hành án hình sự tại Trung Quốc, chúng ta cần xem xét các nội dung sau:

I. Bối cảnh ra đời và phát triển

II. Mô hình tổ chức và hoạt động thi hành án hình sự tại Trung Quốc

III. Nhận xét chung.

I. Bối cảnh ra đời và phát triển

1. Pháp luật (trong tiếng Trung Quốc là "fa") đã được xây dựng như một công cụ để trừng phạt

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử pháp luật, pháp luật Trung Quốc được hình thành từ cách đây hơn 4.000 năm. Trải qua nhiều triều đại phong kiến khác nhau song pháp luật vẫn luôn được nhìn nhận như một phương tiện để trừng phạt. Các chế định về quyền theo cách tiếp cận của pháp luật phương Tây không tồn tại. Cho đến hết thế kỷ XIX, pháp luật hình sự và dân sự của Trung Quốc vẫn được quy định chung trong một Bộ luật. Tuy nhiên, kể từ cuối thế kỷ 19, cùng với sự phát triển của bộ máy trấn áp, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự bắt đầu hình thành và trở thành một công cụ hiệu quả để điều chỉnh các quan hệ xã hội và các hoạt động của Nhà nước. Cho dù từ đời nhà Thanh, Trung Quốc đã bắt đầu tách riêng hệ thống pháp luật dân sự và tiến hành nhiều cải cách pháp luật thì pháp luật với tư cách là một công cụ thống trị vẫn giữ nguyên tính chất trừng phạt và Nhà nước vẫn không có ý định thay đổi cách thức vận dụng pháp luật của mình.

2. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: Nhà nước đơn nhất

Chính trị lấn át pháp luật: Năm 1949, Nhà nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời và bãi bỏ tất cả các đạo luật của chế độ cũ. Mọi tập quán thuộc về chế độ cũ đều được coi là "tập quán phong kiến" và đều bị xóa bỏ. Học tập mô hình của Liên Xô, Trung Quốc không chỉ đề cao quan điểm "đấu tranh giai cấp" mà còn quán triệt tư tưởng xây dựng pháp luật theo đó pháp luật là công cụ phòng ngừa mang tính trấn áp. Như vậy, có thể nói, pháp luật của đất

nước Trung Quốc những năm 50 không phải là pháp luật theo đúng nghĩa của từ này. Phải đến năm 1979, tức 30 năm sau khi thành lập, Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa mới có Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên. Trước đó, các biện pháp hình sự đều mang tính chất hành chính. Năm 1996 và 1997, Bộ luật Tố tụng hình sự và Bộ luật Hình sự lần lượt được sửa đổi. Hai văn bản này đã được xây dựng theo tư tưởng hiện đại và thể hiện nhu cầu chính trị là ổn định xã hội và trấn áp tội phạm. Để giải quyết nhu cầu này, Nhà nước Trung Quốc chủ trương thể chế hóa chính sách vào các quy định của pháp luật hình sự; điều này khiến cho lĩnh vực pháp luật chịu sự can thiệp của các chính sách và trở nên mất ổn định, do các chính sách thường xuyên thay đổi. Có thể nói, pháp luật đã được xây dựng theo ý chí chính trị và được điều chỉnh theo nhu cầu chính trị.

3. Văn hóa pháp lý: "tiếp thu từ 3 trường phái pháp lý" (Theo René David)

- 3.1.** Với bề dày 4000 năm lịch sử, pháp luật Trung Quốc có những đặc điểm sau: pháp luật mang tính trừng phạt và trấn áp; hình sự quan trọng hơn dân sự; theo quan điểm truyền thống của Trung Quốc, các quyền dân sự không thuộc về phạm trù pháp lý mà thuộc về phạm trù đạo đức; Nhà nước quy định chuẩn mực trong lĩnh vực dân sự và xử lý nghiêm khắc các vấn đề hình sự; vấn đề hình sự được coi là vấn đề quốc gia, trong khi vấn đề dân sự lại là vấn đề riêng của mỗi cá nhân và các cá nhân phải tự điều chỉnh trên cơ sở tôn trọng các quy tắc đạo đức.
- 3.2.** Từ khi thành lập đến nay, Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa luôn coi lợi ích công cộng quan trọng hơn lợi ích cá nhân. Tư tưởng này đã được ghi nhận trong Hiến pháp và học thuyết. Thực vậy, chủ nghĩa xã hội không thực sự công nhận bản chất của các quyền dân sự. Nếu tồn tại, các quyền này cũng phải ưu tiên cho lợi ích công. Trong khi đó, lợi ích công lại là một khái niệm mơ hồ về mặt pháp lý; các lợi ích công có thể được mở rộng hoặc thay đổi một cách tùy tiện và duy ý chí. Trong số các lợi ích công, trật tự công là khái niệm quan trọng nhất, đồng thời cũng là khái niệm thể hiện chủ quyền của Nhà nước. Trong khi đó, khái niệm quyền tự do công cộng, vốn là khái niệm cơ bản của pháp luật hiện đại, lại không tồn tại trong pháp luật Trung Quốc - một hệ thống pháp luật chịu nhiều ảnh hưởng của pháp luật Liên Xô.
- 3.3.** Pháp luật nội dung quan trọng hơn pháp luật hình thức. Đi theo quan điểm của các nước Châu Âu lục địa, Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã kế thừa một phần pháp luật của Nhà nước Trung Hoa dân quốc (Nhà nước Trung Hoa dân quốc đã pháp điển hóa nhiều luật theo mô hình Nhật Bản; lưu ý rằng mô hình Nhật Bản được xây dựng theo mô hình của Đức). Là nước theo hệ thống luật thành văn, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không coi trọng luật hình thức (tố tụng) mà chủ yếu dựa vào luật nội dung để xây dựng hệ thống pháp luật của mình. Luật hình thức được coi là công cụ hỗ trợ cho luật nội dung, đảm bảo thực hiện luật

nội dung. Do vậy, đây chỉ là một phương tiện hỗ trợ và không có giá trị độc lập. Thủ tục tố tụng không có ý nghĩa và giá trị làm phát sinh các quy phạm pháp luật. Bởi vì việc ban hành các quy phạm này thuộc về thẩm quyền của cơ quan lập pháp và một số cơ quan hành chính có thẩm quyền khác. Chính vì vậy, pháp luật không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội; thẩm phán phải tuyệt đối tuân thủ các quy định pháp luật đã được xây dựng chứ không được tự mình đặt ra những quy phạm riêng cho từng trường hợp cụ thể.

II. Mô hình tổ chức và hoạt động thi hành án hình sự tại Trung Quốc

1. Vấn đề thi hành án hình sự được quy định rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật chứ không được quy định tập trung trong một Bộ luật. Ở đây, chúng tôi chỉ liệt kê một số văn bản cơ bản.

- 1.1. Điều 28 Hiến pháp: Nhà nước là chủ thể duy nhất có thẩm quyền trừng phạt và cải tạo những người phạm khinh tội và trọng tội;
- 1.2. Luật ngày 29-12-1994 về tổ chức trại giam (LRP): Luật này quy định các nguyên tắc chung đối với công tác thi hành án, tổ chức và quản lý trại giam, cải tạo người phạm tội và giáo dục người chưa thành niên phạm tội.
- 1.3. Bộ luật Tố tụng hình sự (CPP) ngày 1-7-1979, sửa đổi, bổ sung ngày 17-3-1996 và văn bản giải thích pháp luật của Tòa án tối cao ngày 29-6-1998 về một số quy định của Bộ luật này.
- 1.4. Nghị định ngày 5-9-1986 về xử phạt vi phạm xâm hại đến trật tự công. Nghị định này được sửa đổi, bổ sung ngày 12-5-1994 và được chuyển thành luật năm 2006 (RPIOP).

2. Thi hành án hình sự và mục đích của công tác thi hành án hình sự

2.1. Các cơ quan liên quan đến công tác thi hành án hình sự bao gồm: cơ quan quản lý trại giam, Tòa án nhân dân, cơ quan cảnh sát. Các cơ quan này có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc có hiệu lực thi hành.

2.2. Phạm vi thẩm quyền:

- Theo quy định tại Điều 2, Điều 74 Luật tổ chức trại giam và Điều 213 Bộ luật Tố tụng hình sự, cơ quan quản lý trại giam có nhiệm vụ giam giữ những người bị kết án tử hình nhưng chỉ phải thi hành án sau 2 năm kể từ thời điểm tuyên án; người bị kết án chung thân và người bị phạt tù có thời hạn.
- Các Điều 213, 214, 217 và 218 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trách nhiệm của cơ quan cảnh sát trong các trường hợp sau:
 - ✓ áp dụng chế tài quản chế: không giam giữ mà được hưởng tự do có điều kiện, thời hạn từ 3 tháng đến 2 năm, tổng mức hình phạt không quá 3 năm, lao động và hưởng thù lao bình thường;

- ✓ áp dụng chế tài tước quyền tự do trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng, tổng mức hình phạt không quá 1 năm;
- ✓ thi hành hình phạt còn lại (thời hạn phải chấp hành hình phạt theo quyết định của Tòa án trừ thời gian đã chấp hành hình phạt trên thực tế);
- ✓ áp dụng chế tài tước quyền công dân như một hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung sau khi chấp hành xong hình phạt chính;
- ✓ áp dụng hình phạt trực xuất;
- ✓ chấp hành hình phạt tại ngoại;
- ✓ áp dụng án treo;
- ✓ áp dụng hình phạt trả tự do có điều kiện.
- Theo Điều 211, 219 và 209 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân có nhiệm vụ đảm bảo thi hành ngay các hình phạt tử hình, phạt tiền, tịch thu tài sản, tuyên bố trắng án và đình chỉ thi hành án.
- Theo Nghị định xử phạt vi phạm xâm hại đến trật tự công, cảnh sát là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thi hành hình phạt giáo dục bằng lao động cưỡng chế. Đây là biện pháp xử phạt hình chính của cơ quan cảnh sát. Đây không phải là thủ tục thi hành án hình sự mà chỉ là biện pháp tước quyền tự do của phạm nhân.

2.3. Thủ tục thi hành án

Tòa án ra bản án -> Bản sao của bản án được chuyển đến cơ quan Cảnh sát -> Cơ quan cảnh sát áp giải, dẫn giải người phạm tội (Lệnh dẫn giải, áp giải) -> Cơ quan thi hành án nhận dạng và tiếp nhận người phạm tội vào cơ sở giam giữ để thi hành bản án đã tuyên.

2.4. Điều chỉnh hình phạt

- Tạm hoãn thi hành án tử hình nếu người bị kết án tử hình đang có thai hoặc bị bệnh tâm thần.
- Đối với người bị kết án tử hình nhưng chỉ phải thi hành án sau hai năm kể từ thời điểm tuyên án: có thể chuyển thành hình phạt giam giữ có thời hạn nếu trong thời gian 2 năm ân hạn, người bị kết án không phạm tội cố ý khác; trong trường hợp có vi phạm, hình phạt này được chuyển thành hình phạt tử hình và được thi hành ngay lập tức.
- Ngoài ra, các hình phạt sau đây có thể chuyển thành hình phạt cải tạo tại ngoại tạm thời: Đối với hình phạt cải tạo giam giữ có thời hạn, lao động công ích, nếu tình trạng sức khỏe của người bị kết án không cho phép, thì Tòa án phải ra quyết định điều chỉnh hình phạt trước khi thi hành bản án hình sự. Nếu người bị kết án có vấn đề về sức khỏe sau khi bản án đã được thi hành, thì Cơ quan thi hành án có thẩm quyền điều chỉnh hình phạt. Biện

pháp thi hành tạm thời sẽ chấm dứt nếu sức khỏe của người bị kết án đã hồi phục hoặc nếu phát hiện khai báo không trung thực.

- Thay thế hình phạt bằng một hình phạt khác nhẹ hơn và trả tự do có điều kiện

Điều kiện: bị áp dụng hình phạt quản chế, giam giữ có thời hạn, đã chấp hành được hơn 1/2 thời hạn; tù chung thân, đã chấp hành được hơn 10 năm tù.

Thủ tục: Đối với hình phạt cải tạo giam giữ có thời hạn, nếu thời gian phải chấp hành hình phạt còn lại lớn hơn 1 năm thì Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng sẽ xem xét yêu cầu của phạm nhân trên cơ sở căn cứ vào ý kiến của trại giam hoặc của cơ sở giam giữ nếu người phạm tội là người chưa thành niên; nếu thời gian phải chấp hành án còn lại ít hơn 1 năm thì Tòa án cấp cơ sở có thẩm quyền ra quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến bằng văn bản của trại giam và của cơ quan cảnh sát cấp huyện.

Thủ tục tương tự cũng được áp dụng đối với hình phạt quản chế.

2.5. Viện Kiểm sát là cơ quan giám sát tính hợp pháp của hoạt động thi hành án hình sự

Viện Kiểm sát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp của hoạt động thi hành án. Nếu phát hiện thấy bản án có sai sót hoặc nhầm lẫn, Viện Kiểm sát có quyền yêu cầu xét xử lại thông qua một trong hai thủ tục sau:

- Đối với sai sót hoặc nhầm lẫn ít nghiêm trọng, Cơ quan thi hành án có thể đề nghị Viện Kiểm sát ban đầu ra quyết định yêu cầu Tòa án ban đầu xét xử lại; đối với sai sót hoặc nhầm lẫn nghiêm trọng, Cơ quan thi hành án có thể đề nghị Viện Kiểm sát cấp trên của Viện Kiểm sát ban đầu để Viện Kiểm sát cấp trên ra quyết định yêu cầu Tòa án cấp trên của Tòa án ban đầu xét xử lại vụ việc.
- Viện Kiểm sát cũng có thể trực tiếp xem xét bản án đã tuyên và yêu cầu xét xử lại.

III. Nhận xét chung

Từ bối cảnh lịch sử và văn hóa của pháp luật Trung Quốc nói chung và các khía cạnh pháp lý của pháp luật thi hành án hình sự nói riêng, qua các nghiên cứu của mình, chúng tôi có thể chỉ ra 3 đặc điểm chính sau đây của pháp luật thi hành án hình sự của Trung Quốc:

1. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thi hành án không hiệu quả, nếu không muốn nói là không thể đảm bảo trên thực tế, do không tách biệt rõ ràng cơ quan xét xử và cơ quan thi hành án nên. Theo quy định của Hiến pháp, Tòa án và Viện Kiểm sát đều là hai cơ quan có quyền tư pháp; Tòa án có nhiệm vụ xét xử và ra bản án còn Viện Kiểm sát thì có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp của các bản án. Đây là một cách nhìn nhận hết sức dễ hiểu. Nhưng vấn đề là ở chỗ khi bản án có hiệu lực pháp luật, thay vì Tòa án phải giao cho các cơ quan thi hành án thi hành bản án đã tuyên thì

pháp luật lại thừa nhận thẩm quyền của Tòa án trong lĩnh vực thi hành án hình sự. Điều này khiến cho chúng ta nghĩ rằng trong nhiều trường hợp, Tòa án "vừa đá bóng, vừa thổi còi".

2. Hiện tượng chõng chéo về thẩm quyền khiến cho công tác thi hành án không đem lại hiệu quả như mong đợi. Thực tế thường xuyên xảy ra trường hợp một bản án cùng thuộc thẩm quyền thi hành của nhiều cơ quan khác nhau hoặc mỗi một cơ quan chỉ phụ trách thi hành một phần của bản án mà không có sự phối hợp với các cơ quan khác, khiến cho hiệu quả của công tác thi hành án không được đảm bảo.
3. Thiếu sự phân biệt rõ ràng giữa thi hành án hình sự và thi hành án hành chính. Chẳng hạn, đối với biện pháp giáo dục thông qua lao động cưỡng chế quy định tại Nghị định ngày 5-9-1986 về xử phạt vi phạm xâm hại đến trật tự công (Nghị định này sau đó được sửa đổi, bổ sung ngày 12-5-1994 và được chuyển thành luật năm 2006), chúng tôi thấy cơ quan hành pháp có thẩm quyền tự thi hành quyết định của mình và cá nhân vi phạm không thể kháng cáo quyết định xử phạt ra Tòa án. Đây là một vấn đề bị chỉ trích và phản đối rất nhiều, bởi lẽ nó liên quan đến các quyền cơ bản của công dân.

Kết luận: Cần xây dựng một mô hình tổ chức thi hành án hiệu quả và nhân văn hơn. Trung Quốc cam kết hiện đại hóa hệ thống pháp luật theo hướng bảo đảm tốt hơn các quyền tự do của công dân. Hiện nay, chúng tôi đang nghiên cứu để cải cách mô hình thi hành án hình sự. Mô hình mới sẽ phải bảo vệ được các quyền của con người, tăng cường khả năng kiểm tra, giám sát của Viện Kiểm sát và giải quyết tình trạng chõng chéo về thẩm quyền. Ngoài ra, mô hình mới cũng phải ưu tiên mở rộng hình thức thi hành án ngoài tù và giáo dục tại cộng đồng nhằm đảm bảo cơ hội tái hòa nhập xã hội cho người bị kết án. Để làm được điều này, Nhà nước cần có những chính sách sáng suốt, nhân đạo hơn nữa, đồng thời cần thể hiện một quyết tâm chính trị mạnh mẽ hơn.

THỰC TIỄN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ VÀ QUẢN LÝ TRẠI GIAM TẠI CỘNG HÒA PHÁP

Stéphane Gely

*Giám đốc Trại giam Fresnes
Cục quản lý trại giam, Bộ Tư pháp
Cộng hòa Pháp*

PHẦN MỞ ĐẦU

Cục quản lý trại giam là một trong 6 Cục thuộc Bộ Tư pháp Pháp. Được thành lập vào năm 1795, ban đầu cơ quan này có tên là Cơ quan quản lý nhà tù và thuộc Bộ Nội vụ. Từ năm 1911, Cục quản lý trại giam chuyển sang thuộc Bộ Tư pháp. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cải cách Amor, tên vị giám đốc thời kỳ đó, đưa ra chính sách cải tạo và tái hòa nhập xã hội. Đầu những năm 1970, đã có rất nhiều cuộc đấu tranh của phạm nhân và đến năm 1975, trại câu giam và các hình phạt thay thế hình phạt giam giữ được ban hành.

Năm 1981, sau nhiều tranh cãi chính trị, hình phạt tử hình bị bãi bỏ. Hình phạt lao động công ích được ra đời năm 1983. Theo Luật ngày 22 tháng 6 về nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam thì một số nhiệm vụ của trại giam được giao cho một số công ty tư nhân.

1. Hệ thống các cơ quan

Hệ thống các cơ quan quản lý trại giam gồm Cục quản lý trại giam, là cơ quan quản lý cấp trung ương đặt ở Paris. Cục quản lý trại giam được tổ chức thành các phòng, ban. Đứng đầu cơ quan này là Cục trưởng do Tổng thống bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

1.1. Cơ quan quản lý trại giam cấp trung ương

Cơ quan quản lý trại giam cấp trung ương gồm 2 Phòng và 4 Ban.

2 Phòng gồm:

Phòng thanh tra trại giam do một thẩm phán làm Trưởng phòng và các cán bộ, nhân viên về quản lý trại giam

Phòng truyền thông và quan hệ quốc tế

4 Ban gồm:

Ban tham mưu về công tác an ninh có trách nhiệm xây dựng và giám sát việc thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo an ninh cho cán bộ, nhân viên, các cơ sở giam giữ và những người làm việc cho cơ quan quản lý trại giam. Ngoài ra, Ban còn chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh cho việc

chuyển những người đang chấp hành hình phạt tù và các hình phạt khác từ trại giam này đến trại giam khác.

Ban quản lý những người đang chấp hành hình phạt tù và các hình phạt khác có nhiệm vụ xây dựng và đánh giá các chính sách liên quan đến những người do Cơ quan quản lý trại giam quản lý; xây dựng phương pháp làm việc đối với các Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách đồng thời tạo điều kiện phát triển thêm các biện pháp thay thế hình phạt tù hoặc các biện pháp hạn chế tự do.

Ban quản lý việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quản lý trại giam ở địa phương có nhiệm vụ hướng dẫn và đánh giá hoạt động của các cơ quan ở địa phương; đảm bảo các phương tiện cần thiết cho hoạt động và quan tâm đến cơ cấu tổ chức cũng như cơ sở vật chất của các cơ quan này.

Ban quản lý nguồn nhân lực và các quan hệ xã hội chịu trách nhiệm thi hành chính sách của Bộ Tư pháp về vấn đề quản lý nguồn nhân lực và quan hệ xã hội với các tổ chức nghề nghiệp; đảm bảo việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, nhân viên, quản lý hành chính và ngân sách của các cơ quan quản lý trại giam ở địa phương.

1.2. Các cơ quan quản lý trại giam cấp địa phương

Gồm 9 Phòng quản lý cấp vùng và một Phòng quản lý trại giam tại các tỉnh và vùng hải ngoại. Phòng quản lý trại giam tại các tỉnh và vùng hải ngoại có nhiệm vụ quản lý những cơ sở giam giữ ở khu vực Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Nam Mỹ và vùng biển Ca-ri-bê. Các Phòng quản lý cấp vùng chịu sự chỉ đạo của Cục trưởng Cục quản lý trại giam và có mô hình tổ chức tương tự như mô hình tổ chức của cơ quan quản lý trại giam cấp trung ương. Các Phòng quản lý cấp vùng có nhiệm vụ quản lý các trại giam ở địa phương gồm các cơ sở giam giữ và các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách.

1.2.1. Các cơ sở giam giữ

Được chia làm hai loại: Nhà tạm giam và các cơ sở thi hành án phạt tù.

a. Nhà tạm giam

Hiện tại, ở Pháp có 115 Nhà tạm giam. Đây là nơi tiếp nhận những người đang chờ bản án chung thẩm và những người bị xử hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại không quá 1 năm. Từ năm 1875, việc giam giữ riêng phạm nhân đã trở thành nguyên tắc, tuy nhiên do tình hình phạm nhân quá tải nên trong các nhà tạm giam ở Pháp không thể áp dụng nguyên tắc này. Mỗi một Nhà tạm giam thuộc sự quản lý của một Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng.

b. Các cơ sở thi hành án phạt tù

Có 60 cơ sở thi hành án phạt tù gồm đề lao và trại câu giam:

Ở Pháp, có 5 đề lao. Đây là những nơi có chế độ bảo vệ, canh gác nghiêm ngặt, tiếp nhận những người bị kết án có lý lịch tội phạm nghiêm trọng hoặc đã từng vào tù nhiều lần. Chế độ giam giữ tại những nơi này chủ yếu nhằm đảm bảo an ninh. Ban ngày, các buồng giam thường đóng cửa.

Trại câu giam là nơi tiếp nhận những người bị kết án tù từ 1 năm trở lên và có khả năng tái hòa nhập xã hội tốt nhất. Chế độ giam giữ chủ yếu nhằm tạo điều kiện để phạm nhân có thể tái hòa nhập xã hội.

c. Các cơ sở giam giữ đặc biệt

Hiện nay, có 13 trại giam bán thời gian tiếp nhận những người bị kết án tù có thời hạn dưới 1 năm hoặc những người mà phần hình phạt còn lại là 1 năm. Tại đây, phạm nhân được chấp hành hình phạt theo những hình thức mềm dẻo hơn. Ban ngày, phạm nhân có thể ra ngoài để làm việc, chữa bệnh hoặc học tập. Buổi tối, họ phải trở về nơi mình đang chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, trong trại giam Fresnes còn có một trung tâm y tế có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho phạm nhân.

Hệ thống các cơ sở giam giữ hiện nay không đồng đều, trong đó có 92 cơ sở giam giữ được xây dựng từ cách đây hơn 1 thế kỷ, 55 cơ sở mới được xây dựng hoặc mới sửa chữa, cải tạo từ năm 1968.

Trước tình trạng hệ thống các cơ sở giam giữ xuống cấp nghiêm trọng và phải đối mặt với vấn đề quá tải, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có kế hoạch xây dựng những trại giam mới. Đây là một dự án rất tham vọng theo đó sẽ xây dựng 20 cơ sở giam giữ mới, có thể giam giữ từ 150 từ 600 người và 7 trại giam cho người chưa thành niên (từ 13 đến 18 tuổi), mỗi trại giam quản lý 60 phạm nhân. Liên quan đến cơ sở giam giữ ở Pháp, từ năm 1990 có 23 cơ sở giam giữ được quản lý theo mô hình hỗn hợp. Đây không phải là một mô hình quản lý theo đúng nghĩa của của một đơn vị nhà nước. Tại những cơ sở giam giữ này, mô hình quản lý mới góp phần hiện đại hóa cơ sở giam giữ và cho phép cán bộ, nhân viên làm việc ở đây tập trung hơn vào nhiệm vụ bảo vệ và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội. Điều này được thể hiện ở chỗ, việc quản lý những công việc hàng ngày (nấu ăn, quét dọn và vệ sinh) và một số chức vụ quản lý người bị giam giữ (lao động và đào tạo nghề) do những tổ chức tư nhân đảm nhiệm. Việc điều hành, bảo vệ, hòa nhập xã hội và quản lý giấy tờ thuộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý trại giam và nhân viên.

1.2.2. Các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách

Các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách được thành lập từ năm 1999, hiện nay có 103 cơ quan phân bố trên toàn lãnh thổ Pháp. Các cơ quan này có nhiệm vụ quản lý các nhân viên hỗ trợ xã hội của mỗi tỉnh, những người chịu trách nhiệm hỗ trợ cho các cơ sở giam giữ hoặc giám sát người bị phạt tù cho

hưởng án treo có thử thách, người đang chấp hành hình phạt lao động công ích, người được hưởng các biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện hoặc những người yêu cầu hỗ trợ xã hội khi ra tù.

Cải cách này cho phép:

Phối hợp hài hòa các nhiệm vụ tái hòa nhập xã hội được thực hiện tại cơ sở giam giữ và tại cộng đồng;

giảm trách nhiệm cho các cơ quan nhà nước dù người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ hay tại cộng đồng;

phát triển và củng cố quan hệ với các cơ quan đối tác.

Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách có trách nhiệm hỗ trợ những người đang thi hành hình phạt tù và những biện pháp hình sự khác có thể thực hiện các quyền và tiếp cận các công cụ pháp luật. Các cơ quan này phải tìm các biện pháp để cá nhân hóa hình phạt và điều chỉnh hình phạt nhằm ngăn ngừa tình trạng những người đã chấp hành xong hình phạt tù khó hòa nhập xã hội. Họ có thể cho ý kiến về việc đưa ra các quyết định tư pháp. Các cơ quan đối tác của họ rất đa dạng gồm: cơ quan tư pháp, trại giam, chính quyền địa phương, hội đồng vùng và các tổ chức xã hội.

1.3. Cán bộ trại giam

Ngành quản lý trại giam hiện có 30.700 cán bộ, nhân viên, cụ thể:

23.000 quản giáo: đây là lực lượng chính làm việc tại các trại giam. Họ không thuộc lực lượng vũ trang nhưng có hưởng cấp bậc giống như công chức trong lực lượng cảnh sát quốc gia. Quản giáo được tuyển dụng thông qua kỳ thi tuyển sau đó được đào tạo 8 tháng tại Trường đào tạo cán bộ trại giam quốc gia.

430 Giám thị, là người quản lý trại giam. Những người đã tốt nghiệp cao đẳng có thể tham dự kỳ thi tuyển giám thị dự bị. Người trúng tuyển phải theo học một khóa đào tạo hai năm tại Trường đào tạo cán bộ trại giam quốc gia.

2.700 nhân viên hỗ trợ xã hội làm việc tại các Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách.

số nhân viên còn lại gồm 715 kỹ thuật viên và 2.800 nhân viên hành chính.

Như vậy, trên 100 người bị giam giữ có:

40 quản giáo,

1 nhân viên hỗ trợ xã hội. Con số này không cao so với các nước Châu Âu khác, Giám thị, nhân viên hỗ trợ xã hội và quản giáo đều được đào tạo tại Trường đào tạo cán bộ trại giam quốc gia, đặt tại Agen. Trường có nhiệm vụ đào tạo ban đầu, bồi dưỡng và đào tạo liên tục cán bộ trại giam.

Những người làm việc tại trại giam đều là công chức nhưng được hưởng quy chế riêng và không được phép chấm dứt làm việc theo thỏa thuận. Tuy nhiên, họ được hưởng nhiều chế độ ưu đãi.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Luật ngày 22 tháng 6 năm 1987 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam: "Trại giam có trách nhiệm tham gia vào việc thi hành bản án, quyết định hình sự và duy trì trật tự công cộng. Trại giam phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái hòa nhập xã hội của những người được cơ quan tư pháp giao cho quản lý. Trại giam được tổ chức nhằm đảm bảo việc cá thể hóa hình phạt." Như vậy, cơ quan chúng tôi chịu trách nhiệm về những người đang chấp hành hình phạt tù và các biện pháp hình sự khác bằng việc sử dụng những phương pháp, thực hiện những chương trình nhằm tạo điều kiện cho việc tái hòa nhập xã hội, góp phần phòng ngừa tái phạm đồng thời bảo vệ cho xã hội.

2.1. Những cơ quan có trách nhiệm quản lý người đang bị giam giữ và những người đang bị áp dụng các biện pháp hình sự khác

2.1.1. Nhà tù

Đến ngày 1 tháng 1 năm 2006, 58 344 người đang bị giam giữ trong các nhà tù của Pháp, 33% trong số đó đang chờ xét xử.

Số lượng người bị giam giữ là nữ không tăng, khoảng 4%. Hiện nay, tỉ lệ đó là 3,6%, tức là 2130 phụ nữ.

Số lượng người nước ngoài bị giam giữ cũng không tăng, hiện nay là 20,5%.

Ở Pháp, tuổi thành niên là 18 tuổi. Tuy nhiên, người chưa thành niên từ 13 tuổi trở lên cũng có thể bị giam giữ nhưng chỉ trong trường hợp phạm trọng tội. Hiện nay, có 732 người chưa thành niên từ 13 đến 18 tuổi đang bị giam giữ. Con số này khá ổn định và thậm chí còn có xu hướng giảm xuống. Những năm gần đây, số lượng người chưa thành niên bị giam giữ chưa năm nào vượt quá con số 1.000.

Độ tuổi trung bình của người bị giam giữ là 34,2 tuổi.

Trong số phạm nhân, 22% bị kết án về tội hiếp dâm hoặc quấy rối tình dục, 17% bị kết án về tội cố ý đánh người gây thương tích, 17% bị kết án về tội trộm cắp, 15% bị kết án về tội ma túy; 9% bị kết án về tội giết người.

Thời gian giam giữ trung bình hiện nay là 8,3 tháng (năm 1975 là 4,3 tháng).

Trong các nhà tạm giam, tình trạng quá tải luôn là vấn đề thường trực. Tuy nhiên, vấn đề này cũng đã phần nào được giải quyết do có thêm những cơ sở giam giữ mới mà dự án xây dựng mới những cơ sở này đã được Chính phủ thông qua. Cũng phải nói thêm rằng, ngay tại những cơ sở thi hành án phạt tù cũng gặp phải tình trạng quá tải bởi vì nguyên tắc giam giữ riêng không được tuân thủ một cách chặt chẽ.

2.1.2. Những người do các Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách quản lý

Hiện nay, có 125 000 người bị áp dụng ít nhất 1 biện pháp giám sát tại cộng đồng dưới sự quản lý của Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách. Điều này có nghĩa là hiện nay có khoảng 139 000 biện pháp giám sát tại cộng đồng được áp dụng. Hoạt động của Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách liên quan đến:

a. Các biện pháp thay thế việc giam giữ

Việc cho hưởng án treo có thử thách (107 846 người) áp dụng đối với những người đã bị kết án. Thời gian thử thách không dưới 18 tháng. Người được hưởng án treo phải thực hiện những nghĩa vụ chung (có nơi cư trú cố định, có nơi làm việc ...) và những nghĩa vụ liên quan đến hành vi tội phạm của người đó (bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ chăm sóc ...),

Hình phạt lao động công ích (19 106). Đây cũng là một hình phạt thay thế cho hình phạt tù, hình phạt này được ban hành năm 1983 và chỉ áp dụng khi có sự đồng ý của người người bị kết án trước tòa án. Người bị kết án lao động công ích phải làm việc cho một địa phương, một tổ chức hoặc cơ sở nhà nước mà không được trả thù lao trong thời gian từ 40 đến 240 giờ,

Hình phạt hạn chế một số quyền: đó là việc hủy giấy phép lái xe, tịch thu phương tiện giao thông.

b. Điều chỉnh hình phạt

Cho phép người bị giam giữ ra ngoài: Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, biện pháp này được áp dụng đối với những phạm nhân có hình phạt hoặc phần còn lại của hình phạt dưới 1 năm. Thẩm phán theo dõi việc thi hành án hình sự có thẩm quyền cho phép những đối tượng này được ra ngoài để: làm những công việc có sự giám sát của trại giam, học tập hoặc làm việc cho một doanh nghiệp tư nhân đã ký thỏa thuận với trại giam. Trong trường hợp này, phạm nhân phải tuân thủ những quy định do thẩm phán theo dõi việc thi hành án hình sự đưa ra.

Chế độ giam giữ bán thời gian: đối với những phạm nhân có mức hình phạt từ 1 năm trở xuống có thể được áp dụng chế độ giam giữ bán thời gian. Ban ngày, họ có thể ra ngoài làm việc và buổi tối họ phải trở về nơi mình đang chấp hành hình phạt.

Tha tù trước thời hạn có điều kiện: được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Những người phạm tội lần đầu có thể được hưởng biện pháp này khi đã chấp hành được 1/2 hình phạt, đối với những đối tượng tái phạm thì phải chấp hành được 2/3 hình phạt. Những đối tượng bị kết án tù chung thân chỉ được phép xin áp dụng biện pháp này khi đã chấp hành hình phạt tù được 15 năm trở lên. Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp này đối với những đối tượng có hình phạt tù bằng hoặc dưới 10 năm và phần hình phạt còn lại từ 3 năm trở

xuống. Đối với những người có mức hình phạt cao hơn 10 năm, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp này là Tòa án phúc thẩm. Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

c. Các biện pháp hạn chế tự do

Quản chế bằng hệ thống điện tử: Đây là một thách thức với những người làm việc trong ngành quản lý trại giam đặc biệt khi họ đóng hai vai trò: nhân viên hỗ trợ xã hội và quản giáo. Khi áp dụng biện pháp này, người bị kết án phải thể hiện sự đồng ý của mình trước thẩm phán với sự có mặt của luật sư. Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp này đối với những người mà phần còn lại của hình phạt hoặc hình phạt của họ dưới 1 năm tù. Người được áp dụng biện pháp này phải có đường dây điện thoại. Theo yêu cầu của thẩm phán, nhân viên hỗ trợ xã hội phải tham gia vào việc chuẩn bị hệ thống giám sát và chịu trách nhiệm giám sát quá trình áp dụng biện pháp này.

2.2. Xu hướng hiện nay

Khoảng 10 năm trở lại đây, nhiệm vụ hỗ trợ xã hội không chỉ thuộc trách nhiệm của Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách mà còn được giao cho các trại giam.

Độ tuổi trung bình của phạm nhân tăng lên, một phần bởi vì thời gian chấp hành hình phạt kéo dài, mặt khác là do số người bị kết án về các hành vi xâm hại tình dục ngày càng tăng. Mức hình phạt tăng và hơn 1/3 phạm nhân có hình phạt trên 5 năm tù; hiện nay có 550 người đang chấp hành hình phạt tù chung thân.

1/4 số phạm nhân là những đối tượng bị kết án tù về tội hiếp dâm và quấy rối tình dục. Nhìn chung, ở Pháp loại tội phạm này không tăng tuy nhiên hiện nay nạn nhân của các tội phạm này có quyền tố cáo trong thời hạn 10 năm kể từ ngày họ đến tuổi thành niên (trước đây thời hạn này là 10 năm kể từ ngày có hành vi xâm hại xảy ra). Việc quản lý những phạm nhân thuộc loại này rất phức tạp bởi vì họ thường là nạn nhân của các hành vi bạo lực từ phía những phạm nhân khác.

Vấn đề bạo lực trong trại giam cũng rất đáng lo ngại. Tình trạng gây gổ, đánh nhau giữa các phạm nhân không phải là hiếm.

Một vài năm trở lại đây, một số hình thức trốn tù của phạm nhân đã bị xóa bỏ, tuy nhiên một số biện pháp mang tính quân sự lại được sử dụng (vũ khí chiến đấu, thuốc nổ, lực lượng có trang bị vũ khí ...). Điều này khiến cho cơ quan quản lý trại giam phải xem xét lại chính sách an ninh của mình (thành lập bộ phận tham mưu về an ninh và các đơn vị phản ứng cấp vùng nhằm đảm bảo an ninh). Hiện nay, khi thiết kế các cơ sở giam giữ cần phải lưu ý đến các khu vực lân cận. Trước đây, hệ thống giám sát được thiết kế nhằm phòng ngừa việc phạm nhân bỏ trốn từ bên trong trại giam. Tuy nhiên, hiện

nay cần phải lắp đặt thêm những hệ thống giám sát tại khu vực lân cận của mỗi trại giam nhằm ngăn ngừa việc ném đồ vật từ bên ngoài vào bên trong (điện thoại di động, ma túy ...) và ngăn ngừa những cuộc tấn công từ bên ngoài.

2.3. Các chương trình do Cơ quan Quản lý trại giam tổ chức thực hiện

2.3.1. Quy chế của đối tượng quản lý

Trong vòng 25 năm qua, các đối tượng do cơ quan quản lý trại giam phụ trách đã có nhiều thay đổi lớn, cụ thể như sau:

- số lượng đông hơn;
- thời gian chấp hành hình phạt dài hơn;
- bất ổn hơn, nhất là do những khó khăn về kinh tế;
- khó quản lý hơn.

Trước những khó khăn do nhiệm vụ đặt ra cũng như những thách thức này sinh do tình trạng gia tăng số người phạm tội cần giam giữ và tính chất ngày càng bất ổn của đối tượng quản lý, cơ quan quản lý trại giam đang phải xây dựng một mạng lưới đối tác tích cực và phát triển nhiều biện pháp chuẩn bị tái hòa nhập trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trước hết, cần nhấn mạnh rằng các cơ quan quản lý trại giam chỉ can thiệp sau khi những hoạt động can thiệp của các cơ quan, tổ chức khác bị thất bại (gia đình, cơ quan giáo dục, tổ chức sử dụng lao động...). Thực ra, Xã hội yêu cầu cơ quan quản lý trại giam phải thành công:

- ở nơi mà chưa có ai làm được như vậy trong nhiều năm qua,
- trong điều kiện cưỡng chế, mà đây cũng là một khó khăn nữa trong quá trình chuẩn bị tái hòa nhập những người phạm tội,
- Người được giao cho cơ quan quản lý trại giam phụ trách có quy chế vừa là phạm nhân, vừa là người sử dụng, vừa là công dân,
- quy chế phạm nhân, bởi vì họ được giao cho cơ quan quản lý trại giam theo quyết định của tòa án. Do đó, họ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự,
- quy chế người sử dụng (tuy trong điều kiện cưỡng chế nhưng vẫn là người có quyền sử dụng) vì: trong tù, phạm nhân có một số quyền và nghĩa vụ nhất định nhằm đảm bảo các điều kiện thực thi nhiệm vụ của cơ quan quản lý trại giam: chế độ sinh hoạt, cách thức liên lạc với gia đình, chế độ kỷ luật và chế độ cách ly. Ví dụ, phạm nhân có quyền sử dụng nhà tiếp đón không có thiết bị an ninh, liên lạc qua điện thoại, không phải mặc đồng phục phạm nhân, được xem ti vi, quyền bố trí sắp xếp nhà giam dành cho mình trong trại giam....,
- quy chế công dân vì: đối với những quyền không bị tòa án quyết định tước hoặc hạn chế thì phạm nhân phải được tạo điều kiện để thực hiện trong tù

theo những phương thức gần như khi thực hiện ở ngoài cơ sở giam giữ. Bên cạnh đó là các quyền liên quan đến hoạt động văn hóa văn nghệ, học tập, học nghề, lao động, chăm sóc y tế, thực hiện quyền của cha mẹ đối với con...

Pháp luật về quản lý trại giam đang dần được sửa đổi bổ sung. Trước đây, do không có một khung pháp lý rõ ràng về vấn đề này, nên đôi khi người ta áp dụng một số quy tắc không nằm trong khuôn khổ chung của pháp luật. Ngày nay, nguyên tắc pháp luật thành văn, nguyên tắc tôn trọng quyền bào chữa của đương sự và các phương thức khiếu nại đã được ghi nhận trong thực tế quản lý trại giam. Ví dụ, tháng 4 năm 1996, thủ tục xử lý kỷ luật trong trại giam đã được sửa đổi với nhiều bổ sung quan trọng, như định nghĩa về lỗi, quy định rõ các hình thức xử lý kỷ luật, cho phép luật sư tham dự phiên họp của ủy ban kỷ luật và quy định các phương thức khiếu nại. Năm 2000, pháp luật trong lĩnh vực này được bổ sung thêm quy định về các biện pháp bảo đảm quyền bào chữa và quyền khiếu kiện ra tòa án hành chính về mọi quyết định xử lý kỷ luật đối với phạm nhân. Những sửa đổi bổ sung này là hệ quả của việc các tòa án hành chính ngày càng phải thụ lý giải quyết nhiều đơn kiện liên quan đến các quy tắc quản lý trại giam.

2.3.2. Chính sách xóa bỏ mọi ngăn cách và tái hòa nhập xã hội

Với nội dung chuyển một phần nhiệm vụ hiện do Cơ quan Quản lý trại giam đảm nhiệm ra các tổ chức bên ngoài trại giam thực hiện, chính sách xóa bỏ mọi ngăn cách có mục đích: hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ với chi phí thấp hơn, bố trí lại các phương tiện và điều kiện để tập trung vào một hoặc một số nhiệm vụ chủ chốt.

Thực tiễn quản lý trại giam hiện nay cho thấy các phạm nhân rồi sẽ có ngày được trở về với cuộc sống bên ngoài, và họ phải tiếp tục được hưởng những dịch vụ hoặc chương trình tương tự như những dịch vụ và chương trình có ở bên ngoài.

Các chương trình tái hòa nhập cho phạm nhân là một minh chứng cho chính sách xóa bỏ mọi ngăn cách. Từ chỗ "tự mình ôm đồm mọi việc", Cơ quan Quản lý trại giam đã tiến hành thương lượng để hợp tác với các đối tác trong từng lĩnh vực mà họ có nhiều kinh nghiệm. Những nhân viên hỗ trợ xã hội sẽ không phải phụ trách triển khai một hoạt động nào đó nữa, mà phải lập dự án và thương lượng với đối tác phù hợp nhất. Như vậy, bộ phận phụ trách tái hòa nhập và thử thách phải xác định các đối tượng mà dự án hướng tới, ước tính chi phí của dự án, tìm các nhà tài trợ và sau đó, trình bày với đối tác đánh giá hoạt động của dự án để có thể tiếp tục dự án. Ngoài ra, tương tự như đối với các cơ quan hành chính, trong hệ thống cơ quan quản lý trại giam cũng có chế độ báo cáo về việc sử dụng kinh phí nhà nước. Một chính sách hướng tới kết quả và mục tiêu cụ thể đang hình thành.

Sau đây là một vài ví dụ về cơ chế hoạt động nêu trên:

a. Giáo dục

54% số phạm nhân không có bằng cấp và 18% trong số họ bị xác nhận là người mù chữ khi mới vào trại giam (tỷ lệ này cao hơn mức trung bình cả nước). Mô hình giáo dục trong trại giam được triển khai trên cơ sở quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Cơ quan Quản lý trại giam và Bộ Giáo dục. Hai cơ quan đối tác này đã ký văn bản thỏa thuận đầu tiên với nhau vào năm 1972, với nội dung chủ yếu là tạo cơ sở để mời giáo viên của Bộ Giáo dục vào dạy cho phạm nhân trong trại giam, xác định những định hướng cũng như phương thức tổ chức việc dạy học cho phạm nhân nhằm giúp họ chuẩn bị thi lấy bằng cấp của Bộ Giáo dục. Hiện nay, gần 400 giáo viên đang dạy học cho phạm nhân trong tù. Năm 2005, 4760 phạm nhân đã tham gia thi ở cấp phổ thông hoặc đại học và 77% trong số đó đã thi đỗ.

b. Hoạt động văn hóa

Từ năm 1990, Bộ Tư pháp và Bộ Văn hóa đã ký thỏa thuận hợp tác thực hiện chính sách khuyến khích phát triển các chương trình hoạt động văn hóa dành cho những đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan Quản lý trại giam. Tổ chức các hoạt động văn hóa cho phạm nhân là một phần của chương trình tái hòa nhập cộng đồng. Trong trại giam, phạm nhân được tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong mọi lĩnh vực (sách báo, nghệ thuật tạo hình, kịch, âm nhạc, khiêu vũ, nghe nhìn), và được tham gia trực tiếp các hoạt động văn hóa văn nghệ. Tại nhà tù nào cũng có thư viện đặt dưới sự quản lý của những thủ thư chuyên nghiệp, họ cũng đảm nhiệm cả việc đào tạo nghề thủ thư cho phạm nhân. Hơn nữa, trại giam còn mời một số nghệ sĩ đến trại để biểu diễn hoặc tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ cho phạm nhân.

c. Dạy nghề

Hơn một nửa số phạm nhân khi vào trại có trình độ học vấn rất thấp và chưa được học nghề. Do đó, dạy nghề là một trong những công cụ chủ yếu để chuẩn bị tái hòa nhập cho phạm nhân. Những mục tiêu của hoạt động đào tạo nghề đã được xác định trong thỏa thuận ký giữa Bộ Tư pháp và Bộ Lao động và Xã hội, theo đó, ngoài mục tiêu trang bị kỹ năng nghiệp vụ cho phạm nhân, việc dạy nghề còn giúp cho chuẩn bị cho cuộc sống sau khi ra tù. Có nhiều lớp dạy nghề trong nhiều lĩnh vực khác nhau: xây dựng, điện, không gian xanh, nông nghiệp, thể thao, nghệ thuật. Năm 2005 hơn 17700 phạm nhân đã được dạy nghề.

d. Lao động

Lao động là một quyền của phạm nhân theo quy định tại Điều 720 và 720-1a của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hoạt động lao động trong tù được tổ chức trên cơ sở sự tự nguyện của phạm nhân. Phạm nhân tham gia lao động có thể được trả công và đặc biệt là được rèn luyện và nâng cao trình độ tay nghề để đảm

bảo vững chắc hơn cuộc sống sau này khi ra trại. Phạm nhân có thể làm việc cho các doanh nghiệp tư (nếu thuộc sự quản lý của các cơ sở bán giam giữ) hoặc cho cơ sở cung cấp việc làm cho phạm nhân được đặt trong các cơ sở thi hành án phạt tù. Năm 2004, hơn 20900 phạm nhân đã được làm việc trong tù. Tỷ lệ lao động được trả công là 38%. Một cơ chế đặc biệt đã được thiết lập trên cơ sở văn bản thỏa thuận hợp tác giữa Cơ quan Quản lý trại giam với Cơ quan Việc làm quốc gia (ANPE), nhằm giúp cho các phạm nhân có điều kiện tiếp cận với nhiều dịch vụ khác nhau của ANPE và chuẩn bị trước việc làm sau khi ra trại.

e. Hoạt động thể dục thể thao

Phát triển hoạt động thể dục thể thao cũng là một bộ phận quan trọng trong chính sách tái hòa nhập của Vụ Quản lý trại giam. Năm 1986, Vụ Quản lý trại giam và Bộ Thanh thiếu niên và Thể thao đã ký một thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực này. Đến tháng 1 năm 2004, 14 Liên đoàn thể thao cũng đã ký thỏa thuận hợp tác với Vụ Quản lý trại giam. Các thỏa thuận này nhấn mạnh đến vai trò của hoạt động thể thao như một biện pháp tái hòa nhập hiệu quả. Mọi hoạt động thể dục thể thao được triển khai trong khuôn viên các cơ sở giam giữ (như bóng bàn, bóng đá, bóng chày, yoga...) hoặc ở bên ngoài (như leo núi, bơi thuyền, thuyền buồm...) đều nhằm mục đích chủ yếu là duy trì sự cân bằng và cải thiện sức khỏe cho phạm nhân.

f. Duy trì liên lạc với gia đình

Cho phép phạm nhân tăng cường liên lạc với gia đình là một trong những ưu tiên hàng đầu của Bộ Tư pháp. Chính sách này góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách tái hòa nhập và đã thu hút được sự tham gia của đông đảo đối tác: chính quyền địa phương và các đoàn thể. Có hai biện pháp tăng cường liên lạc với gia đình phạm nhân:

chế độ đón tiếp gia đình phạm nhân vào thăm gặp phạm nhân: Cơ quan Quản lý trại giam chủ trương trong các cơ sở giam giữ mới đều sẽ bố trí nơi đón tiếp gia đình phạm nhân trước và sau khi thăm gặp phạm nhân. Biện pháp này tạo điều kiện cho gia đình phạm nhân được trao đổi với quản giáo hoặc nhân viên hỗ trợ xã hội về những khó khăn gặp phải trong quá trình giam giữ người thân của mình. Chi phí xây dựng những nơi tiếp đón này do các hội, đoàn thể và chính quyền địa phương tài trợ trên cơ sở những thỏa thuận cụ thể.

duy trì quan hệ giữa phạm nhân và con của phạm nhân: hoạt động duy trì liên lạc với gia đình bao gồm cả việc cho phép phạm nhân thực hiện quyền của cha mẹ và việc đón tiếp con của phạm nhân vào thăm cha mẹ bị giam giữ. Hai nội dung hoạt động này vượt quá khả năng của Cơ quan quản lý trại giam và đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều đối tác khác: chính quyền địa phương, các cơ quan giáo dục, đoàn thể. Trong các cơ sở giam giữ hiện nay đều đã bố trí các phòng đón tiếp riêng với những không gian

gần gũi, ấm cúng, phù hợp cho trẻ con gặp cha mẹ. Hơn nữa, một hội có tên là "Liên đoàn cầu nối giữa con và cha mẹ" cũng đứng ra tổ chức việc đi lại cho trẻ ở quá xa nơi giam giữ hoặc nơi cách ly cha mẹ chúng.

g. Chăm sóc y tế

Nhìn chung, trước khi bị giam giữ, các phạm nhân đều có vấn đề về sức khỏe:

1/3 số phạm nhân đã uống quá nhiều rượu,

1/3 thường xuyên sử dụng ma túy trong một thời gian dài,

15% phạm nhân không có nhà ở,

40% phạm nhân đã phải điều trị tâm thần trước khi vào tù,

10% phạm nhân vị thành niên thường xuyên phải điều trị tâm thần hoặc phải nhập viện để điều trị tâm thần 1 năm trước khi bị giam giữ.

Để đảm bảo cho phạm nhân được tiếp tục hưởng dịch vụ chăm sóc y tế giống như mọi người dân khác, ngày 18-1-1994, nước Pháp đã ban hành một đạo luật theo đó các bệnh viện có thêm nhiệm vụ chăm sóc phạm nhân và đảm bảo cho họ chế độ bảo hiểm xã hội giống như mọi người. Trước cuộc cải cách này, đội ngũ y bác sĩ đều là nhân viên của cơ quan quản lý trại giam và các cơ sở chăm sóc y tế thường không đảm bảo yêu cầu khám chữa bệnh. Bên cạnh các khó khăn về cơ sở vật chất còn xuất hiện các khó khăn khác do sự phát triển và gia tăng của một số loại bệnh đặc biệt như các bệnh liên quan đến virus HIV.

Luật ngày 18-1 nhằm đảm bảo cho tù nhân được tiếp tục hưởng sự chăm sóc y tế ngang bằng với những gì mà mọi người dân Pháp đang được hưởng. Ưu điểm của đạo luật này dựa trên các nguyên tắc sau:

Việc tổ chức và triển khai công tác chăm sóc phạm nhân được giao cho các bệnh viện chứ không còn thuộc về trách nhiệm của cơ sở giam giữ. Quan hệ giữa bác sĩ với bệnh nhân vẫn được coi là bí mật nghề nghiệp. Các quy định về đạo đức y học được áp dụng, ngay cả khi cần đảm bảo các quy định về an ninh,

Mọi phạm nhân đều được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội ngay khi bị đưa vào cơ sở giam giữ,

Việc chăm sóc y tế bao gồm cả chăm sóc thể chất và chăm sóc tinh thần. Công tác này cũng liên quan cả công tác điều trị, phòng chống và đảm bảo cho phạm nhân một sức khỏe tốt để ra tù,

Cơ chế kết hợp đội ngũ y bác sĩ của bệnh viện và của cơ sở giam giữ buộc các đội ngũ này phải hợp tác chặt chẽ với nhau trên cơ sở tôn trọng nhân phẩm con người. Cơ chế này cũng đòi hỏi sự phối hợp với dự án hỗ trợ tái hòa nhập xã hội.

Mỗi cơ sở giam giữ có một đơn vị khám chữa bệnh lưu động (UCSA). Đơn vị này đảm bảo công tác chăm sóc và điều trị cả những chấn thương về thể chất và tinh thần. Đơn vị cũng có nhiệm vụ theo dõi tình hình sức khỏe của phạm nhân sau khi ra tù. Trong trường hợp cần thiết, phạm nhân được nhập viện để điều trị. Hiện nay, chúng tôi đang xây dựng các đơn vị đặc biệt (được đảm bảo về mặt an ninh) để một mặt, đảm bảo các điều kiện chăm sóc, điều trị cho phạm nhân, mặt khác, đảm bảo được khía cạnh an ninh.

Các cơ sở điều trị tâm thần lưu động chịu sự quản lý của Cơ quan y học tâm lý cấp vùng. Trường hợp nhập viện có sự đồng ý của bệnh nhân thuộc trách nhiệm của Cơ quan y học tâm lý cấp vùng. Trường hợp nhập viện không có sự đồng ý của bệnh nhân được thực hiện theo cơ chế cưỡng chế điều trị tại cơ sở y tế.

2.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra các cơ sở giam giữ

Phạm nhân được pháp luật bảo vệ các quyền cơ bản của con người giống như mọi người dân. Cơ quan quản lý trại giam phải thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, Hiến pháp và các công ước quốc tế về quyền con người. Cơ quan quản lý trại giam cũng có trách nhiệm tôn trọng nhân phẩm của con người. Các phương thức thanh tra, kiểm tra cơ sở giam giữ được quy định tại nhiều Điều khác nhau trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Nhằm bảo vệ hiệu quả các phạm nhân, nước Pháp triển khai nhiều cơ chế thanh tra, kiểm tra khác nhau:

2.4.1. Phòng Thanh tra trại giam

Phòng Thanh tra trại giam có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra các cơ quan quản lý trại giam ở cấp địa phương và trường Đào tạo cán bộ quản lý trại giam. Trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của mình, Phòng chịu trách nhiệm về công tác giám sát việc tuân thủ các văn bản pháp luật; tham vấn và ra các quyết định, chỉ thị; tư vấn về mặt kỹ thuật cho Giám đốc các cơ sở giam giữ và tổ chức các đoàn thanh tra thực địa. Phòng Thanh tra trại giam cũng có nhiệm vụ liên hệ với các Phòng Thanh tra của các cơ quan khác. Phòng Thanh tra chịu sự quản lý của một thẩm phán; người này là thành viên của Tổng thanh tra các hoạt động tư pháp và do Chương ấn chỉ định.

2.4.2. Vai trò của thẩm phán

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự, Chánh Tòa, thẩm phán điều tra, thẩm phán về trẻ vị thành niên, Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm và phúc thẩm có nhiệm vụ thường xuyên thanh tra thực địa các cơ sở giam giữ. Khi tiến hành thanh tra, họ được phép tiếp xúc riêng với phạm nhân. Cần lưu ý rằng đại diện của cơ quan tư pháp ở địa phương là thành viên của Ủy ban Kiểm tra, giám sát.

2.4.3. Ủy ban Kiểm tra, giám sát

Mỗi cơ sở giam giữ đều có một Ủy ban Kiểm tra, giám sát. Ủy ban này do Tỉnh trưởng đứng đầu và tập hợp đại diện các cơ quan tư pháp và hành chính ở địa phương (Chánh án, Viện trưởng Viện Công tố, thẩm phán khác, luật sư, Thị trưởng, đại diện các Hiệp hội, cảnh sát, hiến binh...).

Ủy ban Kiểm tra, giám sát họp mỗi năm ít nhất một lần: tại kỳ họp, Ủy ban lắng nghe báo cáo của Giám đốc cơ sở giam giữ và của tất cả những người có khả năng cung cấp những thông tin hữu ích đối với công tác của Ủy ban. Ủy ban cũng có nhiệm vụ tiến hành kiểm tra, giám sát thực địa đối với cơ sở giam giữ và tiếp nhận yêu cầu của phạm nhân.

Cuối cùng, Ủy ban có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức nội bộ của cơ sở giam giữ như vệ sinh, an ninh, chế độ ăn uống, tổ chức chăm sóc phạm nhân, tổ chức làm việc, kỷ luật và tái hòa nhập xã hội để báo cáo với Chương ăn và đưa ra những đề xuất phù hợp.

2.4.4. Nghị sĩ

Từ 15-6-2000, các nghị sĩ có quyền khảo sát thực địa các cơ sở giam giữ, trại câu giam và nhà tù vào bất cứ thời điểm nào. Khi tiến hành khảo sát, nghị sĩ phải được đón tiếp bởi Giám đốc cơ sở giam giữ và được một nhân viên của cơ sở dẫn đi khảo sát. Nghị sĩ phải tuân thủ các quy định về an ninh giống như khách tham quan. Tuy nhiên, nghị sĩ được phép tiếp xúc riêng với phạm nhân.

2.4.5. Các cơ quan thanh tra cấp Bộ khác

Các cơ quan khác có liên quan đến hoạt động của các cơ sở giam giữ được phép tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ sở này. Các cơ quan này bao gồm:

Thanh tra lao động, phụ trách kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện về vệ sinh và an toàn lao động,

Thanh tra xã hội, phụ trách kiểm tra các điều kiện y tế dành cho phạm nhân,

Thanh tra giáo dục, phụ trách kiểm tra các điều kiện giáo dục,

Thanh tra về chế độ dinh dưỡng đối với phạm nhân.

2.4.6. Ủy ban quốc gia về đạo đức trong hoạt động quản lý an ninh

Được thành lập vào tháng 6-2003, Ủy ban quốc gia về đạo đức trong hoạt động quản lý an ninh có nhiệm vụ giám sát vấn đề đạo đức đối với những người hoạt động trong lĩnh vực quản lý an ninh. Ủy ban này bao gồm 8 thành viên, với nhiệm kỳ 6 năm: Chủ tịch Ủy ban do Tổng thống bổ nhiệm, 1 thượng nghị sĩ, 1 hạ nghị sĩ, 1 thẩm phán Tòa án Hành chính tối cao, 1 thẩm phán của Tòa án Tư pháp tối cao, 1 thẩm phán của Tòa Kiểm toán; hai thành viên còn lại do 6 thành viên kể trên chỉ định. Mọi nạn nhân hoặc nhân chứng của hành vi vi phạm quy chế đạo đức có quyền tố cáo hành vi này lên ủy ban

quốc gia. Việc tố cáo được thực hiện thông qua hạ nghị sĩ hoặc thượng nghị sĩ. Thủ tướng và các thành viên của Nghị viện cũng có quyền yêu cầu sự can thiệp của Ủy ban này. Các cơ quan công quyền có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban thực hiện nhiệm vụ của mình.

Sau khi tiếp nhận tố cáo hoặc yêu cầu can thiệp, Ủy ban sẽ ra văn bản hoặc khuyến cáo nhằm xử lý hành vi vi phạm. Ủy ban cũng có thể lập báo cáo đặc biệt và đăng trên Công báo.

2.4.7. Ủy ban Châu Âu về phòng chống tra tấn

Ủy ban Châu Âu về phòng chống tra tấn và các hình phạt vô nhân đạo, xúc phạm nhân phẩm con người được thành lập năm 1989, theo Công ước Châu Âu về phòng chống tra tấn và đối xử vô nhân đạo. Công ước này bắt nguồn từ Điều 3 Công ước Châu Âu về quyền con người: "Không ai phải chịu tra tấn hoặc các hình phạt hoặc đối xử vô nhân đạo hay xúc phạm nhân phẩm con người".

Ủy ban Châu Âu về phòng chống tra tấn là một tổ chức không mang tính tư pháp, bao gồm các chuyên gia của nhiều nước khác nhau có nhiệm vụ phòng chống tra tấn. Ủy ban này được phép khảo sát thực địa các cơ sở giam giữ (nhà tù, trụ sở cảnh sát, bệnh viện tâm thần, phòng kỷ luật quân nhân...) Khi tiến hành khảo sát, Ủy ban được phép tự do đi lại tại cơ sở giam giữ và tiếp xúc riêng với mọi cá nhân. Khi kết thúc chuyến khảo sát, Ủy ban lập báo cáo và yêu cầu Chính phủ có liên quan phải giải trình. Báo cáo và giải trình được công bố công khai.

Trên đây, tôi đã trình bày xong với các quý vị về cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý trại giam Cộng hòa Pháp. Tính đến nay, cơ quan này trải qua được hơn 2 thế kỷ hình thành và phát triển và vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện. Tin tưởng vào con người, hướng dẫn người phạm tội cải tạo tốt để nhanh chóng hòa nhập xã hội trên cơ sở vẫn bảo vệ tốt quyền lợi của mọi công dân là sự lựa chọn của nước Pháp.

TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG HÒA HUNGARI**Szeplaki-Nagy Gábor**

*Thẩm phán cao cấp
Chánh Văn phòng, Tòa án tối cao
Hungari*

Kính thưa quý vị đại biểu,

Trước tiên, cho phép tôi được cảm ơn Nhà Pháp luật Việt-Pháp đã mời tôi tham dự Hội thảo này với tư cách là chuyên gia. Về mặt địa lý, Hungari cách rất xa đất nước Việt Nam tuy nhiên Hungari không phải là một nước xa lạ với các bạn bởi đã có thời kỳ cả hai nước chúng ta đều thuộc khối xã hội chủ nghĩa. Hungari đã thực hiện việc chuyển đổi sang Nhà nước Pháp quyền từ những năm 90. Tôi hy vọng những kinh nghiệm mà đất nước mình đã trải qua có thể có ích cho các bạn trong việc tiếp tục sự nghiệp cải cách hiện nay, đặc biệt là việc thay đổi hệ thống cơ sở giam giữ.

Trước tiên, tôi trình bày sơ qua về giai đoạn lịch sử gần đây của Cộng hòa Hungari, đó là giai đoạn sau khi Đại chiến thứ hai kết thúc, Hungari chuyển sang một chế độ chính trị mới.

Song song với tiến trình cải cách hệ thống các cơ sở giam giữ của các nước Tây Âu, từ năm 1949, đất nước tôi cũng có một bước ngoặt quan trọng trong lĩnh vực này nhưng hoàn toàn ngược lại với mô hình hệ thống các cơ sở giam giữ và chính sách hình sự của Tây Âu. Chính sách hình sự của chúng tôi dựa trên hệ tư tưởng của Xtalin về chính sách hình sự, thời kỳ đó được áp dụng tại Liên bang Xô Viết, đó là chính sách phòng ngừa trấn áp. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1951, chúng tôi bãi bỏ hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự cũ và chỉ giữ lại một hình thức tước quyền tự do, gọi là "tù giam". Cơ sở lý luận của việc cải cách này là trong Bộ luật hình sự cũ có quá nhiều chế độ giam giữ. Tuy nhiên, sự thật là người ta muốn chuẩn bị cho việc huy động ồ ạt người bị kết án đến *những trại cải tạo lao động*. Theo mô hình của Liên Xô, từ năm 1949, các nhà máy, hầm mỏ, xí nghiệp sản xuất, chế biến bắt đầu tổ chức theo mô hình trại cải tạo. Đến cuối năm 1952, *các cơ quan quản lý trại cải tạo lao động* xuất hiện khắp nơi. Thời kỳ đó, có tới 45 cơ quan quản lý các trại cải tạo lao động, chúng tôi cần một số lượng lớn cơ quan quản lý các trại cải tạo lao động bởi số người bị kết án lên tới 60.000 người và hơn 100.000 người đang bị giam giữ. Tất cả những người này đều phải làm việc trong những công trường xây dựng, hầm mỏ và phục vụ hoạt động tái thiết thủ đô sau chiến tranh.

Việc cải cách đó không chỉ ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống các cơ sở giam giữ mà còn tác động đến những người làm việc trong lĩnh vực này. Trong giai

đoạn từ 1949 đến 1950, tất cả các quản giáo, giám thị trại giam đều bị thay đổi, những người mới được tuyển dụng trên cơ sở lòng trung thành về mặt chính trị của họ.

Tháng 10 năm 1956, đã nổ ra một cuộc cách mạng chống lại hệ thống cơ sở giam giữ theo mô hình của Xtalin, tuy nhiên, cuộc cách mạng này đã bị dập tắt, việc tiếp tục duy trì mô hình này đã bộc lộ hai phương diện: một mặt, đó là thái độ thù hằn dai dẳng đối với những kẻ thù chính trị, mặt khác, nó thể hiện ý định giáo dục, giúp đỡ đối với những người phạm tội thuộc tầng lớp công nhân. Cuộc cách mạng năm 1956 đã bị trả thù rất tàn nhẫn, 350 người bị tử hình và 11 nghìn người bị bắt giam.

Năm 1963, nền kinh tế ổn định cho phép điều chỉnh chính sách hình sự. Bắt đầu từ đó, hệ thống các cơ sở giam giữ không còn thuộc Bộ Nội vụ mà trực thuộc Bộ Tư pháp. Sự thay đổi này chứng tỏ việc thi hành hình phạt là một bộ phận không thể tách rời của ngành tư pháp.

Tôi xin kết thúc phần này và chuyển sang giới thiệu về cơ cấu, tổ chức hệ thống các cơ sở giam giữ của Hungari hiện nay.

Như tôi đã đề cập đến, từ năm 1963, hệ thống các cơ sở giam giữ thuộc sự quản lý của Bộ Tư pháp, như vậy ngân sách của Bộ Tư pháp bao gồm cả ngân sách của Cục quốc gia về quản lý trại giam.

Cục quốc gia về quản lý trại giam là một đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, tuy nhiên nó không thuộc quân đội và cũng không thuộc lực lượng cảnh sát. Người đảm bảo cho hoạt động hợp pháp của Cục quốc gia về quản lý trại giam là Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Luật số CVII năm 1995 về cơ cấu tổ chức của Cục quốc gia về quản lý trại giam quy định về quy chế, về việc điều hành và quản lý. Trước năm 1995, sắc luật số 24 năm 1963 vẫn là văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề này. Chính từ Sắc luật này mà Cục quốc gia về quản lý trại giam chuyển sang trực thuộc Bộ Tư pháp.

Như vậy, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp đối với lĩnh vực quản lý trại giam gồm:

- xây dựng và pháp điển hóa pháp luật về lĩnh vực quản lý trại giam;
- quy định nhiệm vụ và ra chỉ thị để thực thi chính sách về trại giam do Chính phủ ban hành trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- kiểm tra, giám sát công tác quản lý và thông qua các kế hoạch phát triển;
- quyết định việc thành lập mới trại giam hoặc đóng cửa trại giam hiện có;
- Xác định phương hướng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhân viên làm việc tại trại giam;
- có một số quyền như người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

- có quyền bãi bỏ hoặc sửa đổi các quyết định trái pháp luật của Cục trưởng Cục quốc gia về quản lý trại giam;
- Có quyền xem xét lại các quyết định của Cục trưởng Cục quốc gia về quản lý trại giam trừ trường hợp quyết định đó đã được khởi kiện ra tòa hành chính;
- Áp dụng các biện pháp nhằm kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý trại giam.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ được ban hành các văn bản hành chính cá biệt thông qua Cục trưởng Cục quốc gia về quản lý trại giam.

Cục trưởng Cục quốc gia về quản lý trại giam là người lãnh đạo cơ quan quản lý trại giam trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Cục quốc gia về quản lý trại giam có 10 Phòng và 12 ban. Giúp việc cho Cục trưởng Cục quốc gia về quản lý trại giam có Văn phòng Cục và 2 Phó Cục trưởng, trong đó 1 người phụ trách các vấn đề về kinh tế.

Những người làm việc tại Cục quốc gia về quản lý trại giam là công chức nhưng được hưởng quy chế riêng trong khi đó những người làm việc tại các cơ quan ở địa phương là công chức theo quy chế chung về công chức nhà nước.

Bộ luật về thi hành hình phạt tù (thay thế sắc luật số 11 năm 1979 về thi hành hình phạt và các biện pháp hình sự khác, đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần những năm gần đây) được coi là có nhiều đổi mới, dành cho người bị giam giữ nhiều quyền hơn và quy định về thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự.

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự là cầu nối giữa Bộ Tư pháp và Cục quốc gia về quản lý trại giam bởi vì thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự không chỉ chịu trách nhiệm giám sát việc thi hành án phạt tù mà còn giám sát việc thi hành các biện pháp thử thách hoặc hình phạt lao động công ích. Việc áp dụng hình phạt lao động công ích thay thế cho hình phạt tù phải do người bị kết án tự nguyện. Bởi vì đây là hình thức lao động không được trả thù lao, vì lợi ích của một tổ chức nhà nước hoặc hiệp hội.

Mục đích: tái hòa nhập xã hội. Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có thể quyết định về việc áp dụng hình phạt không giam giữ, về việc giảm hình phạt và cho phép người đang bị giam giữ ra ngoài.

Ở Hungari, thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự trực thuộc tòa án tỉnh (tương đương với Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng của Pháp). Trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật, thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có quyền cho phép người đang chấp hành án phạt tù được ra ngoài làm việc có giám sát, có quyền áp dụng hình thức giam giữ theo chế độ bán thời gian, có quyền giảm hình phạt, chia nhỏ hình phạt, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, cho phép người bị giam giữ ra ngoài vì việc riêng có người giám sát hoặc không có người giám sát, áp dụng biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện hoặc yêu cầu tòa án có thẩm quyền điều chỉnh hình phạt. Theo đề nghị của cơ sở giam giữ, thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có

quyền quyết định về việc giảm hình phạt và cho phép người đang bị giam giữ ra ngoài.

Căn cứ vào đề nghị của cơ sở giam giữ, thẩm phán phụ trách thi hành án sẽ chủ động ra quyết định cho phép, hoãn, từ chối, rút lại hoặc hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp cho phép người bị giam giữ ra ngoài làm việc có giám sát, biện pháp giam giữ bán thời gian, chia nhỏ hình phạt, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện. Quyết định phải nêu rõ căn cứ. Quyết định này được đưa ra sau khi tham khảo ý kiến của Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội và sau khi thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự nghe ý kiến của Viện Công tố, ý kiến của người bị kết án hoặc luật sư của người này trong trường hợp cần thiết tại phòng nghị án.

Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày quyết định của thẩm phán phụ trách thi hành án được tổng đạt, người bị kết án hoặc Viện Công tố có quyền kháng cáo, kháng nghị quyết định đó theo thủ tục phúc thẩm trước Tòa phúc thẩm Tòa án tỉnh. Quyết định được xem xét theo thủ tục không công khai.

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự cũng có thể quyết định về việc áp dụng các biện pháp nói trên mà không cần thông qua thủ tục thảo luận nếu được sự đồng ý của Viện Công tố và người bị kết án hoặc luật sư của họ.

Quyết định của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự có hiệu lực thi hành tạm thời. Sắc luật nói trên cũng có những quy định hướng dẫn thi hành bằng việc quy định chi tiết nơi thảo luận về những vấn đề liên quan đến người bị kết án đang chấp hành phạt tù dưới sự chủ tọa của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự, ví dụ việc cung cấp chứng cứ.

Nhìn chung, thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự giải quyết các vấn đề liên quan đến người đang chấp hành hình phạt thông qua các quyết định. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vai trò của thẩm phán phụ trách thi hành án ngày càng được nâng cao bởi hiện nay các biện pháp thay thế cho hình thức giam giữ ngày càng phát triển (tha tù trước thời hạn có điều kiện, lao động công ích, cấm cư trú, cho hưởng án treo có thời gian thử thách ...). Việc giám sát thi hành những biện pháp này thuộc thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự với sự hỗ trợ của **Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội**.

Sau khi có quyết định của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự, Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội có trách nhiệm áp dụng những biện pháp giúp đỡ, kiểm tra và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của người bị kết án. Cơ quan này còn phải áp dụng các biện pháp giúp đỡ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những người do họ quản lý trong việc tái hòa nhập xã hội, cụ thể:

➤ Kiểm soát tư pháp theo sự ủy quyền của cơ quan tư pháp;

- Hoãn chấp hành hình phạt có thử thách: sau khi có đủ căn cứ về hành vi phạm tội của bị can, tòa án tiểu hình có thể hoãn việc tuyên hình phạt và cho phép người đó được hưởng chế độ thử thách trong một thời hạn xác định dưới sự giám sát của thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự. Hết thời gian thử thách, tòa án sẽ tuyên hình phạt;
- Lao động công ích: là việc thực hiện một công việc không được trả thù lao vì lợi ích của địa phương, hiệp hội hoặc cơ sở nhà nước. Lao động công ích có thể là một hình phạt thay thế hoặc là một nghĩa vụ bổ sung cho hình phạt tù cho hưởng án treo;
- Án treo có thời gian thử thách: là biện pháp tạm đình chỉ toàn bộ hoặc một phần việc chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, người được hưởng án treo sẽ phải chịu các biện pháp giám sát trong thời gian từ 3 đến 5 năm và những nghĩa vụ khác quy định trong bản án;
- Tha tù trước thời hạn có điều kiện;
- Hỗ trợ cho những người bị giam giữ được ra ngoài vì việc riêng.

Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội là thành quả duy nhất đạt được trong cuộc cải cách đầy tham vọng được tiến hành ngày 1 tháng 7 năm 2003. Cơ quan này được thành lập trên cơ sở hai cơ quan quản lý người chưa thành niên và người thành niên phạm tội hoạt động độc lập trong những năm 1970 và chịu sự quản lý của Bộ Tư pháp. Những nỗ lực hiện đại hóa Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội nhằm những mục tiêu sau:

- Chia sẻ phương tiện và hoạt động giữa các nhân viên phụ trách giám sát việc thử thách tại cộng đồng và tại nơi giam giữ nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa các phương pháp làm việc và việc hỗ trợ liên tục về mặt xã hội và giáo dục trong cũng như bên ngoài các cơ sở giam giữ,
- Tập trung các phương tiện nói trên vào một đơn vị hành chính có thẩm quyền trên toàn quốc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp hài hòa nhiệm vụ tái hòa nhập, nhiệm vụ được giao cho cơ quan quản lý trại giam và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi các chính sách của nhà nước về hoạt động xã hội và phòng ngừa tội phạm,
- Xác định một cách cụ thể, rõ ràng vị trí của Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội trong hệ thống các cơ quan quản lý trại giam nhằm dành cho Cơ quan này vai trò lớn hơn trong mối quan hệ với các đối tác khác như các cơ quan tư pháp, cơ sở giam giữ, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, tổ chức xã hội.

Hệ thống trại giam

Theo quy định của Bộ luật hình sự, các tòa hình sự được phép áp dụng các hình phạt sau với tư cách là hình phạt chính:

- Tước quyền tự do,

- Lao động công ích,
- Phạt tiền.

Theo điều 135 Luật số XIX năm 1998, Bộ luật tố tụng hình sự, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005, việc giam giữ trước khi xét xử được thực hiện tại các trại tạm giam.

Hình phạt tước quyền tự do có thể có thời hạn xác định hoặc chung thân. Các hình phạt tù có thời hạn từ 15 năm đến 30 năm hoặc hình phạt tù chung thân phải được thi hành trong trại giam. Người bị kết án tù chung thân, tùy trường hợp, có thể được tạm đình chỉ việc thi hành án, chia nhỏ việc thi hành án, được ra ngoài làm việc dưới sự giám sát của trại giam, được ra ngoài về việc riêng, được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quyết định của thẩm phán xét xử. Tuy nhiên, từ năm 1998, người bị kết án tù chung thân không được hưởng biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Từ năm 1990, Hungari đã bãi bỏ hình phạt tử hình. Trong bản án 23/1990 (X.31) AB, Tòa án Hiến pháp cho rằng hình phạt tử hình trái với Hiến pháp do đó đã bãi bỏ các quy định liên quan đến thi hành hình phạt tử hình trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự. Việc bãi bỏ có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 10 năm 1990.

Trong bản án nêu trên, Tòa án Hiến pháp đã viện dẫn điều 8.2) Hiến pháp. Điều luật này quy định: "Tại nước Cộng hòa Hungari, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người được quy định trong luật. Tuy nhiên, luật không được phép hạn chế nội dung chính của bất kỳ quyền cơ bản nào".

Tòa án Hiến pháp cho rằng các quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt tử hình và các văn bản liên quan trái với quy định về việc cấm hạn chế nội dung chính của quyền sống và quyền được tôn trọng về nhân phẩm.

Chúng tôi có thể khẳng định rằng việc bãi bỏ hình phạt tử hình là thành tựu của cuộc cải cách Hiến pháp trong nước đồng thời việc bãi bỏ hình phạt này trong hệ thống hình phạt là một minh chứng cho việc Hungari thực hiện các cam kết quốc tế.

Tuy nhiên, việc bãi bỏ hình phạt tử hình cũng gặp phải sự phản đối mạnh mẽ của người dân. Một số người lo ngại rằng tình trạng tội phạm sẽ tăng lên, đặc biệt là những loại tội phạm trước đây bị kết án tử hình. Đó chính là lý do giải thích cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hình phạt tù chung thân đặc biệt quy định về việc người đang chấp hành hình phạt này sẽ không được hưởng biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Như tôi đã đề cập ngay trong phần mở đầu, đầu những năm 1950, chế độ mới đã bãi bỏ toàn bộ hệ thống hình phạt của Bộ luật hình sự cũ và chỉ quy định một loại hình phạt tước quyền tự do duy nhất, gọi là tù giam. Đầu những năm 1970, khi tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, chúng tôi đã khôi phục

lại những loại hình phạt đã từng áp dụng trước đây và quy định các chế độ giam giữ khác nhau gồm:

- Giam giữ trong Nhà lao có lao động;
- Giam giữ trong Nhà lao có lao động cưỡng bức;
- Giam giữ trong Đền lao;
- Giam giữ trong trại giam.

Năm 1975, do tình hình quốc tế bất ổn, chúng tôi bắt đầu tiến hành cải cách hệ thống cơ sở giam giữ trên cơ sở Khuyến nghị của Hội đồng Châu Âu về các chuẩn mực áp dụng đối với cơ sở giam giữ. Sau cuộc cải cách này, năm 1979 chúng tôi đã thông qua Bộ luật về thi hành hình phạt tù. Năm 1978, chúng tôi lại tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, tại lần sửa đổi này chúng tôi đã bãi bỏ bớt chế độ giam giữ và chỉ giữ lại 3 chế độ khác nhau:

- Đền lao: là nơi tiếp nhận những phạm nhân khó cải tạo nhất. Chế độ giam giữ chủ yếu tập trung vào việc đảm bảo an ninh. Việc thiết lập những khu có hệ thống an ninh cao ngay trong các đền lao cho phép cách ly những đối tượng nguy hiểm nhất. Một số tù nhân còn phải chịu cơ chế giám sát đặc biệt. Trong trường hợp này, việc đi lại của phạm nhân trong trại giam sẽ bị hạn chế, họ chịu sự giám sát liên tục và không được phép làm việc. Cơ chế này chỉ áp dụng đối với những phạm nhân bạo lực hoặc có thể bỏ trốn. Những phạm nhân khác được giam giữ theo chế độ bình thường hoặc tại những khu cách ly. Tại khu cách ly, chế độ giam giữ khắt khe hơn.
- Nhà tù là nơi tiếp nhận phạm nhân tái phạm.
- Trại tạm giam tiếp nhận các bị cáo và những người bị kết án mà phần hình phạt còn lại có mức dưới 1 năm.

Người chưa thành niên phạm tội và phạm nhân nữ chấp hành hình phạt tù trong những trại giam riêng.

Liên quan đến người chưa thành niên phạm tội, tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự là từ 14 tuổi. Người chưa thành niên dưới 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự. Chúng tôi cũng có những quy định riêng về việc người chưa thành niên chấp hành hình phạt. Khi người bị kết án là người chưa thành niên được đưa vào một cơ sở giam giữ, thì trong thời hạn 72 giờ, phải thông báo cho tổ chức giám hộ có thẩm quyền nơi cư trú của người chưa thành niên phạm tội và đại diện hợp pháp của người đó. Hiện nay, tại các trại giam ở Hungari có một số lượng lớn người bị giam giữ là người chưa thành niên. Những người này được tham gia học tập và được hưởng những chế độ đối xử khác nhau áp dụng đối với các nhóm phạm nhân khác nhau.

Hiện nay, ở Hungari có 32 trại giam cụ thể:

- 15 trại giam cấp quốc gia và khu vực;

- 17 trại giam thuộc tỉnh;
- người chưa thành niên chấp hành hình phạt tại 2 trại giam cấp vùng và 1 trại giam cấp quốc gia.

Ngoài ra, còn có 3 Trung tâm giáo dục người chưa thành niên tuy nhiên Trung tâm này không trực thuộc Cục quốc gia về quản lý trại giam mà do Bộ Gia đình, Xã hội và Người chưa thành niên quản lý.

Hiện tại, ở Hungari có 7 cơ sở liên kết và nhiều cơ sở về việc làm cho người bị giam giữ, các cơ sở này chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ cho người bị giam giữ, đảm nhiệm hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ đó, quản lý và hỗ trợ phát triển các hoạt động về việc làm và đào tạo, đặc biệt là tại các cơ sở thi hành hình phạt, quản lý hoạt động sản xuất tại các cơ sở giam giữ.

Ngoài ra, tôi xin trình bày về đến cơ chế kiểm tra, giám sát của cơ quan bên ngoài đối với hoạt động thi hành án hình sự.

- Theo những sửa đổi, bổ sung Hiến pháp gần đây nhất (Luật số LIX 1997, Chương XI, điều 51 khoản 3), nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thi hành án hình sự được giao cho một tổ chức hoàn toàn độc lập, thuộc sự quản lý của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa án tối cao. Chỉ thị số 1/1990 của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa án tối cao quy định về hệ thống hoạt động kiểm tra, giám sát. Theo Chỉ thị này, tất cả các công tố viên (dân chính và quân sự) có nghĩa vụ thực hiện việc kiểm tra các trung tâm giam giữ và trại giam ít nhất mỗi năm 1 lần. Hàng năm, các Viện Công tố phải gửi cho Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa án tối cao một báo cáo đầy đủ trong đó trình bày đánh giá, nhận xét về tình hình thi hành hình phạt, đưa ra sáng kiến về việc các biện pháp kỷ luật, đề xuất những biện pháp mới liên quan hoạt động nghề nghiệp. Bản báo cáo tóm tắt sẽ được công bố rộng rãi.
- Theo quy định tại Chương V Hiến pháp sửa đổi, Hungari đã thiết lập một cơ chế "Ủy viên nghị viện" gồm có 2 người, trong đó, một người phụ trách về các vấn đề bảo vệ quyền con người, một người phụ trách việc bảo vệ quyền của các dân tộc thiểu số. Ủy viên nghị viện về bảo vệ quyền con người có nhiệm vụ điều tra về mọi hành vi xâm phạm quyền con người đã được ghi nhận trong Hiến pháp, cụ thể là các quyền cơ bản quy định tại các điều từ 54 đến 70 của Chương XII. Đặc biệt, cần phải quan tâm đến quy định khoản 1 và 2 điều 54, theo đó, tất cả mọi người đều có quyền sống và quyền được tôn trọng nhân phẩm, quyền không bị tra tấn, bị trừng phạt hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân tính và bị lăng nhục. Một trong những nhiệm vụ chính của Ủy viên nghị viện là đảm bảo việc tôn trọng tính tối thượng của quyền nói trên, khái niệm này bao hàm cả việc đảm bảo an toàn thân thể của công dân. Theo quy định tại khoản 1 điều 16 Luật số LIX 1993 về Ủy viên nghị viện phụ trách các vấn đề về quyền con

người, mọi cá nhân đều có quyền yêu cầu sự giúp đỡ của ủy viên nếu họ tin rằng quyền, lợi ích của mình bị xâm hại do hành vi của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào dù đó là cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công ích. Cơ chế Ủy viên nghị viện được xây dựng ở Hungari từ ngày 1 tháng 7 năm 1995. Ủy viên nghị viện đóng vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo sự an toàn pháp lý và tính tối thượng của quyền con người không chỉ trên phương diện lý thuyết mà cả trên phương diện thực tiễn. Trong hai năm đầu thành lập (1995-1996), trong số các yêu cầu gửi đến Ủy viên nghị viện thì đã phát hiện 32,52% các trường hợp vi phạm hiến pháp. Hơn 1/3 các trường hợp đã có quyết định hủy bỏ, điều đó chứng tỏ rằng quyền được an toàn pháp lý và nguyên tắc tối thượng về quyền con người chưa được tôn trọng.

- Trong số rất nhiều các quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người, đặc biệt phải chú ý là những quy định của Luật số XXXII năm 1993 về việc thi hành hình phạt và các biện pháp hình sự khác: theo quy định tại khoản 1 điều 2: chỉ được áp dụng đối với người bị kết án những hình phạt được pháp luật quy định và theo bản án của tòa án. Ngoài ra, người bị kết án vẫn được bảo đảm các quyền của mình, nhất là quyền được bảo vệ danh dự, cuộc sống riêng và quyền được tôn trọng các thông tin cá nhân, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở (khoản 2). Tất cả mọi người đều bình đẳng không phân biệt nguồn gốc xuất thân, thành phần dân tộc, tôn giáo, tư tưởng chính trị, tầng lớp xã hội và giới tính (khoản 3). Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án có quyền khiếu nại, kháng cáo (khoản 4).
- Ở phạm vi quốc tế, chúng tôi thường xuyên đón tiếp các đoàn công tác của Ủy ban Châu Âu về ngăn ngừa các hành vi tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử một cách độc ác, phi nhân tính hoặc lăng nhục. Ủy ban này trực thuộc Hội đồng Châu Âu.

Thăm quyền: Ủy ban được phép đến thăm tất cả những nơi đang quản lý những người bị tước quyền tự do của bất kỳ nước thành viên nào nơi gồm: các cơ sở giam giữ của lực lượng công an hoặc quân cảnh, trại giam dân chính, trại giam quân đội, các cơ sở điều trị bệnh tâm thần, trung tâm giam giữ người chưa thành niên, trung tâm tạm giữ người nước ngoài. Chúng tôi cũng ngại mà nói rằng hệ thống các cơ sở giam giữ của mình còn rất nhiều vấn đề phải hoàn thiện, chưa phải là một hệ thống tuyệt vời nhất. Năm 1999, báo cáo của Ủy ban này có nội dung như sau:

Đoàn công tác đã thăm trại tạm giam Budapest, nhà tù và trại tạm giam người chưa thành niên ở Tokol và nhà tù Veszprém. Đoàn công tác nhận thấy cán bộ, nhân viên tại các cơ sở giam giữ nơi đoàn đến thăm và các cơ sở giam giữ khác ở Hungari không có bất kỳ hành vi tra tấn hay hành vi bạo lực nào. Tuy nhiên, họ cũng đã nhận được một số ý kiến phản ánh về việc cán bộ, nhân viên của nhà tù và trại tạm giam người chưa thành niên ở Tokol có

những lời lẽ xúc phạm. Nhìn chung, quan hệ giữa cán bộ, nhân viên và những người bị giam giữ tại các cơ sở giam giữ mà đoàn đến thăm đều rất tốt.

Tuy nhiên, trong báo cáo của mình, đoàn công tác cũng đã nêu ra tình trạng quá tải tại các cơ sở giam giữ, đây là vấn đề thường trực đối với hệ thống cơ sở giam giữ của Hungari. Đoàn công tác của Ủy ban Châu Âu cũng ghi nhận nỗ lực của các cơ quan nhà nước trong việc cải thiện tình hình tuy nhiên, mới chỉ dừng lại ở việc tăng cường về số lượng mà chưa giải quyết được tận gốc vấn đề. Ủy ban cũng bày tỏ mối lo ngại về điều kiện giam giữ áp dụng đối với những phạm nhân được gọi là "phạm nhân loại 4" (phạm nhân được coi là nguy hiểm). Những người này thường xuyên bị xích tay hoặc chân khi đi ra ngoài phòng giam. Một số tù nhân bị giam trong những phòng giam cách ly trong một thời gian dài; một số khác không được phép gặp thân nhân hoặc sử dụng điện thoại. Đoàn công tác cũng lưu ý rằng nhà tù Veszprém vừa quá tải, vừa xuống cấp, tù nhân ở đây không được hưởng những điều kiện sinh hoạt theo đúng quy định.

Trong chuyến thăm hai cơ sở điều trị bệnh nhân tâm thần (Bệnh viện đa khoa Balassagyarmat và Trung tâm chăm sóc bệnh nhân tâm thần Ludányhalászi), đoàn công tác không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu nào của việc đối xử tàn tệ và cũng không nhận được bất kỳ ý kiến phàn nàn nào. Không khí tại những nơi đó rất dễ chịu, nhân viên rất quan tâm đến nhu cầu của bệnh nhân và họ có thái độ làm việc chuyên nghiệp. Tương tự như vậy, trong chuyến thăm tại nhà tù quân sự Budapest, đoàn công tác đã không nhận được bất kỳ ý kiến phàn nàn nào về việc thái độ đối xử của nhân viên nơi đây.

Ủy ban cũng đã đưa ra rất nhiều kiến nghị, trong đó chủ yếu là những kiến nghị nhằm cải thiện điều kiện tại những cơ sở giam giữ đặc biệt. Tôi xin liệt kê nội dung một số những kiến nghị:

- Tăng cường áp dụng những biện pháp cần thiết để giải quyết tình trạng quá tải trong các trại giam;
- Các phạm nhân bị áp dụng chế độ "phạm nhân loại 4" hoặc bị kéo dài chế độ đó phải được thông báo lý do (trừ những thông tin được coi là bí mật vì lý do an ninh); phạm nhân có thể được trình bày ý kiến của mình trước khi có quyết định; thời gian áp dụng chế độ này phải ngắn nhất có thể, và 3 tháng một lần phải xem xét lại việc áp dụng chế độ này;
- Chính sách của Hungari đối với những phạm nhân có HIV phải phù hợp với các quy định quốc tế, đặc biệt của Tổ chức y tế thế giới và của Hội đồng Châu Âu.
- Cán bộ, nhân viên làm việc tại trại giam phải được tham gia các khóa bồi dưỡng về những biện pháp phòng ngừa và cách đối xử với những phạm nhân có HIV; phải có những hướng dẫn cụ thể về việc không được phân biệt đối xử và nghĩa vụ bảo đảm bí mật;

- Phải công nhận các quyền sau của phạm nhân khi thi hành các biện pháp kỷ luật: quyền được thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm sẽ bị kỷ luật và quyền có một thời gian đủ để chuẩn bị cho việc tự bào chữa; phạm nhân có quyền mời người làm chứng cho việc không vi phạm và có quyền chất vấn người đã làm chứng cho việc phạm nhân đó vi phạm;
- Phải cung cấp cho bệnh nhân ngay khi họ đến cơ sở chữa bệnh và thậm chí cả người nhà bệnh nhân cuốn hướng dẫn nội quy của cơ sở, quyền và nghĩa vụ của bệnh nhân; cuốn sách phải ghi rõ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo.

Đợt công tác mới nhất của Ủy ban là vào năm 2005, tuy nhiên báo cáo của đợt công tác này chưa được công bố.

Ngoài ra, còn có những đoàn công tác của Ủy ban của Liên hợp quốc chống lại các hành vi tra tấn trong khuôn khổ Công ước về cấm tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử một cách độc ác, phi nhân tính hoặc lăng nhục. Đoàn công tác mới nhất của Ủy ban này là vào năm 2004, báo cáo của đoàn công tác đã được công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2005.

Nhìn chung, nội dung của báo cáo này cũng xoay quanh những vấn đề như trong báo cáo mà tôi vừa trình bày, do đó tôi sẽ không đề cập đến nữa.

Tôi xin phép được giới thiệu một cách ngắn gọn về **hoạt động đào tạo** cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ sở giam giữ. Việc đào tạo cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ sở giam giữ được tiến hành ở nhiều cấp độ khác nhau và do nhiều cơ sở đảm nhận:

- Trung tâm đào tạo nguồn cán bộ trại giam. Khóa học 2004-2005, số lượng người hiện đang theo học chương trình đào tạo ban đầu là 580 người và chương trình đào tạo chuyên sâu là 344 người. Khóa học 2005-2006, số người bắt đầu theo học chương trình đào tạo chuyên sâu là 145 người.
- Năm 2005, có 10 người theo học tại Khoa trại giam của Trường Cảnh sát quốc gia và 18 người tham gia chương trình đào tạo từ xa, tức là họ có thể theo học trong khi đang làm việc tại một cơ sở giam giữ.
- Năm học 2005-2006: 10 học viên tại Khoa trại giam của Trường Cảnh sát quốc gia tiếp tục chương trình đào tạo đồng thời 19 người được tham gia chương trình đào tạo từ xa của Khoa trại giam Trường đại học Quốc phòng Miklos Zrinyi.

Về dự án luật thi hành hình phạt và các biện pháp hình sự khác, chúng tôi đã bắt đầu tiến hành xây dựng dự thảo Bộ luật này từ năm 2003, dự thảo Bộ luật gồm 365 điều. Bộ Tư pháp rất muốn Bộ luật này được thông qua và sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. Tuy nhiên, cho đến nay, Bộ luật này vẫn chỉ là một dự án luật. Thực tế, các quy định trong Bộ luật này có rất nhiều ưu điểm sắc luật năm 1979. Dĩ nhiên, từ khi đất nước chuyển đổi chế độ vào năm 1990, sắc luật này cũng đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần tuy nhiên rất

nhiều sửa đổi, bổ sung về quyền của người bị kết án chỉ được ghi nhận trong các Nghị định của Bộ trưởng. Do đó, Bộ luật này sẽ thay thế cho sắc luật cũ, các nghị định của Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung sắc luật này và ngay cả Luật số CVII năm 1995 về cơ cấu, tổ chức của cơ quan quản lý trại giam. Như vậy, Bộ luật mới không chỉ gồm những quy định về người phải chấp hành hình phạt và các biện pháp hình sự khác mà còn quy định cả về nhân sự của các cơ sở giam giữ và Cơ quan thử thách và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội.

Tôi xin kết thúc bài trình bày của mình bằng một vài số liệu:

- Ngân sách hoạt động của cơ quan quản lý trại giam năm 2006 là 145 triệu ơ rô.
- Số lượng cán bộ, nhân viên làm việc trong ngành quản lý trại giam tính đến đầu năm 2006 là 7.567 người trong đó có 6.408 quản giáo và 1.159 công chức.
- Số lượng phạm nhân những năm gần đây đã giảm, tuy nhiên tình trạng quá tải trong các cơ sở giam giữ tại Hungari vẫn là một vấn đề nghiêm trọng, cho đến 1 tháng 1 năm 2006, các cơ sở giam giữ chỉ đủ chỗ 11.400 người nhưng phải giam giữ tới 16543 người (tỉ lệ quá tải là 45%).

Cảm ơn sự chú ý theo dõi của quý vị đại biểu.

THỰC TIỄN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ KHÔNG GIAM GIỮ TẠI VIỆT NAM

PGS. TS. Nguyễn Ngọc Anh

*Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế
Bộ Công an
Việt Nam*

1. Những vấn đề chung về các hình phạt không giam giữ

Bất kỳ Nhà nước nào cũng coi hình phạt như một công cụ hữu hiệu để bảo vệ lợi ích của mình và của toàn xã hội. Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị mà là cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội; phòng ngừa sự tái phạm của họ, đồng thời phòng ngừa những người khác phạm tội.

Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng sự kết hợp giữa cưỡng chế với giáo dục, thuyết phục trong đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật nói chung, tội phạm nói riêng. Luật hình sự Việt Nam đã tiếp thu những giá trị văn minh, tiến bộ, dân chủ và nhân đạo, coi hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhằm mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội và ngăn ngừa người khác phạm tội. Do vậy, mặc dù trừng trị không phải là mục đích của hình phạt nhưng nó là yếu tố bắt buộc phải có, là phương thức để đạt được mục đích của hình phạt. Trong từng trường hợp cụ thể, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và các tình tiết khác mà mức độ cưỡng chế (*trừng trị*) được áp dụng đủ để đạt được mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Theo đó, bên cạnh hình phạt tù và tử hình, trong hệ thống hình phạt của Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định nhiều loại hình phạt không giam giữ, bao gồm:

Cảnh cáo là hình phạt chính, được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt (Điều 29 Bộ luật hình sự năm 1999).

Phạt tiền là hình phạt chính, được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính và một số tội phạm khác do Bộ luật hình sự năm 1999 quy định. Trường hợp hình phạt tiền là hình phạt bổ sung, được áp dụng đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật hình sự quy định (Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999).

Cải tạo không giam giữ là hình phạt chính, được áp dụng trong thời hạn từ sáu tháng đến ba năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng mà người đó đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm

tội khỏi xã hội. Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ (Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999).

Trục xuất là hình phạt buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hình phạt trục xuất vừa là hình phạt bổ sung, vừa là hình phạt chính được áp dụng trong từng trường hợp cụ thể (Điều 32 Bộ luật hình sự năm 1999).

Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội. Thời gian cấm là từ một năm đến năm năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo (Điều 36 Bộ luật hình sự năm 1999).

Cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú và thường trú ở một số địa phương nhất định trong thời hạn từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù (Điều 37 Bộ luật hình sự năm 1999).

Quản chế là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định, có sự kiểm soát giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian chấp hành hình phạt quản chế, cùng với việc không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, người bị kết án còn bị tước một số quyền công dân và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1999).

Tước một số quyền công dân được áp dụng đối với công dân Việt Nam bị phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật hình sự quy định, gồm có quyền ứng cử, bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước; quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân (Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1999).

Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án sung quỹ nhà nước (Điều 40 Bộ luật hình sự năm 1999).

Đối với những hình phạt được áp dụng là hình phạt chính như: cảnh cáo; cải tạo không giam giữ; phạt tiền thì người phạm tội vẫn phải chịu sự cưỡng chế của Nhà nước nhưng được cải tạo, giáo dục trong một môi trường không cần cách ly khỏi xã hội, được thi hành án ngay tại nơi người đó sinh sống, công tác. Việc thi hành các hình phạt này không phải do cơ quan chuyên trách mà giao cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội nơi người bị kết án cư trú hoặc công tác theo dõi, giám sát.

Đối với những hình phạt được áp dụng với tính chất là hình phạt bổ sung như: phạt tiền; tịch thu tài sản... sẽ có tác dụng hỗ trợ cùng với hình phạt chính phát huy tác dụng phòng ngừa của hình phạt. Hình phạt bổ sung tác động trực tiếp vào hoàn cảnh khách quan làm cho người phạm tội hạn chế hoặc mất đi các điều kiện xã hội để có thể tái phạm.

Để thi hành các hình phạt trên, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều quy phạm quy định về hình thức, biện pháp thi hành hình phạt không giam giữ như: phạt tù cho hưởng án treo (Điều 264 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ), hình phạt cải tạo không giam giữ (Điều 264 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ), thi hành hình phạt trục xuất (Điều 265 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị định số 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ); thi hành hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú (Điều 266 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ) và thi hành hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản (Điều 267 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005).

Các hình phạt không giam giữ có vai trò quan trọng trong hệ thống hình phạt của Bộ luật hình sự năm 1999, tạo cơ sở để Nhà nước xử lý có hiệu quả đối với từng trường hợp phạm tội. Việc đa dạng hoá hình phạt, trong đó chủ yếu là các hình phạt không giam giữ, phù hợp với quan điểm tiến bộ trong chính sách hình sự. Tăng cường các hình phạt không giam giữ được xem là một trong những yêu cầu phát triển hợp lý của hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam hiện nay, góp phần đa dạng hoá các biện pháp xử lý hình sự, thu hẹp khoảng cách giữa các hình phạt, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện nguyên tắc cá thể hoá trách nhiệm hình sự, công bằng, nhân đạo của luật hình sự cũng như góp phần nâng cao hiệu quả của hệ thống hình phạt.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, nhiệm vụ thi hành các loại hình phạt không giam giữ được giao cho các cơ quan và tổ chức sau đây: cơ quan công an thi hành hình phạt trục xuất; chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ; chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi thi hành án thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cơ quan thi hành án dân sự thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản.

2. Thực tiễn thi hành các hình phạt không giam giữ

2.1. Thi hành hình phạt cảnh cáo

Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong số các hình phạt của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy được quy định khá phổ biến trong Bộ luật hình sự nhưng trong thực tế, hình phạt cảnh cáo được áp dụng rất hạn chế. Việc hạn chế áp

dụng hình phạt cảnh cáo là do việc nhận thức chưa đầy đủ về tác dụng và hiệu quả của loại hình phạt này từ phía cơ quan thực thi pháp luật. Mặt khác, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về việc tổ chức thi hành hình phạt cảnh cáo và cũng không có cơ quan, tổ chức nào được giao trách nhiệm thi hành hình phạt này. Vì vậy, khi toà án tuyên hình phạt cảnh cáo, thực chất người phạm tội chỉ bị Nhà nước công khai khiển trách về hành vi phạm tội của họ trước toà, không có bất kỳ hình thức hoặc thủ tục nào khác nên đã làm hạn chế tác dụng răn đe, giáo dục của loại hình phạt này.

2.2. Thi hành hình phạt tiền

Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Có 69 điều luật quy định hình phạt tiền là hình phạt chính và 110 điều luật quy định hình phạt tiền là hình phạt bổ sung trong tổng số 262 điều luật quy định về tội phạm và hình phạt. Mức phạt tiền được quyết định tùy theo mức độ nghiêm trọng của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn một triệu đồng. Tiền phạt có thể nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do toà án quyết định.

Qua tổng kết cho thấy, việc áp dụng và thi hành hình phạt tiền đã có những tiến bộ đáng kể, nguyên nhân chủ yếu do Bộ luật tố tụng hình sự đã giao nhiệm vụ thi hành hình phạt này cho cơ quan chuyên trách thi hành án dân sự. Mặt khác, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để đảm bảo việc thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản sau này được thuận lợi (*thông qua việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế như tạm giữ, kê biên, phong toà tài sản...*). Tuy nhiên, thực tiễn thi hành loại hình phạt này cũng đang đặt ra một số vấn đề, chẳng hạn như: Bộ luật hình sự quy định mức phạt tiền đối với một số loại tội phạm quá cao nên rất khó thi hành. Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành cũng chưa quy định về miễn, giảm đối với loại hình phạt này nên án tồn đọng kéo dài, nhiều trường hợp không thể giải quyết dứt điểm. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc thi hành hình phạt tiền cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, nhiều trường hợp, cơ quan thi hành án còn tỏ ra thụ động, chưa chủ động đề cao tinh thần trách nhiệm trong việc thi hành hình phạt này...

2.3. Thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ

Đặc điểm cơ bản của hoạt động thi hành hình phạt này là không tước tự do của người bị kết án mà cho họ được cải tạo tại môi trường xã hội bình thường với sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú và gia đình. Người bị kết án có nghĩa vụ chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tích cực lao động, học tập và sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật, chấp hành đầy đủ hình phạt bổ sung và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (*nếu có*); khai báo và giao nộp đầy đủ phần thu nhập bị khấu trừ theo quyết định của Toà án cho cơ quan thi hành án; hàng tháng báo cáo bằng văn bản

về tình hình tu dưỡng, tự rèn luyện của mình cho cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục; ba tháng một lần cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương phải nghe người bị kết án báo cáo, kiểm điểm việc cải tạo của bản thân và đánh giá kết quả cải tạo của người đó, có biện pháp kịp thời uốn nắn nếu người đó có sai sót...

Tuy nhiên, qua tổng kết thực tiễn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho thấy hiệu quả của việc giám sát, giáo dục người bị phạt cải tạo không giam giữ chưa cao. Một số đơn vị, địa phương chưa tổ chức triển khai Nghị định 60/2000/NĐ-CP về thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Nhiều cơ quan, tổ chức được giao giám sát, quản lý, giáo dục người bị kết án nhưng chưa thực sự quan tâm và cũng khó có đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ này. Sự phối kết hợp và việc huy động quần chúng nhân dân vào việc giám sát, giáo dục người bị phạt cải tạo không giam giữ chưa có hiệu quả. Thực chất việc quản lý, giám sát người bị cải tạo không giam giữ thời gian qua chủ yếu phụ thuộc vào công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng của cơ quan Công an.

2.4. Thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo

Theo quy định, sau khi bản án phạt tù cho hưởng án treo có hiệu lực pháp luật, toà án có trách nhiệm gửi bản án và quyết định thi hành án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án cư trú để phối hợp với Cơ quan Công an và ban, ngành, đoàn thể giám sát, giáo dục. Thực hiện Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 30/10/2000 về việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát đã phân công người trực tiếp phối hợp chặt chẽ với gia đình người bị kết án theo dõi, giáo dục, tạo điều kiện cho người được hưởng án treo tham gia các hoạt động tại nơi làm việc hoặc cộng đồng. Các đơn vị công an cơ sở cũng đã thông qua công tác quản lý nhân khẩu, quản lý trật tự, an toàn xã hội để quản lý người được hưởng án treo trên địa bàn. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập như: công tác phối hợp giữa toà án và cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành án trong việc chuyển giao bản án chưa thống nhất và thiếu chặt chẽ, nhiều trường hợp còn có biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm, buông lỏng quản lý, giám sát, ngay cả khi người bị kết án đã chuyển nghề, chuyển địa điểm cư trú nhưng phía cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát vẫn không biết...

2.5. Thi hành hình phạt trục xuất

Đây là hình phạt mới được bổ sung vào hệ thống hình phạt của Bộ luật hình sự năm 1999. Người bị trục xuất có các nghĩa vụ phải rời khỏi Việt Nam đúng thời hạn được ghi trong quyết định thi hành án của toà án; tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh thuộc Bộ Công an; không được tự ý rời khỏi nơi quản lý, giám sát do cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh chỉ định bằng văn bản; nhanh chóng chấp hành xong các nghĩa vụ khác (nếu có) và hoàn thành các thủ tục cần

thiết để rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đúng thời hạn; tự chịu chi phí về phương tiện xuất cảnh (*trường hợp người bị trục xuất chưa có khả năng tự chịu chi phí về phương tiện xuất cảnh thì cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh có thể yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước mà người bị trục xuất là công dân giải quyết kinh phí đưa người đó về nước*). Trong những trường hợp đặc biệt, cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh được sử dụng ngân sách nhà nước để trả chi phí về phương tiện xuất cảnh với mức thấp nhất để buộc người bị trục xuất nhanh chóng rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp người bị trục xuất không tự nguyện chấp hành quyết định thi hành án thì cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp như hạn chế việc đi lại, tiếp xúc của người bị trục xuất; chỉ định nơi ở bắt buộc của người bị trục xuất... Đối với người bị trục xuất thuộc loại nguy hiểm hoặc có hành động bỏ trốn hoặc chuẩn bị trốn thì cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh áp giải ngay ra cửa khẩu để buộc rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, từ khi Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành hình phạt trục xuất có hiệu lực thi hành, thực tiễn rất ít áp dụng hình phạt này.

2.6. Thi hành hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo, cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định và thông báo cho cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi người bị kết án làm việc hoặc cư trú về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với người bị kết án. Trường hợp cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương không chấp hành đúng quyết định, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của những cơ quan, tổ chức đó huỷ những quyết định trái pháp luật đó. Tuy nhiên, do trong thực tiễn việc thi hành loại hình phạt này ít được chú trọng, quan tâm; mặt khác, cũng chưa có quy định về cơ chế giám sát chặt chẽ việc chấp hành hình phạt này. Vì vậy, nhiều trường hợp mặc dù bị tòa án tuyên cấm lái xe hoặc đảm nhiệm chức vụ giám đốc, kế toán... trong một thời gian nhất định, nhưng người đó vẫn hành nghề trái phép ở các cơ quan, tổ chức hoặc địa bàn khác.

2.7. Thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú

Cơ quan thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú là chính quyền cấp xã nơi người bị kết án đến cư trú. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án không được tạm trú, thường trú hoặc buộc phải cư trú, làm ăn sinh sống có trách nhiệm theo dõi, không để người bị kết án tạm trú, thường trú hoặc ra khỏi địa phương mình trong thời gian bị cấm. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị cấm cư trú đến tạm trú, thường trú hoặc nơi buộc người bị kết án phải cư trú, làm ăn sinh sống có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, giáo dục, tạo điều kiện

để họ làm ăn, sinh sống, lao động, học tập bình thường, giúp họ trở thành người có ích cho xã hội; khi có đủ điều kiện theo luật định thì làm văn bản đề nghị hoặc nhận xét kèm theo tài liệu có liên quan gửi công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển toà án nhân dân cấp huyện nơi chấp hành án xem xét, quyết định giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt còn lại cho người bị cấm cư trú; cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời hạn cấm cư trú cho người bị quản chế hoặc cấm cư trú. Tuy vậy, việc thi hành các hình phạt quản chế và cấm cư trú trong thực tiễn còn nhiều bất cập, vì sau khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt tù, Nhà nước chưa đủ điều kiện để tạo cho người bị cấm cư trú một nơi ở mới. Về phía bản thân người bị kết án cũng gặp không ít khó khăn trong việc ổn định đời sống, tìm công ăn, việc làm do bị thay đổi nơi ở, đặc biệt là vừa chấp hành xong hình phạt tù... Vì vậy, nhiều người phạm tội bị cấm cư trú ở thành phố trong một thời gian nhất định, nhưng trên thực tế sau khi chấp hành xong hình phạt tù họ vẫn về nơi mà trước khi phạm tội đã cư trú để sinh sống trái phép.

2.8. Thi hành hình phạt tước một số quyền công dân

Qua tổng kết thực tiễn cho thấy, việc thi hành hình phạt tước một số quyền công dân khá hiệu quả. Việc thi hành hình phạt này được chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội và quần chúng nhân dân rất quan tâm. Mặt khác, thông qua các đợt tổ chức bầu cử đại biểu vào các cơ quan quyền lực Nhà nước, ban tổ chức bầu cử phải rà soát danh sách cử tri, niêm yết danh sách cử tri để mọi người biết, ai có ý kiến đề xuất hoặc kiến nghị đều được xem xét, giải quyết, mỗi lần như vậy lại có dịp để chính quyền địa phương kiểm tra các đối tượng phải chấp hành hình phạt tước một số quyền công dân. Tuy vậy, việc áp dụng hình phạt này cũng còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót như: bản án của Toà án chỉ tuyên tước quyền công dân mà không nói rõ tước tất cả hay chỉ tước một trong số các quyền đó...

2.9. Thi hành hình phạt tịch thu tài sản

Tịch thu tài sản là hình phạt bổ sung nhằm tước tài sản của người bị kết án, nên trong nhận thức cũng như thực tiễn áp dụng còn không ít trường hợp có sự nhầm lẫn với biện pháp tư pháp tịch thu vật và tiền bạc trực tiếp liên quan đến tội phạm.

Thực tiễn cho thấy, việc thi hành hình phạt tịch thu tài sản đối với các trường hợp bắt buộc được thực hiện khá nghiêm túc và triệt để. Tuy nhiên, đối với các trường hợp có thể áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt tịch thu tài sản thì vẫn còn một số vấn đề đặt ra. Có ý kiến cho rằng, đã tịch thu tiền, vật trực tiếp liên quan đến tội phạm thì không áp dụng hình phạt tịch thu tài sản nữa vì làm như vậy nghiêm nhiên người phạm tội bị xử lý hai lần. Việc tịch thu tài sản đối với trường hợp có thể áp dụng hoặc không áp dụng tùy thuộc vào sự đánh giá, lựa chọn của cơ quan áp dụng pháp luật thì thường ít được áp dụng với lý do, hình phạt tịch thu tài sản là loại hình phạt nghiêm khắc trong số các

hình phạt bổ sung nên chỉ áp dụng đối với những trường hợp nhất định. Việc áp dụng hình phạt tịch thu tài sản cần phải được áp dụng một cách phổ biến đối với người phạm tội về kinh tế có thu lợi bất chính (*như tội buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả kinh doanh trái phép cho vay nặng lãi và một số tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng như tội đánh bạc tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chứa mại dâm, môi giới mại dâm, chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có cùng một số tội phạm về ma túy...*). Thực tiễn thời gian qua cho thấy, đối với những tội phạm này, toà án thường chỉ áp dụng hình phạt tiền nếu điều luật đó có quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền mà rất hạn chế áp dụng hình phạt tịch thu tài sản.

3. Nhận xét chung

Các hình phạt không giam giữ được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 rất đa dạng, nhưng rất cụ thể về tính chất pháp lý, điều kiện áp dụng; cùng đó Nhà nước Việt Nam, các cơ quan chức năng đã ban hành nhiều quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành các hình phạt này. Nhờ đó đã tạo ra cơ sở pháp lý đồng bộ và chặt chẽ cho việc thực hiện các hình phạt này.

Thời gian qua, việc áp dụng các hình phạt không giam giữ đã mang lại hiệu quả thiết thực, thể hiện tính nhân đạo và xã hội hoá cao của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng, xã hội trong giáo dục, cảm hoá người phạm tội hoàn lương, hoà nhập với cộng đồng, xã hội; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, theo phân tích ở nội dung trên cho thấy vẫn còn có một số vấn đề đặt ra trong thực tế áp dụng các hình phạt này. Để nâng cao hiệu quả việc áp dụng các loại hình phạt nêu trên, vừa bảo đảm mục đích của hình phạt, bảo đảm hiệu lực và sự nghiêm minh của pháp luật, vừa nâng cao tính xã hội hoá trong thi hành hình phạt, cần quan tâm thực hiện tốt một số việc cụ thể như sau:

Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện lý luận về thi hành án hình sự nói chung, thi hành án không giam giữ nói riêng, xác định rõ bản chất của hoạt động này, từ đó hoạch định chủ trương, chiến lược tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ, đầu tư cơ sở vật chất tương xứng, phù hợp để phục vụ có hiệu quả hoạt động này.

Đẩy mạnh hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án hình sự nói chung, thi hành án không giam giữ nói riêng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đầy đủ và phù hợp để thông qua hoạt động thi hành án đạt được mục đích của hình phạt.

Phân công rành mạch, cụ thể trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc thi hành các hình phạt không giam giữ. Cùng đó, xác định rõ và cụ thể hơn các nghĩa vụ và trách nhiệm của người bị kết án trong việc chấp hành các loại hình phạt này.

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở CỘNG HÒA PHÁP NGUYÊN TẮC CHUNG: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LÝ LUẬN

Claude Brenner

*Giáo sư, Trường Đại học Panthéon-Assas
Cộng hòa Pháp*

DẪN ĐỀ

Mới đây, nước Pháp đã tiến hành đổi mới mô hình tổ chức thi hành án dân sự. Sau một thời gian áp dụng trên thực tế, các quy định mới đã tỏ ra thực sự hiệu quả.

Ban đầu, với Bộ luật Tố tụng dân sự Pháp năm 1806, các nhà lập pháp Pháp đã tỏ ra thiếu dứt khoát: Thủ tục thi hành án áp dụng trong thời kỳ này chủ yếu lặp lại những quy định của chế độ cũ. Ngoài ra, trước sự phát triển của các động sản vô hình trong các trao đổi kinh tế, thủ tục này tỏ ra không còn phù hợp với các nhu cầu mới. Trước tình hình đó, án lệ đã rất nỗ lực để hiện đại hóa công tác thi hành án. Tuy nhiên, tiếc rằng những nỗ lực cải cách này chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Trong lĩnh vực thi hành án đối với động sản, nước Pháp đã tiến hành nhiều cuộc cải cách quan trọng, trong đó, đặc biệt phải kể đến đạo luật năm 1895 quy định việc kê biên thủ lao mà người sử dụng lao động phải trả cho người phải thi hành án (đạo luật này đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần sau đó); và đạo luật năm 1955 theo đó chủ nợ được phép tiến hành biện pháp bảo toàn tài sản khi chưa có văn bản có hiệu lực cưỡng chế thi hành án nếu có chứng cứ về khoản nợ và chứng minh được rủi ro trong việc thu hồi khoản nợ đó. Tuy nhiên, các cải cách này vẫn chưa đem lại kết quả như mong đợi. Vì vậy, đội ngũ các giảng viên đại học và các nhà hoạt động thực tiễn đã đề xuất một cuộc cải cách tổng thể. Cuộc cải cách này sau đó đã được cụ thể hóa bằng đạo luật ngày 9-7-1991 và Nghị định ngày 31-7-1992. Bằng việc đưa ra các nguyên tắc chung và quy định những thủ tục thi hành án mới đối với động sản, các văn bản này đã thể hiện tinh thần đổi mới toàn diện đối với pháp luật về cưỡng chế thi hành án đối với động sản.

Tuy nhiên, cuộc cải cách năm 1991 và 1992 đã không đề cập đến vấn đề kê biên bất động sản và thứ tự ưu tiên của các chủ nợ khi bán bất động sản. Cụ thể, vào thời điểm tiến hành cuộc cải cách, nhiều đề xuất cải cách mới đã được đặt ra. Tuy nhiên, cuối cùng, người ta vẫn quyết định giữ lại thủ tục kê biên bất động sản cũ. Từ khi ban hành Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 1806 đến nay, thủ tục này đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, trong đó đặc biệt phải kể đến đạo luật năm 1841, sắc luật năm 1938 và mới đây là đạo luật ngày 23-1-1998 và ngày 29-7-1998. Tuy nhiên, vẫn cần thiết phải hiện đại hóa quy định

trong lĩnh vực này nhằm đơn giản hóa thủ tục và tăng cường hiệu quả áp dụng thực tế. Nhận thức được điều này, Nghị viện đã đồng ý để Chính phủ xây dựng một Pháp lệnh mới. Trong thời gian tới, Pháp lệnh sẽ được thông qua.

Tóm lại, thông qua các cuộc cải cách đã hoặc đang được tiến hành, nước Pháp đã xây dựng được cho mình một khung pháp luật về thi hành án dân sự hiện đại, kết hợp được các nguyên tắc chung và đồng thời giải quyết được các vấn đề mới nảy sinh trong tình hình mới. Rất có thể, trong tương lai không xa, tất cả các quy định này sẽ được pháp điển hóa thành Bộ luật Cưỡng chế thi hành án.

Pháp luật về thi hành án dân sự của Pháp có hai đặc trưng cơ bản sau: Thứ nhất, đây là những quy định chủ yếu mang tính chất "trật tự công". Điều này được thể hiện thông qua bản chất của cưỡng chế thi hành. Thực vậy, khác với tự nguyện thi hành, cưỡng chế thi hành được thực hiện trên cơ chế quyền lực và cưỡng chế. Trong một Nhà nước pháp quyền, cơ quan quyền lực Nhà nước là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thực hiện cưỡng chế thi hành: Do đó, cưỡng chế thi hành chỉ liên quan đến các cơ quan quyền lực Nhà nước. Khi tiến hành cưỡng chế thi hành, cơ quan quyền lực Nhà nước cần có sự hỗ trợ của quyền lực công. Các cá nhân không thể thao túng hoạt động này, cũng như không thể làm sai lệch việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật; bởi vì đây là hoạt động dựa trên cơ sở quyền lực.

Hệ quả là, các nhà lập pháp phải đảm bảo sự cân bằng giữa các lợi ích trong hoạt động cưỡng chế thi hành, làm sao để các quy định pháp luật không bao che cho các trường hợp bất công, lạm dụng và cũng không dẫn đến các kết quả kinh tế, xã hội bất hợp lý. Đây cũng chính là đặc trưng thứ hai của pháp luật về thi hành án dân sự của Pháp. Đảm bảo sự cân bằng giữa các lợi ích khác nhau là nhiệm vụ thường xuyên của pháp luật về thi hành án dân sự.

I. Tính chất "trật tự công" của cưỡng chế thi hành

Tính chất "trật tự công" của pháp luật về cưỡng chế thi hành không được thể hiện trong các quy định cụ thể của pháp luật. Tuy nhiên, về mặt lôgic, đây là một tính chất không thể thiếu. Trước đây, pháp luật về cưỡng chế thi hành đặc biệt nghiêm cấm hai loại thỏa thuận sau đây:

Thỏa thuận giữa người có quyền và người có nghĩa vụ nhằm cho phép người có quyền được bán tài sản của người có nghĩa vụ để trừ vào nghĩa vụ, mà không cần thông qua thủ tục kê biên tài sản theo quy định của pháp luật;

Thỏa thuận giữa người có quyền và người có nghĩa vụ theo đó người có quyền được chủ động nhận tài sản của người có nghĩa vụ để trừ vào nghĩa vụ, nếu người có nghĩa vụ không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.

Ngày nay, thỏa thuận về việc tự ý bán tài sản để trừ vào nghĩa vụ vẫn bị pháp luật Pháp nghiêm cấm; trừ một số ít trường hợp thực tiễn xét xử có cách giải thích và áp dụng mềm dẻo hơn. Tuy nhiên, liên quan đến thỏa thuận nhận tài

sản để trừ vào nghĩa vụ, hiện nay, để cải cách pháp luật về giao dịch bảo đảm, chúng tôi đang chuẩn bị thông qua Pháp lệnh công nhận hình thức thỏa thuận này đối với trường hợp cầm cố và thế chấp tài sản, với điều kiện việc định giá tài sản phải được tiến hành bởi chuyên gia định giá và tài sản cầm cố/thế chấp không phải là nơi thường trú của người có nghĩa vụ (đối với bất động sản). Quy định này mở ra cho pháp luật Pháp nhiều phương thức thi hành án mới, trong khi vẫn đảm bảo được tính chất "trật tự công" của cưỡng chế thi hành. Bởi vì, ở đây, việc tổ chức cưỡng chế thi hành vẫn do pháp luật quy định (pháp luật Pháp không cho phép các bên tự thỏa thuận trong trường hợp giải thể doanh nghiệp).

Ngoài ra, tính chất "trật tự công" của hoạt động cưỡng chế thi hành còn thể hiện ở nhiều phương diện khác, trong đó, đặc biệt phải kể đến vấn đề hiệu lực thi hành và các quy định pháp luật hạn chế hoạt động cưỡng chế thi hành.

A. Hiệu lực cưỡng chế thi hành

Ở Pháp, cơ quan quyền lực Nhà nước là cơ quan duy nhất có thẩm quyền quy định về vấn đề hiệu lực thi hành: pháp luật quy định các văn bản có hiệu lực cưỡng chế thi hành; hay nói cách khác, pháp luật quy định cho một số văn bản thuộc tính cho phép cưỡng chế thi hành trong trường hợp cần thiết với sự hỗ trợ của quyền lực công.

1. Văn bản và quyết định trong nước

Danh mục các văn bản có hiệu lực cưỡng chế thi hành được quy định tại Điều 3 Luật ngày 9-7-1991. Danh mục này bao gồm trước hết là các bản án, quyết định của Tòa án và tiếp đến là các văn bản có giá trị tương đương và có thể thay thế bản án, quyết định của Tòa án, do cơ quan tư pháp đảm bảo giá trị xác thực như trích lục biên bản hòa giải do thẩm phán và các bên cùng ký; và các giao dịch có hiệu lực thi hành. Ngoài ra, danh mục các văn bản có hiệu lực cưỡng chế thi hành cũng bao gồm cả các giấy tờ do pháp nhân công pháp cấp và được pháp luật công nhận hiệu lực thi hành. Ngoài 3 loại văn bản, quyết định nêu trên, còn có một số văn bản và quyết định khác.

Đặc biệt, pháp luật Pháp xếp văn bản công chứng vào nhóm các văn bản có hiệu lực cưỡng chế thi hành. Cụ thể, pháp luật Pháp trao cho công chứng viên quyền được đem lại cho văn bản công chứng giá trị hiệu lực thi hành nhằm cho phép yêu cầu cưỡng chế thi hành mà không cần có sự can thiệp của Tòa án hay cơ quan quản lý Nhà nước. Đây là một giải pháp hay, vì bảo đảm được lợi ích của bên có quyền thông qua những thủ tục hết sức đơn giản và nhanh gọn. Tương tự, pháp luật Pháp cũng quy định một giải pháp rất phù hợp và kinh tế, đó là cho phép thừa phát lại được ký quyết định cưỡng chế thi hành đối với người ký séc không có bảo chi nếu người đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được chứng nhận không thanh toán của ngân hàng. Tuy nhiên, lưu ý rằng hai giải pháp vừa nêu chỉ

được thực hiện bởi công chứng viên và thừa phát lại, tức là những viên chức công quyền được Nhà nước ủy quyền thực hiện quyền lực công.

Đối với các bản án, quyết định của Tòa án, pháp luật quy định các điều kiện công nhận hiệu lực thi hành đối với từng loại quyết định, bản án cụ thể. Các bản án, quyết định này, dù là bản án sơ thẩm, phúc thẩm, hay lệnh của cơ quan tài phán hành chính hay tư pháp, đều phải quy định chế tài đối với người vi phạm. Về nguyên tắc, các bản án này phải có hiệu lực pháp luật tức, không thể bị kháng cáo, kháng nghị làm trì hoãn thi hành (Điều 500 và 501, BL Tố tụng Dân sự mới). Ngoài ra, mọi bản án đều phải được lập thêm một bản sao có ghi rõ để thi hành (Điều 502 BLTTDS mới) và tổng đạt đến đương sự (Điều 503 BLTTDS mới). Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chủ nợ chỉ có tư chứng thư thì không thể được Tòa án cấp quyết định có hiệu lực cưỡng chế thi hành án.

Trước hết, có thể tiến hành cưỡng chế thi hành theo quyết định cưỡng chế thi hành tạm thời (ví dụ: quyết định theo thủ tục rút gọn; bản án đã có quyết định cưỡng chế thi hành tạm thời). Ngoài ra, cần lưu ý đến vai trò đặc biệt quan trọng của thủ tục thi hành tạm thời rút gọn. Vì một mặt, thủ tục này cho phép bên có quyền bị xâm hại một cách rõ ràng được yêu cầu Tòa án ra quyết định đối với phần lớn những nội dung khiếu kiện và thi hành ngay lập tức quyết định đó. Nhưng mặt khác, việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành tạm thời cũng có thể gây ra một số rủi ro cho bên có quyền: Nếu sau này, quyết định cưỡng chế thi hành tạm thời bị thay đổi thì bên có quyền sẽ phải trả lại cho bên có nghĩa vụ những gì mình đã được hưởng, bằng hiện vật hoặc tương đương, chưa kể đến trường hợp phải bồi thường thiệt hại (nếu có).

Tiếp đến, đối với các khoản nợ có nguồn gốc từ hợp đồng, pháp luật Pháp cũng quy định một thủ tục ra quyết định cưỡng chế thi hành rất nhanh gọn, cho phép thay đổi hoàn toàn cục diện tranh chấp: Thủ tục yêu cầu Tòa án ra lệnh thanh toán nợ (Điều 1405 và tiếp theo, BLTTDS). Hiện nay, thủ tục thi hành án này của Pháp đang được Tòa án của nhiều nước Liên minh châu Âu học tập và nhân rộng. Thủ tục được quy định cụ thể như sau: Chủ nợ nộp đơn yêu cầu Tòa án ra lệnh thanh toán nợ (không cần triệu tập con nợ). Sau khi Tòa án ra lệnh thanh toán nợ, lệnh thanh toán nợ được tổng đạt cho con nợ. Nếu trong vòng một tháng mà không có kháng cáo thì chủ nợ có quyền yêu cầu ghi rõ hiệu lực thi hành vào lệnh thanh toán nợ.

2. Các văn bản, quyết định của nước ngoài

Các văn bản, quyết định của nước ngoài (cơ quan Nhà nước nước ngoài hoặc Tòa án nước ngoài) cũng có thể được thi hành tại Pháp. Tuy nhiên, do chủ quyền quốc gia có liên quan chặt chẽ đến tính chất "trật tự công" của cưỡng chế thi hành, nên việc cưỡng chế thi hành các văn bản, quyết định nước ngoài phải tuân thủ hai điều kiện hạn chế sau: Thứ nhất, cưỡng chế thi hành phải được thực hiện ở Pháp thông qua con đường duy nhất là con đường Nhà nước.

Thứ hai, cưỡng chế thi hành chỉ được thực hiện khi đã được cơ quan có thẩm quyền của Pháp công nhận giá trị thi hành của văn bản, quyết định nước ngoài trong khuôn khổ của thủ tục công nhận bản án, quyết định nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, với chủ trương tăng cường hợp tác pháp luật giữa các quốc gia châu Âu và đảm bảo quyền tự do đi lại và tự do kinh doanh trong khuôn khổ của Liên minh châu Âu, các quốc gia châu Âu đã đơn giản hóa, thậm chí xóa bỏ thủ tục công nhận này và ban hành lệnh cưỡng chế thi hành chung châu Âu đối với các khoản nợ không tranh chấp. Cụ thể, nếu chủ nợ yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành để thu hồi nợ ở một nước thành viên khác thì sẽ có hai sự lựa chọn: Một là, người đó yêu cầu tuyên bố công nhận hiệu lực thi hành theo quy định pháp luật của Liên minh châu Âu. Hai là, trực tiếp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên có liên quan cấp lệnh cưỡng chế thi hành chung châu Âu. Để được thi hành, lệnh cưỡng chế thi hành phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền của nước thi hành để cơ quan này thực hiện thủ tục tổng đạt theo quy định nêu tại Nghị định ngày 29-5-2000 của Liên minh châu Âu.

B. Quy định hạn chế cưỡng chế thi hành

Tính chất "trật tự công" của cưỡng chế thi hành còn được biểu hiện thông qua các quy định hạn chế cưỡng chế thi hành nhằm bảo vệ lợi ích chung. Những quy định này chủ yếu liên quan đến các trường hợp miễn thi hành và trường hợp không được kê biên và đều là các quy định pháp luật. Ở đây, ý chí không có giá trị. Có thể nói các quy định hạn chế cưỡng chế thi hành thể hiện sự lựa chọn của hệ thống pháp luật Pháp, của nền kinh tế Pháp hay nói rộng hơn là của xã hội Pháp trong việc đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa người được thi hành án và người phải thi hành án.

1. Các trường hợp miễn thi hành

Ngày nay, pháp luật Pháp ngày càng có nhiều quy định về các trường hợp cấm thi hành liên quan đến tình hình nợ và khả năng thanh toán của người phải thi hành án. Xu hướng này thể hiện mong muốn của các nhà lập pháp đương đại trong việc hạn chế các trường hợp cưỡng chế thi hành, tránh đẩy con nợ vào tình trạng tài chính hoàn toàn suy sụp, đặc biệt là sau khi tiến hành kê biên tài sản. Trên tinh thần đó, pháp luật thương mại Pháp quy định kể từ thời điểm mở thủ tục phá sản (thủ tục phục hồi doanh nghiệp, thủ tục thanh lý tài sản), mọi hoạt động truy tố mang tính chất cá nhân đều bị chấm dứt hoặc tạm đình chỉ. Quy định này áp dụng đối với mọi người hoạt động chuyên môn và mọi pháp nhân tư pháp (BL Thương mại, Điều L. 620, L. 2005-845 ngày 26-7-2005). Tương tự, pháp luật dân sự cũng quy định trường hợp tạm đình chỉ thủ tục buộc thực hiện nghĩa vụ nếu có quyết định ân hạn của thẩm phán. Cụ thể, căn cứ vào tình hình của con nợ và nhu cầu của chủ nợ, thẩm phán có thể cho con nợ được hưởng thời gian ân hạn là 2 năm (BL Dân sự, Điều 1244-2). Quy định tương tự cũng được xây dựng trong pháp luật

về tiêu dùng, đối với trường hợp nợ quá nhiều (BL Tiêu dùng, Điều L. 331-5 và L. 331-9).

Ngoài các trường hợp kể trên, còn phải kể đến một số trường hợp trong đó việc miễn thi hành liên quan chặt chẽ đến chủ thể phải thi hành án: Trên bình diện quốc tế, nguyên thủ quốc gia và các viên chức ngoại giao nước ngoài được hưởng miễn trừ thi hành án. Trên bình diện quốc gia, pháp nhân công pháp (quốc gia, vùng lãnh thổ, cơ quan Nhà nước) cũng được hưởng quyền miễn trừ tương tự. Điều này khiến một số người cho rằng ngoài trường hợp yêu cầu cơ quan hành chính Nhà nước bồi thường do chậm thực hiện nghĩa vụ thì không có biện pháp nào khác để yêu cầu chủ thể này thi hành nghĩa vụ. Điều này cho thấy tính cần thiết của hoạt động công hay nói rộng hơn là đặc thù của công pháp đã cho phép các chủ thể kể trên được hưởng quyền miễn trừ cưỡng chế thi hành.

2. Các trường hợp không được kê biên

Ngoài trường hợp miễn trừ liên quan đến chủ thể, thủ tục cưỡng chế thi hành còn bị hạn chế đối với một số tài sản có quy chế đặc biệt, đó là các tài sản thuộc diện không được kê biên. Đây là các trường hợp ngoại lệ, vì ở Pháp, về nguyên tắc, người nào bị ràng buộc vào một nghĩa vụ cá nhân thì phải thực hiện nghĩa vụ đó bằng tất cả tài sản của mình, kể cả tài sản hiện có và hình thành trong tương lai (Điều 2092 BLDS). Tuy nhiên, để có thể kê biên tài sản, điều kiện cần thiết, đó là tài sản phải nằm trong tay người có nghĩa vụ. Bởi vì thực tế chỉ ra rằng người có nghĩa vụ chỉ có thể đảm bảo thanh toán nghĩa vụ một cách bình thường bằng những tài sản mà người đó có trong tay. Chính vì vậy, việc người có nghĩa vụ không nắm trong tay bất kỳ tài sản nào là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng không thể kê biên tài sản.

Ở Pháp, có hai nhóm trường hợp không được kê biên tài sản. Nhóm thứ nhất liên quan đến ý chí của người có nghĩa vụ. Tuy nhiên, lưu ý rằng đây chỉ là trường hợp đặc biệt và chỉ được viện dẫn ý chí trong trường hợp pháp luật có quy định. Cụ thể, theo quy định của pháp luật, người có nghĩa vụ phải dùng tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền (BLDS, Điều 2092). Như vậy, về nguyên tắc, người có nghĩa vụ không thể viện dẫn ý chí của mình để phản đối việc kê biên tài sản. Tuy nhiên, trong một số trường hợp ngoại lệ theo quy định của một đạo luật mới ban hành, nếu doanh nghiệp tư nhân đã công bố công khai trụ sở chính của mình thì bên có quyền không được yêu cầu kê biên trụ sở đó. Như vậy, với quy định này, doanh nghiệp tư nhân được bảo vệ về trụ sở giống như hoạt động dưới hình thức trách nhiệm hữu hạn. Tương tự, nếu việc tặng cho/di tặng tài sản không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, thì người tặng cho/di tặng tài sản có thể quy định rằng người có quyền của người được tặng cho/di tặng không được kê biên các tài sản tặng cho/di sản, trừ trường hợp có quyết định của Tòa án.

Tuy nhiên, phần lớn các trường hợp không được kê biên tài sản đều liên quan đến các quy định của pháp luật. Căn cứ vào mục đích, các trường hợp này được chia thành hai loại sau:

- 1^o Không kê biên để bảo vệ lợi ích chung mà pháp luật đánh giá là quan trọng hơn lợi ích cá nhân của người được thi hành án: ví dụ: nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho giao dịch thương mại, pháp luật quy định không được kê biên thương phiếu (hối phiếu, lệnh phiếu, séc).
- 2^o Không kê biên để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp kê biên. Quy định này thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Ví dụ: Pháp luật quy định không kê biên động sản hữu hình cần thiết cho cuộc sống hàng ngày và cho công việc của người bị kê biên hoặc của gia đình họ; không kê biên các vật dụng không thể thiếu của người tàn tật hoặc các vật dụng dùng để chăm sóc người bệnh. Ngoài ra, một số quyền yêu cầu cũng không thể bị kê biên, đặc biệt là quyền yêu cầu cấp dưỡng, thù lao và trợ cấp xã hội. Từ vấn đề này, chúng ta chuyển sang đặc điểm cơ bản khác của cưỡng chế thi hành, đó là nguyên tắc cân bằng.

II. Nguyên tắc cân bằng trong cưỡng chế thi hành án

Pháp luật về cưỡng chế thi hành án của Pháp chịu ảnh hưởng đáng kể của nguyên tắc cân bằng, cụ thể là cân bằng giữa lợi ích của người được thi hành án và người phải thi hành án. Tính chất này được thể hiện thông qua việc pháp luật một mặt quy định nguyên tắc hỗ trợ và nguyên tắc tương xứng nhằm bảo vệ người phải thi hành án khỏi các biện pháp cưỡng chế thi hành quá nghiêm khắc và mặt khác, luôn cố gắng bảo đảm hiệu quả áp dụng của biện pháp nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người được thi hành án.

A. Nguyên tắc hỗ trợ và nguyên tắc tương xứng trong cưỡng chế thi hành án

Nguyên tắc hỗ trợ và nguyên tắc tương xứng trong cưỡng chế thi hành án được thể hiện qua việc đảm bảo công bằng cần thiết. Cụ thể, nhà làm luật phải xây dựng các mức độ ưu tiên khác nhau trong cưỡng chế thi hành án.

1. Công bằng cần thiết

Công bằng cần thiết có nghĩa là việc cưỡng chế thi hành không được vượt quá mức cần thiết nếu không muốn trở thành một biện pháp ràng buộc không hiệu quả đối với người phải thi hành án.

Để đảm bảo được yêu cầu này, cưỡng chế thi hành phải là một cơ chế hỗ trợ cho cơ chế tự nguyện thi hành án: chỉ khi nào bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì mới phải dùng đến biện pháp cưỡng chế. Hay nói cách khác, cưỡng chế thi hành là biện pháp cuối cùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Điều này giải thích tại sao thẩm phán có thể cho người phải thi hành án được hưởng một thời gian ân hạn nhất định để khuyến khích người đó tự nguyện thi hành án. Điều này cũng giải thích tại sao pháp luật lại quy định thủ

tục yêu cầu nộp phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ để khuyến khích người ngoan cố không thực hiện nghĩa vụ tự giác thi hành án. Ngoài ra, quy định này cũng cho phép giải thích tại sao trước khi cưỡng chế thi hành án, nếu không tiến hành hòa giải (trong trường hợp kê biên thù lao, hòa giải là thủ tục bắt buộc trước khi tiến hành cưỡng chế thi hành án) thì bắt buộc phải có giấy yêu cầu thanh toán hoặc giấy yêu cầu tự nguyện thi hành (trường hợp kê biên nợ) để khuyến khích bên phải thi hành án thi hành ngay lập tức hoặc trong một thời hạn nhất định bản án, quyết định và hạn chế tối đa thủ tục cưỡng chế thi hành án. Và cuối cùng, điều này giải thích tại sao trong trường hợp kê biên để bán tài sản của người phải thi hành án, người phải thi hành có thể đề xuất một người mua tự nguyện với giá mua đúng với giá trị của tài sản, thay vì bán đấu giá tài sản đó. Như vậy, có thể nói, ở mọi giai đoạn, thủ tục cưỡng chế thi hành án luôn ưu tiên giải pháp tự nguyện thi hành án nhằm tiết kiệm và đảm bảo tính chất hòa bình cho hoạt động thi hành án.

Ngay cả khi không đạt được mục tiêu này, cưỡng chế thi hành án cũng không thể quá nghiêm khắc. Nguyên tắc công bằng cần thiết một lần nữa lại được áp dụng và pháp luật Pháp quy định rất rõ ràng về điều này. Cụ thể, với nguyên tắc người phải thi hành án có thể lựa chọn những biện pháp riêng để thi hành án, pháp luật quy định rằng "việc thi hành các biện pháp này không được vượt quá mức cần thiết để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ" (Luật ngày 9-7-1991, Điều 22 khoản 1). Như vậy, người được thi hành án chỉ được sử dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án một cách hợp lý và có chừng mực. Người được thi hành án không được yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm nếu không thực sự cần thiết hoặc trong trường hợp việc yêu cầu đó có thể gây thiệt hại một cách cố ý hoặc vô ý đối với người phải thi hành án. Với quy định này, người được thi hành án sẽ không thể yêu cầu kê biên bất động sản nếu chỉ cần kê biên tài khoản hoặc kê biên thù lao đã đủ để thanh toán hết nghĩa vụ. Tóm lại, thủ tục áp dụng phải phù hợp và tương xứng với mục tiêu cần đạt được. Và lại, thẩm phán phụ trách thi hành án là người có quyền yêu cầu hủy các biện pháp bảo đảm không cần thiết hoặc có tính chất lạm dụng và yêu cầu người được thi hành án phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp lạm dụng quyền yêu cầu kê biên (Luật ngày 9-7-1991, Điều 22 khoản 2). Tương tự, thừa phát lại có thể từ chối thi hành nếu nhận thấy biện pháp được áp dụng là bất hợp pháp hoặc nếu tổng chi phí có thể lớn hơn tổng số khoản nợ yêu cầu thanh toán (Luật ngày 9-7-1991, Điều 18 khoản 2). Ngược lại, để đảm bảo nguyên tắc cân bằng, nếu bên phải thi hành án ngoan cố không thi hành thì phải bồi thường thiệt hại (Luật ngày 9-7-1991, Điều 23).

2. Thứ tự áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án

Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo thứ tự ưu tiên. Trong một số trường hợp, thứ tự này do pháp luật quy định. Nhằm dung hòa quyền yêu cầu cưỡng chế thi hành án của người được thi hành án với các lợi ích cơ bản của người phải thi hành án, pháp luật quy định một số

biện pháp cưỡng chế thi hành án hỗ trợ. Như vậy, người được thi hành án vẫn có quyền yêu cầu các biện pháp cưỡng chế, nhưng chỉ được thực hiện quyền này khi không có biện pháp nào khác cho phép đảm bảo tốt hơn các lợi ích đối lập. Tương tự, để bảo vệ các chủ nợ khác, pháp luật quy định chủ nợ có đảm bảo (thế chấp) được quyền ưu tiên kê biên bất động sản thế chấp và chỉ được yêu cầu kê biên đối với các bất động sản khác nếu bất động sản thế chấp chưa đủ để thanh toán khoản nợ. Mục đích khác của nguyên tắc hỗ trợ, đó là bảo đảm điều kiện sống cho người phải thi hành án. Ví dụ: Chỉ được phép kê biên để bán nơi ở của người phải thi hành án nhằm thu hồi khoản nợ gốc không phải là quyền yêu cầu cấp dưỡng và có giá trị dưới 535 ơ-rô, khi không thể tiến hành kê biên tài khoản tiền mặt hoặc kê biên thu nhập của người đó, trừ trường hợp thẩm phán phụ trách thi hành án cho phép (Luật ngày 9-7-1991, Điều 51 và Nghị định ngày 31-7-1992, Điều 82). Điều này có nghĩa là người được thi hành án phải ưu tiên kê biên những tài sản ít gây thiệt hại nhất cho người phải thi hành án. Một lợi ích khác còn gây nhiều tranh cãi của nguyên tắc hỗ trợ, đó là nguyên tắc hỗ trợ là phương thức bảo vệ "tài sản" cá nhân của doanh nghiệp tư nhân. Cụ thể, doanh nghiệp tư nhân có thể yêu cầu thi hành án trên những tài sản mà người đó dùng để khai thác doanh nghiệp, nếu những tài sản đó đủ để thanh toán cho người được thi hành án. Trong trường hợp này, người được thi hành án không thể phản đối yêu cầu này, trừ trường hợp yêu cầu đó đe dọa đến khả năng thu hồi nợ của mình (Luật ngày 9-7-1992, Điều 22-1, Luật ngày 11-2-1994).

Ngay cả khi pháp luật không bắt buộc tuân thủ thứ tự ưu tiên khi tiến hành các biện pháp cưỡng chế thi hành án thì cũng khuyến khích tuân thủ thứ tự này đối với một số biện pháp cưỡng chế nhất định, như kê biên khoản nợ ít gây thiệt hại nhất cho người có quyền. Cụ thể, trong trường hợp kê biên tiền, việc kê biên có hiệu quả như trường hợp tự nguyện thanh toán nợ: chủ nợ yêu cầu kê biên có thể được cấp một số tiền tương ứng với khoản nợ mà không phải chia sẻ với các chủ nợ khác. Ngược lại, nếu yêu cầu kê biên tài sản hữu hình hoặc vô hình thì tài sản bị kê biên sẽ được bán để thanh toán cho mọi chủ nợ chứ không chỉ cho chủ nợ yêu cầu kê biên.

B. Các biện pháp bảo đảm hiệu quả của cưỡng chế thi hành

Mong muốn bảo vệ lợi ích của người phải thi hành án luôn tồn tại song hành cùng nhu cầu đảm bảo hiệu quả thực tế của cưỡng chế thi hành. Chính vì vậy, các trường hợp hạn chế cưỡng chế thi hành vừa nêu trên một mặt, được quy định rất chặt chẽ và mặt khác, luôn thể hiện tính cần thiết phải xây dựng cơ chế cho phép người được thi hành án được áp dụng biện pháp cưỡng chế. Nhu cầu đảm bảo hiệu quả thực tế của cưỡng chế thi hành án không chỉ tồn tại trong tổ chức thi hành án ở Pháp mà còn tồn tại trong nhiều mối quan hệ khác. Điều này giải thích tại sao pháp luật Pháp lại sẵn sàng chấp nhận các biện pháp bảo toàn tài sản và hạn chế sự can thiệp của Tòa án trong tổ chức thi hành án.

1. Các biện pháp bảo toàn tài sản

Biện pháp bảo toàn tài sản là biện pháp cho phép chủ nợ chưa được thanh toán được quyền ngăn không cho con nợ định đoạt tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Biện pháp này đã được quy định trong pháp luật Pháp từ năm 1955 với đạo luật ngày 12-11-1955 và sau đó được sửa đổi, bổ sung bởi luật ngày 9-7-1991. Từ đó đến nay, "mọi chủ nợ có căn cứ đều có thể yêu cầu thẩm phán cho phép áp dụng biện pháp kê nhằm bảo toàn tài sản mà không cần thông báo trước cho con nợ nếu chứng minh được có những tình tiết đe dọa khả năng thu hồi nợ (Luật ngày 9-7-1991, Điều 67).

Tính chất mềm dẻo của biện pháp bảo toàn tài sản được thể hiện qua mục đích của biện pháp. Thực vậy, do đây là biện pháp nhằm bảo vệ quyền của chủ nợ trong khi chờ con nợ thi hành nghĩa vụ thanh toán, nên chủ nợ không cần thông báo trước cho con nợ, đồng thời cũng không cần quyết định có hiệu lực cưỡng chế thi hành án như đối với biện pháp cưỡng chế thi hành án; vì các thủ tục này sẽ làm giảm hiệu quả của biện pháp bảo toàn tài sản vốn chủ yếu dựa vào cơ chế nhanh chóng và bất ngờ. Điều này cũng giải thích tại sao trong thủ tục bảo toàn tài sản, khoản nợ không nhất thiết phải một khoản nợ có căn cứ chắc chắn, đã đến hạn thanh toán và có thể định giá bằng tiền giống như trong thủ tục cưỡng chế thi hành án mà chỉ cần chủ nợ có chứng cứ về khoản nợ để tránh trường hợp con nợ tẩu tán tài sản. Ngược lại, do biện pháp bảo toàn tài sản cho phép chủ nợ bảo vệ quyền của mình nên chủ nợ yêu cầu kê biên phải chứng minh được có những tình tiết đe dọa khả năng thu hồi nợ; và lúc này, một lần nữa chúng ta lại quay trở về nguyên tắc công bằng cần thiết đã trình bày ở phần trên. Có thể nói đây là một điều kiện ít mang tính chất ràng buộc, bởi vì trong khi chưa chứng minh được quyền của mình, chủ nợ chỉ cần chứng minh những tình tiết cho phép mình áp dụng biện pháp bảo toàn tài sản. Chính vì vậy, biện pháp kê biên để bảo toàn tài sản chỉ được tiến hành khi được phép của thẩm phán, trừ một số trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều 68 Luật ngày 9-7-1991. Người có lệnh cưỡng chế thi hành có thể yêu cầu áp dụng biện pháp bảo toàn tài sản mà không cần sự cho phép của thẩm phán; tương tự, người có quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật có thể được bảo vệ trong trường hợp kháng cáo yêu cầu tạm đình chỉ thi hành án.

Để đảm bảo hiệu quả của biện pháp bảo toàn tài sản vốn dựa chủ yếu vào tính chất bất ngờ, pháp luật Pháp quy định cơ chế xin phép Tòa án mà không cần triệu tập người có nghĩa vụ. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền tự bảo vệ của đương sự, biện pháp bảo toàn tài sản phải được thực hiện cùng với thủ tục tổng đạt cho người có nghĩa vụ, nhằm cho phép người đó thực hiện quyền tự bảo vệ của mình. Trong mọi trường hợp, biện pháp bảo toàn tài sản chỉ được áp dụng trong một thời hạn nhất định: vì nhà làm luật mong muốn biện pháp này nhanh chóng được chuyển thành biện pháp cưỡng chế thi hành, nhằm tránh trường hợp lạm dụng để gây áp lực đối với con nợ. Do vậy, thông

thường, chủ nợ phải áp dụng biện pháp bảo toàn tài sản trong vòng 3 tháng kể từ ngày được Tòa án cho phép; nếu không, quyết định cho phép của Tòa án sẽ hết hiệu lực (Nghị định ngày 31-7-1992, Điều 214). Ngay cả trong trường hợp chủ nợ không phải xin phép Tòa án thì trong vòng một tháng kể từ khi tiến hành biện pháp bảo toàn tài sản, chủ nợ cũng phải hoàn thành các thủ tục cần thiết để được cấp quyết định cưỡng chế thi hành án (nếu chưa có); nếu không, biện pháp bảo toàn tài sản sẽ mất hiệu lực (Luật ngày 9-7-1991, Điều 70; Nghị định ngày 31-7-1992, Điều 215, khoản 1).

Như vậy, có thể nói, nguyên tắc cân bằng được thể hiện ngay trong chính các điều kiện, phương thức tiến hành và việc xác định hiệu lực của biện pháp bảo toàn tài sản. Về vấn đề này, pháp luật quy định hai hình thức sau:

- 1/ Kê biên nhằm bảo toàn tài sản. Biện pháp này nhằm ngăn không cho người có nghĩa vụ được định đoạt tài sản (động sản hữu hình/vô hình và khoản nợ) có khả năng gây thiệt hại đến quyền lợi của người kê biên. Trong trường hợp đối tượng kê biên là khoản nợ thì việc kê biên chỉ được giới hạn trong phạm vi các quyền của người kê biên. Để đảm bảo rằng việc giới hạn này không gây thiệt hại đến quyền của chủ nợ yêu cầu kê biên khi có một chủ nợ khác xuất hiện, pháp luật quy định người yêu cầu kê biên đều tiên được quyền ưu tiên đối với khoản tiền đã kê biên. Đây chính là một biểu hiện khác của nguyên tắc công bằng cần thiết.
- 2/ Biện pháp bảo đảm tư pháp. Đây là biện pháp bảo toàn tài sản được áp dụng đối với bất động sản (vì ở Pháp không có thủ tục kê biên nhằm bảo toàn bất động sản). Biện pháp này không nhằm ngăn chặn việc định đoạt bất động sản mà nhằm công nhận quyền ưu tiên của nguyên đơn, với điều kiện việc xác lập quyền phải được công bố công khai.

2. Hạn chế sự can thiệp của Tòa án

Khác với các biện pháp bảo toàn tài sản, các biện pháp cưỡng chế thi hành án không còn được coi là biện pháp tư pháp ở Pháp. Một trong những điểm đổi mới của Luật ngày 9-7-1991 là vấn đề "phi tư pháp hóa" các biện pháp thi hành án. Vấn đề này xuất phát từ mong muốn tăng cường hiệu quả của pháp luật về cưỡng chế thi hành án. Thực vậy, kể từ thời điểm chủ nợ có văn bản có hiệu lực cưỡng chế thi hành án, thẩm phán không cần thiết phải kiểm tra quyền của người đó. Đặc biệt, sẽ là rất vô lý nếu chủ nợ, sau nhiều năm chờ đợi để được Tòa án công nhận quyền yêu cầu thanh toán của mình, lại tiếp tục phải chờ đợi thêm một thủ tục thẩm tra tư pháp, trong khi thủ tục này không đem lại bất kỳ lợi ích gì.

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành có thể khiến người phải thi hành án hoặc người thứ ba phản đối. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta chỉ cần quy định rõ về vai trò của thẩm phán trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình cưỡng chế thi hành. Đây chính là quan điểm của pháp luật Pháp. Trường hợp liên quan đến các biện pháp bảo toàn cần sự đồng ý của thẩm

phán, thẩm phán không tiến hành tiên kiểm hoặc tự động kiểm tra việc cưỡng chế thi hành. Về nguyên tắc, thẩm phán chỉ can thiệp để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành. Trên tinh thần này, Luật ngày 9-7-1991 đã thông qua nhiều giải pháp quan trọng nhằm đơn giản hóa các thủ tục tư pháp và nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án. Giải pháp đầu tiên, đó là quy định thẩm phán phụ trách thi hành án là thẩm phán chuyên trách về vấn đề cưỡng chế thi hành. Như vậy, thẩm phán phụ trách thi hành án là người có thẩm quyền phê chuẩn các biện pháp bảo toàn tài sản, kê biên động sản và bất động sản (các thẩm phán khác không có thẩm quyền này). Quy định như vậy sẽ cho phép thẩm phán về thi hành án được tập trung vào một lĩnh vực chuyên môn và do đó, nâng cao được hiệu quả và chất lượng của công tác xét xử. Tuy nhiên, để việc "chuyên môn hóa" không gây ảnh hưởng đến nguyên tắc nhanh gọn của cưỡng chế thi hành án, trong khi các tranh chấp này sinh trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành lại chủ yếu liên quan đến các vấn đề về mặt nội dung (khoản nợ mà nguyên đơn đưa ra có chính xác không? Tài sản bị kê biên có phải là tài sản thuộc sở hữu của người phải thi hành án không?), thẩm quyền của thẩm phán phải được mở rộng ra mọi vấn đề về mặt nội dung (trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc liên quan đến hiệu lực của quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án: vì trường hợp này thuộc thẩm quyền của thẩm phán xét xử về mặt nội dung). Cuối cùng, vẫn nhằm hướng tới hiệu quả của công tác thi hành án, một mặt, pháp luật quy định thủ tục triệu tập ra Tòa để hạn chế tranh chấp; mặt khác, đơn giản hóa các quy định về thủ tục cần thực hiện liên quan đến động sản (thủ tục này hiện nay chỉ cần được thực hiện bằng lời và không bắt buộc phải trình diện trước thẩm phán).

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA CỘNG HÒA PHÁP

Patrice Nocquet

*Nguyên Chủ tịch Hội đồng thừa phát lại Pari
Cộng hòa Pháp*

DẪN ĐỀ

Ở bất kỳ thời đại nào, bất kỳ xã hội nào, mỗi người đều là chủ thể của các quyền và nghĩa vụ.

Trong lĩnh vực mà tôi sẽ đề cập đến, các quyền và nghĩa vụ đó được cụ thể hóa bằng quyền đòi nợ và nghĩa vụ trả nợ.

Vấn đề đặt ra là cần xây dựng các thủ tục như thế nào cho phép người có quyền đòi nợ (hay người được thi hành án) có thể buộc người có nghĩa vụ trả nợ (hay người phải thi hành án) thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên, phải bảo đảm rằng việc áp dụng những thủ tục đó không được thái quá và trên cơ sở tôn trọng người phải thi hành án.

Làm thế nào để cung cấp cho người được thi hành án các công cụ hợp lý đảm bảo thực hiện việc cưỡng chế thi hành án một cách nhanh chóng và ít tốn kém?

Câu hỏi này càng trở nên rõ ràng trong trường hợp người được thi hành án nhận được bản án, quyết định của Tòa án trong đó có mẫu câu về hiệu lực thi hành. Mẫu câu này được thống nhất ghi trong tất cả các bản án, quyết định của Tòa án và có nội dung như sau:

"...Trên cơ sở đó, nước Cộng hòa Pháp yêu cầu "các thừa phát lại" cho thi hành bản án (hoặc quyết định) này; yêu cầu Viện trưởng Viện công tố bên cạnh tòa án các cấp giám sát việc thi hành, các chỉ huy và sỹ quan của lực lượng vũ trang công quyền trợ giúp việc thi hành trong trường hợp cần thiết ..."

Mẫu câu này không phải là những lời lẽ vô giá trị.

Bản án, quyết định đã ban hành phải được thi hành trong một thời hạn hợp lý, yêu cầu này được ghi trong nhiều bản án, quyết định và tất nhiên nó cũng đặt ra đối với việc thi hành bản án, quyết định nói trên.

Việc thi hành án đối với tài sản của người phải thi hành án chỉ được thực hiện thông qua cưỡng chế và tử lâu, chúng ta đã công nhận rằng cưỡng chế là một đặc quyền của quyền lực Nhà nước, chỉ có Nhà nước mới có quyền cưỡng chế.

Tuy nhiên, thời gian qua, Nhà nước Pháp đã trao cho một số nghề một phần quyền lực của mình trong đó có quyền cưỡng chế thi hành án.

Chính vì vậy, hiện nay ở Pháp có một loại nghề được trao quyền cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

Loại nghề nghiệp được trao một phần quyền lực Nhà nước theo quy định của pháp luật chính là nghề thừa phát lại.

Trong phần đầu tiên chúng ta sẽ xem xét các vấn đề về quy chế, điều kiện trở thành thừa phát lại cũng như các quyền và nghĩa vụ của thừa phát lại.

Tiếp đó, tôi sẽ trình bày về trình tự, thủ tục thi hành án do thừa phát lại tiến hành theo quy định của pháp luật.

Cuối cùng, chúng ta sẽ xem xét những quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

A. NGHỀ THỪA PHÁT LẠI Ở PHÁP

I. Quy chế nghề thừa phát lại

a) Thừa phát lại là viên chức tư pháp:

Thừa phát lại là một viên chức tư pháp bởi vì thừa phát lại là người được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm đứng đầu một văn phòng thừa phát lại. Với chức danh đó, thừa phát lại là người "độc quyền" trong việc thực hiện một số công việc nhất định, như thi hành quyết định, bản án và tổng đạt giấy tờ tư pháp và giấy tờ khác liên quan đến bản án, quyết định phải thi hành.

b) Thừa phát lại là viên chức công quyền:

Khi thực hiện nhiệm vụ với tư cách là nhân viên thi hành án, ví dụ như kê biên hoặc cưỡng chế trả nhà, tức là thừa phát lại đã thực hiện một hoạt động thuộc quyền lực nhà nước thông qua việc ủy quyền. Như vậy, với tư cách là viên chức công quyền, thừa phát lại là người duy nhất có quyền yêu cầu sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang công quyền trong trường hợp cần thiết.

Ngoài ra, văn bản do thừa phát lại lập là loại văn bản có tính xác thực mà ngoài một số công chức trong phạm vi thẩm quyền của mình, chỉ có một số viên chức công quyền mới có thẩm quyền lập những văn bản công có tính xác thực đó.

Ở Pháp, ngoài thừa phát lại, công chứng viên và viên chức bán đấu giá tư pháp cũng là viên chức công quyền.

c) Thừa phát lại là bổ trợ viên tư pháp

Thừa phát lại ở Pháp còn có nhiệm vụ đảm bảo trật tự, kỷ luật tại phiên tòa dưới sự chủ tọa của thẩm phán.

Là một bổ trợ viên tư pháp do thẩm phán chỉ định, thừa phát lại còn có nhiệm vụ xác nhận. Nhiệm vụ này nhằm cung cấp cho thẩm phán thông tin về một số sự kiện pháp lý liên quan đến vụ việc do thẩm phán thụ lý mà thẩm phán không cần đến tận nơi để xác nhận được những sự kiện đó. Tức là thẩm phán sẽ chỉ định một thừa phát lại đến nơi có sự kiện pháp lý xảy ra để xác nhận sau đó thông báo lại cho thẩm phán tất cả những gì mà thừa phát lại đã nghe

thấy, nhìn thấy. Việc thông báo này giúp thẩm phán biết rõ một số sự kiện pháp lý và có thể đưa ra quyết định trên cơ sở những thông tin do thừa phát lại cung cấp.

d) Thừa phát lại là một nghề tự do và hoạt động độc lập

Thừa phát lại là một nghề tự do và hoạt động độc lập bởi vì thừa phát lại quản lý hoạt động của văn phòng như một chủ doanh nghiệp tư nhân. Thừa phát lại tự mình thực hiện việc tuyển dụng nhân viên và có thể chấm dứt hợp đồng lao động đối với bất cứ người nào, tuy nhiên phải tuân thủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

Thừa phát lại làm việc tại văn phòng do mình thuê.

Thừa phát lại chịu trách nhiệm trả lương và các chi phí khác cho nhân viên và tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động nghề nghiệp (tiền thuê nhà, tiền tài liệu, cơ sở vật chất, hệ thống tin học, nội thất văn phòng, phương tiện đi lại ...).

II. Các điều kiện để trở thành thừa phát lại

Để trở thành thừa phát lại và hưởng quy chế quy định ở trên (theo Pháp lệnh ngày 2 tháng 11 năm 1945 và Nghị định ngày 29 tháng 2 năm 1956), người muốn trở thành thừa phát lại phải thỏa mãn các điều kiện chung và các điều kiện riêng về năng lực nghề nghiệp.

Về các điều kiện chung, đối tượng muốn trở thành thừa phát lại phải là công dân Pháp, chưa từng bị kết án hình sự hoặc bị kỷ luật, chưa từng có hành vi trái với danh dự, hành vi không trung thực hoặc vi phạm đạo đức xã hội, chưa từng bị phá sản.

Liên quan đến các điều kiện riêng về năng lực nghề nghiệp, những người đã thỏa mãn các điều kiện chung quy định ở trên còn phải có một trong các bằng đại học theo quy định, phải hoàn thành một khóa thực tập và thi đỗ trong kỳ thi sát hạch về chuyên môn. Cụ thể, các điều kiện riêng gồm:

Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật.

Đã thực tập 2 năm tại một văn phòng thừa phát lại (hoặc tại văn phòng của một nhân viên tư pháp công quyền khác).

Đã thi đỗ trong kỳ thi sát hạch chuyên môn về tất cả các ngành luật và đặc biệt về quy chế đạo đức, tư pháp quốc tế, thủ tục thi hành án dân sự

III. Thực hiện hoạt động nghề nghiệp

Thừa phát lại hoạt động dưới hình thức văn phòng thừa phát lại, công ty dân sự nghề nghiệp hoặc công ty tự do (theo mô hình của công ty thương mại). Mỗi văn phòng, công ty có một thừa phát lại đứng đầu.

Hiện nay ở Pháp, có khoảng 2200 văn phòng, công ty thừa phát lại, phân bố trên toàn lãnh thổ với khoảng 3400 thừa phát lại. Con số này không trùng

nhau bởi vì một số thừa phát lại không mở văn phòng riêng mà cùng hợp tác với nhau mở công ty.

Số lượng thư ký và nhân viên của các văn phòng, công ty thừa phát lại khoảng 10.000 người.

Mỗi thừa phát lại có thể có 1 hoặc nhiều thư ký.

Thừa phát lại là người có độc quyền trong việc tổng đạt văn bản, giấy tờ liên quan đến thi hành án và có quyền yêu cầu sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang công quyền, được bảo vệ chống lại những hành vi lạm quyền, tuy nhiên tương ứng với các quyền ấy, thừa phát lại cũng có các nghĩa vụ.

Thừa phát lại phải có thái độ cư xử đúng mực trong cuộc sống riêng cũng như trong hoạt động nghề nghiệp.

Thừa phát lại phải kính trọng thẩm phán.

Đối với khách hàng, thừa phát lại phải tận tình, cung cấp cho họ những lời khuyên chính xác, đúng đắn.

Đối với đồng nghiệp, thừa phát lại không được có bất kỳ hành vi đáng chê trách nào và đặc biệt không được thực hiện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh; phải có quan hệ tốt với đồng nghiệp.

Thừa phát lại phải thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu. Điều này chính là hệ quả tất yếu của việc thừa phát lại là người được "độc quyền" thực hiện những hoạt động thuộc phạm vi thẩm quyền.

Thừa phát lại có nghĩa vụ giữ bí mật nghề nghiệp.

Thừa phát lại là một nghề tự do, chính vì vậy mà thừa phát lại có quan hệ trực tiếp với khách hàng, cụ thể đó là những người được thi hành án đã nhận được bản án, quyết định của tòa án và muốn thi hành quyết định, bản án đó.

Như vậy, thừa phát lại không chịu sự chỉ đạo của thẩm phán đã ra quyết định, bản án phải thi hành mà được người được thi hành án ủy quyền để thi hành bản án, quyết định.

Điều quan trọng là chính khái niệm "ủy quyền" là căn cứ để thừa phát lại có quyền thực thi nhiệm vụ được giao và cũng chính việc "ủy quyền" đó đã quyết định trách nhiệm của thừa phát lại trong khi thi hành bản án, quyết định.

IV. Thù lao của thừa phát lại

Thừa phát lại được trả thù lao theo mức thù lao do Chính phủ quy định.

Mức thù lao này cho phép thừa phát lại có thể:

Trả lương và các khoản khác cho nhân viên và các chi phí liên quan đến hoạt động của văn phòng thừa phát lại.

Giữ lại một phần lãi, chính là thù lao của thừa phát lại và các cộng sự trong trường hợp thừa phát lại hoạt động theo mô hình công ty.

Tất cả các thừa phát lại đều phải tôn trọng mức thù lao do Chính phủ quy định. Nếu vi phạm, sẽ phải chịu hình thức kỷ luật.

Những ưu điểm của nghề thừa phát lại độc lập đã rõ, đó là:

Nhà nước không phải cấp bất kỳ một khoản kinh phí nào cho hoạt động thi hành án.

Ngoài ra, thông qua thừa phát lại, Nhà nước có thể thu được một số loại thuế mà không mất chi phí.

V. Trách nhiệm của thừa phát lại và những bảo đảm cho trách nhiệm đó

Thừa phát phải chịu trách nhiệm kỷ luật về những lỗi mà họ gây ra trong khi hành nghề.

Việc xử lý kỷ luật thừa phát lại có thể thực hiện theo quyết định của Hội đồng thừa phát lại tỉnh nơi thừa phát lại hành nghề hoặc theo quyết định của Viện Công tố hoặc Tòa án nếu lỗi nghiêm trọng và trong trường hợp đó, mức độ xử lý có thể là tạm đình chỉ hành nghề hoặc miễn nhiệm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự, nếu thừa phát lại gây thiệt hại cho người được thi hành án hoặc người phải thi hành án thì thừa phát lại có trách nhiệm bồi thường cho người bị thiệt hại.

Ví dụ: việc chậm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc một biện pháp cưỡng chế thi hành, việc gây thiệt hại khi áp dụng biện pháp mở cửa

Để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp thừa phát lại có trách nhiệm bồi thường, quy chế nghề thừa phát lại đã quy định về việc thừa phát lại phải mua bảo hiểm tập thể tại một công ty bảo hiểm để đảm bảo rằng mọi người được thi hành án, người phải thi hành án bị thiệt hại đều được bồi thường.

Ngoài ra, thừa phát lại sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp hành vi của họ cấu thành tội phạm.

Một khi hành vi tội phạm được chứng minh, thừa phát lại không những phải chịu trách nhiệm hình sự mà còn phải chịu một hình thức kỷ luật.

B. CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN

Ở Pháp, việc cưỡng chế thi hành án được quy định trong nhiều văn bản pháp luật tuy nhiên, những nội dung chủ yếu được quy định trong Luật ngày 9 tháng 7 năm 1991 và Nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1992 và thủ tục thi hành án dân sự.

Hai văn bản này quy định một cách chi tiết các biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Do thời gian Hội thảo có hạn, tôi chỉ xin trình bày mang tính liệt kê một số biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Thông qua các văn bản pháp luật mới ban hành, các nhà làm luật của Pháp muốn nâng cao hiệu lực của các văn bản có hiệu lực thi hành bởi vì nền kinh

tế phát triển, nhiều yếu tố mới xuất hiện và chính những yếu tố này cho phép cá nhân hoặc doanh nghiệp có thể thanh toán toàn bộ khoản nợ của mình.

Thực tế, nhiều loại tài sản mới xuất hiện, các công cụ ngân hàng bùng nổ (tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng ...).

Các loại chứng khoán phát triển mạnh mẽ dưới nhiều hình thức đa dạng, các loại chứng chỉ chứng nhận quyền không cần phải thể hiện dưới hình thức vật chất mà sẽ được ghi vào tài khoản. Người được thi hành án chỉ cần đến Công ty dân sự về bất động sản và tìm ra biện pháp thi hành án phù hợp.

Các loại tài sản càng phong phú thì càng cần phải đa dạng hóa các công cụ thi hành án.

Chính vì những lý do đó, nhà làm luật của Pháp đã mở rộng các hình thức kê biên. Bên cạnh các hình thức truyền thống, họ đã quy định thêm một số hình thức kê biên đặc biệt phù hợp với bản chất riêng của một số loại tài sản như kê biên chuyển tài sản, kê biên chứng khoán, kê biên phương tiện giao thông đường bộ, kê biên các vật cất trong két ở ngân hàng.

Hiện nay, các biện pháp cưỡng chế thi hành án mà thừa phát lại có thể áp dụng gồm:

Thi hành án đối với động sản: Đây là biện pháp kê biên động sản thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án, do người phải thi hành án hoặc một người thứ ba giữ.

Kê biên các khoản tiền: gồm kê biên các khoản tiền do người thứ ba giữ và kê biên các phần vốn góp công ty hoặc kê biên chứng khoán.

Với biện pháp kê biên các khoản tiền do người thứ ba giữ, nếu người được thi hành án có một văn bản có hiệu lực thi hành thì có thể yêu cầu kê biên đối với những khoản tiền của người phải thi hành án do người thứ ba giữ, cụ thể đó là ngân hàng.

Trong trường hợp thừa phát lại tiến hành kê biên một tài khoản ngân hàng của người phải thi hành án, các khoản tiền có trong tài khoản đó có thể sẽ được tạm thời chuyển sang một tài khoản khác. Sau thời hạn 1 tháng, nếu không có ai khởi kiện về việc kê biên, số dư trong tài khoản này sẽ được chuyển sang tài khoản của người được thi hành án. Trong trường hợp có khởi kiện, thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết vụ kiện đó.

Việc kê biên chứng khoán và kê biên phần vốn góp công ty cũng tương tự như kê biên các khoản tiền do người thứ ba giữ.

Khi áp dụng các biện pháp kê biên này, phải dành cho người phải thi hành án một khoảng thời gian 1 tháng để họ khởi kiện và thẩm phán có thẩm quyền giải quyết là thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự.

Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự là người chuyên phụ trách việc giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong quá trình thi hành án.

Trong mọi trường hợp, thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự không có quyền sửa đổi bản án, quyết định chung thẩm hoặc có hiệu lực thi hành tạm thời, tuy nhiên thẩm phán có quyền ấn định các thời hạn thanh toán hoặc hủy bỏ mọi hành vi thi hành án trái pháp luật.

Kê biên trích khấu thu nhập: Đây là một biện pháp thi hành án thường được áp dụng. Việc kê biên trích khấu thu nhập sẽ được tiến hành tại Tòa án sơ thẩm và trước đó, người phải thi hành án đã có đề nghị giãn nợ.

Nếu không có đề nghị giãn nợ của người phải thi hành án, việc trích khấu thu nhập sẽ được phép áp dụng theo mức trích khấu do Chính phủ quy định và được điều chỉnh mỗi năm một lần.

Kê biên phương tiện giao thông đường bộ có động cơ: Đây là một điểm mới của Luật ngày 9 tháng 7 năm 1991. Hình thức kê biên này chỉ được áp dụng với sự hỗ trợ của một công cụ cho phép phong tỏa một phương tiện giao thông đường bộ dù phương tiện đó đang ở địa điểm nào.

Kê biên chuyển tài sản: chỉ áp dụng khi được thẩm phán đặc trách về thi hành án cho phép trên cơ sở yêu cầu của người được thi hành án.

Hình thức kê biên này cho phép chiếm giữ một tài sản thuộc quyền sở hữu của người được thi hành án nhưng do người phải thi hành án hoặc một người thứ ba giữ.

Kê biên bất động sản là một biện pháp nhằm kê biên bất động sản thuộc quyền sở hữu người phải thi hành án (căn hộ, nhà riêng, đất ...).

Khi áp dụng thủ tục này, thừa phát lại phải tổng đạt lệnh kê biên động sản cho luật sư đã được cử trước Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng nơi có bất động sản bị kê biên.

Sau đó, luật sư nhận được lệnh này có trách nhiệm công bố việc kê biên bất động sản tại Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm. Kể từ ngày công bố nói trên, bên phải thi hành án không thể bán bất động sản có liên quan.

Tiếp theo, người phải thi hành án có thể yêu cầu trước Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng về việc thanh toán nợ dần dần và cũng có thể yêu cầu tiến hành bán tài sản theo thủ tục thông thường với lý do rằng việc bán như vậy sẽ bán được giá cao hơn.

Liên quan đến khối tài sản của người phải thi hành án, nếu tài sản của họ có thể đảm bảo trả hết nợ thì người được thi hành án có quyền yêu cầu tiến hành thi hành án đối với toàn bộ khối tài sản đó.

Tìm kiếm và thông tin

Luật năm 1991 quy định việc tìm kiếm địa chỉ và các thông tin về tài khoản ngân hàng của người phải thi hành án cũng như các thông tin về cần thiết về nơi người phải thi hành án làm việc.

Gần đây, thừa phát lại còn có thể trực tiếp tìm kiếm thông tin từ hệ thống dữ liệu về tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng trung ương Pháp. Dĩ nhiên, để thực hiện được quyền đó, thừa phát lại phải có văn bản có hiệu lực thi hành hoặc có hiệu lực tạm thi hành.

C. HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA THỪA PHÁT LẠI

Theo quy định của pháp luật, thừa phát lại chỉ được vào nơi ở hoặc nơi kinh doanh, sản xuất của người phải thi hành án với sự có mặt của 2 người làm chứng là người đã thành niên hoặc đại diện cơ quan công an, đại diện lực lượng quân cảnh.

Căn cứ vào quy định đó, thừa phát lại có thể yêu cầu sự hỗ trợ của người làm chứng, cơ quan công an hoặc lực lượng quân cảnh khi tiến hành kê biên tại những nơi nói trên.

Tương tự như vậy, thừa phát lại cũng có thể yêu cầu sự hỗ trợ của cơ quan công an trong trường hợp họ phải thực hiện nhiệm vụ xác nhận hoặc khi phải vào nơi ở hoặc nơi sản xuất, kinh doanh của người phải thi hành án tại thời điểm mở cửa nơi đó.

D. CƯỠNG CHẾ TRẢ NHÀ

Đây là một biện pháp thi hành án rất tế nhị. Do đó, khi quy định về biện pháp này nhà làm luật đã rất thận trọng và quy định một cách hết sức cụ thể.

Liên quan đến việc cưỡng chế trả nhà, trong trường hợp nơi đó có người ở thì khi áp dụng biện pháp này thừa phát lại phải yêu cầu sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang công quyền.

E. CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

Theo quy định pháp luật Pháp, trước khi có quyết định, bản án phải thi hành thì có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Theo quy định của pháp luật, thừa phát lại có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không cần xin phép tòa án nếu thừa phát lại có một trong những loại giấy tờ sau:

- Văn bản có hiệu lực thi hành hoặc bản án, quyết định chưa có hiệu lực thi hành,
- Hối phiếu đòi nợ được chấp nhận nhưng chưa thanh toán,
- Hối phiếu ghi nợ chưa thanh toán,
- Séc chưa thanh toán,

Tiền thuê bất động sản chưa thanh toán căn cứ vào hợp đồng thuê bất động sản.

Trong những trường hợp khác, nếu muốn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo toàn một khoản tiền trước khi vụ kiện được giải quyết tại tòa thương mại thì thừa phát lại phải được sự cho phép của thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự hoặc Chánh tòa thương mại.

Ngay sau khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên được thi hành án phải yêu cầu thẩm phán xét xử về nội dung ra bản án, quyết định công nhận tính có căn cứ của khoản tiền. Sau khi nhận được bản án, quyết định của tòa án, bản án, quyết định được tổng đạt cho người thứ ba. Trên cơ sở đó, người được thi hành án mới có thể nhận được khoản tiền mà trước đó đã được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Trong số các biện pháp khẩn cấp tạm thời còn có biện pháp đăng ký cầm cố sản nghiệp kinh doanh. Việc áp dụng biện pháp này đòi hỏi phải được sự cho phép của thẩm phán đặc trách về thi hành án.

Đăng ký thế chấp đối với bất động sản cũng là một biện pháp khẩn cấp tạm thời. Biện pháp này cũng phải được sự cho phép của Tòa án.

F. TỔ CHỨC NGHỀ THỪA PHÁT LẠI

Mỗi thừa phát lại đều là thành viên của một Hội đồng thừa phát lại tỉnh, tổ chức có quyền áp dụng biện pháp kỷ luật.

Trong phạm vi quản hạt của mỗi một Tòa án phúc thẩm có một Hội đồng thừa phát lại vùng với nhiệm vụ chính là kiểm tra, giám sát hoạt động kế toán của các văn phòng, công ty thừa phát lại. Kết quả kiểm tra, giám sát được gửi cho Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa án sơ thẩm.

Hội đồng thừa phát lại quốc gia có quy mô trên toàn quốc với nhiệm vụ đại diện cho thừa phát lại trước các cơ quan nhà nước, đề xuất việc sửa đổi các văn bản pháp luật, đề xuất mức thù lao và cung cấp thông tin về văn bản pháp luật cho thừa phát lại.

Ngoài ra, tổ chức nghề thừa phát lại còn có Trường đào tạo cán bộ thi hành án quốc gia có nhiệm vụ bồi dưỡng các thừa phát lại đang hành nghề và đào tạo thừa phát lại tương lai.

KẾT LUẬN

Qua phần trình bày ngắn gọn trên đây, chúng ta thấy rằng ở Pháp việc thi hành án dân sự, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời được giao cho thừa phát lại. Thừa phát lại được bảo đảm tính độc lập trong khi hành nghề và bảo đảm về khả năng thanh toán khi thừa phát lại phải bồi thường thiệt hại gây ra. Điều này là nhờ việc tất cả các thừa phát lại đều tham gia bảo hiểm trách nhiệm tập thể thông qua Hội đồng thừa phát lại quốc gia là tổ chức đại diện nghề thừa phát lại bên cạnh Bộ Tư pháp.

Việc thi hành án được thực hiện đối với chính người phải thi hành án, một mặt nhằm đạt mục đích là việc thi hành án được tiến hành nhanh chóng, mặt khác nhằm bảo vệ người phải thi hành án. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, người phải thi hành có quyền khởi kiện trước thẩm phán đặc trách về thi hành án đối với những biện pháp mà người phải thi hành án bị áp dụng.

Cuối cùng, do thừa phát lại là một nghề tự do cho nên Nhà nước không phải cấp bất kỳ khoản ngân sách nào cho hoạt động này.

Bản sao lưu trữ

THỰC TIỄN THI HÀNH CÁC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ TRONG BẢN ÁN HÌNH SỰ

Alain Guillou

*Công tố viên cao cấp
Tòa Phúc thẩm Rouen
Cộng hòa Pháp*

DẪN ĐỀ

Trọng tâm của pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật và người bị hại. Tuy nhiên, đáng tiếc là trước đây, trong một thời gian dài, người bị hại luôn bị pháp luật hình sự lãng quên. Ngày nay, người bị hại trong vụ án hình sự đã được hưởng một khung pháp luật đầy đủ hơn, cho phép bảo vệ tốt hơn quyền lợi của mình.

Trước đây, có thể nói rằng các nhà lập pháp chỉ quan tâm đến khía cạnh bồi thường thiệt hại. Xuất phát từ quan điểm cho rằng không thể chối bỏ sự tồn tại của hành vi gây ra lỗi cũng như của chính lỗi đó, pháp luật trước đây quy định cơ chế bồi thường thiệt hại bằng tiền.

Tuy nhiên, lợi ích của các mô hình mới cho phép xây dựng được một cơ chế bồi thường thiệt hại hiệu quả hơn cùng với phản ứng mạnh mẽ của người bị hại do cảm thấy mình bị đối xử thiệt thòi hơn những người có hành vi vi phạm pháp luật đã khiến cho pháp luật ngày nay phải dành một vị trí nhất định cho người bị hại trong tiến trình tố tụng.

Sự xuất hiện của khoa học tâm lý người bị hại đã khiến cho nhiều quốc gia vượt ra khỏi khuôn khổ vật chất của vấn đề bồi thường thiệt hại để xây dựng các cơ chế hỗ trợ và tư vấn cho người bị hại, nhằm bảo vệ nhân phẩm của họ và bồi thường phần nào các thiệt hại về tinh thần và vật chất mà họ phải gánh chịu. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã thành lập các cơ sở hỗ trợ người bị hại. Các cơ sở này ngày càng giữ vai trò quan trọng và trở thành một đối tác không thể thiếu trong công tác hỗ trợ người bị hại. Tương tự, nhiều nước cũng đã áp dụng chủ trương đơn giản hóa thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Như vậy, nếu trước đây người bị hại là một "nhân tố cũ" trong pháp luật thông qua cơ chế truy cứu trách nhiệm dựa trên căn cứ lỗi và mới đây là căn cứ "mối đe dọa" của hành vi vi phạm pháp luật đối với hoạt động của con người, thì ngày nay, người bị hại đã xuất hiện với tư cách là một "nhân tố mới" của pháp luật hình sự. Bởi vì hiện nay, cơ quan luôn có nhiệm vụ bảo đảm công tác thông tin cho người bị hại, bảo đảm quyền của người bị hại trong suốt quá trình tố tụng và cuối cùng là bảo đảm hiệu quả của việc bồi thường thiệt hại.

I. Một số vấn đề liên quan đến cơ chế bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự

1. Vấn đề đầu tiên, đó là nội hàm của khái niệm "bồi thường thiệt hại".

Theo dõi vào lịch sử phát triển của vấn đề bồi thường thiệt hại, có thể nhận thấy rằng ngày nay, thay vì mong muốn trừng phạt người phạm tội bằng chế tài hình sự, người ta có xu hướng truy cứu trách nhiệm dân sự của người vi phạm pháp luật để dành mọi ưu tiên cho vấn đề bồi thường thiệt hại.

Vì vậy, khái niệm "bồi thường thiệt hại" ngày nay cũng bao hàm nhiều khía cạnh hơn. Bồi thường thiệt hại theo nghĩa hiện đại không còn là hành vi đền bù đơn thuần theo quyết định của Tòa án mà còn bao gồm cả vấn đề xử phạt chủ thể của lỗi và tìm kiếm sự thật. Do vậy, người bị hại không chỉ đơn thuần là được "bồi thường" dân sự. Bồi thường vật chất vẫn có vai trò quan trọng nhưng chưa đủ để đền bù những chấn động về tinh thần và xã hội mà người bị hại phải gánh chịu. Ngày nay, bên cạnh một nền pháp luật chủ trương đền bù đơn thuần, đang bắt đầu hình thành một xu hướng pháp luật mới: pháp luật mang tính chất khôi phục nhằm phục hồi các quan hệ xã hội bị hành vi phạm tội xâm hại.

2. Theo quan điểm pháp lý của chúng ta từ trước đến nay, **nguyên tắc kết hợp lỗi dân sự với lỗi hình sự** là nguyên tắc cơ bản trong vấn đề bồi thường thiệt hại. Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là thẩm quyền đặc biệt của thẩm phán hình sự.

Vấn đề bồi thường cho người bị hại có thể liên quan đến nhiều hành vi khác nhau được thực hiện trong cùng khoảng thời gian, địa điểm và thủ tục tố tụng.

Đây là một cơ chế đơn giản hơn đối với người bị hại và cũng giúp họ bảo vệ được tốt hơn quyền lợi của mình. Vì người bị hại sẽ chỉ phải làm một việc duy nhất là gửi đơn yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để được bồi thường thiệt hại.

Nói chung, căn cứ vào 1 hành vi phạm tội, vụ án hình sự có thể giải quyết hai vấn đề sau: 1/ Quyền công tố nhằm đảm bảo việc chấp hành hình phạt. Quyền công tố thuộc về Viện Công tố. 2/ Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Quyền này do người bị hại thực hiện trong cùng một thủ tục tố tụng.

Theo cơ chế này, để được bồi thường, người bị hại phải tham gia vào quá trình tố tụng và đứng nguyên đơn dân sự.

Ngoài ý nghĩa mang tính chất tượng trưng, **yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn dân sự** là yếu tố quan trọng của vấn đề bồi thường, vì từ thời điểm này, người bị hại chuyển từ tư cách người làm chứng sang tư cách của người tham gia tố tụng. Với tư cách này, người bị hại phải được cung cấp các văn bản, giấy tờ, được thông tin và có thể tham gia vào quá trình tìm kiếm sự thật. Tóm lại, họ sẽ tham gia đầy đủ vào thủ tục tố tụng hình sự. Như vậy, sau khi đứng nguyên đơn dân sự, người bị hại sẽ yêu cầu bồi thường

trong một khuôn khổ tổ tụng nhất định, có quyền và nghĩa vụ nhất định và cuối cùng là có một vị trí nhất định trong khuôn khổ này.

Để được bồi thường, người bị hại phải thể hiện rõ ràng mong muốn trở thành bên nguyên đơn dân sự. Việc này có thể được thực hiện dưới 3 hình thức: 1/ Khởi kiện lên thẩm phán điều tra; 2/ Triệu tập người có hành vi vi phạm trước Tòa án; 3/ Khởi kiện sau khi Viện Công tố yêu cầu khởi tố vụ án (Đây là hình thức phổ biến nhất).

3. Nhưng người bị hại có thể được giải quyết bồi thường là ai?

Hiện nay, những người nghiên cứu về tâm lý học người bị hại và các chuyên gia luật hình sự vẫn chưa thống nhất được với nhau về khái niệm người bị hại. Thực vậy, trong khi các chuyên gia luật hình sự thường quy chiếu một cách khách quan đến hành vi phạm tội và pháp luật hình sự thì những nhà tâm lý học người bị hại lại đưa ra một định nghĩa mang tính chủ quan và mở rộng cho khái niệm "người bị hại". Nhìn chung, có thể coi người bị hại là cá nhân hoặc nhóm người bị xâm hại một cách trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một hành vi bị pháp luật hình sự nghiêm cấm. Theo Nghị quyết số 40/34 ngày 11-11-1985 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc về các nguyên tắc cơ bản liên quan đến người bị hại do hành vi phạm tội hoặc do hành vi lạm quyền, *"người bị hại là những cá nhân hoặc tập thể, bị thiệt hại, đặc biệt là bị xâm hại về thể chất hoặc tinh thần, bị thiệt hại về vật chất hoặc bị xâm hại nghiêm trọng các quyền cơ bản, do hành vi vi phạm pháp luật hình sự hiện hành của một quốc gia gây ra..."*

Trên tinh thần này, Hội đồng Liên minh Châu Âu ra Quyết định ngày 15-3-2001 theo đó, khái niệm "người bị hại" được định nghĩa một cách hạn chế như sau: *"người bị hại là người bị thiệt hại, bao gồm cả thiệt hại về thể chất, tinh thần, đạo đức, do hành vi vi phạm pháp luật của một nước thành viên trực tiếp gây ra"*.

Khác với dân luật theo đó, người bị hại gián tiếp của lỗi dân sự cũng có thể được bồi thường, hệ thống pháp luật chúng tôi quy định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ được liên quan đến cá nhân đã bị thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra, không phân biệt đó là người bị hại trực tiếp hay là người có quyền lợi liên quan của người bị hại. Nhìn chung, chúng tôi không gặp khó khăn gì trong việc xác định người bị hại. Tuy nhiên, trong một số ít trường hợp, để phân biệt được người bị hại thực tế và người bị hại mạo nhận, thẩm phán phải xem xét lỗi viện dẫn có phải là lỗi trực tiếp mà người bị hại phải gánh chịu hay không.

Nói cách khác, người bị phải chứng minh được thiệt hại mà mình trực tiếp phải gánh chịu trên cơ sở căn cứ vào lỗi của hành vi vi phạm pháp luật.

4. Nội hàm của khái niệm "thiệt hại"

Về nguyên tắc, mọi thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều được bồi thường. Trước hết là các thiệt hại vật chất, dễ dàng được xác định bằng tiền (ví dụ: giá trị của các tài sản bị trộm cắp, tổng số tiền đã lừa đảo...).

Tiếp đến là các thiệt hại về tinh thần. Trong một số trường hợp, rất khó xác định các thiệt hại này bằng tiền (chấn thương tinh thần...).

Các thiệt hại cũng có thể là các thiệt hại về kinh tế rất dễ xác định như mất lương hoặc các khoản thu nhập khác...) nhưng cũng có thể rất khó xác định (như mất cơ hội kinh doanh...)

Dù đó là thiệt hại gì thì nghĩa vụ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật vẫn thuộc về Viện Công tố, nguyên đơn và nghĩa vụ chứng minh thiệt hại vẫn thuộc về bên nguyên đơn dân sự, theo các quy định về tố tụng dân sự.

Sau khi người bị hại đứng nguyên đơn dân sự, thẩm phán là người duy nhất có thẩm quyền xác định việc bồi thường thiệt hại. Căn cứ vào lời khai của người bị hại, thẩm phán xác định thiệt hại trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bồi thường chính xác thiệt hại, vốn là nguyên tắc phổ biến trong pháp luật các nước có truyền thống luật La Mã.

Làm thế nào để **xác định thiệt hại**? Ở đây, cần thống nhất về mặt thuật ngữ. Vì khi nói đến xác định, chúng ta không xác định thiệt hại mà xác định các loại thiệt hại. Thông thường, thiệt hại thường được chia thành thiệt hại kinh tế và thiệt hại phi kinh tế.

5. Làm thế nào để xác định mức bồi thường thiệt hại chính xác?

Cần lưu ý rằng mỗi hệ thống pháp luật đều có cách xác định mức bồi thường khác nhau. Chịu ảnh hưởng của hệ thống luật romano-germanique, pháp luật Pháp quy định nguyên tắc bồi thường toàn bộ. Như vậy, mức bồi thường phải được xác định gần nhất có thể với mức thiệt hại. Bồi thường thiệt hại không phải là một hình phạt dân sự hoặc hình phạt dân sự bổ sung trong một bản án hình sự.

Sau khi lỗi xảy ra, thẩm phán kiểm tra sự tồn tại và tính chất trực tiếp của thiệt hại. Sau đó, thẩm phán sẽ kiểm tra mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và lỗi. Thẩm phán có toàn quyền trong việc xác định thiệt hại. Thực vậy, thẩm phán có thể căn cứ vào án lệ hoặc các bảng xác định thiệt hại, đặc biệt là thiệt hại về thân thể, được công bố công khai. Thẩm phán cũng có thể yêu cầu sự trợ giúp của chuyên gia để xác định lỗi và thiệt hại. Trên cơ sở các căn cứ đó, thẩm phán quyết định mức bồi thường thiệt hại đối với người bị hại.

Điều này khiến cho trong nhiều trường hợp, mức bồi thường thiệt hại được xác định không thống nhất bởi các Tòa án khác nhau. Để hạn chế trường hợp này, chúng tôi thành lập các Tòa án Phúc thẩm nhằm điều chỉnh mức bồi thường thiệt hại được tuyên ở cấp sơ thẩm, thống nhất các mức bồi thường thiệt hại

được tuyên bởi các Tòa án khác nhau, và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân.

Cuối cùng, cần lưu ý rằng đối với quyền khiếu kiện cá nhân của người bị hại, người bị hại có thể giới hạn mức bồi thường do thẩm phán xác định. Cụ thể, thẩm phán không được xác định mức bồi thường vượt quá yêu cầu của người bị hại, dù chỉ là 1 σ-rô tượng trưng.

6) Tuy nhiên, sau khi nhận được quyết định bồi thường, người bị hại đôi khi còn phải chờ đợi rất lâu để được bồi thường. Thực vậy, theo quy định pháp luật của Pháp, bên nguyên đơn dân sự chỉ được quyền yêu cầu bồi thường đối với những thiệt hại mà mình đã chịu. Người bị thiệt hại cũng chỉ có quyền yêu cầu thi hành quyết định bồi thường theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, việc bồi thường dân sự chỉ được tiến hành theo đề nghị của người bị hại.

Khi thi hành quyết định bồi thường thiệt hại, nếu việc bồi thường chỉ liên quan đến lợi ích cá nhân, thì Viện Công tố chỉ có một vai trò không đáng kể. Như vậy, trách nhiệm thuộc về người bị hại là trách nhiệm nặng nhất, vì họ phải căn cứ vào bản án để yêu cầu thi hành quyết định bồi thường đó. Theo quy định của pháp luật Pháp, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng tiền hay bằng hình thức khác chỉ được thực hiện theo yêu cầu của người bị hại.

Trước những khó khăn đặt ra đối với người bị hại cũng như tình trạng "đơn thương độc mã" của họ, một số nước đã thiết lập cơ chế cho phép Viện Công tố được tham gia hỗ trợ họ trong việc thi hành quyết định bồi thường của Tòa án. Như vậy, trong trường hợp không thể thi hành quyết định bồi thường, do người phải thi hành án không có khả năng chi trả hoặc do Tòa án không xác định được người đã gây ra thiệt hại thì Ủy ban bồi thường người bị hại và Quỹ bảo đảm bồi thường thiệt hại sẽ vào cuộc. Ở Pháp, mỗi Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng đều có một Ủy ban bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra (CIVI) với thành phần bao gồm các thẩm phán chuyên nghiệp và một người quan tâm đến quyền lợi của người bị hại. Các Ủy ban này là những cơ quan tài phán độc lập, có nhiệm vụ xác định mức bồi thường theo quy định chung của pháp luật về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Ủy ban này hoạt động một cách hoàn toàn tự do và độc lập, không bị ràng buộc bởi các bản án của Tòa án. Quỹ bảo đảm bồi thường thiệt hại sẽ chịu trách nhiệm chi trả.

II. Thực tiễn vấn đề bồi thường cho người bị hại trong vụ án hình sự

1. Quy định mới về vị trí của người bị hại trong quá trình tố tụng hình sự

Khoản II, điều mở đầu mới được đưa vào Bộ luật tố tụng hình sự Pháp năm 2000 quy định "Cơ quan tư pháp có trách nhiệm thông tin và đảm bảo quyền của người bị hại trong suốt quá trình tố tụng".

Như vậy, sau Công ước Châu Âu về quyền con người và án lệ của Tòa án Châu Âu, quy định này là sự công nhận một cách chính thức trong luật quốc gia vị trí của người bị hại, người được coi là người có quyền trong suốt quá trình tố

tụng, từ khi có khởi kiện dân sự về bồi thường thiệt hại cho đến khi có bản án chung thẩm về việc bồi thường.

Quy định tại điều này cũng khẳng định yêu cầu về việc đảm bảo sự cân bằng giữa các bên trong vụ án, việc tôn trọng nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc về thời hạn hợp lý, đây là những nguyên tắc mà cả người bị hại và đối tượng bị khởi tố đều phải tuân thủ.

Cụ thể:

Ở giai đoạn khởi kiện và điều tra sơ bộ: các điều tra viên, chịu sự giám sát của công tố viên, phải thông báo cho người bị hại về quyền được bồi thường và về các thủ tục phải tiến hành; trong chừng mực có thể, người bị hại có thể được thông báo về thời gian điều tra dự kiến và nếu phải đưa bị cáo ra tòa ngay thì người bị hại phải được thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa. Tất cả các thủ tục trên phải được ghi vào biên bản.

Thông thường, người bị hại sẽ nhận được một văn bản giải thích trong đó có thông tin về tổ chức hỗ trợ người bị hại nơi gần nhất.

Ở giai đoạn điều tra: người bị hại, đã yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự, có thể yêu cầu thẩm phán điều tra cung cấp những giấy tờ cần thiết để chứng minh sự thật cũng như tất cả các giấy tờ để xác định nội dung và mức độ thiệt hại. Người bị hại có quyền khiếu nại trong một số trường hợp thẩm phán điều tra từ chối.

Ở giai đoạn xét xử: người bị hại phải được thông báo về thời gian mở phiên tòa và có thể tham gia vào quá trình tranh tụng dưới sự giám sát của thẩm phán. Người bị hại cũng có quyền kháng cáo đối với mức bồi thường được đưa ra.

Nhìn chung, ngay từ giai đoạn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, người bị hại đã có quyền lựa chọn luật sư và người này sẽ tư vấn và bảo vệ cho người bị hại cho tới khi vụ án kết thúc. Người bị hại phải trả thù lao cho luật sư, tuy nhiên nếu người bị hại không có khả năng thanh toán thì họ có thể được hưởng sự hỗ trợ về tài chính của Nhà nước. Trong trường hợp này, Nhà nước phải chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí cho luật sư và các chi phí tố tụng.

2. Khởi kiện về dân sự

a) Cơ sở pháp lý

Người bị hại có quyền khởi kiện để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 điều 2 Bộ luật tố tụng dân sự dù bản chất và mức độ của hành vi phạm tội như thế nào (tội vi cảnh, khinh tội hay trọng tội). Điều 2 khoản 1 quy định "Người bị hại, do một hành vi phạm tội gây ra, dù là trọng tội, khinh tội hay tội vi cảnh đều có quyền kiện về dân sự để yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Ngay tại điều 3 quy định rằng có thể kiện về dân sự "đối với tất cả các thiệt hại về vật chất, thân thể hoặc tinh thần do hành vi bị truy tố gây ra.... Quyền

kiện về dân sự có thể được thực hiện đồng thời với quyền công tố và trước cùng một Tòa án".

Như vậy, quy định này đã đề cập đến cả hai phương diện của một vụ án hình sự mà tôi đã trình bày ở trên.

b) Các cách thức yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự

Là một yếu tố cơ bản trong thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại bởi vì việc yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự khiến cho người bị hại chuyển từ tư cách là người làm chứng trở thành người tham gia vào quá trình tố tụng, chính vì vậy yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự ít nhất phải tuân thủ thủ tục tuyên bố một cách rõ ràng không mập mờ về việc đứng nguyên đơn dân sự.

Thủ tục yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự phải được thực hiện bằng văn bản nếu như tiến hành trước khi mở phiên tòa, nếu trong thời gian diễn ra phiên tòa thì có thể bằng lời nói.

Trước khi mở phiên tòa: Theo quy định tại điều 420-1 Bộ luật tố tụng hình sự: "Bất cứ người nào cho rằng mình bị thiệt hại đều có thể tự mình hoặc thông qua luật sư yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự bằng việc gửi thư bảo đảm hoặc gửi fax đến Tòa tiểu hình muộn nhất là 24 giờ trước khi mở phiên tòa để yêu cầu trả lại các vật bị kê biên hoặc được bồi thường thiệt hại. Nguyên đơn dân sự phải gửi kèm theo yêu cầu các giấy tờ chứng minh thiệt hại. Yêu cầu và các giấy tờ đó sẽ được đưa vào hồ sơ tố tụng.

Nếu được Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa án sơ thẩm cho phép, trong giai đoạn điều tra sơ bộ, người bị hại có thể đưa ra yêu cầu trả lại các vật bị kê biên hoặc yêu cầu được bồi thường thiệt hại trước một sỹ quan hoặc một nhân viên cảnh sát tư pháp. Người này sẽ lập biên bản về yêu cầu của người bị hại. Yêu cầu có giá trị như việc đứng nguyên đơn dân sự khi vụ án được khởi tố và Tòa án tiểu hình hoặc tòa vi cảnh thụ lý.

Trong những trường hợp quy định tại hai khoản trên, nguyên đơn dân sự không cần phải có mặt tại phiên tòa".

Tại phiên tòa: Trong trường hợp yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự không được thực hiện trước khi mở phiên tòa, điều 421 Bộ luật tố tụng hình sự quy định rằng nếu yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự không được đưa ra trước khi Viện Công tố trình bày kết luận thì sẽ không được chấp nhận.

Ở giai đoạn này, thủ tục yêu cầu đứng nguyên đơn dân sự có thể được đơn giản hóa tới mức tối đa, ngoài ra khi đã có yêu cầu về bồi thường thiệt hại, bên yêu cầu có thể xác định mức bồi thường.

Dĩ nhiên, bên yêu cầu có trách nhiệm chứng minh cho mức bồi thường bằng mọi phương tiện.

3. Bồi thường thiệt hại và các biện pháp khẩn cấp

Đôi khi người bị hại hoặc người có quyền lợi liên quan không được bảo đảm từ phía công ty bảo hiểm dân sự hoặc không có khả năng tài chính không thể chờ đợi cho đến khi có bản án chung thẩm một khi phải thực hiện tất cả các thủ tục kháng cáo, kháng nghị mà thủ tục này, trong nhiều trường hợp kéo dài nhiều năm.

Khi đó cần phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo sự công bằng tối thiểu cho họ.

Bản chất dân sự trong vụ kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do người bị hại tiến hành và bản chất hình sự trong vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của Viện công tố đôi khi xung đột nhau và có thể khiến cho việc áp dụng các biện pháp bồi thường thiệt hại cần thiết không thể thực hiện được.

Tuy nhiên, các nhà lý luận và thực tiễn Pháp đã cố gắng giải quyết vấn đề này và cơ chế hiện nay có thể đảm bảo quyền của tất cả các bên.

Nguyên tắc cơ bản trước đây là "phần dân sự của vụ án sẽ chưa được xét xử chừng nào phần hình sự của vụ án chưa được xét xử xong, nếu đã khởi tố hình sự" (Điều 4, Bộ luật tố tụng hình sự), tuy nhiên nguyên tắc này đã được điều chỉnh nhằm đảm bảo việc bồi thường thiệt hại tạm thời trong trường hợp khẩn cấp.

Một mặt, trong trường hợp nguyên đơn dân sự tham gia vào vụ án hình sự được bồi thường bằng hiện vật hoặc bằng tiền thì tòa án hình sự có thể ra lệnh tạm thời thi hành phần dân sự trong bản án hình sự mặc dù bản án hình sự có thể bị kháng cáo. Người bị kết án có nghĩa vụ thi hành ngay phần dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm.

Mặt khác, theo quy định tại điều 5-1 Bộ luật tố tụng hình sự "ngay cả khi nguyên đơn đã đứng nguyên đơn dân sự trước Tòa hình sự thì Tòa dân sự được yêu cầu xét xử theo thủ tục khẩn cấp tạm thời vẫn có thẩm quyền quyết định mọi biện pháp tạm thời liên quan đến sự việc bị truy tố, nếu không có tranh chấp nghiêm trọng về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại".

Đó có thể là các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp phục hồi hiện trạng ban đầu, là những biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra hoặc nhằm chấm dứt những hành vi bất hợp pháp. Đó có thể là việc ứng trước một khoản tiền tương ứng với khoản bồi thường thiệt hại sẽ được xác định chính xác sau đó.

Trong mọi trường hợp, tòa hình sự không được từ chối giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Trong thực tế, Tòa hình sự sẽ ra quyết định về vấn đề bồi thường thiệt hại, ví dụ như trong thời gian chờ kết quả giám định hoặc sau khi có bản án hình sự, tòa hình sự sẽ trả cho tòa dân sự để tòa dân sự sẽ giải quyết việc kiện dân sự và ra quyết định về mức bồi thường thiệt hại.

4. Thi hành bản án về bồi thường thiệt hại

Như tôi đã đề cập đến, ngoài việc đứng nguyên đơn dân sự, để được bồi thường người bị hại còn phải thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- có bản án hình sự đối với người có hành vi tội phạm,
- có thiệt hại thực tế và trực tiếp.

Về nguyên tắc, toàn bộ thiệt hại do hành vi tội phạm trực tiếp gây ra, gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần mà người bị hại đã kiện ra tòa án đều được bồi thường.

Các chi phí cho luật sư và các chi phí tố tụng không phải là các thiệt hại trực tiếp. Tuy nhiên theo quy định tại điều 475-1 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa tiểu hình buộc người phạm tội phải trả cho nguyên đơn dân sự khoản tiền do Tòa án ấn định tương đương với các chi phí mà Nhà nước không bao cấp và nguyên đơn dân sự đã yêu cầu trên cơ sở nguyên tắc công bằng và tình hình kinh tế của người bị kết án.

Tuy nhiên, bản án không phải là cơ sở đầy đủ cho việc thi hành án tự nguyện.

Trong trường hợp người phạm tội được xác định và có khả năng thanh toán, và theo các quy định của tố tụng dân sự, người bị hại phải tiến hành các thủ tục để thi hành phần dân sự trong bản án hình sự. Căn cứ vào mẫu câu có hiệu lực thi hành ghi trong bản án hình sự, các nhân viên công quyền sẽ hỗ trợ hoặc đảm bảo việc thi hành án.

Trong trường hợp không xác định được người phạm tội hoặc người phạm tội không có khả năng thanh toán, một cơ chế bồi thường thiệt hại quy định trong Luật ngày 6 tháng 7 năm 1990 sẽ được áp dụng độc lập với quá trình tố tụng.

Cơ chế này cho phép người bị hại thực tế có thể gửi yêu cầu về bồi thường thiệt hại cho Ủy ban bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Đây là một tòa án đặc biệt, bên cạnh Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng, hoạt động hoàn toàn độc lập và có thẩm quyền đưa ra mức bồi thường thiệt hại theo những quy định chung về bồi thường thiệt hại.

Các thiệt hại về thân thể trong các vụ án nghiêm trọng (hiếp dâm, giết người, cố ý hoặc vô ý gây thương tích làm người bị hại không thể làm việc trong thời gian từ 1 tháng trở lên ...) sẽ được bồi thường toàn bộ.

Các thiệt hại về thân thể nhưng chưa đến mức nghiêm trọng hoặc các thiệt hại về tài sản (tội trộm cắp, tội lừa đảo ...) sẽ được bồi thường theo mức trần và tùy theo khả năng tài chính của người phạm tội.

Các khoản bồi thường theo quyết định của Ủy ban bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra được lấy từ Quỹ bảo đảm bồi thường thiệt hại. Quỹ này sau đó sẽ kiện yêu cầu người có hành vi phạm tội hoàn lại các khoản này. Nghị định ngày 28 tháng 5 năm 2005 hướng dẫn thi hành điều 170 Luật số 2004-204 ngày 9 tháng 3 về điều chỉnh lĩnh vực tư pháp cho phù hợp với tình

hình phát triển tội phạm, nghị định này đáp ứng nhu cầu tăng cường và đơn giản hóa việc bồi thường thiệt hại cho người bị hại trong các vụ án hình sự.

Để kết thúc bài trình bày của mình, tôi xin nhấn mạnh rằng vai trò của các tổ chức hỗ trợ người bị hại ngày càng đóng vai trò quan trọng. Các tổ chức này sẽ tiếp nhận, tư vấn và hỗ trợ người bị hại trong việc tố các hành vi phạm tội cho đến khi việc bồi thường được thực hiện. Tôi xin đưa ra một vài số liệu cụ thể:

Năm 2004: ở Pháp có hơn 160 tổ chức hỗ trợ người bị hại

1500 nhân viên và tình nguyện viên,

670 người chịu trách nhiệm đón tiếp,

277000 người được đón tiếp trong đó có 193000 người là người bị hại của các hành vi phạm tội,

19000 cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp quốc gia,

17, 6 triệu ơ rô hỗ trợ cho người bị hại.

Phần lớn các tổ chức trên đều thuộc Viện quốc gia hỗ trợ người bị hại và trung gian hòa giải.

KẾT LUẬN

Từ hơn 30 năm nay, vấn đề trợ giúp người bị hại luôn là một ưu tiên hàng đầu trong chính sách hình sự của Bộ Tư pháp Pháp.

Ngày 6-7-1990, nước Pháp đã ban hành một đạo luật nhằm thống nhất các cơ chế bồi thường thiệt hại và xóa bỏ điều kiện theo đó, chỉ có người liên quan mới có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đặc biệt, Luật ngày 15-6-2000 đã tăng cường quyền của người bị hại bằng cách thành lập một cơ quan tư pháp nhằm đảm bảo công tác thông tin và bảo vệ quyền của người bị hại trong suốt tiến trình tố tụng.

Cũng theo hướng đó, lời tuyên thệ của hội thẩm tham gia xét xử tại Tòa Đại hình đã được bổ sung một nội dung rõ ràng liên quan đến việc bảo vệ lợi ích của người bị hại.

Vụ án hình sự, tức là kể từ khi phát hiện hành vi phạm tội cho đến lúc thi hành quyết định của Tòa án, phải đảm bảo được sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ của các bên, mà trước hết là của Viện Công tố, nguyên đơn và thậm chí là của xã hội, bị cáo, người bị hại.

Mọi hoạt động cải cách theo hướng bảo vệ quyền lợi của người bị hại phải đảm bảo được các mục tiêu sau đây:

Thông báo cụ thể và nhanh chóng nhất có thể cho người bị hại ngay từ khi bắt đầu thủ tục tố tụng.

Tạo điều kiện cho người bị hại với tư cách là nguyên đơn được thực hiện quyền yêu cầu bồi thường bằng cách đơn giản hóa các thủ tục đứng nguyên đơn dân sự.

Cho phép người bị hại tham gia vào mọi giai đoạn tố tụng, nếu có liên quan đến quyền lợi của họ.

Tạo điều kiện cho việc bồi thường:

- trước khi mở thủ tục tố tụng, bằng hòa giải, bằng đình chỉ vụ án với điều kiện phải bồi thường hoặc bằng việc thực hiện các biện pháp tư pháp hình sự;
- sau khi mở thủ tục, bằng việc áp dụng thời hạn thử thách cùng với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, nếu không thì phải thi hành án phạt tù.

Đảm bảo thực hiện quyết định bồi thường trên thực tế.

Xin cảm ơn các quý vị!

Bản sao lưu trữ

THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VIỆT NAM NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ HƯỚNG GIẢI QUYẾT

Th.s Nguyễn Thanh Thuý

*Phó cục trưởng Cục Thi hành án dân sự
Bộ Tư pháp
Việt Nam*

Thi hành án đảm bảo hiệu lực bản án, quyết định của Tòa án, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hoạt động thi hành án hiệu quả thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, của bản án và quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, có thể nói vị trí, vai trò của công tác thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng ở Việt Nam vẫn chưa thực sự được quan tâm đầy đủ, nên có nơi, có lúc hoạt động thi hành án dân sự ít được quan tâm, dẫn đến hiệu quả hoạt động của các Cơ quan thi hành án dân sự chưa cao, án dân sự còn tồn đọng nhiều, đòi hỏi phải có giải pháp tháo gỡ những ách tắc trong hoạt động thi hành án dân sự, trong đó có thủ tục thi hành án dân sự.

Trong phạm vi bài tham luận này, chúng tôi đề cập đến một số nội dung sau đây:

1. Vài nét quy định pháp về thủ tục thi hành án dân sự

Pháp luật Việt Nam đã có nhiều văn bản quy định về thủ tục thi hành án dân sự. Pháp lệnh Thi hành án dân sự đầu tiên được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28/8/1989, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/1990 có nhiều quy định chặt chẽ về thủ tục thi hành án dân sự tạo điều kiện cho các Tòa án thời đó thi hành hiệu quả nhiều bản án, quyết định của Tòa án.

Để thi hành Nghị quyết kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa IX ngày 06/10/1992 về việc bàn giao công tác thi hành án dân sự từ Tòa án nhân dân các cấp sang các cơ quan của Chính phủ, ngày 21/4/1993, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/1993. Từ đó, cùng một số văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này, như: Nghị định số 69/CP ngày 18/10/1993 của Chính phủ, Thông tư liên ngành số 981/TTLN ngày 21/9/1993 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao "hướng dẫn thực hiện một số quy định của Pháp lệnh thi hành án dân sự".v.v. thì công tác hành án dân sự nói chung, thủ tục thi hành án dân sự nói riêng có nhiều đổi mới quan trọng.

Tuy nhiên, Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993 còn nhiều bất cập, do đó ngày 14/1/2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Thi hành án dân sự thay thế Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993, trong đó có nhiều quy định sửa đổi, bổ sung thủ tục thi hành án dân sự. Tiếp đó, Chính

phủ và các cơ quan chức năng ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thi hành án dân sự 2004.

Hiện nay, ngoài quy định tại Pháp lệnh Thi hành án dân sự 2004, thủ tục thi hành án còn được quy định tại những văn bản pháp luật cơ bản sau đây: Bộ luật dân sự 2005; Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 của Chính phủ quy định về kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án; Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự; Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/1/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04/05/2005 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/1/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Quyết định số 136/2005/QĐ-TTg ngày 09/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án dân sự; Thông tư số 86/2005/TT-BTC ngày 03/10/2005 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Quyết định số 136/2005/QĐ-TTg ngày 09/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án dân sự; Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA-BTC ngày 17/6/2005 của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn, giảm thi hành án đối với khoản tiền phạt, án phí; Thông tư số 117/2005/TT-BQP ngày 12/08/2005 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc xử lý tài sản tịch thu theo bản án, quyết định của Toà án quân sự và trách nhiệm của đơn vị quân đội được thi hành án dân sự .v.v.

Có thể nói việc soạn thảo và ban hành Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 là hết sức cấp bách và cần thiết, là sự kiện có ý nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện một bước pháp luật về thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng.

Thứ nhất, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đã thể hiện được tư duy mới, phù hợp với sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 được ban hành trên cơ sở giữ nguyên về cơ bản nội dung của Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1989, vốn là Pháp lệnh của thời kỳ kinh tế tập trung, do đó vẫn mang nặng tính bao cấp nặng nề- việc tổ chức thi hành án dân sự chủ yếu được coi là trách nhiệm của Nhà nước. Nguyên tắc tự định đoạt của các bên đương sự chưa được tôn trọng đầy đủ; trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, công dân trong quá trình thi hành án chưa được quan tâm đúng mức. Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 với những qui định mới như: Nhà nước khuyến khích các đương sự tự nguyện thi hành án, các bên đương sự có quyền tự thoả thuận với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án (Điều 6); không chỉ người được thi hành án mà người phải thi hành án cũng có quyền thi hành án (Điều 5); phí thi hành án (Điều 20); sửa đổi thời hiệu thi hành án theo hướng bình đẳng giữa tổ chức và cá nhân (Điều 25); người được

thi hành án, kể cả cơ quan, tổ chức nhà nước có quyền từ bỏ quyền và lợi ích mà họ được hưởng theo bản án, quyết định, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác (khoản 3, Điều 28); thay đổi thứ tự thanh toán thi hành án theo hướng bảo đảm bình đẳng giữa công dân và cơ quan, tổ chức nhà nước, giữa doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước... đã thể hiện rõ nét hơn nguyên tắc tự định đoạt của các bên đương sự, bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ thể trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đã thể hiện được quan điểm cải cách hành chính, cải cách tư pháp đã và đang được tiến hành ở nước ta. Pháp lệnh đã có những qui định nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên; qui định việc bổ nhiệm Chấp hành viên theo nhiệm kỳ và phải thông qua Hội đồng tuyển chọn; nâng cao tiêu chuẩn chấp hành viên đáp ứng với yêu cầu và nhiệm vụ mới; phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa Chấp hành viên và Thủ trưởng Cơ quan thi hành án (các Điều 12, 13, 14, 15, 16). Đặc biệt, lần đầu tiên, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đã phân định rõ ràng, cụ thể hơn nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về thi hành án dân sự của Bộ Tư pháp và UBND các cấp (Điều 57, 58), qui định cụ thể hơn cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và kháng nghị về thi hành án (các Điều 59, 60, 61, 62, 63, 64 và 65).

Thứ ba, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đã góp phần tháo gỡ kịp thời những tồn tại, vướng mắc trong công tác thi hành án, đặc biệt đã tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết án tồn đọng là vấn đề nhức nhối, kéo dài trong nhiều năm qua. Pháp lệnh này đã sửa đổi các qui định về chủ động ra quyết định thi hành án và thi hành án theo đơn yêu cầu, theo hướng thu hẹp các trường hợp chủ động thi hành án (các Điều 22, 23); bổ sung đầy đủ và hợp lý hơn các điều kiện hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ, trả đơn yêu cầu thi hành án, chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án (các Điều 26, 27, 28, 29 và 30); sửa đổi, bổ sung các qui định về kê biên, định giá, bảo quản, bán tài sản đã kê biên (các Điều 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 và 48). Đặc biệt, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 có những qui định mới về cơ chế miễn giảm các khoản án phí, tiền phạt cho người phải thi hành án không có điều kiện về tài sản để thi hành án (Điều 32); qui định về hỗ trợ tài chính để thi hành án nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức hoạt động hoàn toàn bằng ngân sách nhà nước mà phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án (Điều 33); qui định về việc kê biên quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án (khoản 1, Điều 41); qui định chế tài phạt tiền đối với cơ quan, tổ chức không thực hiện các quyết định của chấp hành viên về thi hành án (khoản 2, Điều 67)... Những qui định mới này có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm giải toả các ách tắc hiện nay, góp phần xử lý có hiệu quả tình trạng án dân sự tồn đọng.

Thứ tư, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành đã có sự trưởng thành vượt bậc về trình độ kỹ thuật lập pháp so với Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 và các văn bản hướng

dẫn trước đây, tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho việc xúc tiến xây dựng và ban hành Bộ luật thi hành án trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp, thành công đáng ghi nhận như đã nêu trên, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 vẫn chưa giải quyết được tất cả các vướng mắc đặt ra trước công tác thi hành án hiện nay. Đó là chưa kể đến tình trạng các văn bản pháp luật về thi hành án hiện nay vẫn còn trong tình trạng chia cắt, không thống nhất, không đồng bộ dẫn đến việc tách rời, không có sự phối hợp chặt chẽ giữa các loại hình thi hành án, nhất là giữa thi hành án dân sự và thi hành án hình sự, giữa các cơ quan thi hành án với nhau....làm hạn chế đáng kể hiệu quả công tác thi hành nói chung và từng loại hình thi hành án nói riêng.

2. Những hạn chế, bất cập về thủ tục thi hành án dân sự hiện nay

Thực tế cho thấy, bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ, thì thủ tục thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật hiện nay vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, có nhiều quy định chưa khoa học, chưa đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, gây khó khăn cho hoạt động thi hành án dân sự, làm tổn động không ít bản án, quyết định của Toà án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự, ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự tham gia vào quá trình thi hành án dân sự. Những hạn chế, bất cập về thủ tục thi hành án dân sự cũng dẫn đến việc Chấp hành viên lúng túng, nhận thức và áp dụng sai lầm pháp luật về thủ tục thi hành án trong quá trình thi hành bản án, quyết định của Toà án, nên có trường hợp cả hai bên đương sự được thi hành án và phải thi hành án đều khiếu nại cho rằng Cơ quan thi hành án thực hiện không đúng quy định của pháp luật về thủ tục thi hành án dân sự, gây thiệt hại đến lợi ích của họ.

Những hạn chế, bất cập về thủ tục thi hành án thể hiện ở những điểm cơ bản sau đây:

2.1. Phạm vi các bản án, quyết định được thi hành

Mặc dù pháp luật đã quy định Cơ quan thi hành án dân sự không chỉ thi hành bản án, quyết định của Toà án, mà còn thi hành quyết định của Trọng tài kinh tế Nhà nước các cấp, Trọng tài Quốc tế Việt Nam, Trọng tài Thương mại, nhưng trong số các bản án, quyết định của Toà án, thì có một số loại chưa được giao cho Cơ quan thi hành án thi hành, ví dụ những phán quyết của Toà án về khoản không phải là "tài sản hoặc quyền tài sản" trong bản án, quyết định về vụ án hành chính.

Do đó, quy định về phạm vi thi hành án hiện nay không đầy đủ và chưa mở rộng phạm vi hoạt động thi hành án dân sự. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường đang phát triển ngày càng đa dạng và phong phú, thì phạm vi thi hành án dân sự cần được mở rộng đối với cả việc thi hành các cam kết hợp pháp giữa các bên trong giao lưu dân sự, kinh tế, thương mại và một số lĩnh vực

khác, mà không phải là bản án quyết định của Toà án hoặc quyết định của Trọng tài.

2.2. Thủ tục thi hành một số bản án, quyết định đặc thù

Thủ tục thi hành án một số loại bản án, quyết định về vụ án lao động, hành chính, quyết định của Trọng tài có những đặc thù, phức tạp và khó khăn, nhưng pháp luật lại chưa có quy định thủ tục riêng và cụ thể cho việc thi hành các loại án này. Nhiều chỗ còn bị chưa cụ thể, như thủ tục thi hành khoản khấu trừ thu nhập của người bị phạt cải tạo không giam giữ ra quyết định thi hành án như thế nào, thủ tục thu nộp số tiền này cụ thể ra sao, thì chưa được pháp luật quy định cụ thể.

Thủ tục thi hành án dân sự đối với bản án, quyết định có yếu tố nước ngoài, pháp luật thi hành án dân sự hiện hành chưa có quy định cụ thể về thủ tục chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài hoặc việc uỷ thác tư pháp quốc tế về thi hành án dân sự hoặc việc xác minh điều kiện thi hành án và thực hiện việc thi hành án dân sự tại nước ngoài như thế nào, dẫn đến tình trạng những việc thi hành án dân sự mà người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án ở Việt Nam, nhưng có điều kiện thi hành án ở nước ngoài, thì không thi hành được.

2.3. Uỷ quyền trong việc tổ chức thi hành án

Pháp luật hiện hành không quy định Cơ quan thi hành án này được uỷ quyền cho Cơ quan thi hành án khác hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện thi hành án, mà đòi hỏi Cơ quan thi hành án phải trực tiếp tổ chức thực hiện việc thi hành án, nên trong một số trường hợp việc thi hành án bị kéo dài do không có cơ chế uỷ quyền thi hành án dân sự.

2.4. Hoà giải trong thi hành án dân sự

Người được thi hành án là cá nhân, tổ chức kinh tế tư nhân được quyền thoả thuận với người phải thi hành án về phương thức, thời gian, địa điểm và nội dung việc thi hành án. Quy định thoả thuận trong thi hành án dân sự này có tính chất phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí của các đương sự; nếu các đương sự tự thoả thuận với nhau, thì Cơ quan thi hành án mới được tiến hành lập biên bản về thoả thuận đó, nên về nguyên tắc, Cơ quan thi hành án không được chủ động hoà giải các đương sự về việc thi hành án. Trong khi đó, trên thực tế, nhiều trường hợp, Cơ quan thi hành án đã chủ động hoà giải, động viên, thuyết phục đương sự thoả thuận được với nhau về việc thi hành án, nhưng pháp luật chưa quy định về thủ tục hoà giải thi hành án dân sự, nên việc thực hiện gặp nhiều vướng mắc.

2.5. Uỷ thác thi hành án dân sự

Pháp luật hiện hành quy định trong trường hợp Cơ quan thi hành án nơi nhận uỷ thác không có điều kiện thực hiện uỷ thác thì trong trường hợp chủ động thi hành án, Cơ quan thi hành án uỷ thác tiếp cho Cơ quan thi hành án nơi có điều kiện thi hành; đối với việc thi hành án theo đơn yêu cầu thì Cơ quan thi

hành án trả lại đơn cho người đã yêu cầu thi hành án. Quy định này hạn chế việc nâng cao trách nhiệm của Cơ quan thi hành án trong việc thực hiện uỷ thác thi hành án.

Mặt khác, pháp luật lại không quy định thời hạn phải ra quyết định uỷ thác, thời hạn gửi quyết định uỷ thác, trách nhiệm bắt buộc phải thông báo của Cơ quan thi hành án đã nhận uỷ thác cho Cơ quan thi hành án nơi đã uỷ thác. Quy định không cụ thể này dễ dẫn đến việc Cơ quan thi hành án lạm dụng để kéo dài thời gian thi hành án hoặc "uỷ thác khống" hoặc không thực hiện uỷ thác thi hành án dân sự, ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền lợi của công dân.

2.6. Miễn giảm khoản tiền thu nộp ngân sách khác

Pháp lệnh 2004 quy định được miễn, giảm khoản tiền án phí và tiền phạt, mà không quy định miễn, giảm khoản tiền phải nộp ngân sách khác, trong khi đó nhiều trường hợp người phải thi hành án không thể có điều kiện nộp được khoản tiền đó.

Thủ tục miễn, giảm khoản tiền án phí, tiền phạt do Toà án xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Cơ quan thi hành án dân sự và Viện Kiểm sát nhân dân, mà không được giao cho UBND là cơ quan có chức năng chỉ đạo công tác thi hành án dân sự ở địa phương, là chủ tài khoản đối với các khoản tiền thu nộp ngân sách ở địa phương, có thể dẫn đến kéo dài việc xét miễn, giảm án phí, tiền phạt.

2.7. Thủ tục kê biên, bán đấu giá tài sản

Pháp luật không quy định Chấp hành viên được áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án là cơ quan nhà nước là không tạo sự bình đẳng giữa Nhà nước với công dân, quyền lợi của công dân được thi hành án là cá nhân, tổ chức kinh tế tư nhân chưa được đảm bảo.

Thủ tục kê biên, bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và quyền tài sản khác, như: quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng bất động sản liền kề, quyền thuê nhà của Nhà nước được quy định chung chung, gây khó khăn cho việc áp dụng.

Nhiều thủ tục kê biên tài sản khác cũng chưa được quy định cụ thể, như: việc kê biên, xử lý tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác; kê biên, xử lý tài sản trong trường hợp người phải thi hành án vắng mặt hoặc tài sản đang trong thời kỳ góp vốn, đang có tranh chấp.

Thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho người trúng đấu giá.

Thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho người trúng đấu giá chưa được quy định cụ thể. Một số trường hợp chưa có sự đồng bộ về các văn bản pháp luật giữa các Bộ, ngành với nhau. Ví dụ, trong việc đăng ký tài sản đã bán đấu giá tài sản là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, sau khi bán đấu giá thành tài sản, do không thu hồi được giấy tờ đăng ký cũ đối với phương tiện đó, nên theo quy tại khoản 4.5 mục 4 Thông tư

số 01/2002/TT-BCA (C11) ngày 04/1/2002 của Bộ Công an "trường hợp xe phát mại thì phải có nguồn gốc hợp lệ theo quy định của Thông tư này và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có xe bị phát mại. Xe chưa rõ nguồn gốc hoặc không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có tài sản bị phát mại thì không tiếp nhận giải quyết đăng ký", nên Cơ quan thi hành án không hoàn thành được thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản cho người trúng đấu giá.

Biện pháp cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.

Tại khoản 2 Điều 38 Pháp lệnh 1993 quy định: "Việc trừ vào thu nhập được áp dụng khi thi hành án về cấp dưỡng hoặc khi đã kê biên tài sản khác của người phải thi hành án nhưng tài sản đó không đủ để thi hành án" và khoản 1 Điều 40 Pháp lệnh 2004 quy định: "Việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau đây: Thi hành án cấp dưỡng; Bản án, quyết định ấn định biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án để thi hành án; Người phải thi hành án không có hoặc không đủ tài sản để thi hành án; Do các bên thoả thuận".

Theo quy định nêu trên thì việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án chỉ được áp dụng trong một số trường hợp. Quy định này dẫn đến việc áp dụng trong thực tiễn gặp vướng mắc, có các ý kiến khác nhau về cách giải quyết việc thi hành án.

Thứ tự thanh toán tiền thi hành án.

Theo quy định tại Điều 52 Pháp lệnh 2004, thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp hoặc bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để đảm bảo thi hành án được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm. Quy định này không ưu tiên thanh toán trong trường hợp bảo lãnh tài sản.

Việc quy định ưu tiên thanh toán tiền bán tài sản trong trường hợp bản án, quyết định của Tòa án tuyên kê biên để đảm bảo thi hành án chưa cụ thể, có thể có trường hợp không bảo đảm sự phân chia tiền thi hành án bình đẳng giữa những người được thi hành án, hạn chế sự tự do thuận dân sự của các đương sự.

Thủ tục thi hành quyết định về dân sự, phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, khấu trừ thu nhập của người bị phạt cải tạo không giam giữ trong bản án, quyết định của Tòa án về hình sự.

Việc thi hành các quyết định thi hành án về dân sự, phạt tiền, tịch thu tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí trong bản án, quyết định của Tòa án về hình sự có quan hệ chặt chẽ với việc thi hành án hình sự, nhưng do chưa có quy định về thủ tục phối hợp giữa Cơ quan thi hành án dân sự và Cơ quan thi hành án hình sự, nên hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự chưa cao. Thực tế, có nơi, Cơ quan thi hành án phạt tù (Giám thị trại giam) đã thu

khoản tiền phạt hoặc khoản tiền án phí của người bị kết án, mà không chuyển cho Cơ quan thi hành án dân sự.

Khoản khấu trừ thu nhập của người bị phạt cải tạo không giam giữ được giao cho chính quyền cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án thu, sau đó nộp cho Cơ quan thi hành án dân sự, nhưng thủ tục ra quyết định thi hành án và tiến hành việc thi hành án như thế nào chưa được quy định cụ thể.

3. Hướng giải quyết

Giải quyết những hạn chế, bất cập về thủ tục thi hành án dân sự cần tập trung vào một số thủ tục cụ thể theo hướng sau đây:

3.1. Mở rộng phạm vi các bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự

Ngoài những bản án, quyết định dân sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Pháp lệnh Thi hành án dân sự 2004, thì cần bổ sung cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành cả phần "không phải là tài sản" trong bản án, quyết định về vụ án hành chính, tức là Cơ quan thi hành án dân sự thi hành tất cả các khoản trong bản án, quyết định về vụ án hành chính; thi hành các cam kết, thoả thuận hợp pháp giữa các bên trong giao lưu dân sự.

3.2. Quy định thủ tục uỷ quyền trong thi hành án dân sự

Quy định Cơ quan thi hành án uỷ quyền cho các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền tiến hành thực hiện một số thủ tục để thực hiện việc thi hành án dân sự, như uỷ quyền: Xác minh điều kiện thi hành án, tiến hành kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án.

3.3. Quy định thủ tục hoà giải trong thi hành án dân sự

Thủ tục hoà giải trong thi hành án dân sự cần được quy định là thủ tục có tính bắt buộc, với những bước tiến hành cụ thể và xác định giá trị bắt buộc thi hành của văn bản hoà giải thi hành án dân sự đối với các đương sự và các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân liên quan. Nếu đương sự không tự nguyện thi hành nội dung đã hoà giải, thì Cơ quan thi hành án cưỡng chế buộc phải thi hành.

3.4. Bổ sung quy định về thủ tục ra quyết định thi hành án và tổ chức việc thi hành khoản khấu trừ thu nhập của người bị phạt cải tạo không giam giữ cho Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện

Thủ tục này cần được quy định là thủ tục chủ động ra quyết định thi hành án dân sự. Trong việc thực hiện việc thi hành án có sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan thi hành án dân sự với chính quyền cơ sở và cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giám sát người bị phạt cải tạo không giam giữ.

3.5. Sửa đổi, bổ sung quy định về cưỡng chế thi hành án

Mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ thu nhập của người phải thi hành án theo hướng được áp dụng đối với tất cả các trường hợp thi hành án.

Sửa đổi quy định về thời hiệu yêu cầu thi hành án theo hướng quy định thời hiệu thi hành án.

Bổ sung quy định thủ tục kê biên, định giá và bán đấu giá tài sản của cơ quan nhà nước để thi hành án dân sự.

Cụ thể hoá thủ tục cưỡng chế thi hành án dân sự đặc thù cho từng loại hình doanh nghiệp.

3.6. Quy định cơ chế, thủ tục buộc người phải thi hành án dân sự đối với khoản nợ án phí, tiền phạt hoặc tiền nộp ngân sách phải tập trung lao động để lấy tiền thi hành án và căn tính tiền công cho phạm nhân khi họ tập trung cải tạo

Trong trường hợp người phải thi hành án phải thi hành những khoản nợ ngân sách nhà nước thì cần quy định thủ tục bắt buộc người đó tập trung lao động để lấy tiền bảo đảm thi hành án dân sự.

Nếu người phải thi hành án dân sự nhưng đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại cải tạo, thì nên tính toán tiền công lao động của họ, sau khi trừ tiền sinh hoạt hàng tháng của họ, số tiền còn lại sẽ thanh toán tiền thi hành án.

3.7. Sửa đổi, bổ sung thủ tục thanh toán tiền thi hành án

Quy định cụ thể về thủ tục thanh toán tiền thi hành án trong trường hợp bản án, quyết định chỉ tuyên áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong đó có việc kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án, theo hướng tạo sự bình đẳng về lợi ích giữa những người được thi hành án đối với khoản tiền, tài sản của người phải thi hành án.

Bổ sung quy định về ưu tiên thanh toán tiền thi hành án cho người nhận bảo lãnh tài sản hoặc có các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

3.8. Bổ sung thủ tục phối hợp thi hành phần dân sự với thi hành hình phạt trong bản án, quyết định về hình sự

Trong các bản án, quyết định về hình sự có phần trách nhiệm dân sự, việc thi hành án xong có nghĩa là người phải thi hành án phải thi hành xong tất cả các khoản phải thi hành án của bản án, quyết định của Tòa án, trong đó có phần trách nhiệm dân sự và các hình phạt bổ sung. Vì vậy, cần quy định việc thi hành xong trách nhiệm dân sự mới đủ điều kiện xét giảm án, đặc xá, miễn thi hành hình phạt tù để giảm trách nhiệm thi hành án dân sự của gia đình người bị kết án đối với thân nhân của họ. Trong thực tế, nhiều trường hợp gia đình của người phải thi hành án tự nguyện thi hành phần trách nhiệm dân sự cho thân nhân của họ để thân nhân của họ được hưởng đặc xá.

3.9. Quy định thủ tục thi hành án tạm thời trước khi Toà án thụ lý vụ án hoặc Trọng tài thụ lý vụ kiện theo yêu cầu của đương sự

Thủ tục này được pháp luật quy định thì Cơ quan thi hành án tiến hành thực hiện việc thi hành án tạm thời trước khi Toà án thụ lý vụ án hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác tiến hành các thủ tục để giải quyết vụ kiện trọng tài, nhằm ngăn chặn đương sự tẩu tán hoặc huỷ hoại tài sản, bảo đảm cho việc thi hành án. Tuy nhiên, Cơ quan thi hành án chỉ tiến hành thực hiện thủ tục thi hành án tạm thời theo yêu cầu của đương sự và đương sự phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thực hiện thủ tục thi hành án tạm thời đó. Thủ tục thi hành án tạm thời này có thể thực hiện là các biện pháp thi hành án, như: Kê biên tài sản, cấm chuyển dịch tài sản, phong toả tài khoản; thi hành cam kết về nghĩa vụ tài sản được công chứng.

Quy định rõ hơn thủ tục thi hành quyết định giám đốc thẩm và tái thẩm của Toà án.

3.10. Xã hội hoá một số thủ tục thi hành án

Việc xã hội hoá một số thủ tục thi hành án dân sự không chỉ thực hiện chủ trương xã hội hoá hoạt động thi hành án mà còn bảo đảm sự khách quan trong việc xử lý tài sản, tạo điều kiện cho Chấp hành viên tập trung vào nhiệm vụ chính. Thủ tục thi hành án được xã hội hoá nên thực hiện vào các nội dung sau: Định giá tài sản giao cho cơ quan, tổ chức chuyên môn về định giá thực hiện, người có tài sản chịu chi phí định giá; mở rộng các dịch vụ về trông giữ tài sản thi hành án .v.v.

3.11. Giảm bớt một số thủ tục không cần thiết

Bỏ quy định Cơ quan thi hành án phải ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án khi uỷ thác thi hành án, bởi lẽ, quyết định uỷ thác thi hành án đã bao hàm được tất cả các nội dung, thông tin cần thiết để cơ quan uỷ thác chấm dứt hoạt động thi hành án chưa hoặc đang thi hành dở dang, còn cơ quan nhận uỷ thác và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở để tiếp tục việc thi hành án và yêu cầu thi hành án.

Bỏ quy định Cơ quan thi hành án nhận uỷ thác, nếu không có điều kiện thực hiện uỷ thác thì trong trường hợp Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của người được thi hành án, cơ quan nhận uỷ thác trả lại đơn yêu cầu cho đương sự và hướng dẫn việc gửi đơn yêu cầu đến cơ quan nơi có điều kiện thi hành. Theo quy định này thì Cơ quan thi hành án nơi có điều kiện thi hành có lý do để từ chối tiếp nhận yêu cầu của người được thi hành án, vì thẩm quyền ra quyết định thi hành án là Thủ trưởng Cơ quan thi hành án nơi Toà án đã xét xử sơ thẩm. Do vậy, nên quy định cơ quan nhận uỷ thác phải hướng dẫn cho đương sự yêu cầu cơ quan đã uỷ thác thực hiện việc uỷ thác đến nơi có điều kiện thi hành.

Bỏ quy định ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án khi đã có quyết định đình chỉ thi hành án vì lý do thời hiệu thi hành án đã hết, bởi lẽ quyết định đình chỉ thi hành án vì lý do thời hiệu thi hành án đã hết được gửi cho đương sự và các cơ quan hữu quan đã hàm chứa nội dung thông báo cho họ biết việc thi hành án không được thi hành.

Bản sao lưu trữ

TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở NHẬT BẢN

Yuko Nishitani

*Giáo sư, Khoa luật,
Đại học tổng hợp Tohoku
Nhật Bản*

I. Giới thiệu

Theo nguyên tắc chung, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sẽ dẫn đến quyết định trong đó xác định quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Trong khi đó, thủ tục thi hành án dân sự là biện pháp bắt buộc nhằm thi hành các quyền của người được thi hành án (người có quyền) khi người phải thi hành án (người mắc nợ) không tự nguyện thực hiện các nghĩa vụ của mình. Trong một nhà nước hiện đại, thẩm quyền thi hành các quyền của người được thi hành án chỉ thuộc về Nhà nước và là một bộ phận của hệ thống tư pháp dân sự. Điều này có nghĩa là người được thi hành án không thể tự ý thi hành các quyền của mình mà phải yêu cầu Nhà nước thi hành các quyền đó.

Trong phần dưới đây, tôi sẽ trình bày với các bạn về hệ thống thi hành án dân sự tại Nhật Bản. Thứ nhất, tôi sẽ điếm qua về lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống thi hành án dân sự của Nhật Bản. Thứ hai, tôi sẽ mô tả về bản thân hệ thống thi hành án dân sự hiện hành của Nhật Bản và việc phân chia thẩm quyền thi hành án dân sự giữa toà án và thừa phát lại (sheriff hoặc marshal). Thứ ba, tôi sẽ nêu vắn tắt một số vấn đề liên quan đến việc thi hành án tạm thời. Cuối cùng, tôi xin phép đưa ra một vài ý kiến bình luận và kết thúc bài tham luận ngắn này.

II. Lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống thi hành án dân sự Nhật Bản

Đặc điểm đáng lưu ý của hệ thống thi hành án dân sự Nhật Bản là sự tồn tại song song hai loại cơ quan thi hành án là toà thi hành án và thừa phát lại. Toà thi hành án là toà án quận gồm một thẩm phán². Toà này có nhiệm vụ quyết định những vấn đề pháp luật phức tạp một cách đúng đắn, xử lý những vấn đề về thủ tục thi hành án và theo dõi việc thi hành án của thừa phát lại.

Thừa phát lại là các quan chức chính phủ, luôn có mặt khi được yêu cầu, xử lý các vấn đề về sự việc (không phải các vấn đề về pháp luật) nhằm chiếm giữ hoặc chuyển giao tài sản bằng biện pháp cưỡng chế (vũ lực). Các toà thi hành án dân sự và thừa phát lại độc lập với nhau, mặc dù Bộ luật thi hành án dân sự (*Dân sự thi hành pháp – Miji Shikko Ho*) năm 1979 quy định hai loại cơ quan này sẽ phối hợp với nhau khi cần thiết.

² Chỉ trong các trường hợp ngoại lệ thì toà án xét xử các vụ án giá ngạch thấp (toà tiểu ngạch) và toà án gia đình mới có thẩm quyền thi hành án dân sự.

Chế định thừa phát lại đầu tiên được thiết lập vào năm 1890 (*Saibansho Kosei Ho*) theo mô hình "huissier"³ của Pháp. Chế định thừa phát lại nguyên thủy có 3 đặc điểm sau đây: (1), thừa phát lại lập ra các văn phòng bằng chi phí của mình; (2) mỗi người được thi hành án có quyền tự do chỉ định một thừa phát lại trong số các thừa phát lại do toà án quận có thẩm quyền phân công và thừa phát lại mà người được thi hành án đã lựa chọn sẽ thực hiện các biện pháp thi hành án (cơ chế tự do lựa chọn); (3) thừa phát lại không kiếm sống bằng tiền của chính phủ mà từ tiền hoa hồng do người được thi hành án trả. Chỉ khi tiền hoa hồng không đủ một số lượng nhất định nào đó thì phần còn lại sẽ do chính phủ chi trả (cơ chế hoa hồng).

Mục đích của cơ chế này là nhằm tránh thủ tục thi hành án kéo dài của các quan chức chính phủ, khuyến khích sự cạnh tranh giữa các thừa phát lại bằng cơ chế tự do lựa chọn và nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ thi hành án. Tuy nhiên, sự tiếp xúc trực tiếp giữa thừa phát lại và đương sự đã dẫn đến tình trạng thiếu tính minh bạch, khách quan, vô tư. Rốt cục, vào năm 1966 (*Shi Kokan Ho - Thi hành quan pháp - Luật về thừa phát lại*), chế định thừa phát lại đã được thay đổi một cách cơ bản, toàn diện và thừa phát lại được nhập vào hệ thống toà án bằng việc dành cho thừa phát lại địa vị của các quan chức nhà nước. Ngoài ra, cơ chế tự do lựa chọn dành cho người được thi hành án đã bị bãi bỏ và chỉ có cơ chế hoa hồng được duy trì cho đến ngày nay⁴.

III. Hệ thống thi hành án dân sự Nhật Bản

Các biện pháp thi hành án được quy định trong Bộ luật thi hành án dân sự Nhật Bản gồm: (1) thi hành bắt buộc hay cưỡng chế thi hành đối với tài sản và (2) thi hành đối với các lợi ích được bảo đảm. Việc thi hành các quyền có bảo đảm được đơn giản hoá và không cần phải có "lệnh thi hành" hay "quyền được thi hành" mà chỉ cần có một tài liệu xác nhận có sự tồn tại quyền lợi được bảo đảm.

IV. Cưỡng chế thi hành đối với tài sản

1. Thi hành các bản án về tiền

a. Toà thi hành án và thừa phát lại

Thẩm quyền cưỡng chế thi hành án được trao cho các toà thi hành án và thừa phát lại một cách riêng biệt: việc thi hành án đối với bất động sản, các tàu thủy lớn và tàu bay do toà thi hành án tiến hành, còn việc thi hành án đối với động sản và các loại tài sản khác do thừa phát lại đảm trách.

b. Lệnh thi hành án

Cả hai loại cưỡng chế thi hành án đều yêu cầu phải có "lệnh thi hành án". Lệnh thi hành án có thể được quy định trong (1) một bản án đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành, (2) bản án trong đó quy định về việc thi hành tạm

³ Chế tài tương ứng của Đức là "Gerichtsvollzieher" theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 1877.

⁴ Teiichiro Nakano, Minji Shikko - Hozenho Gaisetsu (tái bản lần thứ 2, 2005), Tr. 32.

thời, (3) tài liệu có chứng thực trong đó người phải thi hành án tuyên bố chấp nhận việc thi hành bản án ngay lập tức, (4) bản án nước ngoài đã có hiệu lực thi hành, (5) quyết định của trọng tài nước ngoài đã có hiệu lực thi hành và (6) các tài liệu khác có hiệu lực như bản án đã có hiệu lực pháp luật (ví dụ: biên bản hoà giải và các quyết định khác của toà án) (Điều 22 của Bộ luật thi hành án dân sự) (xem Điều 20 Dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam để so sánh).

c. Xác định tính khả thi của bản án

Để có thể tiến hành thủ tục thi hành án, thư ký Toà án phải xác định "quyền được thi hành". Thư ký của Toà án đã ra bản án (trong các trường hợp ngoại lệ là công chứng viên) kiểm tra sự hợp pháp của "quyền được thi hành" và viết một câu cho phép thi hành bản án (Khoản 1, Điều 26 của Bộ luật thi hành án).

Người phải thi hành án có thể kháng cáo đối với quyết định của thư ký Toà án (hoặc của công chứng viên) (Điều 33 và Điều 34 của Bộ luật thi hành án), nhưng phải căn cứ vào yêu cầu cho phép thi hành chính thức.

d. Kháng cáo đối với việc thi hành án

Mặt khác, có thể xảy ra khả năng là "lệnh thi hành án" không còn phản ánh được mối quan hệ pháp lý thực tế vào các giai đoạn về sau. Thí dụ, điều này xảy ra khi người phải thi hành án đã thanh toán hoặc khấu trừ nợ và yêu cầu thi hành án không còn tồn tại nữa. Trong trường hợp này, người phải thi hành án có thể bác bỏ hiệu lực của "lệnh thi hành án" trước toà án có thẩm quyền (Điều 35 của Bộ luật thi hành án dân sự).

Nếu người phải thi hành án có trong tay bản án đã có hiệu lực pháp luật sau khi làm đơn khiếu nại thì lệnh thi hành án sẽ bị vô hiệu và sẽ mặc nhiên đình chỉ việc thi hành án. Tuy vậy, trong khi việc khiếu nại đang chờ toà án giải quyết hoặc đơn khiếu nại đó bị kháng cáo thì việc thi hành án vẫn tiếp tục được tiến hành. Trong trường hợp này người phải thi hành án chỉ còn cách duy nhất là làm đơn yêu cầu đình chỉ việc thi hành án theo Điều 403 của Bộ luật tố tụng dân sự.

e. Chi phí thi hành án

Người được thi hành án đã làm đơn yêu cầu thi hành án phải nộp tạm ứng chi phí thi hành án (Điều 14 của Bộ luật thi hành án). Nếu không nộp khoản tạm ứng này, Toà án có thể bác đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bản án đã được thi hành thì chi phí thi hành án sẽ do người phải thi hành án chịu.

f. Kê biên và xử lý tài sản

Kê biên là một bước quan trọng để tiến hành các biện pháp cưỡng chế thi hành (xem Điều 24 Dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam). Động sản sẽ do toà thi hành án kê biên trong một bản tuyên bố cụ thể. Sau đó các tài sản này được bán đi và số tiền thu được sẽ chui vào túi của người được thi hành

án. Người được thi hành án cũng có thể chọn phương thức quản lý bắt buộc đối với bất động sản và các khoản tiền, ví dụ tiền thuê căn hộ. Tàu thủy, tàu bay và xe hơi được coi như bất động sản bởi vì những loại tài sản này cũng phải tuân theo chế độ đăng ký.

Động sản được do thừa phát lại kê biên. Thừa phát lại sẽ chuyển quyền chiếm hữu động sản đó từ người phải thi hành án sang quyền quản lý trực tiếp của mình.

Các quyền tài sản, như quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và cổ phần của công ty là các tài sản vô hình và được kê biên bằng một tuyên bố của toà án. Việc kê biên các đối tượng khác đang được sử dụng như tài khoản ngân hàng không phải là chuyện dễ dàng bởi vì không phải bao giờ cũng xác định được những thứ đó và số tiền trong đó là bao nhiêu. Liên quan đến vấn đề này, Bộ luật thi hành án dân sự (sửa đổi năm 2003 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2004) đã quy định về "lệnh kê khai tài sản" do toà án ban hành theo yêu cầu của người được thi hành án (Điều 196 - 207).

Những khoản thanh toán định kỳ hàng tháng (như lương) được coi là đối tượng độc lập đang được sử dụng. Một vấn đề thường gặp trên thực tế gây khó khăn cho công tác thi hành án là việc áp dụng các biện pháp thi hành mới mỗi khi xuất hiện một đối tượng đang được sử dụng mới, đặc biệt là liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng với số tiền nhỏ nhưng lại rất thiết yếu đối với đời sống của người được thi hành án. Từ khi được sửa đổi vào năm 2003, Bộ luật thi hành án dân sự cho phép kê biên cả thu nhập định kỳ trong tương lai đến một phần hai số lương sẽ được nhận.

2. Thi hành bản án không liên quan đến tiền

Nghĩa vụ của người phải thi hành án có thể là việc thực hiện hoặc không thực hiện một hành vi nào đó, ví dụ ký một trái phiếu có bảo đảm, thanh lý tài sản hoặc không vận hành các máy móc tại nhà máy sau 10 giờ đêm. Trong những trường hợp như vậy, các quyền được thi hành bằng cách thức gọi là "cưỡng chế gián tiếp", trong đó bao gồm việc buộc người phải thi hành án định kỳ thanh toán một khoản tiền cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Xuất phát từ tính chất có thể hoán đổi của các nghĩa vụ, toà thi hành án có thể ra lệnh một người khác thực hiện các nghĩa vụ thay cho người phải thi hành án và sau đó sẽ buộc người phải thi hành án hoàn lại chi phí. Tuy nhiên, theo hệ thống của Nhật Bản học theo mô hình "astrainte" của Pháp, toà thi hành án cũng có thể ra lệnh "cưỡng chế gián tiếp" khi thấy thích hợp.

V. Thi hành tạm thời

Một bản án kèm theo tuyên bố về việc thi hành tạm thời cũng có thể được thi hành. Đối với trường hợp thi hành tạm thời, thì không cần thủ tục kiểm tra của thư ký toà án (hoặc công chứng viên) để bảo đảm việc thi hành nhanh chóng bản án.

Nếu sau khi được thi hành tạm thời mà bản án bị thay đổi do kết quả kháng cáo, thì tuyên bố thi hành tạm thời sẽ được rút lại. Sau đó, toà án phải ra lệnh cho người được thi hành án trả lại những gì đã nhận và bồi thường thiệt hại cho người phải thi hành án (Khoản 1 và 2, Điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự). Việc bảo vệ quyền lợi của người phải thi hành án là vấn đề quan trọng trong trường hợp thi hành án tạm thời.

VI. Thi hành các lợi ích có bảo đảm

Theo Bộ luật thi hành án dân sự Nhật Bản, việc thi hành các lợi ích có bảo đảm được điều chỉnh một cách khác biệt so với việc cưỡng chế thi hành đối với tài sản. Việc thi hành các lợi ích có bảo đảm không yêu cầu phải có "lệnh thi hành", mà chỉ cần có một tài liệu chứng nhận sự tồn tại của lợi ích có bảo đảm. Lợi ích có bảo đảm được chứng nhận bởi tài liệu nhà nước khi lợi ích đó được đăng ký tại cơ quan đăng ký nhà nước đối với bất động sản và tàu thủy, tàu bay. Điều này có nghĩa là việc các cơ quan thi hành án, như toà thi hành án đối với bất động sản và thừa phát lại đối với động sản, không phải kiểm tra sự tồn tại trên thực tế của các quyền có bảo đảm hoặc các đối tượng đang được sử dụng được bảo đảm bằng các quyền đó và tiến hành tù tục thi hành án.

Mặc dù tại một số lần thảo luận về việc sửa đổi, Bộ luật thi hành án dân sự hiện hành vẫn còn giữ lại cơ chế thi hành án đơn giản này đối với các lợi ích có bảo đảm để tiếp tục thực hiện trong thực tế. Tôi xin phép không đi sâu vào các biện pháp thi hành đối với các lợi ích có bảo đảm bởi vì chúng cũng tương tự như hệ thống thi hành án mà tôi đã trình bày, trừ một số quy định cụ thể liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của người phải thi hành án.

VII. Kết luận

Trong bài tham luận này, tôi đã cố gắng trình bày với các bạn về hệ thống thi hành án dân sự kép ở Nhật Bản. Nếu chúng ta nghĩ về một hệ thống thi hành án hợp lý *de lege ferenda*, chúng ta cần phải hỏi là liệu việc phân chia các cơ quan thi hành án giữa toà án và thừa phát lại có ý nghĩa gì không. Cũng đã có người phê phán hệ thống thi hành án phức tạp này của Nhật Bản. Một vấn đề khác trong hệ thống thi hành án của Nhật Bản là thiếu các biện pháp thi hành án liên quan đến các vấn đề về hôn nhân, gia đình. Thí dụ, khi một đứa trẻ bị bắt cóc đưa đi thì vẫn chưa có biện pháp cưỡng chế nào để mang đứa trẻ đó trở về với gia đình, mà mới chỉ có các biện pháp cưỡng chế gián tiếp bằng việc ra lệnh cho người phải thi hành án hàng ngày trả một khoản tiền nhất định. Theo ý kiến cá nhân tôi, ở Nhật Bản chúng tôi cũng có một số điểm cần phải tiếp tục cải cách⁵.

⁵ Đây là điều gây sự chú ý của quốc tế vì Nhật Bản đang nổi tiếng là nơi an toàn cho cha mẹ bắt cóc con cái của mình. Công ước La Hay năm 1980 về các khía cạnh dân sự của tình trạng hành hạ trẻ em đã quy định những biện pháp hữu hiệu trong lĩnh vực này, mà theo đó mỗi Quốc gia thành viên có nghĩa vụ đưa các trẻ em bị bắt cóc trở về Quốc gia thành viên nơi trẻ em đó đã thường trú.

THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, DÂN SỰ, HÀNH CHÍNH TẠI INĐÔNÊXIA

TS. Lintong O. Siahaan, SH., MH

Indônêxia

I. Thi hành án hình sự

1. Các Điều luật về thi hành án hình sự

Trong Bộ luật tố tụng hình sự (KUHAP) chỉ có 7 Điều quy định về thi hành án là các điều từ Điều 270 đến Điều 276.

Các điều luật này liên quan đến:

- a. Thi hành án bởi Công tố viên (Điều 270);
- b. Thi hành án tử hình (Điều 271);
- c. Thi hành liên tiếp nhiều hình phạt, nếu người bị kết án bị xử phạt về nhiều tội trong cùng một vụ án hình sự (Điều 272);
- d. Thi hành hình phạt tiền trong thời hạn một tháng, trừ trường hợp phải thi hành ngay, hình phạt tiền có thể được thi hành trong vòng một tháng, nếu có căn cứ cho việc thi hành trong thời hạn đó. (Điều 273, khoản (1) và (2));
- e. Quy định về vật chứng bị Nhà nước thu giữ (Điều 273, khoản (3) and (4));
- f. Thi hành bản án về bồi thường thiệt hại (Điều 274);
- g. Án phí (Điều 275)
- h. Thi hành hình phạt cho hưởng án treo (Điều 276)

2. Thi hành án bởi Công tố viên

Theo Bộ luật tố tụng hình sự đã nói ở trên (Điều 270), Công tố viên là người thi hành bản án. Đầu tiên, Thư ký Tòa án phải soạn và ký một tài liệu trong đó xác nhận rằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, và sau đó Công tố viên phải ra một lệnh thi hành án gửi cho Nhà tù.

Hình phạt tử hình được thi hành bằng việc bắn. Trừ trường hợp Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quy định khác, hình phạt tử hình được thi hành tại nơi có Tòa án đã ra bản án sơ thẩm về vụ án. Không cho phép thi hành hình phạt tử hình trước công chúng, trừ trường hợp Tổng thống có quy định khác.

Liên quan đến thi hành **hình phạt tiền**, Bộ luật tố tụng hình sự chỉ có một Điều là Điều 273, Khoản (1), trong đó quy định: "nếu Tòa án tuyên hình phạt tiền thì người bị kết án có một tháng để nộp tiền phạt, trừ đối với những bản án phải thi hành ngay." Theo Khoản (2) Điều này, thời gian đó có thể được gia hạn không quá một tháng. Cần lưu ý là nếu hình phạt tiền được áp dụng thay

cho hình phạt tù thì người bị kết án có thể nộp một nửa tiền phạt, phần còn lại sẽ được thi hành bằng việc ngồi tù.

Liên quan đến việc **xử lý vật chứng**, Công tố viên phải cố gắng để bán thông qua đấu giá của nhà nước trong thời hạn 3 tháng. Tiền thu được sẽ sung quỹ nhà nước (Điều 273, Khoản 3, Bộ luật tố tụng hình sự), trong thời hạn không quá 3 tháng. Ngoài vật chứng bị thu giữ, vật chứng cũng có thể **bị tiêu hủy hoặc làm hư hỏng để không thể sử dụng được nữa** (Điều 46, Khoản 2, Bộ luật tố tụng hình sự). Trong trường hợp này, Công tố viên phải lập báo cáo chính thức về việc tiêu hủy hoặc làm hư hỏng. Thí dụ, trong thực tế, có loại đồ vật dễ cháy như sách, vở hoặc các loại vật tương tự khác. Tiêu hủy có thể được thực hiện bằng việc đốt, còn các loại vũ khí sắc, nhọn thì có thể đổ xuống biển.

Đối với bản án **bồi thường thiệt hại** quy định tại Điều 99 (bồi thường cho bên bị thiệt hại hoặc người bị hại), việc thi hành được tiến hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, **có nghĩa là thừa phát lại sẽ thi hành bản án đó**.

3. Giám sát, theo dõi việc thi hành án

Thẩm phán giám sát và theo dõi việc thi hành án. Tất cả các quy định về vấn đề này đều nằm trong Điều 33, khoản (2) của Luật về Thẩm quyền Tư pháp (Law concerning Justice Power). Ở các nước khác, như Pháp chẳng hạn, có chế định gọi là *Juge de l'application des peines* có từ năm 1959, trong đó đương sự có trách nhiệm giám sát việc thi hành án kể từ khi bản án được tuyên cho đến khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt tù. Những người nói trên do Tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, sau khi nghe ý kiến của các thẩm phán cấp cao của Tòa án tối cao, cho nhiệm kỳ 3 năm và có thể được gia hạn.

Vì có quy định liên quan đến việc giám sát của Thẩm phán đối với thi hành án, cho nên đã có một khoảng cách giữa bản án của Thẩm phán và việc thi hành án hình sự tại các nhà tù, cũng như ở bên ngoài nhà tù. Thẩm phán phải theo dõi sát tình hình để tích cực cho ý kiến về các trường hợp tha có điều kiện. Thẩm phán có thể theo dõi tình hình của người bị kết án, cũng như sự chăm sóc y tế của nhân viên có liên quan tại các nhà tù.

Việc giám sát, theo dõi của Thẩm phán được thực hiện theo thủ tục sau:

- 1° Trước tiên, Công tố viên gửi bản sao báo cáo chính thức về thi hành án mà mình đã ký cho Người đứng đầu nhà tù, người bị kết án và Chánh án Tòa án đã ra bản án sơ thẩm (Điều 278).
- 2° Thư ký Tòa án phải ghi việc đó vào sổ giám sát, theo dõi. Sổ đó phải được Thư ký Tòa án lập, đóng dấu, ký tên và có chữ ký của Thẩm phán giám sát, theo dõi việc thi hành án (Điều 279).
- 3° Thẩm phán giám sát, theo dõi sẽ tiến hành việc giám sát để khẳng định rằng bản án đã được thi hành một cách đúng đắn. Thẩm phán phải tiến

hành điều tra nhằm quyết định việc trừng phạt, cũng như sự ảnh hưởng qua lại giữa hành vi cư xử của người bị kết án và sự hướng dẫn từ phía nhà tù. Việc theo dõi sẽ tiếp tục được tiến hành sau khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt tù. Việc giám sát, theo dõi cũng được áp dụng đối với các trường hợp tha có điều kiện (Điều 280).

- 4° Theo yêu cầu của Thẩm phán giám sát, theo dõi, Người đứng đầu nhà tù phải định kỳ cung cấp thông tin về hành vi cư xử của phạm nhân đang chịu sự theo dõi của Thẩm phán (Điều 281).
- 5° Thẩm phán có thể thảo luận với Người đứng đầu nhà tù về cách thức hướng dẫn người bị kết án. Thẩm phán phải định kỳ báo cáo kết quả giám sát, theo dõi cho Chánh án Tòa án (Điều 282 và Điều 283).

II Thi hành án dân sự

1. Thi hành án dân sự:

Bên đương sự có thể khởi kiện ra Tòa án để giải quyết tranh chấp. Việc xét xử vụ kiện (vụ án) kết thúc bằng một bản án, nhưng việc ra bản án chưa có nghĩa là vấn đề đã được giải quyết. Bản án sẽ được thi hành. Bản án sẽ vô nghĩa nếu không được thi hành. Do vậy, bản án do Thẩm phán tuyên phải có hiệu lực thi hành, có nghĩa là việc thi hành bản án bằng cưỡng chế của bộ máy nhà nước. Thẩm quyền thi hành bản án của Thẩm phán thể hiện ngay ở tiêu đề của bản án: "**Vì công lý dựa vào Thượng Đế Toàn Năng**".

Trên thực tế, không phải mọi bản án đều có thể được thi hành với đúng nghĩa của nó, tức là bằng sự cưỡng chế của Tòa án, trừ **phán quyết về kê biên tài sản**. Các bản án mang tính tuyên bố thì không cần bất kể biện pháp cưỡng chế nào để thi hành.

Quyết định cuối cùng của Thẩm phán có thể được bên liên quan (bên thua kiện hay còn gọi là người phải thi hành án) **tự nguyện** thi hành. Nếu vụ kiện đã được giải quyết và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì bên thua kiện có thể thi hành bản án một cách tự nguyện. Do đó, vụ án được giải quyết mà không cần có sự giúp đỡ của Tòa án trong việc thi hành.

Tuy nhiên, trên thực tế bên thua kiện thường không tự nguyện thi hành bản án, cho nên việc giúp đỡ từ phía Tòa án là cần thiết nhằm **cưỡng chế** thi hành bản án đó. Bên thắng kiện (còn gọi là người được thi hành án) có thể yêu cầu Tòa án **thi hành bản án** bằng biện pháp cưỡng chế.

Thi hành án là việc quan trọng nhằm buộc bên liên quan phải thực hiện các nghĩa vụ được ghi trong bản án.

2. Các loại thi hành án

Có một số loại thi hành án sau đây:

- 1° Thi hành án để buộc bên thua kiện nộp một khoản tiền.

- 2° Thi hành án dưới hình thức buộc phải thực hiện một hành vi/công việc nào đó. Nhưng bên thắng kiện có thể yêu cầu Toà án chuyển nghĩa vụ thực hiện hành vi đó thành việc thanh toán một khoản tiền.
- 3° Thi hành thực tế: là việc thi hành một cách trực tiếp nghĩa vụ của người mắc nợ theo bản án. Vì lý do đó, thi hành thực tế là việc thi hành một bản án nhằm tới kết quả xác định. Trong việc thi hành thực tế, bên liên quan được quyền nhận yêu cầu thi hành án. Việc thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp thi hành thực tế mà chúng tôi được biết bao gồm việc thanh toán tiền, làm hoặc không được làm một việc nhất định hoặc giao nộp một vật nào đó.

Ý nghĩa của thi hành thực tế là việc thực hiện bản án nhằm rời bỏ một bất động sản. Nếu người bị phạt không chấp hành trát (lệnh) thi hành của Toà án thì Thẩm phán sẽ ra lệnh cho thừa phát lại, với sự trợ giúp của Thư ký Toà án, hoặc nếu cần, với sự hỗ trợ của bộ máy nhà nước, buộc người bị phạt hoặc gia đình người đó phải rời bỏ nhà cửa, vườn tược của mình.

Ngoài 3 loại thi hành án kể trên, còn có loại thi hành án trực tiếp. Thi hành án trực tiếp được tiến hành khi một chủ nợ bán một vật nhất định thuộc sở hữu của người mắc nợ mà không cần đơn yêu cầu thi hành án.

3. Trát (lệnh) thi hành

Vật bị kê biên/thu giữ trong thủ tục thi hành án thường là động sản thuộc sở hữu của bên thua kiện. Bất động sản sẽ được ưu tiên kê biên trước theo trát thi hành.

Bất động sản do người khác đang chiếm hữu cũng có thể bị kê biên, nhưng quy định này không áp dụng đối với súc vật hoặc công cụ kiếm sống. Động sản bao gồm tiền, chứng khoán, đồ trang sức.

Động sản đã bị thu giữ sẽ được giữ nguyên tình trạng như khi bị thu giữ và được bảo quản. Điều 231 Bộ luật tố tụng hình sự quy định hình phạt đối với người tẩu tán hoặc che giấu tài sản thuộc diện sẽ bị thu giữ.

Việc kê biên bất động sản phải có báo cáo chính thức về việc kê biên gửi cho Chánh án Toà án quận, huyện để công bố. Việc công bố có nghĩa rằng tài sản bị kê biên sẽ không được bán. Thư ký của Toà án quận, huyện có trách nhiệm đăng ký việc kê biên tài sản tại phòng đăng ký đất đai. Từ thời điểm công bố báo cáo chính thức về kê biên, bên có tài sản bị kê biên không được phép chuyển dịch hay cho thuê tài sản đó.

4. Khiếu nại đối với Trát thi hành

Bên thua kiện có thể phản đối trát thi hành đối với cả động sản và bất động sản. Đương sự có thể khiếu nại bằng văn bản hoặc bằng miệng với Chánh án Toà án quận, huyện hữu quan, nhưng không được cản trở việc thi hành án, trừ khi Chánh án Toà án quận, huyện có trát cho dừng việc thi hành. Người

tuyên bố rằng mình là chủ sở hữu của tài sản bị kê biên theo thủ tục thi hành án có thể khiếu nại đối với trát thi hành đó.

5. Bắt người phải thi hành án

Nếu người phải thi hành án không có hoặc không có đủ tài sản để thi hành, thì theo yêu cầu của bên thắng kiện, Chánh án Tòa án quận/huyện có thể trao trát cho thừa phát lại để bắt người phải thi hành án. Điều này được thực hiện bằng cách buộc người phải thi hành án phải trả cho nhà tù một khoản tiền do người đã không chấp hành bản án hoặc do không có tài sản nào để có thể kê biên. Người bị bắt có thể bị giam giữ trong thời hạn 3 năm.

Đối với người phải thi hành án tuy không có thiện ý thi hành án nhưng đã từ 75 tuổi trở lên, sẽ không áp dụng các biện pháp cưỡng chế (ví dụ bắt giam). Biện pháp cưỡng chế có thể được áp dụng đối với người nhận tài sản thừa kế từ người phải thi hành án không có thiện ý nói trên, đã mắc nợ từ 1 tỷ Ru-pi (Rp) trở lên. Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế (bắt giam) đối với người phải thi hành án là 6 tháng.

6. Bán tài sản kê biên

Có hai hình thức bán tài sản kê biên: 1. Bán thông qua cơ quan bán đấu giá; 2. Bán bởi người tiến hành việc kê biên hoặc người khác do Chánh án Tòa án quận/huyện chỉ định. Việc bán này có thể được tiến hành đối với việc thi hành bản án trong đó yêu cầu nộp một khoản tiền đến 300 Rp. Việc bán được tiến hành theo quy chế về bán đấu giá.

Việc bán động sản được tiến hành sau khi có thông báo đầy đủ cho công chúng và không được bán trước ngày thứ 18, tính từ ngày tài sản bị kê biên. Nếu động sản đó sẽ được bán cùng với bất động sản, và động sản đó không phải là loại dễ hư hỏng, thì việc bán sẽ được thực cùng một lúc sau khi đã công bố hai lần, cách nhau 15 ngày. Đối với bất động sản có giá trên 1.000. Rp, sẽ được thông báo một lần trên báo nơi bất động sản sẽ được bán chậm nhất 14 ngày trước ngày bán.

Nếu sau khi kê biên mà có yêu cầu thi hành bản án từ một chủ nợ khác đối với cùng người phải thi hành án đó, thì việc kê biên tài sản thuộc sở hữu của người phải thi hành án nhưng đã được thi hành, sẽ được tiến hành để thi hành bản án theo yêu cầu người được thi hành án khác nói trên. Nếu trát thi hành đã được thi hành là một trát không phù hợp, thì Chánh án Tòa án quận/huyện có thể ra trát kê biên tài sản chưa bị kê biên của người phải thi hành án để thi hành bản án thứ hai. Điều quan trọng ở đây không phải là việc kê biên đặc biệt đã được thực hiện theo yêu cầu của người được thi hành án thứ hai, mà điều đáng chú ý là trát kê biên ra sau để thực hiện trát kê biên thứ nhất. Ngay sau khi tiền bán tài sản đã đạt đủ mức ghi trong bản án thì phải ngừng việc bán.

Từ phân tích trên đây, có thể kết luận là luật thi hành án là luật điều chỉnh cách thức mà một người sử dụng để thực hiện quyền của mình chống lại một

người khác thông qua việc bán tài sản thuộc sở hữu của người khác đó. Luật thi hành án bao gồm cả luật về kê biên nhằm bán một phần tài sản của người phải thi hành án vì lợi ích của một hoặc nhiều người được thi hành án(s).

III. Thi hành bản án hành chính

Thi hành án hành chính được quy định tại Điều 115, Luật số 5/1986, trong đó quy định: chỉ có bản án cuối cùng và đã có hiệu lực pháp luật mới được thi hành

1. Bản án được yêu cầu thi hành

Điều 97, Khoản 7 của Luật số 5/1986 quy định các loại bản án sau đây:

- a. Bản án tuyên bác vụ kiện;
- b. Bản án tuyên chấp nhận vụ kiện;
- c. Bản án tuyên không chấp nhận vụ kiện; hoặc
- d. Bản án tuyên vụ kiện vô hiệu và vô giá trị.

Trong 4 loại bản án nói trên, chỉ có 1 loại cần phải được thi hành, đó là loại bản án nói ở điểm b "chấp nhận vụ kiện". Tuy nhiên, không phải toàn bộ bản án mà chỉ phần yêu cầu thi hành mới được thi hành. Cụ thể như sau:

Nếu vụ kiện được chấp nhận, thì việc làm sau đó là phải huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định bị kiện của Cơ quan Nhà nước (sued Decision of State Administration) (BLTTHS). Ngoài ra, đạo luật này còn có quy định về nghĩa vụ phải thực hiện, chẳng hạn như: Yêu cầu về việc huỷ bỏ Quyết định liên quan của Cơ quan Nhà nước; Nghĩa vụ huỷ bỏ Quyết định trước đây của Cơ quan Nhà nước và ban hành một Quyết định mới của Cơ quan Nhà nước nếu vụ kiện căn cứ vào Điều 3 của Luật số 5/1986.

Từ nội dung trình bày ở trên, có thể kết luận là chỉ có bản án tuyên chấp nhận vụ kiện, trong đó có quy định về các nghĩa vụ mà người phải thi hành án phải thực hiện, mới được thi hành. Nếu người phải thi hành án tự nguyện thi hành thì không cần có sự can thiệp từ bên ngoài. Bản án tuyên huỷ Quyết định của Cơ quan Nhà nước bị kiện (không kèm theo bất kỳ nghĩa vụ nào), không yêu cầu phải thi hành bởi vì sau 4 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bản án đó tự động mất hiệu lực pháp luật.

2. Thi hành án theo nguyên tắc tự nguyện

Luật mới (sửa đổi) có quy định về "**các biện pháp bảo đảm thi hành**" hay "**cưỡng chế thi hành**" nếu Chính phủ (là bên thua kiện) từ chối thi hành bản án (Điều 116 Luật số 5/1986 và Luật số 9/2004). Trước đây, việc thi hành bản án theo nguyên tắc tự nguyện được giao cho công chức của bên đương sự (Thí dụ, để huỷ một quyết định một cách tự nguyện do đã bị tuyên là trái pháp luật bằng một bản án). Nguyên tắc tự nguyện này không phát huy hiệu quả trên thực tế do vậy đã bị thay thế bằng cơ chế cưỡng chế thi hành.

3. Biện pháp bảo đảm thi hành (cưỡng chế thi hành)

Biện pháp bảo đảm thi hành gồm có: phạt tiền, chế tài hành chính và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. **Phạt tiền** là "Trả một khoản tiền với mức tăng hàng ngày nếu công chức có liên quan không thi hành bản án do chậm trễ hoặc cố ý. Tuy vậy, cho đến nay biện pháp này vẫn chưa được thực hiện một cách đúng đắn do thiếu văn bản hướng dẫn thi hành. Thí dụ, hiện nay vẫn chưa ngã ngũ là liệu công chức hữu quan có phải nộp tiền phạt từ túi cá nhân hay tiền phạt đó sẽ do Nhà nước gánh chịu.

Biện pháp bảo đảm thi hành khác, như **chế tài hành chính** được áp dụng đối với công chức không chấp hành bản án, cũng chịu số phạt tương tự. Loại biện pháp này cũng không được thực hiện do thiếu văn bản hướng dẫn thi hành. Chỉ có một biện pháp được thực hiện khá tốt là **thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng**.

Để thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành, luật mới có quy định về việc thành lập thiết chế mới gọi là "Thừa phát lại" (Bailliff) chưa được quy định trong luật cũ. Nhiệm vụ của thừa phát lại đã được quy định trong luật mới nói trên.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TẠI LÀO

Bounsavad Boupha

*Cục trưởng Cục quản lý thi hành án
Bộ Tư pháp
Lào*

1. Thi hành án hình sự

Sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, cơ sở giam giữ có trách nhiệm đảm bảo cải tạo giam giữ người bị kết án.

Việc thu tiền bồi thường trong các vụ án dân sự, hình sự, truy thu tài sản và giáo dục đối với trường hợp cải tạo không giam giữ thuộc trách nhiệm của Phòng Thi hành án hoặc Đội thi hành án, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Bộ luật Thi hành án.

a. Tổ chức cơ quan quản lý trại giam

Ở Lào, cơ quan quản lý trại giam trực thuộc Bộ Công an và chịu sự quản lý trực tiếp của Cục Cảnh sát trại giam. Chúng tôi không có thẩm phán phụ trách chấp hành hình phạt. Theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của Viện Kiểm sát, công tác theo dõi việc chấp hành hình phạt do Viện Kiểm sát đảm nhiệm.

Ở mỗi tỉnh đều có các cơ sở giam giữ. Các cơ sở này chịu sự quản lý của Sở Công an.

b. Tổ chức thi hành án hình sự

Cải tạo giam giữ là hình phạt nhằm mục đích cải tạo và giáo dục người bị kết án, để họ có ý thức tuân thủ pháp luật và không tái phạm. Biện pháp này không nhằm mục đích trừng phạt hay hủy hoại nhân phẩm con người.

Cải tạo tại cộng đồng hoặc cải tạo bán giam giữ là hình phạt áp dụng đối với những người vi phạm pháp luật bằng cách buộc họ phải lao động công ích hoặc nộp phạt 20% lương. Thời hạn áp dụng biện pháp này không được vượt quá 1 năm.

Quản chế là hình phạt theo đó vào những ngày nhất định, người bị kết án phải trình diện tại cơ quan và tổ chức xã hội.

Người chưa thành niên dưới 15 tuổi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, đối với đối tượng này, chúng tôi sử dụng các biện pháp cam kết sau đây:

- 1° Yêu cầu xin lỗi nạn nhân,
- 2° Tuyên bố lỗi,

3° Cha mẹ người chưa thành niên phạm tội có trách nhiệm giáo dục người đó.

Đối với người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi và người già, Tòa án kết hợp các biện pháp giám sát và giáo dục hoặc cho hưởng án treo.

Phạm nhân bị đau ốm sẽ được chuyển đến chăm sóc tại bệnh viện đặc biệt. Sau khi khỏi bệnh, họ lại được đưa trở lại cơ sở giam giữ cho đến khi chấp hành xong hình phạt. Số ngày lưu trú ở bệnh viện được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

2. Thi hành án dân sự

Công tác thi hành án dân sự thuộc về trách nhiệm của Phòng thi hành án hoặc Đội thi hành án. Phòng thi hành án là đơn vị thuộc Sở Tư pháp cấp tỉnh, có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Đội thi hành án là đơn vị thuộc Phòng Tư pháp cấp huyện, có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Cả Phòng thi hành án và Đội thi hành án đều trực thuộc Vụ Thi hành án, Bộ Tư pháp Lào.

Cán bộ thi hành án là viên chức do Nhà nước trả lương. Họ không phải là những người có quy chế tự do hoặc bán tự do mà là những cán bộ có chuyên môn về thi hành án và có nhiệm vụ thu thập thông tin về tài sản để phục vụ cho công tác thi hành bản án, quyết định của Tòa án, cảnh sát, Viện Kiểm sát hoặc các cơ quan hữu quan khác và đề xuất cho Trưởng Phòng thi hành án hoặc Đội trưởng Đội thi hành án ra lệnh truy thu tài sản...

Ở Lào, chúng tôi không có cán bộ phụ trách riêng cho mảng thi hành án dân sự mà công tác này do Viện Kiểm sát đảm nhiệm. Theo quy định của Luật Thi hành án, các cơ quan Nhà nước và mọi công dân đều phải tuân thủ quyết định thi hành án và hỗ trợ các cán bộ thi hành án thực hiện nhiệm vụ của mình.

Tương tự, chúng tôi cũng không có cán bộ phụ trách thi hành án hành chính, vì Lào không có Tòa án Hành chính. Việc theo dõi hoạt động tuân thủ và chấp hành của các cơ quan Nhà nước thuộc về trách nhiệm của Viện Kiểm sát.

Trong quá trình thi hành bản án, quyết định của Tòa án, chúng tôi gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

- 1° Còn nhiều án tồn đọng;
- 2° Cán bộ thi hành án vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về kiến thức pháp luật và kinh nghiệm;
- 3° Trình độ hiểu biết của cán bộ thi hành án, của cảnh sát và của người dân còn hạn hẹp;
- 4° Công tác phối hợp giữa cán bộ thi hành án và cảnh sát, Viện Kiểm sát và các tổ chức có liên quan còn nhiều yếu kém;
- 5° Thiếu ngân sách và phương tiện thi hành án;

- 6° Không bán được bất động sản bị kê biên, do không có người mua và pháp luật không quy định thủ tục đấu giá tài sản, mà chỉ quy định về thủ tục thông báo bán;
- 7° Người phải thi hành án không có mặt tại Lào.

Kiến nghị

- 1° Đào tạo thêm cán bộ thi hành án;
- 2° Quy định cho cán bộ thi hành án được hưởng quy chế bán tự do;
- 3° Dành một phần phí thi hành án cho các cán bộ thi hành án;
- 4° Tăng cường hợp tác giữa các bộ phận có liên quan: cán bộ thi hành án, Viện trưởng Viện Kiểm sát, cảnh sát...;
- 5° Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân;
- 6° Tăng cường hợp tác với Việt Nam, Cam-pu-chia, Trung Quốc, Thái Lan, trong công tác thi hành án;
- 7° Đề xuất các nước hoặc các tổ chức hỗ trợ Lào trong công tác đào tạo cán bộ thi hành án bằng cách cho họ được tham gia vào các chuyến công tác khảo sát ở nước ngoài.

THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH TẠI PHÁP

Jean-François Debat

Thẩm phán, Tòa án Hành chính tối cao

Cộng hòa Pháp

GIỚI THIỆU CHUNG

Nếu chúng ta nhìn nhận hoạt động của hệ thống tư pháp theo một quan điểm phù hợp với các đòi hỏi của xã hội dân chủ, chúng ta không thể phủ nhận rằng đảm bảo thi hành trên thực tế các bản án, quyết định của tòa án là sự tiếp nối tất yếu trong hoạt động của các tòa án nói chung và của các tòa án tối cao nói riêng.

Ở thế kỷ trước, vấn đề thi hành án thu hút rất ít sự quan tâm. Vấn đề được quan tâm nhiều nhất lúc đó là việc kiểm tra, giám sát sự tuân thủ các quy định của luật hành chính thông qua phương thức khởi kiện các quyết định, hành vi hành chính trái pháp luật. Kể từ cuối thế kỷ thứ XX, việc thi hành án mới bắt đầu trở thành một trong những vấn đề được tòa án hành chính chú trọng.

Bộ luật tổ chức tòa án hành chính và thủ tục giải quyết các vụ án hành chính⁶ quy định một cách cụ thể tại điều L.11 rằng "bản án đã có hiệu lực pháp luật thì có giá trị thi hành bắt buộc". Một quy định như vậy đã nói lên tất cả, đặc biệt là trong Nhà nước pháp quyền, bởi vì trong Nhà nước pháp quyền thì bản án có hiệu lực pháp luật tức là sự thật, và việc không tuân thủ bản án đã có hiệu lực pháp luật cũng chính là một hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù vậy, việc thi hành các bản án, quyết định của tòa án không phải lúc nào cũng dễ dàng và không hiển nhiên như chúng ta tưởng. Và một trong những đảm bảo của Nhà nước pháp quyền chính là ở chỗ tòa án không chỉ "phát ngôn pháp luật" mà còn phải có khả năng buộc chủ thể bị kết án phải thi hành bản án đó (trong mọi bản án, bao giờ cũng có câu "Nước Cộng hòa Pháp ủy quyền và ra lệnh....").

Trước đây, tòa án ngạch tư pháp và tòa án ngạch hành chính nhìn nhận vấn đề thi hành án theo hai cách tiếp cận rất khác nhau. Mặc dù cho rằng không thể áp dụng các phương thức thi hành án của luật tư đối với cơ quan hành chính Nhà nước (Bản án BRGM, ngày 21 tháng 12 năm 1987, Tòa dân sự thứ nhất, Tòa án Tư pháp tối cao), nhưng tòa án tư pháp vẫn luôn thừa nhận khả năng ra lệnh cho cơ quan hành chính phải thực hiện việc này, việc khác để đảm bảo thi hành đúng bản án mà tòa đã tuyên.. Trong khi đó, tòa án hành

⁶ Người dịch: Sau đây gọi tắt là Bộ luật tổ chức tòa án hành chính

chính từ lâu lại luôn từ chối đưa ra lệnh thi hành kèm theo phạt tiền⁷ đối với cơ quan hành chính nhà nước cũng như đối với người dân trong trường hợp chậm thi hành. Quan điểm này của tòa án hành chính xuất phát từ hai lý do: thứ nhất, việc ra lệnh thi hành đối với cơ quan hành chính bị coi là một hành động can thiệp vào hoạt động của các cơ quan hành chính công, trong khi cả tòa án tư pháp lẫn tòa án hành chính đều không được phép có những hành động can thiệp đó; thứ hai, việc ra lệnh thi hành đối với công dân là không cần thiết, bởi vì cơ quan hành chính đã có đầy đủ quyền hạn cần thiết để buộc công dân phải thi hành án đối với mình. Nhưng về sau lý do thứ hai này đã được đánh giá là không có cơ sở, và do đó Tòa án Hành chính tối cao đã chấp nhận việc ra lệnh thi hành đối với công dân, kèm theo chế tài phạt tiền nếu chậm thi hành (Tòa án Hành chính tối cao, 17-5-1985, *Dame Menneret*, GAJA số 98). Riêng lý do thứ nhất vẫn tiếp tục được thừa nhận và do đó, tòa án vẫn không được phép ra lệnh thi hành đối với các cơ quan hành chính Nhà nước (Tòa án Hành chính tối cao, 3-4-1987, *Consorts Heugel*, Rec.119).

Mặc dù quan điểm truyền thống là như vậy, nhưng Tòa án Hành chính tối cao vẫn đưa ra những biện pháp nhằm giải quyết các vướng mắc trong công tác thi hành án, thông qua thủ tục hỗ trợ thi hành án (Điều 58, 59, Nghị định năm 1963). Trong thập niên 60 và 70, việc trung gian hòa giải và khuyến khích thi hành vẫn được ưa chuộng hơn so với biện pháp bắt buộc thi hành. Cho đến ngày nay, thủ tục này vẫn tiếp tục đóng một vai trò rất quan trọng trong hoạt động thi hành án.

Trước sức ép ngày càng mạnh mẽ của dư luận, và bởi vì án lệ của Tòa án Hành chính tối cao lại không có thay đổi gì về vấn đề này, nhà lập pháp đã chính thức đặt ra quy định cho phép áp dụng thủ tục cưỡng chế thi hành trong tố tụng hành chính. Cụ thể là Tòa án Hành chính tối cao (luật ngày 16 tháng 7 năm 1980) và các tòa án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm (luật ngày 8 tháng 2 năm 1995) đều được phép ra lệnh cho cơ quan hành chính thi hành án, nếu chậm thi hành thì bị phạt tiền.

Trong thực tế, việc thi hành án hành chính có thể gặp nhiều khó khăn do cơ quan nhà nước bị kết án không muốn thi hành hoặc thụ động và chậm chễ trong việc thi hành. Ngoài ra còn có những khó khăn khác bắt nguồn từ sự thiếu chắc chắn về hệ quả của các bản án, quyết định của tòa án hoặc từ việc áp dụng trên thực tế các phương thức thi hành án.

⁷ Người dịch: Thuật ngữ "astreinte" chỉ việc phạt tiền đối với hành vi chậm thực hiện nghĩa vụ. Trong pháp luật Pháp, đây là một biện pháp cưỡng chế thi hành khá hiệu quả. Tòa án đưa ra yêu cầu thi hành án, đồng thời quy định rõ ràng nếu bên phải thi hành mà không thi hành trong thời hạn quy định thì sẽ bị phạt tiền. Như vậy, đây là một biện pháp thi hành có điều kiện: mặc dù được quy định trong yêu cầu thi hành nhưng việc phạt tiền chỉ xảy ra trên thực tế nếu bên phải thi hành không thi hành đúng thời hạn quy định. Tiền phạt thường được tính theo ngày chậm thi hành, mỗi ngày tương ứng với một số tiền nhất định. (xem chi tiết ở phần đóng khung dưới đây).

SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC BIỆN PHÁP THI HÀNH ÁN

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì tòa án cũng như các bên đều có thể thực hiện một số biện pháp - ở các giai đoạn thủ tục khác nhau - nhằm đảm bảo việc thi hành đúng đắn bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Thứ nhất, các bên có quyền yêu cầu tòa án ra lệnh thi hành, kèm theo chế tài phạt tiền trong trường hợp bên phải thi hành chậm thi hành (Khoản 1 và 2, Điều L.911, Bộ luật tổ chức tòa án hành chính). Ngoài ra, tòa án hoàn toàn có thể quy định cụ thể trong bản án các nghĩa vụ của các bên. Trong thực tế, những quy định như vậy không đơn thuần là những chỉ dẫn hay yêu cầu cho các bên mà thực sự có giá trị cưỡng chế tương tự như lệnh thi hành án.

Thứ hai, và vẫn trong lôgic phòng ngừa, nếu hết thời hạn 3 tháng kể từ ngày chuyển giao bản án, quyết định của tòa án mà các bên xét thấy bản án, quyết định đó có nguy cơ không được thi hành, thi hành sai hoặc thi hành không đầy đủ thì họ có quyền nộp đơn yêu cầu hỗ trợ thi hành án (Điều R.921-1, đối với các tòa án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm; Điều R.931-2, đối với Tòa án hành chính tối cao). Các bên cũng có quyền yêu cầu giải thích bản án, quyết định của tòa án trong trường hợp bản án có chỗ khó hiểu.

Thứ ba, trong trường hợp tòa án đã ra lệnh thi hành và đã quy định trong bản án, quyết định của mình khả năng phạt tiền đối với trường hợp chậm thi hành (lệnh thi hành mang tính phòng ngừa) mà các bên vẫn không thi hành, hoặc trong trường hợp các biện pháp hỗ trợ thi hành án không đạt kết quả thì tòa án có thể cưỡng chế thi hành bằng cách ra lệnh thi hành mang tính trấn áp kèm theo phạt tiền. Đây là công cụ quan trọng nhất của tòa án để đảm bảo việc thi hành. Đây cũng là nội dung được đề cập nhiều nhất trong bài viết này.

Trước khi giới thiệu lần lượt các biện pháp thi hành án mà các bên hoặc tòa án có thể sử dụng, thiết nghĩ cũng cần lưu ý rằng nếu so với toàn bộ các bản án, quyết định của tòa án hành chính thì các biện pháp đó cũng chỉ được áp dụng một cách hạn chế. Lấy ví dụ năm 2005, Tòa án Hành chính tối cao đã thụ lý đến 12.572 vụ tranh chấp, nhưng chỉ có 171 bản án là được yêu cầu áp dụng các biện pháp thi hành.

YÊU CẦU GIẢI THÍCH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Đây là một thủ tục rất đáng chú ý trong tố tụng hành chính của Pháp. Theo quy định tại điều R-931-1 Bộ luật tổ chức tòa án hành chính, cơ quan hành chính phải thi hành có quyền yêu cầu Tòa án hành chính tối cao giải thích về phương thức thi hành bản án. Chỉ có Tòa án hành chính tối cao mới có thẩm quyền giải thích. Hiện nay, vì số lượng yêu cầu giải thích bản án còn tương đối hạn chế (năm 2005 có 13 yêu cầu), cho nên toàn bộ các yêu cầu đó đều do Ban báo cáo và nghiên cứu trực thuộc Tòa án hành chính tối cao giải quyết.

Trước đây, chỉ có các Bộ trưởng mới có quyền yêu cầu giải thích bản án. Mặc dù Pháp đã ban hành nhiều đạo luật về phân quyền cho địa phương và trong

thực tế số lượng các tranh chấp liên quan đến các chính quyền địa phương ngày càng gia tăng, nhưng trong một thời gian dài quy định về hạn chế thẩm quyền yêu cầu giải thích bản án nêu trên vẫn không bị bãi bỏ.

Ngày nay vấn đề này đã được Bộ luật tổ chức tòa án hành chính giải quyết. Cơ quan liên quan dù ở cấp nào cũng đều có quyền yêu cầu Tòa án hành chính tối cao giải thích bản án. "Cơ quan liên quan" cần được hiểu là những người sau đây: Bộ trưởng hoặc Chánh văn phòng Bộ (thay mặt cho Nhà nước trung ương); người thừa hành của các cơ quan nhà nước khác (thay mặt cho các cơ quan đó), bao gồm thị trưởng, chủ tịch hội đồng tỉnh hoặc hội đồng vùng, chủ tịch và/hoặc giám đốc của các cơ quan hành chính độc lập, chủ tịch và/hoặc giám đốc của các đơn vị nhà nước v.v...

Việc xem xét giải quyết đơn yêu cầu giải thích bản án cũng tương tự như thủ tục giải quyết đối với đơn xin ý kiến gửi cho các bộ phận hành chính khác của Tòa án hành chính tối cao: báo cáo viên của Ban báo cáo và nghiên cứu có thể tổ chức các cuộc họp với những người phụ trách hồ sơ để tìm hiểu mọi thông tin cần thiết. Các yêu cầu giải thích án thường đặt ra nhiều khó khăn. Chính vì vậy, sau khi được báo cáo viên xem xét, tất cả các đơn yêu cầu giải thích án đều phải được trình lên phiên họp thành phần hẹp của Ban báo cáo và nghiên cứu.

HỖ TRỢ THI HÀNH ÁN

Thủ tục hỗ trợ thi hành án quy định tại Điều R.931-2 Bộ luật tổ chức tòa án hành chính được xây dựng nhằm đảm bảo việc cơ quan nhà nước thua kiện thi hành đầy đủ bản án, quyết định của tòa án (trong đó bên thắng kiện có thể là công dân hoặc một pháp nhân công pháp khác, đặc biệt là Nhà nước trung ương). Từ năm 1995, công tác hỗ trợ thi hành án đã được phân cấp, nhưng Ban báo cáo và nghiên cứu trực thuộc Tòa án hành chính tối cao vẫn tiếp tục có trách nhiệm giải quyết yêu cầu hỗ trợ thi hành án không chỉ đối với các bản án của Tòa án hành chính tối cao mà còn đối với các bản án của các tòa án hành chính chuyên biệt.

Công dân có quyền nộp đơn yêu cầu hỗ trợ thi hành án sau khi hết thời hạn 3 tháng kể từ ngày chuyển giao bản án. Đây là khoảng thời gian để bên thua kiện tự nguyện thi hành. Tuy nhiên, trong thủ tục khẩn cấp thì thời hạn nêu trên có thể không được áp dụng hoặc bị rút ngắn nếu như tòa án quy định một thời hạn ngắn hơn theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều L.911, hoặc khi cơ quan hành chính chính thức từ chối thi hành.

Về nguyên tắc, tòa án có thẩm quyền hỗ trợ thi hành án là tòa án đã ra bản án, quyết định. Việc hỗ trợ thi hành án được thực hiện dưới mọi hình thức: thư tín, điện thoại, gặp gỡ trực tiếp v.v... Nội dung hỗ trợ là: đánh giá phạm vi của bản án, xác định những khó khăn đặt ra trong việc thi hành, phân tích những khó khăn đó và đưa ra những biện pháp cần thiết để thúc đẩy việc thi hành. Hỗ trợ thi hành án hành chính thực chất là một giai đoạn hòa giải, tư vấn,

thậm chí cảnh cáo bên phải thi hành. Các công văn mà tòa án gửi cho các bên thường có tính mệnh lệnh, trong đó thông tin cho các bên về tính chất và nội dung các quyền và nghĩa vụ của họ.

Nhờ cơ chế hỗ trợ thi hành án, một số lượng lớn các bản án đã được thi hành. Tuy nhiên, việc hỗ trợ thi hành án không phải bao giờ cũng dẫn đến kết quả như mong đợi. Nhiều khi tòa án đã rất nỗ lực thúc đẩy, nhưng bản án vẫn không được thi hành hoặc thi hành không đầy đủ. Trong trường hợp này, có thể áp dụng các biện pháp sau:

Ghi vụ việc vào báo cáo hàng năm của Tòa án hành chính tối cao (Điều R-931-2). Việc làm này tuy không làm phát sinh bất kỳ hệ quả pháp lý nào nhưng cũng góp phần tạo sức ép hiệu quả đối với cơ quan nhà nước phải thi hành, bởi vì báo cáo thường niên của Tòa án hành chính tối cao luôn được công bố công khai. Không những thế, việc ghi vụ việc vào báo cáo thường niên còn thể hiện rằng cơ quan nhà nước kia đã coi thường uy lực của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành: tòa án có thể mặc nhiên quyết định áp dụng biện pháp này hoặc quyết định theo yêu cầu của công dân - bên được thi hành.

THỦ TỤC PHẠT TIỀN DO CHẬM THI HÀNH ÁN

A. Các quy định pháp luật về phạt tiền trong trường hợp chậm thi hành án

BỘ LUẬT TỔ CHỨC TÒA ÁN HÀNH CHÍNH

Điều L.911-1: Trong trường hợp bản án đòi hỏi một pháp nhân công quyền hoặc một pháp nhân theo luật tư được trao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công phải thực hiện một biện pháp thi hành theo một hướng nào đó thì khi nhận được yêu cầu, tòa án nêu rõ biện pháp đó trong bản án và thời hạn để thực hiện nếu xét thấy cần thiết.

Điều L.911-2: Trong trường hợp bản án quy định một pháp nhân công quyền hoặc một pháp nhân theo luật tư được trao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công phải ra một quyết định mới thì khi nhận được yêu cầu theo hướng này, tòa án nêu rõ trong bản án thời hạn để ban hành quyết định đó.

Điều L.911-3: Trong trường hợp có đơn yêu cầu, tòa án có thể quy định trong cùng bản án lệnh thi hành án theo quy định tại các Điều L.911-1 và L.911-2, kèm theo quy định về việc phạt tiền trong trường hợp chậm thi hành với mức phạt do tòa án quyết định theo đúng quy định tại Thiên này. Tòa án cũng xác định rõ việc phạt tiền do chậm thi hành sẽ áp dụng kể từ thời điểm nào.

Điều L.911-4: Trong trường hợp bản án không được thi hành, bên liên quan có quyền yêu cầu tòa án hành chính sơ thẩm hoặc tòa án hành chính phúc thẩm nơi đã tuyên bản án đó thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc thi hành.

Nếu bản án được yêu cầu thi hành không quy định rõ các phương thức thi hành thì tòa án, sau khi nhận được yêu cầu, phải tiến hành xác định các phương thức đó. Tòa án có thể ấn định thời hạn thi hành án và quy định về việc phạt tiền trong trường hợp thi hành không đúng hạn.

Điều L.911-5: Trong trường hợp bản án của một tòa án hành chính không được thi hành, Tòa án hành chính tối cao có quyền ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành, ngay cả khi không có yêu cầu của bên được thi hành, đối với bên phải thi hành là pháp nhân công quyền hoặc pháp nhân theo luật tư được trao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công nhằm thúc đẩy pháp nhân đó thi hành bản án.

Quy định tại đoạn trên không được áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều L.911-3 và Điều L.911-4 cũng như đối với trường hợp Tòa án hành chính tối cao khi xét xử tranh chấp đã áp dụng quy định tại các Điều L.911-1 và L.911-2.

Những thẩm quyền được trao cho Tòa án hành chính tối cao theo quy định tại điều này có thể được thực hiện bởi Chủ tịch Ban tài phán⁸.

Điều L.911-6: Quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền đối với trường hợp chậm thi hành án có thể là quyết định tạm thời hoặc quyết định cuối cùng. Nếu tòa án không quy định rõ quyết định đó là quyết định cuối cùng thì phải hiểu đó là quyết định tạm thời. Việc phạt tiền đối với trường hợp chậm thi hành án là hoàn toàn độc lập với việc bồi thường thiệt hại.

Điều L.911-7: Trong trường hợp bên phải thi hành chậm thi hành hoặc không thi hành một phần hay toàn bộ bản án thì tòa án thực thi quyết định áp dụng biện pháp phạt tiền đã quy định.

Khi thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành hoặc không thi hành, tòa án không được phép thay đổi mức phạt tiền đã quy định trong quyết định cuối cùng, trừ trường hợp việc chậm thi hành hoặc không thi hành có lý do chính đáng hoặc xuất phát từ lý do bất khả kháng.

Nếu quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền là quyết định tạm thời thì khi thực thi, tòa án có quyền thay đổi mức phạt hoặc hủy bỏ việc phạt tiền.

Điều L.911-8: Tòa án có thể quyết định chi trả cho bên yêu cầu một phần của khoản tiền phạt. Phần còn lại được nộp vào ngân sách Nhà nước.

⁸ Người dịch: Tòa án hành chính tối cao của Cộng hòa Pháp (còn gọi là Tham chính viện) được tổ chức thành 6 ban. Trong số đó có 5 Ban chỉ có thẩm quyền hành chính: Ban Xã hội, Ban Nội vụ, Ban Công chính, Ban Tài chính và Ban Báo cáo-nghiên cứu. Tham chính viện chỉ có một Ban tài phán thực hiện chức năng xét xử, được chia làm 10 tiểu ban. Qua cơ cấu tổ chức này cũng có thể thấy chức năng xét xử chỉ là một trong số nhiều chức năng của Tòa án hành chính tối cao.

Điều R-921-1: Bên được thi hành chỉ có quyền yêu cầu tòa án hành chính sơ thẩm áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc thi hành bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án đó, kể cả biện pháp đe dọa phạt tiền, sau khi hết thời hạn 3 tháng kể từ khi bản án được chuyển giao, trừ trường hợp trong thời hạn đó cơ quan hành chính phải thi hành đã chính thức từ chối thi hành.

Tuy nhiên, quyền yêu cầu trên có thể được thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào nếu bản án sơ thẩm phải thi hành là bản án về việc áp dụng một biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc về việc hoãn thi hành quyết định hành chính bị khởi kiện.

Trong trường hợp bản án sơ thẩm phải thi hành có quy định thời hạn để cơ quan hành chính thi hành bản án đó thì việc yêu cầu tòa án áp dụng các biện pháp đảm bảo thi hành án chỉ được phép thực hiện khi hết thời hạn đó.

Các quy định về thời hạn nêu trên cũng được áp dụng đối với việc thi hành các bản án của tòa án hành chính phúc thẩm.

Điều R.921-6: Trong trường hợp chánh án tòa án hành chính sơ thẩm hoặc phúc thẩm xét thấy cần phải xác định các biện pháp thi hành án thông qua thủ tục xét xử tại tòa, đặc biệt là biện pháp phạt tiền do chậm thi hành, hoặc trong trường hợp bên được thi hành án yêu cầu mở thủ tục giải quyết tranh chấp về thi hành án thì chánh án tòa án ra quyết định mở thủ tục giải quyết tranh chấp về việc thi hành án. Quyết định này không thể bị kháng cáo, kháng nghị. Tranh chấp về việc thi hành án sẽ được xem xét và giải quyết theo thủ tục xét xử nhanh. Trong trường hợp ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền nếu chậm thi hành hoặc không thi hành thì hội đồng xét xử ấn định rõ thời điểm mà quyết định đó có hiệu lực.

Điều R.921-7: Đến ngày quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền có hiệu lực, tòa án chủ động hoặc theo yêu cầu của bên liên quan tiến hành xác định xem bên phải thi hành có thực hiện đúng các biện pháp thi hành do tòa quy định hay không. Nếu không, thì tòa án tiến hành thực thi quyết định phạt tiền theo đúng thủ tục quy định tại các điều L.911-6 đến L.911-8.

Khi thực thi biện pháp phạt tiền, tòa án gửi bản sao của bản án mà trong đó có quy định về việc phạt tiền và bản sao của quyết định thực thi cho Viện Công tố bên cạnh Tòa án kỷ luật về ngân sách và tài chính.

Điều R.931-3: Bên được thi hành có quyền yêu cầu Tòa án hành chính tối cao ra áp dụng biện pháp đe dọa phạt tiền để đảm bảo việc thi hành các bản án của Tòa án hành chính tối cao và các bản án của các tòa án hành chính chuyên biệt.

Quyền yêu cầu nêu trên chỉ được phép thực hiện sau khi hết thời hạn 6 tháng kể từ khi chuyển giao bản án, trừ trường hợp trong thời hạn đó cơ quan hành chính phải thi hành đã chính thức từ chối thi hành.

Tuy nhiên, nếu bản án phải thi hành có quy định thời hạn để cơ quan hành chính thi hành bản án đó thì việc yêu cầu tòa án áp dụng các biện pháp đảm bảo thi hành án chỉ được phép thực hiện khi hết thời hạn đó.

Điều R.931-9: *Thời gian từ khi nộp yêu cầu áp dụng biện pháp đe dọa phạt tiền đến khi có quyết định giải quyết yêu cầu đó không được tính vào thời hạn khởi kiện quyết định hành chính từ chối thi hành án.*

B. Nhận xét chung

Phạt tiền do chậm thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ là một biện pháp được quy định trong luật tố tụng dân sự. Đây là một nghĩa vụ bổ sung và có điều kiện, thường được xác định bằng một số tiền cụ thể phải nộp cho mỗi ngày chậm thực hiện nghĩa vụ chính. Biện pháp này thúc đẩy bên có nghĩa vụ nhanh chóng thực hiện nghĩa vụ, mà thường là nghĩa vụ phát sinh do lỗi của bên đó, vì sự đe dọa phải nộp một khoản tiền tăng dần nếu chậm thi hành. Như vậy, đây không phải là một biện pháp bồi thường thiệt hại do việc chậm thi hành án gây ra, mà là một biện pháp gây áp lực nhằm thúc đẩy thi hành án (do đó nó mang tính chất trừng phạt chứ không mang tính đền bù). Đây chính là một biện pháp cưỡng chế thi hành.

Biện pháp đe dọa phạt tiền này chỉ được tuyên áp dụng để thúc đẩy việc thi hành những gì được quy định trong bản án đã có hiệu lực pháp luật. Điều đó cũng có nghĩa là tòa án không được thụ lý yêu cầu áp dụng biện pháp đe dọa phạt tiền nếu yêu cầu đó không liên quan đến những vấn đề đã được giải quyết trong bản án phải thi hành.

Như vậy: *"Việc giải quyết hệ quả của một quyết định hành chính bị tòa án hủy bỏ hoàn toàn thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính đã ra quyết định đó. Tòa án không được phép ra lệnh cho cơ quan hành chính phải xem xét và giải quyết hậu quả của từng trường hợp áp dụng quyết định hành chính đó. Ví dụ, tòa án không được phép ra lệnh cho cơ quan hành chính phải hoàn trả lại một khoản tiền đã thu trên cơ sở quyết định hành chính đã bị tòa án hủy bỏ."*⁹

Tương tự như vậy, nếu một công chức nhà nước bị đuổi việc trái pháp luật yêu cầu tòa án hủy quyết định đuổi việc mà không yêu cầu bồi thường thiệt hại, thì khi tòa án ra bản án mà cơ quan nhà nước chậm thi hành, công chức đó không có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền đối với cơ quan nhà nước để buộc cơ quan đó bồi thường cho mình.

Nguyên tắc tách biệt tranh chấp cũng được áp dụng đối với người dân khởi kiện quyết định hành chính sau khi quyết định đó đã bị tòa án tuyên hủy. Nếu công dân cho rằng cơ quan hành chính không thực hiện bản án tuyên hủy quyết định hành chính thì đây là một tranh chấp mới, tách biệt với tranh chấp đã được giải quyết bằng bản án đó.

⁹ Trích bản án Vindevogel, 13 tháng 3 năm 1998 của Tòa án hành chính tối cao.

Theo quy định hiện hành của Bộ luật tổ chức tòa án hành chính, biện pháp phạt tiền không chỉ được sử dụng như một phương tiện cưỡng chế để đảm bảo việc thi hành bản án đã tuyên trước đó. Theo quy định tại Điều L.911-3, biện pháp phạt tiền có thể được sử dụng nhằm mục đích phòng ngừa: tòa án ra quyết định tạm thời về việc áp dụng biện pháp phạt tiền trong trường hợp chậm thi hành; nếu hết thời hạn mà cơ quan hành chính không thi hành án thì lúc đó người dân sẽ yêu cầu tòa án ra quyết định thực thi biện pháp phạt tiền, còn nếu thi hành thì quyết định áp dụng biện pháp phạt tiền sẽ không được thực thi. Như vậy, chúng ta có thể phân biệt giữa biện pháp phạt tiền "phòng ngừa" (dọa phạt tiền) - thường được quy định ngay trong bản án nhằm tăng cường hiệu lực của lệnh thi hành - với việc phạt tiền "thực tế" được yêu cầu khi bản án thực sự không được thi hành.

C. Yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền trong trường hợp không thi hành hoặc chậm thi hành

Bất kỳ người nào trực tiếp có liên quan đến hành vi hành chính, quyết định hành chính bị khởi kiện đều có quyền yêu cầu tòa án ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền, ngay cả khi người đó không phải là một bên trong tranh chấp: "Cho dù không phải là một bên trong tranh chấp đã được giải quyết tại bản án, nhưng ông Melot - vốn đủ tiêu chuẩn để được phân công làm công việc hạng A - vẫn trực tiếp có liên quan đến những quyết định hành chính đã bị bản án đó tuyên hủy. Vì lý do đó, yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền của ông Melot đủ điều kiện để thụ lý"¹⁰.

Yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền cũng có thể được đưa ra bởi nhiều bên thứ ba có liên quan. Thật vậy, nếu bên được thi hành bao gồm nhiều người thì với mỗi người đó tòa án có quyền ra một quyết định về việc phạt tiền trong trường hợp bên phải thi hành không thi hành hoặc chậm thi hành đối với người đó. Khái niệm "người liên quan trực tiếp" có nội hàm hẹp hơn so với khái niệm "người có quyền, lợi ích liên quan". Đó là người có thể chứng minh rằng việc thi hành án có ảnh hưởng đến một lợi ích *tức thì và trực tiếp* của mình. Ví dụ như một công chức nhà nước tuy không đứng ra khởi kiện quyết định hành chính, nhưng lại có quy chế hoàn toàn tương tự như những người khởi kiện và cùng chịu sự điều chỉnh của quyết định hành chính như những người khởi kiện.

Nhiều người có quyền lần lượt đưa ra yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền nhằm thúc đẩy việc thi hành cùng một bản án. Mỗi đơn yêu cầu được xem xét căn cứ vào việc bản án của tòa án đã được thi hành chưa hoặc thi hành như thế nào vào thời điểm Tòa án hành chính tối cao ra xem xét giải quyết yêu cầu đó. Điều kiện để yêu cầu được thụ lý, đó là yêu cầu đó phải nhằm tới việc thi hành một bản án của tòa án hành chính (chứ không phải là một biện pháp hành chính do tòa án tuyên, và không phải là bản án của tòa án tư pháp).

¹⁰ Trích bản án Melot, Tòa án hành chính tối cao, ngày 27 tháng 1 năm 1995.

Biện pháp phạt tiền do chậm thi hành hoặc không thi hành thường được áp dụng đối với pháp nhân theo luật công hoặc pháp nhân theo luật tư được trao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công khi pháp nhân đó là một bên trong vụ kiện. Tuy nhiên, cũng đã từng có trường hợp biện pháp phạt tiền được tuyên áp dụng đối với một cơ quan không phải là một bên trong vụ kiện. Tòa án hành chính đã hủy quyết định của một tỉnh trưởng có nội dung là thiết lập quyền sử dụng bất động sản liền kề đối với một khu đất của nhiều hộ dân, nhằm tạo điều kiện để chính quyền xã xây dựng kênh thoát nước thải qua khu đất đó. Các hộ dân liên quan đã yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền nhằm buộc thi hành phán quyết của tòa án. Trong vụ việc này, Tòa án hành chính tối cao đã thừa nhận khả năng sử dụng biện pháp phạt tiền để buộc một cơ quan nhà nước (ở đây là chính quyền xã) phải thi hành trong khi cơ quan đó không phải là cơ quan ban hành ra quyết định hành chính đã bị hủy.

Về thời hạn, các Điều R.921-6 và R.931-3 quy định việc yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền chỉ có thể được thực hiện sau khi hết thời hạn 6 tháng kể từ khi chuyển giao bản án.

Tuy nhiên, điều kiện về mặt thời hạn này không được áp dụng đối với các trường hợp sau:

Thứ nhất, nếu bản án phải thi hành có quy định thời hạn để cơ quan hành chính thi hành bản án đó thì việc yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp phạt tiền nhằm đảm bảo thi hành án chỉ được phép thực hiện khi hết thời hạn đó;

Thứ hai, trong trường hợp bản án quy định việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời thì việc yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền nhằm đảm bảo thi hành án có thể được thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào;

Thứ ba, trong trường hợp chưa hết thời hạn 6 tháng mà cơ quan hành chính phải thi hành chính thức từ chối thi hành thì không cần đợi đến khi hết thời hạn 6 tháng mới được đưa ra yêu cầu. Trường hợp thường gặp nhất là việc yêu cầu nhận trở lại công chức đã bị sa thải trái pháp luật.

Cũng cần lưu ý rằng nếu yêu cầu được đưa ra trước khi hết thời hạn 6 tháng và không thuộc 1 trong ba trường hợp kể trên thì tòa án vẫn tiếp nhận nhưng chỉ giải quyết yêu cầu khi hết thời hạn đó.

Có một trường hợp trong đó bên được thi hành có thể mất quyền yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền. Nếu bên được thi hành yêu cầu cơ quan nhà nước thi hành bản án nhưng bị cơ quan này chính thức từ chối thì bên được thi hành phải khởi kiện lên tòa án hành chính hoặc yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp phạt tiền trong thời hạn 2 tháng kể từ khi cơ quan nhà nước từ chối thi hành. Hết thời hạn này thì bên được thi hành án mất quyền yêu cầu.

D. Xem xét yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thi hành án

Tại Toà án hành chính tối cao

Theo quy định tại điều R.921-6 và R.931-3 của Bộ luật tổ chức toà án hành chính, thời hạn để yêu cầu thẩm phán theo dõi thi hành án ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ là sáu tháng, kể từ ngày tổng đạt quyết định của toà án.

Yêu cầu này được ghi vào sổ tiếp nhận của Ban tài phán giống như khi thụ lý một vụ tranh chấp. Sau đó, yêu cầu sẽ được chuyển cho Ban Báo cáo và Nghiên cứu để thực hiện các biện pháp hỗ trợ thi hành án theo quy định tại điều R.931-6 về việc thi hành quyết định của toà án hành chính". Hoặc ngược lại, nếu yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ được gửi trực tiếp cho Ban Báo cáo và Nghiên cứu trong khuôn khổ thủ tục hỗ trợ thi hành, thì bắt buộc phải chuyển cho Ban tài phán để vào sổ. Như vậy, không thể nói là hồ sơ được "giao" cho Ban Báo cáo và Nghiên cứu, vì Ban này không giải quyết tranh chấp. Ban Báo cáo và Nghiên cứu tiến hành thẩm cứu yêu cầu, lập bản kết luận để gửi cho Ban tài phán trong đó đề xuất bác đơn, cho áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ hoặc đình chỉ giải quyết vụ án. Mặc dù không có thẩm quyền tuyên bố áp dụng, nhưng Ban Báo cáo và Nghiên cứu có vai trò quyết định trong việc đảm bảo thi hành bản án. Chỉ trong trường hợp không đảm bảo được việc thi hành thì mới đề xuất Ban tài phán tuyên bố phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ.

Hệ quả logic của việc quyết định phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ được ban hành theo thủ tục giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thẩm cứu hồ sơ, Ban Báo cáo và Nghiên cứu phải tôn trọng nguyên tắc tranh tụng, nhưng không bắt buộc cứ phải là thủ tục bút ngữ. Ban này có thể cùng với cơ quan hành chính và đôi khi cả với bên nguyên đơn hoặc đại diện của bên này, tìm kiếm những biện pháp hiệu quả nhất để thi hành bản án của toà án. Bên cạnh đó, Ban Báo cáo và Nghiên cứu cũng có thể thu thập những giấy tờ, tài liệu cho hồ sơ mà bên nguyên đơn chưa cung cấp. Ngoài ra, Ban Báo cáo và Nghiên cứu còn giữ vai trò trung gian hoà giải khá đặc biệt. Qua đó có thể thấy, mục đích của thủ tục không phải là phải ra bằng được quyết định phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ mà là để đảm bảo hiệu lực của quyết định toà án đã ban hành bằng cách nào đó nhanh nhất có thể.

Một vấn đề khó đối với Ban Báo cáo và Nghiên cứu là khi nào thì phải chấm dứt giai đoạn thực hiện các biện pháp hỗ trợ thi hành án. Có thể hy vọng rằng các biện pháp được sử dụng trực tiếp trong khuôn khổ thủ tục này sẽ tạo điều kiện cho việc thi hành bản án. Trong rất nhiều trường hợp, cơ quan hành chính nhanh chóng thi hành phần cơ bản của bản án, nhưng có thể vẫn còn những điểm tranh chấp, ví dụ về việc xác định lãi trên số tiền chậm trả. Nếu chấm dứt thủ tục này quá sớm thì có thể sẽ tước đi cơ hội của nguyên đơn

trong việc giải quyết tranh chấp bằng hoà giải. Ngược lại, nếu kéo dài lại có khả năng tước đi quyền của nguyên đơn trong việc buộc thi hành phán quyết của toà án bằng quyết định phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ. Ngày nay, Ban Báo cáo và Nghiên cứu vẫn cố gắng tiến hành thủ tục thẩm cứu trong thời hạn sáu tháng, tương đương với thời hạn quy định tại điều R.926-1 của Bộ luật tổ chức toà án hành chính, áp dụng với thủ tục tố tụng tại các toà án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Sau khi kết thúc giai đoạn áp dụng các biện pháp hỗ trợ thi hành án, Trưởng Ban Báo cáo và Nghiên cứu gửi bản kết luận cho Tiểu ban đang phụ trách hồ sơ. Tiểu ban này tóm tắt tình tiết vụ việc trong đó nêu ra những thông tin đã được Ban Báo cáo thu thập, đồng thời đề xuất phương thức thi hành bản án trong đó có tính đến kinh nghiệm có được trong việc xử lý các hồ sơ hỗ trợ thi hành án hành chính. Tiểu ban này đề xuất áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ. Bản kết luận này được sử dụng trong nội bộ Toà án hành chính tối cao, các bên chỉ được biết một số yếu tố nếu chúng được trích dẫn trong bản kết luận của Ủy viên chính phủ. Đương nhiên, ý kiến của Tiểu ban chỉ có giá trị tham khảo chứ không ràng buộc hội đồng xét xử.

Tại Toà án hành chính sơ thẩm hay Toà án hành chính phúc thẩm

Điều L.911-4: Trong trường hợp bản án hành chính sơ thẩm hoặc phúc thẩm không được thi hành, các bên liên quan có thể yêu cầu toà án hành chính sơ thẩm hoặc toà án hành chính phúc thẩm đã ban hành bản án đó đảm bảo việc thi hành.

Tuy nhiên, nếu bản án hành chính sơ thẩm đã bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, thì đơn yêu cầu thi hành bản án phải được gửi cho toà án hành chính phúc thẩm.

Nếu các biện pháp thi hành không được quy định trong bản án hành chính sơ thẩm hoặc phúc thẩm đó, toà án thụ lý yêu cầu thi hành sẽ tiến hành xác định các biện pháp thi hành. Toà án này có thể ấn định thời hạn thi hành và áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ.

Toà án hành chính sơ thẩm hoặc phúc thẩm có thể chuyển đơn yêu cầu thi hành cho Toà án hành chính tối cao giải quyết.

Điều L.921-6: Nếu thấy cần thiết áp dụng các biện pháp thi hành bản án hành chính thông qua thủ tục giải quyết tranh chấp về thi hành án và đặc biệt là biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ, hoặc nếu nguyên đơn có yêu cầu trong thời hạn một tháng kể từ ngày tổng đạt quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu thi hành án ban hành theo quy định của khoản cuối điều L.921-5 và, trong mọi trường hợp, khi hết thời hạn 6 tháng tính từ ngày toà án thụ lý, Chánh án Toà án hành chính phúc thẩm hoặc sơ thẩm ra quyết định mở thủ tục giải quyết tranh chấp về thi hành án hành chính. Quyết định này không thể kháng cáo, kháng nghị. Vụ việc sẽ được

điều tra và giải quyết theo thủ tục xét xử nhanh. Nếu Hội đồng xét xử ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải ấn định ngày quyết định đó bắt đầu có hiệu lực.

Các văn bản được áp dụng đối với toà án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm không khác nhiều so với các văn bản áp dụng đối với Toà án hành chính tối cao, về thủ tục hoà giải trong giai đoạn thi hành bản án hành chính thông qua toà án. Có thể thấy rằng điều L.911-4 hoàn toàn đặt trong bối cảnh thủ tục thi hành bản án thông qua toà án, nhưng giai đoạn hoà giải cũng đã được đưa vào trong số các biện pháp thi hành bản án. Trong giai đoạn hoà giải, chánh án hoặc báo cáo viên được chỉ định làm hoà giải phải thực hiện tất cả các biện pháp hỗ trợ thi hành án mà mình cho là có ích (điều R.931-5). Giai đoạn này chấm dứt trong ba trường hợp: Sau sáu tháng mà hoà giải không thành thì vụ việc đương nhiên chuyển sang giai đoạn giải quyết tranh chấp; vụ việc cũng được chuyển sang giai đoạn giải quyết tranh chấp nếu chánh án cho là cần thiết (ví dụ, để áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ, nếu bản án không quy định biện pháp này); nếu đương sự không chấp nhận quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu thi hành án đã được dự trù và do đó, trái với ý kiến của toà án, đương sự cho rằng phán quyết của toà án vẫn chưa được thi hành đầy đủ. Khi đó, toà án sẽ ra quyết định chính thức bắt đầu giai đoạn giải quyết tranh chấp về thi hành án; quyết định này không thể kháng cáo, kháng nghị. Giai đoạn giải quyết tranh chấp về thi hành án chỉ có thể kết thúc bằng một bản án.

Giai đoạn "hoà giải" trong quá trình thực hiện các biện pháp hỗ trợ thi hành án thuộc thẩm quyền giải quyết của chánh án toà án đã thụ lý hoặc của thẩm phán được chỉ định phụ trách việc này. Thực tiễn ở các toà án khác nhau có vẻ rất đa dạng: Đôi khi, việc này hoàn toàn do chánh án phụ trách với sự hỗ trợ của một vài người giúp việc hoặc của một thẩm phán phụ trách theo dõi các phán quyết của toà án; đôi khi lại được thực hiện theo cơ chế "phân quyền" (báo cáo viên, hoặc uỷ viên chính phủ phụ trách vụ việc có liên quan).

Thời hạn 6 tháng nói trên (sau sáu tháng hoà giải không thành thì vụ việc đương nhiên chuyển sang giai đoạn tranh chấp) nhiều khi bị chỉ trích vì nặng tính hành chính, vì đôi khi mặc dù việc thi hành án chưa hoàn thành nhưng đang trong quá trình thực hiện. Theo ý kiến đa số, nên có quan điểm mềm dẻo hơn về mốc chuyển đổi giai đoạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc giải quyết các khó khăn về thi hành án mà không cần thông qua thủ tục giải quyết tranh chấp về thi hành án. Thủ tục giải quyết tranh chấp về thi hành án được bắt đầu theo quyết định của chánh án.

E. QUYỀN HẠN CỦA THẨM PHÁN THEO DÕI THI HÀNH ÁN

Giống như thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự, thẩm phán theo dõi thi hành án hành chính cũng có quyền hạn rất rộng trong việc quyết định áp dụng hay không áp dụng biện pháp phạt tiền do không thi hành án. Ngay cả

khi đã có tất cả các yếu tố cho phép áp dụng biện pháp này thì thẩm phán cũng không bắt buộc phải áp dụng. Ở đây có sự khác biệt rất cơ bản giữa cơ chế ban hành quyết định về biện pháp phạt tiền và ban hành lệnh thi hành. Như vậy, thẩm phán có toàn quyền xác nhận rằng việc thi hành bản án đang được tiến hành, mặc dù là việc thi hành vẫn còn chưa đầy đủ. Tuy nhiên, nguyên đơn có thể gửi một đơn yêu cầu thi hành án mới cho toà án nếu cho rằng bản án hành chính chưa được thi hành đầy đủ.

Bên cạnh đó, thẩm phán còn có quyền tự do đánh giá mức phạt tiền nếu bên có nghĩa vụ thi hành án không thi hành bản án. Trên thực tế, mức phạt rất khác nhau tùy theo từng vụ việc, từng lĩnh vực cụ thể. Thông thường, mức phạt được xác định căn cứ vào ngân sách của pháp nhân công có liên quan, không cần biết mức do nguyên đơn đề nghị là bao nhiêu. Không có barem nào được ấn định từ trước.

F. TOÀ ÁN TỰ RA QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC PHẠT TIỀN DO CHẬM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ

Toà án có thể tự mình ra quyết định về việc phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều R.931-7 của Bộ luật tổ chức toà án hành chính: *Khi Ban Báo cáo và Nghiên cứu được thông báo về những khó khăn trong việc thi hành bản án trong các trường hợp quy định tại khoản 1 điều R.931-2, chủ tịch của Ban này có thể yêu cầu Ban Tài phán xem xét khả năng ban hành quyết định về việc phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ.* Toà án hành chính tối cao phải đợi được thông báo về việc bản án hành chính không được thi hành, thông qua yêu cầu hỗ trợ thi hành án đã được gửi cho Ban Báo cáo và Nghiên cứu. Nếu các biện pháp hỗ trợ thi hành án không đem lại kết quả, thì thay cho bên nguyên đơn, chủ tịch Ban Báo cáo và Nghiên cứu yêu cầu chủ tịch Ban Tài phán ra quyết định về việc phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ. Chủ tịch Ban Tài phán sẽ ra quyết định mở thủ tục xem xét việc phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ. Thủ tục này có tính chất tranh tụng, vì quyết định mở thủ tục được tổng đạt cho các bên. Sau đó, vụ việc được xét xử theo thủ tục khẩn cấp. Quyết định về việc phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ do toà án hành chính đầu tiên tự ban hành là quyết định của Toà án hành chính tối cao, ngày 28 tháng 5 năm 2001.

G. QUYẾT ĐỊNH THỰC THI BIỆN PHÁP PHẠT TIỀN DO CHẬM THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc yêu cầu cơ quan Nhà nước thanh toán tiền phạt do chậm thi hành án chỉ thực sự có hiệu lực khi Tòa án ra quyết định mới về việc thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án, sau khi hết thời hạn thi hành bản án ban đầu. Ngược lại, nếu vào thời điểm quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án có hiệu lực mà cơ quan hành chính đã hoàn thành nghĩa vụ của mình thì thẩm phán có thể ra quyết định đình chỉ việc thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án. Cơ chế thực thi biện pháp phạt tiền do

chậm thi hành không thay đổi, dù quyết định phạt tiền được đưa ra bởi thẩm phán đã ra lệnh thi hành án hay được đưa ra theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ban báo cáo nghiên cứu, Tòa án Hành chính tối cao chịu trách nhiệm về công tác hỗ trợ thi hành trong khuôn khổ thực thi biện pháp phạt tiền. Nhìn chung, công tác này được tiến hành giống như công tác hỗ trợ thi hành khi quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền. Cụ thể, hồ sơ được chuyển từ Ban tài phán sang Ban báo cáo - nghiên cứu ngay khi có quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền. Sau khi hết thời hạn thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Ban báo cáo sẽ xem xét các điều kiện cần thiết và sau đó, chuyển hồ sơ về Ban tài phán để thực thi biện pháp phạt tiền (trong trường hợp cơ quan hành chính không thi hành bản án), hoặc để yêu cầu Ban này kiểm tra xem liệu có cần thiết phải thực thi biện pháp phạt tiền hay không (trong trường hợp cơ quan hành chính chậm thi hành bản án).

Tòa án có thẩm quyền thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án là Tòa án đã ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án. Điều này xuất phát từ quan điểm cho rằng quyết định thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án thực chất chỉ là một thủ tục tiếp nối sau thủ tục về việc áp dụng biện pháp phạt tiền. Do vậy, đây vẫn chỉ nằm trong phạm vi một vụ việc chứ không tạo thành một vụ việc mới. Yêu cầu thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án không phải là yêu cầu chính có hệ quả hình thành một hồ sơ mới.

Tuy nhiên, nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên thua kiện phải thanh toán chi phí tố tụng ngoài án phí mà mình đã chi trả khi tiến hành thủ tục yêu cầu thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án.

Người được thi hành án không có nghĩa vụ phải nộp đơn yêu cầu thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án ra Tòa án. Quyết định thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án có thể được Tòa án chủ động đưa ra. Điều này một lần nữa giải thích quan điểm cho rằng yêu cầu thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án chỉ là thủ tục kéo dài của yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án. Theo hướng đó, nếu nguyên đơn tuyên bố từ bỏ yêu cầu thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án thì tuyên bố này cũng chỉ được coi là quyết định từ chối hưởng tiền phạt thu được sau khi thực thi biện pháp phạt tiền của cá nhân nguyên đơn và không cản trở Tòa án ra quyết định thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án.

Pháp luật Pháp cho phép Tòa án ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền được tự do lựa chọn giữa hai loại quyết định: quyết định tạm thời về việc áp dụng biện pháp phạt tiền và quyết định chính thức về việc áp dụng biện pháp phạt tiền (Điều L. 911-6 và 911-7 Bộ luật tổ chức Tòa án hành chính).

Đối với loại quyết định thứ nhất, việc áp dụng biện pháp phạt tiền có thể thay đổi. Cụ thể, sau khi hết thời hạn thi hành án quy định đối với cơ quan hành chính, Tòa án có thể điều chỉnh mức tiền phạt trên cơ sở căn cứ vào ý thức thi

hành nghĩa vụ của cơ quan hành chính. Như vậy, Tòa án có thể tăng, giảm, thậm chí là xóa mức tiền phạt quy định trong quyết định tạm thời. Ngược lại, đối với loại quyết định chính thức, Tòa án sẽ xác định mức tiền phạt theo công thức số tiền phạt bằng tích của mức tiền phạt nhân với số ngày chậm thi hành án. Tòa án không thể thay đổi số tiền phạt quy định trong quyết định chính thức, trừ trường hợp việc không thi hành án là do sự kiện bất ngờ hoặc trong trường hợp bất khả kháng. Như vậy, có thể nói biện pháp phạt tiền chính thức là một phương thức gây áp lực đặc biệt hiệu quả. Với biện pháp này, cơ quan hành chính không thể trông chờ vào sự khoan dung của thẩm phán vào thời điểm thực thi biện pháp phạt tiền.

Theo quy định tại Điều L. 911-6, quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền sẽ mặc nhiên được coi là có quyết định tạm thời, trừ trường hợp Tòa án nói rõ đó là quyết định chính thức. Để đảm bảo quyền chủ động trong việc thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án, cho đến thời điểm này, Tòa án Hành chính tối cao chưa đưa ra bất kỳ quyết định chính thức nào. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng trong tương lai, Tòa án Hành chính tối cao sẽ không áp dụng biện pháp này khi bên có nghĩa vụ cố tình không thi hành nghĩa vụ hoặc khi cần thiết phải thực thi nhanh biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án.

Quyết định thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án có thể là quyết định tạm thời hoặc quyết định chính thức.

Ở đây, chúng ta cần phân biệt giữa tính chất chính thức hoặc tạm thời của quyết định thực thi biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án với tính chất của quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án. Cụ thể, dù quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền là quyết định chính thức hay quyết định tạm thời thì điều đó chỉ có ý nghĩa xác định xem liệu cơ quan hành chính đã thi hành quyết định của Tòa án hay chưa. Nếu cơ quan hành chính đã thi hành quyết định thì thẩm phán có thể ra quyết định chính thức thực thi biện pháp phạt tiền. Trong trường hợp ngược lại, thẩm phán ra quyết định thực thi tạm thời biện pháp phạt tiền với số tiền phạt được tính từ khi hết thời hạn thi hành án cho đến thời điểm ra quyết định thực thi biện pháp phạt tiền. Sau đó, biện pháp phạt tiền vẫn tiếp tục được áp dụng với cơ quan hành chính cho đến khi cơ quan này thi hành xong bản án. Như vậy, Tòa án có thể ra nhiều quyết định thực thi tạm thời biện pháp phạt tiền cho đến khi bản án được thi hành xong.

Về bản chất, quyết định thực thi biện pháp phạt tiền luôn là một sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với việc thi hành bản án, khi bản án không được đảm bảo thi hành trên thực tế. Trước khi Tòa án ra quyết định thực thi biện pháp phạt tiền, cơ quan hành chính không thể bị phạt tiền. Nhưng sau khi Tòa án ra quyết định này, cơ quan hành chính hoàn toàn có thể phải nộp phạt do chậm thi hành án. Như vậy, điểm mấu chốt mà thẩm phán cần phải xem xét

trước khi ra quyết định tạm thời hay chính thức thực thi biện pháp phạt tiền, đó là bản án đã được thi hành hay chưa.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng thẩm phán ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền có quyền tự do nhất định trong việc đánh giá các tình tiết trong từng trường hợp cụ thể. Do vậy, có thể nói, thẩm phán không bao giờ bị bắt buộc phải ra quyết định thực thi biện pháp phạt tiền nếu quyết định đó không phải là quyết định chính thức. Ví dụ: sau khi tiếp nhận thực thi biện pháp phạt tiền, thẩm phán sẽ tự mình xem xét các tình tiết cụ thể và có thể bác yêu cầu điều chỉnh mức tiền phạt.

Tương tự như vậy, nếu cơ quan hành chính chỉ chậm thi hành bản án trong một thời gian không đáng kể hoặc chứng minh rằng mình không thể đảm bảo tuân thủ thời hạn thi hành án đã quy định thì thẩm phán cũng sẽ xem xét và có quyết định phù hợp. Trong mọi trường hợp, thẩm phán đều tính đến thời gian kể từ khi ra quyết định, bản án đầu tiên cho đến khi ra quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành bản án, quyết định đó. Bởi vì thực tế cũng xảy ra trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền được đưa ra rất lâu sau khi tuyên bản án gốc. Khi đó, thẩm phán thường tỏ ra nghiêm khắc hơn khi quyết định thực thi biện pháp phạt tiền.

Nếu bản án được thi hành trong thời hạn quy định trong quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền thì thẩm phán sẽ ra quyết định đình chỉ thực thi biện pháp phạt tiền. Thẩm phán cũng ra quyết định đình chỉ trong trường hợp việc thi hành bản án chậm không đáng kể so với thời hạn quy định. Tuy nhiên, trong bản án gần đây nhất, thẩm phán đã tỏ ra chặt chẽ hơn trong vấn đề xác định thời gian chậm trễ.

Cần lưu ý rằng nếu có các tình tiết cho phép kết luận rằng bản án chưa được thi hành thì dù Tòa án đã ra quyết định đình chỉ thực thi biện pháp phạt tiền, biện pháp này vẫn có thể được thực thi trên thực tế.

Bản án được coi là đã được thi hành kể từ thời điểm Tòa án gửi thông báo về việc thi hành án cho nguyên đơn, chứ không phải là kể từ thời điểm ra quyết định.

Nếu thẩm phán nhận thấy bản án chưa được thi hành thì sẽ ra quyết định thực thi tạm thời biện pháp phạt tiền. Trong trường hợp cần thiết, thẩm phán có thể ra thêm một quyết định thực thi biện pháp phạt tiền khác, sau đó vài tháng và cứ như vậy cho đến khi bản án ban đầu được thi hành xong. Thậm chí, Tòa án Hành chính tối cao còn cho rằng thẩm phán hành chính có thể tăng mức tiền phạt nếu nhận thấy cơ quan hành chính có thái độ ngoan cố không thi hành sau khi thẩm phán đã ra quyết định thực thi tạm thời biện pháp phạt tiền đầu tiên¹¹.

Về nguyên tắc, thi hành một phần nghĩa vụ đồng nghĩa với không thi hành nghĩa vụ¹². Do vậy, quyết định thực thi tạm thời biện pháp phạt tiền vẫn là

¹¹ CE, 22-11-1999, Vụ Lothar, số 141 236.

¹² CE, 22-3-1999, Vụ Bergeron, số 145-048.

thủ tục phù hợp nhất để buộc một cơ quan hành chính thi hành nghĩa vụ. Việc cơ quan hành chính thi hành một phần nghĩa vụ có thể là một tình tiết để điều chỉnh mức tiền phạt được quy định trong quyết định thực thi tạm thời biện pháp phạt tiền.

Thẩm phán cũng có thể hủy quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền ban đầu và ra quyết định mới tương ứng với phần nghĩa vụ chưa được thực hiện, đồng thời quy định một thời hạn mới cho cơ quan hành chính.

Tòa án Hành chính tối cao cũng chấp nhận trường hợp nguyên đơn quyết định hủy yêu cầu áp dụng biện pháp phạt tiền, sau khi nguyên đơn và cơ quan hành chính tiến hành hòa giải, dù nhìn từ góc độ pháp lý, bản án vẫn chưa được thi hành. Trong trường hợp này, nguyên đơn không được khôi phục các quyền của mình nhưng được bồi thường về việc bản án không được thi hành, trong trường hợp bản án không thể thi hành.

Nhìn chung, không phải trong mọi trường hợp nguyên đơn đều nhận được toàn bộ số tiền phạt. Tòa án có thể quyết định một phần số tiền phạt sẽ được nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, việc áp dụng Điều L. 921-8 cũng gặp một số khó khăn nhất định, đặc biệt là trong trường hợp bị đơn là Nhà nước. Trong trường hợp này, xu hướng chung hiện nay là không nộp vào ngân sách Nhà nước khoản tiền phạt mà tìm một giải pháp khác phù hợp hơn.

Theo quy định tại Điều R. 921-7 và R. 931-8 Bộ luật tổ chức Tòa án hành chính, để thực thi biện pháp phạt tiền, Tòa án phải gửi bản sao quyết định phạt tiền và bản sao quyết định yêu cầu thanh toán tiền phạt đến Viện Công tố bên cạnh Tòa án kỷ luật ngân sách và tài chính.

H. THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐƯỢC TUYÊN THEO THỦ TỤC CẤP THẨM

Cũng như thẩm phán xét xử về mặt nội dung, thẩm phán hành chính xét xử các vấn đề có tính chất khẩn cấp tạm thời có thể ra lệnh thi hành án và quyết định về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thi hành án. Nhìn từ góc độ thi hành án, bản án, quyết định của Tòa án được tuyên theo thủ tục cấp thẩm có nhiều điểm giống với bản án, quyết định của Tòa án xét xử về mặt nội dung. Tuy nhiên, do có nhiều thủ tục cấp thẩm khác nhau, nhiều phương thức kháng cáo, kháng nghị khác nhau, đồng thời, do quyết định được đưa ra theo thủ tục cấp thẩm chỉ có tính chất tạm thời, không có hiệu lực quyết tụng và cuối cùng, do tính chất khẩn cấp của vụ việc, nên việc định nghĩa cũng như thi hành bản án, quyết định được đưa ra theo thủ tục cấp thẩm có một số khó khăn nhất định.

I. THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

Nếu căn cứ vào quy định tại Điều L. 911-1 Bộ luật tổ chức Tòa án hành chính, thẩm phán hành chính nhận được yêu cầu ra quyết định về việc áp dụng các biện pháp nhằm hủy quyết định ưu tiên mua, thì sau khi triệu tập một hoặc các bên tham gia việc mua bán ban đầu đã vắng mặt tại Tòa (nếu cần thiết), xem xét lợi ích của các bên và xác định rằng việc khôi phục lại tình trạng ban đầu không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung, thẩm phán hành chính có thể yêu cầu cơ quan ra quyết định ưu tiên mua đã bị hủy phải áp dụng các biện pháp quy định trên đây trong phạm vi yêu cầu mà Tòa án đã thụ lý.

Ngược lại, nếu tài sản ưu tiên mua đã được bán lại thì theo quy định pháp luật hiện hành, Tòa án hành chính không được quyết định áp dụng những biện pháp nhằm xử lý việc bán lại tài sản, nếu Tòa án chỉ nhận được yêu cầu ra quyết định hủy việc ưu tiên mua. Bởi vì, xử lý việc bán lại tài sản ưu tiên mua là một tranh chấp khác liên quan đến tính hợp pháp của quyết định bán lại tài sản, chứ không liên quan đến việc khắc phục hệ quả của quyết định ưu tiên mua đã bị hủy.

THỦ TỤC THI HÀNH ÁN NGHĨA VỤ TRẢ TIỀN

A. Các quy định hiện hành

Điều L.911-9 Bộ luật tổ chức tòa án hành chính: Trong trường hợp bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật yêu cầu một pháp nhân công pháp trả một khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó, thì áp dụng quy định tại Điều 1 của Luật số 80-539 ngày 16 tháng 7 năm 1980 được trích lại sau đây:

Điều 1 Luật số 80-539 ngày 16/7/1980 về việc áp dụng biện pháp phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trong lĩnh vực hành chính và việc thi hành án của pháp nhân công pháp

I. Trong trường hợp bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật yêu cầu Nhà nước trung ương trả một khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó, thì lệnh chi khoản tiền đó phải được ban hành trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thông báo bản án, quyết định của tòa án.

Nếu khoản chi được trừ vào nguồn kinh phí hạn định và không đủ để chi trả toàn bộ, thì người có thẩm quyền ra lệnh chi trong phạm vi kinh phí sẵn có. Việc cấp kinh phí bổ sung được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh số 59-2 ngày 2 tháng 1 năm 1959 về ngân sách nhà nước. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền phải ra lệnh chi bổ sung trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án, quyết định của tòa án.

Nếu quá thời hạn quy định tại các đoạn trên mà không có lệnh chi thì kế toán thừa hành phải thực hiện việc trả tiền theo yêu cầu của người được thi hành án và căn cứ vào bản án, quyết định của tòa án được xuất trình.

II. Trong trường hợp bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật yêu cầu một chính quyền địa phương hoặc tổ chức công lập trả một khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó, thì người có thẩm quyền phải ra lệnh chi hoặc ủy nhiệm chi khoản tiền đó trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án, quyết định của tòa án. Nếu trong thời hạn đó mà không có lệnh chi hoặc ủy nhiệm chi, thì người đại diện của Nhà nước trung ương tại tỉnh¹³ hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập chủ động tiến hành ủy nhiệm chi.

Trong trường hợp kinh phí không đủ để chi trả, người đại diện của Nhà nước trung ương tại tỉnh hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập gửi cho chính quyền địa phương hoặc tổ chức công lập văn bản yêu cầu tạo nguồn kinh phí cần thiết; nếu cơ quan quyền lực của địa phương hoặc của tổ chức công lập không cấp hoặc tạo nguồn kinh phí đó, thì người đại diện của Nhà nước trung ương tại tỉnh hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập tiến hành cấp kinh phí và chủ động ủy nhiệm chi, nếu cần.

III. Chủ tài khoản của chính quyền địa phương hoặc của tổ chức công lập ở địa phương có trách nhiệm lập bản kê để thu hồi nợ theo quy định của một bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án, quyết định đó.

Nếu bản kê không được lập trong thời hạn nêu trên, người đại diện của Nhà nước trung ương gửi cho chính quyền địa phương hoặc tổ chức công lập ở địa phương văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đó trong thời hạn 1 tháng; nếu chủ tài khoản của chính quyền địa phương hoặc của tổ chức công lập ở địa phương vẫn không lập, thì đại diện của Nhà nước trung ương chủ động lập bản kê cần thiết để thu hồi khoản nợ tương ứng.

Trong trường hợp chủ tài khoản của chính quyền địa phương hoặc của tổ chức công lập ở địa phương đã lập bản kê sau khi có văn bản yêu cầu của người đại diện của Nhà nước trung ương, thì người đại diện của Nhà nước trung ương vẫn có thể cho phép kế toán tiến hành các biện pháp truy thu nợ nếu chủ tài khoản của chính quyền địa phương hoặc của tổ chức công lập không tiến hành các biện pháp đó.

Bản kê để thu hồi nợ do người đại diện của Nhà nước trung ương chủ động lập được gửi cho kế toán của chính quyền địa phương hoặc của tổ chức công lập ở địa phương để theo dõi và thu hồi nợ, đồng thời gửi cho chính quyền địa phương hoặc tổ chức công lập ở địa phương để ghi sổ thu chi ngân sách và vào sổ kế toán.

¹³ Tỉnh trưởng

Điều L.911-10 Bộ luật tổ chức tòa án hành chính: Trong trường hợp bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật yêu cầu một pháp nhân công pháp trả một khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó, thì áp dụng quy định tại Điều L.313-12 của Bộ luật tổ chức tòa án trong lĩnh vực tài chính.

Điều 313-12 Bộ luật tổ chức tòa án trong lĩnh vực tài chính: Nếu vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 của Điều 1 Luật số 80-539 ngày 16/7/1980 về việc áp dụng biện pháp pháp phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trong lĩnh vực hành chính và việc thi hành án của pháp nhân công pháp, thì những người quy định tại Điều L.312-1 Bộ luật này sẽ bị phạt tiền theo quy định tại Điều L.313-1 Bộ luật này.

Thủ tục cưỡng chế thi hành án nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 1 Luật ngày 16/7/1980 là thủ tục mang tính chất hành chính và kế toán mà không cần có sự can thiệp của tòa án.

Thủ tục này được áp dụng khi có đủ 2 điều kiện sau:

Điều kiện thứ nhất liên quan đến tính chất của bản án, quyết định của tòa án cần thi hành: đó phải là bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, tức là bản án, quyết định cuối cùng¹⁴.

Điều kiện thứ hai liên quan đến nội dung của bản án, quyết định cần thi hành: bản án, quyết định của tòa án phải nêu rõ giá trị khoản tiền mà pháp nhân công pháp phải trả. Thủ tục này có lẽ sẽ không được áp dụng trong trường hợp bản án, quyết định của tòa án không nêu rõ số tiền phải trả là bao nhiêu, mà chỉ yêu cầu các bên ra chính quyền để xác định số tiền đó theo các nguyên tắc quy định tại bản án, quyết định của tòa án.

B. Nghĩa vụ trả tiền của Nhà nước trung ương

Bộ trưởng nào nhận được thông báo về bản án, quyết định của tòa án trong đó yêu cầu Nhà nước trung ương trả một khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó thì phải làm thủ tục ra lệnh chi khoản tiền đó trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo. Điều này thường không đặt ra vấn đề gì nếu như các mục ngân sách nhà nước dành để trả nợ theo bản án, quyết định của tòa án thuộc loại kinh phí ước tính.

Do đó, pháp luật yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước phải chủ động (chứ không đợi đến khi người được thi hành án có yêu cầu) ra lệnh chi số tiền mà tòa án tuyên Nhà nước phải trả. Ngoài ra, pháp luật còn quy định một biện pháp bảo đảm dành cho người được thi hành án: nếu trong thời hạn nêu trên mà không có lệnh chi thì kế toán thừa hành phải thực hiện việc trả tiền theo

¹⁴ Bản án, quyết định của tòa án hành chính sơ thẩm không thể kháng cáo kháng nghị, bản án, quyết định của tòa án xét xử chung thẩm (các tòa án hành chính phúc thẩm, các tòa án xử lý kỷ luật phúc thẩm) và bản án, quyết định của Tòa án hành chính tối cao.

yêu cầu của người được thi hành án và căn cứ vào bản án, quyết định của tòa án được xuất trình. Nói một cách khác, sự thiếu trách nhiệm của người có thẩm quyền ra lệnh chi có thể được khắc phục bằng việc kế toán thừa hành có nghĩa vụ trả tiền trên cơ sở căn cứ vào bản án, quyết định của tòa án, vì bản án, quyết định của tòa án được coi là giấy tờ chứng minh quyền đòi nợ của người được thi hành án.

Quy định trên của pháp luật xem ra khó thực hiện hơn trong trường hợp khoản chi được tính vào mục kinh phí hạn định và nguồn kinh phí này không đủ để chi trả toàn bộ. Khi đó, lệnh chi phải được ban hành trong phạm vi nguồn kinh phí sẵn có và cơ quan nhà nước có thêm 2 tháng để ra lệnh chi bổ sung sau khi đã được cấp kinh phí bổ sung. Trong trường hợp nguồn kinh phí hạn định không đủ thì kế toán sẽ không được quyền chi trả khi không có lệnh chi.

C. Nghĩa vụ trả tiền của chính quyền địa phương và tổ chức công lập

Chính quyền địa phương nào là người phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền thì phải tiến hành ủy nhiệm chi hoặc ra lệnh chi khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo. Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp chính quyền địa phương không thực hiện nghĩa vụ này, người đại diện của Nhà nước trung ương tại tỉnh hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập chủ động tiến hành ủy nhiệm chi. Luật cũng quy định rõ rằng nếu kinh phí ngân sách không đủ thì người đại diện của Nhà nước trung ương tại tỉnh hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập gửi cho chính quyền địa phương hoặc tổ chức công lập văn bản yêu cầu tạo nguồn kinh phí cần thiết. Nếu cơ quan quyền lực của địa phương hoặc của tổ chức công lập không cấp hoặc tạo nguồn kinh phí đó, thì người đại diện của Nhà nước trung ương tại tỉnh hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập tiến hành cấp kinh phí và chủ động ủy nhiệm chi, nếu cần.

Người được thi hành án, tùy từng trường hợp, phải yêu cầu tỉnh trưởng hoặc cơ quan chủ quản của tổ chức công lập tiến hành thủ tục chủ động ủy nhiệm chi nhằm cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền.

Thực tiễn xét xử cho thấy nếu tỉnh trưởng không thực hiện hoặc chậm thực hiện những nghĩa vụ của mình (quy định tại Luật ngày 16/7/1980) trong việc yêu cầu chính quyền địa phương phải thi hành án trả tiền, thì lỗi của tỉnh trưởng là lỗi nặng, có thể dẫn đến truy cứu trách nhiệm bồi thường nhà nước. Thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của tỉnh trưởng gây ra được tính riêng với thiệt hại mà chính quyền địa phương phải bồi thường theo bản án, quyết định của tòa án. Nhà nước phải bồi thường thiệt hại phát sinh do việc chậm thanh toán khoản tiền theo quyết định của tòa án, tính từ ngày lẽ ra tỉnh trưởng phải ra quyết định ủy nhiệm chi khoản tiền đó thay cho chính quyền địa phương (vì chính quyền địa phương không chi trả). Thiệt hại này phải được xác định trên cơ sở tiền lãi chậm trả tính trên số tiền mà tòa án tuyên cho chính quyền địa phương phải trả.

D. Bản án Lothar

Tòa án đã căn cứ vào Điều 1 Luật ngày 16/7/1980: trong trường hợp chính quyền địa phương hoặc tổ chức công lập không chấp hành bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà theo đó họ phải trả một khoản tiền quy định tại bản án, quyết định đó, thì người được thi hành án có quyền yêu cầu tỉnh trưởng chủ động ủy nhiệm chi khoản tiền đó; vì vậy, Tòa án không chấp nhận đề nghị của nguyên đơn (người được thi hành án) với nội dung yêu cầu tòa án ra lệnh buộc người phải thi hành án trả tiền¹⁵.

Bản án "Lothar" là bản án được tuyên trong vụ nguyên đơn yêu cầu tòa án ra lệnh cưỡng chế trả tiền. Liệu có thể mở rộng án lệ này để áp dụng đối với trường hợp liên quan đến thủ tục thi hành án sau khi đã có sự can thiệp của tòa án hay không? Vấn đề này có thể được đặt ra. Do những quy định của Điều 1 Luật ngày 16/7/1980 thường bị người dân, luật sư tư vấn của họ và thậm chí cả mạng lưới Kho bạc bỏ qua, cho nên trên thực tế, nếu không được trả tiền theo quy định của một bản án, quyết định hành chính thì người dân có thể yêu cầu áp dụng thủ tục hỗ trợ thi hành án (với tính chất không phải là thủ tục xét xử) và yêu cầu này sẽ không bị từ chối.

Tuy nhiên, trước khi tiến hành thủ tục hỗ trợ thi hành án, Ban Báo cáo Nghiên cứu của Tòa án hành chính tối cao sẽ đề nghị người được thi hành án thực hiện thủ tục thi hành án nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật. Chỉ trong trường hợp việc thực hiện thủ tục thi hành án nghĩa vụ trả tiền gặp thất bại, và căn cứ vào lý do dẫn đến thất bại, thì Ban Báo cáo - Nghiên cứu mới can thiệp.

E. Phạt tiền

Theo quy định tại Điều L.911-10 của Bộ luật tổ chức tòa án hành chính, Điều 313-12 của Bộ luật tổ chức tòa án trong lĩnh vực tài chính được áp dụng đối với trường hợp bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật tuyên một pháp nhân công pháp phải trả một khoản tiền theo quy định tại bản án, quyết định đó.

Biện pháp chế tài ở đây là chế tài được quy định tại Điều L.313-1 của Bộ luật tổ chức tòa án trong lĩnh vực hành chính: "*Người được quy định tại Điều L.312-1 mà cam kết chi không trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc hiện hành về kiểm tra tài chính trong việc cam kết chi thì sẽ bị phạt tiền, tối thiểu không dưới 1000 phơ-răng và tối đa có thể bằng giá trị tiền công hoặc tiền lương năm trước thuế của người đó tính vào ngày cam kết chi trái quy định.*"

Theo Điều L.314-1 của Bộ luật này, người được thi hành án có quyền thông qua Viện Công tố, đưa vụ việc ra Tòa án Kỳ luật ngân sách giải quyết đối với những hành vi quy định tại Điều L.313-12. Như vậy, nếu người được thi hành án bị một công chức hoặc một đại biểu dân cử địa phương từ chối áp dụng

¹⁵ Bản án Lothar của Tòa án hành chính tối cao ngày 6/5/1998.

Điều 1 Luật ngày 16/7/1980, thì có thể yêu cầu Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa án Kỳ luật ngân sách tiến hành truy tố phạt tiền đối với người có hành vi vi phạm. Cho đến nay, các vụ việc mà người được thi hành án có thể đưa ra Tòa án Kỳ luật ngân sách, về cơ bản đều đã được Viện Công tố giải quyết, vì Viện Công tố đã lấy thủ tục truy tố ra tòa để tác động, khiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thanh toán các khoản tiền nợ.

Bản sao lưu trữ

GIỚI THIỆU DỰ THẢO BỘ LUẬT THI HÀNH ÁN CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Bình

*Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự-Kinh tế
Bộ Tư Pháp
Việt Nam*

I. Sự cần thiết ban hành Bộ luật Thi hành án

1. Thực trạng công tác thi hành án dân sự

1.1. Pháp lệnh thi hành án dân sự được Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá IX thông qua ngày 21 tháng 4 năm 1993, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 1993. Trên cơ sở Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993, hệ thống các cơ quan thi hành án dân sự đã được xây dựng trong cả nước, từng bước đưa công tác thi hành án dân sự đi vào nề nếp, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động thi hành án, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và trật tự, kỷ cương trong xã hội. Do được ban hành trong điều kiện khẩn trương nhằm kịp thời triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về bàn giao công tác thi hành án dân sự từ Tòa án sang Chính phủ, nên Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 chỉ quy định những nội dung liên quan đến thẩm quyền của cơ quan quản lý công tác thi hành án và cơ quan thi hành án, những thủ tục cơ bản về thi hành án dân sự. Qua hơn 10 năm thực hiện, nhiều quy định của Pháp lệnh đã không còn phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội hiện nay, không theo kịp với đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nhiều vấn đề vướng mắc về cơ chế quản lý, mô hình tổ chức, thủ tục thi hành án chưa được giải quyết.

Để kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc trong thi hành án dân sự, ngày 14 tháng 01 năm 2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh thi hành án dân sự mới sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan đến trình tự và thủ tục thi hành án dân sự để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thi hành án.

1.2. Tồn tại lớn hiện nay trong thi hành án dân sự là:

- a) án tồn đọng không có điều kiện thi hành chiếm tỷ lệ khá lớn, đặc biệt là thi hành án dân sự trong các vụ án hình sự;
- b) Một số bản án được tuyên chưa sát với thực tế nên quá trình thi hành án gặp nhiều vướng mắc; thiếu sự đồng bộ của pháp luật thi hành án với pháp luật khác; Tòa án chậm giải quyết vướng mắc, tranh chấp phát sinh trong thi hành án;

- c) Thiếu sự gắn kết quản lý thi hành án phạt tù với thi hành án dân sự trong các vụ án hình sự từ khâu điều tra, truy tố, xét xử, tù giam, xét giảm án;
- d) Chậm phát triển xã hội hoá thi hành án dân sự; vướng mắc về hỗ trợ cưỡng chế thi hành án; chưa có cơ chế bồi thường thiệt hại gây ra trong thi hành án dân sự.

2. Thực trạng công tác thi hành án hình sự

2.1. Về trách nhiệm quản lý thi hành án hình sự, theo quy định hiện hành thì Bộ Công an có chức năng quản lý nhà nước về thi hành án hình sự. Về cơ quan thi hành án hình sự, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, trách nhiệm thi hành án hình sự được giao cho nhiều cơ quan:

- a) Hình phạt tử hình do Hội đồng thi hành án tử hình (do Chánh án Toà án đã xử sơ thẩm ra quyết định thành lập) thi hành;
- b) Hình phạt trục xuất, phạt tù có thời hạn, tù chung thân do cơ quan công an thi hành;
- c) Hình phạt tù cho hưởng án treo; cải tạo không giam giữ do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc theo dõi, giám sát;
- d) Hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm một số chức vụ hoặc cấm làm một số nghề nhất định, biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, nơi thi hành án đảm nhiệm;
- e) Quyết định bắt buộc chữa bệnh do cơ sở chuyên khoa y tế thi hành; biện pháp đưa người chưa thành niên phạm tội vào trường giáo dưỡng do cơ quan công an thi hành;
- f) Hình phạt tiền, tịch thu tài sản do cơ quan thi hành án dân sự thi hành; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giúp chấp hành viên trong việc thi hành án; trong trường hợp phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thì cơ quan công an và các cơ quan hữu quan khác có nhiệm vụ phối hợp;
- g) Việc thi hành các bản án và quyết định của Toà án quân sự do các tổ chức trong quân đội đảm nhiệm, trừ hình phạt trục xuất.

2.2. Thực tế cho thấy, cơ chế phân công nhiệm vụ thi hành án hình sự có một số điểm bất hợp lý như sau:

- a) Việc thi hành án hình sự do nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện làm cho quá trình thi hành án hình sự thiếu tập trung, đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động;
- b) Về thẩm quyền ra quyết định thi hành án, theo quy định tại khoản 3 Điều 226 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Chánh án Toà án nhân dân đã xử sơ thẩm

ra quyết định thi hành án hoặc uỷ thác cho Toà án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án. Tuy nhiên, do khối lượng công việc xét xử lớn, nên việc ra quyết định thi hành án của Toà án thường chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động thi hành án;

- c) Quy định về việc Toà án có thẩm quyền ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành hình phạt tù; giảm thời hạn, miễn chấp hành hình phạt tù làm nảy sinh mâu thuẫn là Toà án không theo dõi việc thi hành án, nhưng lại ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ, miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, còn cơ quan trực tiếp quản lý thì không có thẩm quyền này, tạo ra sự phức tạp trong thực thi vì trại giam ở xa Toà án nên các cơ quan phải mất nhiều thời gian chuyển các giấy tờ thi hành án.

2.3. Ngoài ra, trong công tác thi hành án hình sự, cũng tồn tại một số điểm vướng mắc, bất cập lớn sau đây:

- a) Về thi hành hình phạt tử hình, hiện nay còn thiếu quy định về thời hạn Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phải gửi ý kiến về việc xin ân giảm của người bị kết án tử hình lên Chủ tịch nước. Do chưa được quy định đầy đủ nên bản án tử hình thường chậm thi hành; làm phát sinh một số vướng mắc, khó khăn trong thi hành án tử hình. Phương thức tử hình bằng hình thức xử bắn cũng cần được nghiên cứu thích hợp; vấn đề pháp trường, mai táng, cho hoặc không cho gia đình nhận thi thể của phạm nhân là những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn cần được giải quyết;
- b) Pháp luật về thi hành hình phạt tù còn thiếu quy định về thời hạn Toà án phải gửi bản sao bản án, quyết định hình sự, quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án; việc phân loại trại giam chưa phù hợp với Bộ luật hình sự năm 1999; thiếu các quy định về thi hành hình phạt tù đối với phạm nhân là người nước ngoài, chế độ giam giữ phạm nhân nghiện ma tuý, phạm nhân nhiễm HIV/AIDS và việc phòng, chống HIV/AIDS, cai nghiện trong trại giam chưa được quy định rõ ràng, thiếu một số quy định cần thiết đối với phạm nhân nữ. Chế độ dạy nghề, sử dụng lao động của phạm nhân trong các trại giam chưa hợp lý, chưa tạo điều kiện cho phạm nhân tái hoà nhập cộng đồng sau khi ra tù;
- c) Việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm một số chức vụ hoặc cấm làm một số nghề nhất định cũng còn bất cập do công tác theo dõi, giám sát, quản lý người bị kết án bị phân tán, buông lỏng; thiếu quy định về thủ tục xoá án tích thi hành án hình sự không phải phạt tù.

3. Thực trạng thi hành án dân sự và thi hành án hình sự cho thấy:

Thứ nhất, Pháp luật về thi hành án quy định trong nhiều văn bản còn thiếu cụ thể, không bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất.

Về thi hành án dân sự, cho đến nay văn bản có tính pháp lý cao nhất là Pháp lệnh thi hành án dân sự được Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá IX thông qua ngày 21 tháng 4 năm 1993, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 1993. Tuy nhiên, do được ban hành trong điều kiện khẩn trương nhằm kịp thời triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về bàn giao công tác thi hành án dân sự từ Tòa án sang Chính phủ, nên Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 chỉ quy định những nội dung liên quan đến thẩm quyền của cơ quan quản lý công tác thi hành án và cơ quan thi hành án, những thủ tục cơ bản về thi hành án dân sự. Qua hơn 10 năm thực hiện, nhiều quy định của Pháp lệnh đã không còn phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội hiện nay, không theo kịp với đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nhiều vấn đề vướng mắc về cơ chế quản lý, mô hình tổ chức, thủ tục thi hành án chưa được giải quyết. Do vậy, ngày 14 tháng 01 năm 2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh thi hành án dân sự để sửa đổi quy định về một số vấn đề tổ chức, về trình tự và thủ tục thi hành án nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thi hành án. Tuy nhiên, Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 được ban hành trong bối cảnh Quốc hội đã có kế hoạch xây dựng Bộ luật thi hành án điều chỉnh thống nhất công tác thi hành án nên Pháp lệnh này chỉ chủ yếu tạo cơ sở pháp lý để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trước mắt trong việc giải quyết án tồn đọng mà chưa giải quyết một cách cơ bản những khó khăn, vướng mắc trong cơ chế quản lý, mô hình tổ chức, thủ tục thi hành án dân sự nói chung và các loại án kinh tế, lao động nói riêng.

Về thi hành án hình sự, cho đến nay, chúng ta đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về vấn đề này như: Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Pháp lệnh thi hành án phạt tù 1993; Nghị định số 60/CP 1993 của Chính phủ ban hành Quy chế trại giam; Nghị định số 59/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội; Nghị định số 60/2000/ NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo; Nghị định số 52/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng; Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế; Nghị định số 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất. Ngoài ra, trong thời gian qua các cơ quan hữu quan cũng đã ban hành một số thông tư, quyết định liên quan đến chế độ sinh hoạt, cải tạo của phạm nhân, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù,... Tuy nhiên, những văn bản này được ban hành từ trước nên có nhiều quy định không còn phù hợp, thậm chí mâu thuẫn với các quy định mới, cần phải được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Về thi hành án hành chính, hiện nay các quyết định về tài sản, quyền tài sản trong các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính được thi hành theo Pháp lệnh thi hành án dân sự. Còn việc thi hành các phán quyết của Tòa án hành chính không liên quan đến tài sản thì cho đến nay về mặt thể chế, chúng ta chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào điều chỉnh ngoài một điều quy định trong Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (Điều 74), trong đó chỉ quy định cá nhân, cơ quan nhà nước, tổ chức có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành; Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thi hành án hành chính và trong trường hợp cần thiết có quyền buộc phải chấp hành quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.

Thứ hai, tình trạng thiếu tập trung, thống nhất trong công tác quản lý thi hành án. Hoạt động thi hành án hiện nay do nhiều cơ quan chức năng khác nhau quản lý, tổ chức thực hiện: Bộ Công an quản lý việc thi hành án phạt tù, tử hình và trục xuất; Bộ Quốc phòng tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án quân sự (kể cả bản án, quyết định hình sự và dân sự); Bộ Tư pháp quản lý và tổ chức thi hành án dân sự. Như vậy, theo quy định hiện hành thì ở nước ta có hai cơ quan của Chính phủ đồng thời quản lý công tác thi hành án hình sự với hai hệ thống trại giam hoàn toàn độc lập và hai cơ quan của Chính phủ đồng thời quản lý công tác thi hành án dân sự. Điều này không thể tránh khỏi sự thiếu tập trung, thống nhất trong công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành công tác thi hành án.

Bên cạnh đó, việc thiếu một cơ quan để quản lý thống nhất việc thi hành, chấp hành các loại hình phạt không phải tù, tù chung thân, tử hình và trục xuất như: án treo, cải tạo không giam giữ, quản chế đã dẫn đến tình trạng trong một thời gian dài, việc đánh giá, nắm tình hình, chỉ đạo, hướng dẫn thi hành cũng như theo dõi, quản lý việc chấp hành các loại hình phạt này bị buông lỏng làm giảm hiệu quả công tác thi hành án.

Thứ ba, thiếu sự gắn kết giữa công tác thi hành án dân sự và thi hành án hình sự, đặc biệt là các vụ án hình sự có bồi thường thiệt hại làm giảm đáng kể hiệu quả của công tác thi hành án nói chung. Trong vụ án hình sự có bồi thường thiệt hại (dân sự trong hình sự) thì sự phối hợp chặt chẽ, gắn kết liên thông giữa công tác thi hành án hình sự và án dân sự có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến hiệu lực và hiệu quả của bản án nói chung. Sự gắn kết này sẽ tạo ra cơ chế hữu hiệu để: (i) đánh giá một cách khách quan và chính xác tình thần và thái độ cải tạo của phạm nhân, qua đó để có những quyết định đúng đắn trong việc xét miễn, giảm hình phạt, quyết định đặc xá,... nhằm động viên, khuyến khích phạm nhân an tâm, cải tạo và (ii) tạo điều kiện để cơ quan thi hành án dân sự nắm bắt thông tin kịp thời về đối tượng phải chấp hành án để có biện pháp buộc họ chấp hành phần án dân sự, góp phần giảm án dân sự dây dưa, tồn đọng. Đây là vấn đề cần được lưu ý vì trong số án dân sự tồn đọng thì số lượng án dân sự trong hình sự chiếm một tỷ lệ khá lớn (theo số

liệu Báo cáo tổng kết của Bộ Tư pháp năm 2005 thì số lượng án dân sự trong hình sự chiếm 34,2% số lượng vụ việc dân sự phải thi hành, trong đó, riêng số lượng án dân sự trong hình sự tòn đọng chiếm gần 30% số lượng án tòn đọng không có điều kiện thi hành). Theo quy định hiện hành, công tác thi hành án dân sự và công tác thi hành án hình sự được giao cho ba cơ quan khác nhau quản lý và trong điều kiện hiện nay của nước ta thì sự phối hợp cũng gặp nhiều khó khăn đã hạn chế và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác thi hành án.

2. Công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay đòi hỏi hệ thống pháp luật phải ngày càng được hoàn thiện, có tính pháp điển cao và cũng cần phải nhấn mạnh rằng, thi hành án là một vấn đề hết sức hệ trọng, liên quan trực tiếp đến hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, đến trật tự, kỷ cương pháp luật và ảnh hưởng sâu sắc đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, hay nói rộng hơn quyền cơ bản của con người như quyền về tài sản, quyền được lao động, quyền tự do, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, Đã đến lúc cần phải có một văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao của Quốc hội về thi hành án. Việc ban hành Bộ luật thi hành án cũng phù hợp với chủ trương hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hiện nay.

3. Kết quả tổng kết 10 năm công tác thi hành án dân sự theo Báo cáo số 361/BC-BTP ngày 03/4/2003 của Bộ Tư pháp và kết quả bước đầu của tổng kết công tác thi hành án hình sự từ năm 1993 đến năm 2004 theo quyết định số 790/2004/QĐ-BCA (C11) ngày 13/8/2004 của Bộ Công an cho thấy, việc có nhiều văn bản pháp luật khác nhau quy định về thi hành án nhưng lại thiếu tính cụ thể, không bảo đảm tính hệ thống cùng với sự thiếu tập trung, thống nhất trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là những nguyên nhân làm cho công tác thi hành án ở nước ta mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Sự "cắt khúc", thiếu tập trung, thống nhất trong công tác quản lý đã làm cho công tác thống kê báo cáo, tổng kết thực tiễn để kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách sát hợp với thực tiễn và tăng cường hiệu lực và hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành thống nhất, gặp nhiều khó khăn. Cơ chế quản lý hiện hành chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát của xã hội đối với công tác thi hành án. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải sớm có một cơ chế quản lý phù hợp hơn, bảo đảm cho công tác thi hành án được thực hiện có hiệu quả, vận hành một cách thông suốt, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng cũng như của toàn xã hội đối với công tác thi hành án.

4. Công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta đòi hỏi phải có sự đổi mới, chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tư pháp trong đó có thi hành án. Đây là một chủ trương quan trọng và nhất quán của Đảng đã đề ra trong các nghị quyết như Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (1995), Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp

hành Trung ương Đảng khoá VIII (1997), Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2 tháng 1 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX (2004). Đặc biệt gần đây, tại Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh đến việc cần phải "xây dựng Bộ luật thi hành án điều chỉnh tất cả các lĩnh vực thi hành án" và chỉ đạo cụ thể từ nay đến năm 2010 phải "chuẩn bị các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để thực hiện việc chuyển giao tổ chức và công tác thi hành án cho Bộ Tư pháp".

Như vậy, có thể nói rằng, việc ban hành Bộ luật thi hành án là một đòi hỏi khách quan cả về mặt lý luận và thực tiễn nhằm thể chế hóa các nghị quyết nói trên của Đảng, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng, hoàn thiện hệ thống tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án thống nhất, đồng thời, góp phần hoàn thiện các quy định về thủ tục thi hành án, khắc phục những điểm bất hợp lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thi hành án hiện nay.

II. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Bộ luật thi hành án

Bộ luật Thi hành án được xây dựng theo những quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Quán triệt và thể chế hoá các Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
2. Điều chỉnh toàn diện hoạt động thi hành án từ thủ tục thi hành án, cơ quan thi hành án, cơ quan quản lý thi hành án, xã hội hoá thi hành án, các điều kiện đảm bảo hoạt động thi hành án, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thi hành án, bảo đảm các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án được tôn trọng, được thi hành và chấp hành nghiêm chỉnh.
3. Xây dựng Bộ luật thi hành án trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành án ở nước ta trong thời gian qua; kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp của pháp luật hiện hành có tham khảo, chọn lọc kinh nghiệm của các nước;
4. Bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất đối với công tác thi hành án thể hiện rõ quan điểm cải cách hành chính, cải cách tư pháp, từng bước xã hội hoá thi hành án, phù hợp với tình hình hình kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế.

III. Phạm vi điều chỉnh và bố cục của Dự thảo Bộ luật thi hành án

1. Phạm vi điều chỉnh của Bộ luật thi hành án

Xuất phát từ quan điểm xây dựng một đạo luật thống nhất về thi hành án, có hiệu lực pháp lý cao, khắc phục những điểm bất cập, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tồn tại trong tổ chức và hoạt động thi hành án, dự thảo Bộ luật thi hành án có phạm vi điều chỉnh rộng, bao gồm các quy định về nguyên tắc thi hành án; tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án; trình tự, thủ tục thi hành án; xã hội hoá thi hành án; cảnh sát tư pháp; các điều kiện đảm bảo hoạt động thi hành án; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; giải quyết khiếu nại tố cáo trong thi hành án.

Ngoài nội dung thi hành bản án, quyết định của Toà án, phạm vi điều chỉnh của Bộ luật này còn bao gồm việc thi hành các phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam theo quy định của Pháp lệnh trọng tài thương mại; các bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài đã được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

2. Bố cục của dự thảo Bộ luật thi hành án

Dự thảo Bộ luật Thi hành án gồm có 4 Phần, 24 chương với tổng số 319 điều.

IV. Một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau

1. Về phạm vi điều chỉnh của Bộ luật thi hành án

Về vấn đề này còn có ý kiến khác nhau:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, cần phải xây dựng Bộ luật thi hành án thống nhất, điều chỉnh toàn diện về tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự, hành chính, hình sự, bao gồm: hệ thống tổ chức các cơ quan quản lý thi hành án; cơ quan thi hành án; trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, hành chính, hình sự, đồng thời, phải điều chỉnh cả những vấn đề như xã hội hoá thi hành án, cảnh sát tư pháp, bồi thường thiệt hại gây ra trong thi hành án, kiểm sát thi hành án, và các biện pháp bảo đảm cho hoạt động thi hành án. Có như vậy, Bộ luật thi hành án mới quán triệt và thể chế hoá đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp với định hướng nguyên tắc là tập trung thống nhất một đầu mối quản lý thi hành án được thể hiện trong các Nghị quyết Trung ương Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị, đồng thời, khắc phục thực trạng bất cập hiện nay về tổ chức và thủ tục thi hành án do nhiều văn bản quy định, chưa có sự gắn kết giữa thi hành án dân sự và thi hành án hình sự, tạo ra sự thiếu thống nhất trong quá trình thực hiện, làm giảm hiệu lực và hiệu quả của hoạt động thi hành án.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, nên xây dựng riêng biệt Bộ luật thi hành án dân sự và Bộ luật thi hành án hình sự vì pháp luật dân sự và pháp luật hình sự là hai ngành luật độc lập có đối tượng, phạm vi và nguyên tắc điều chỉnh riêng; thủ tục

thi hành án mỗi loại án đó có tính đặc thù. Công tác thi hành án hình sự có phạm vi rộng, đa dạng và khác biệt so với thi hành án dân sự.

Loại ý kiến thứ ba cho rằng, Bộ luật thi hành án chỉ nên điều chỉnh tổ chức thi hành án, bao gồm cơ quan thi hành án; cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án; còn thủ tục thi hành án dân sự, hành chính và hình sự sẽ do các văn bản riêng quy định.

Chúng tôi cho rằng, tuy thi hành án dân sự và thi hành án hình sự có những điểm khác nhau, song nhiều trường hợp theo bản án, quyết định của Tòa án, một chủ thể vừa có nghĩa vụ thi hành án dân sự, vừa có nghĩa vụ thi hành án hình sự, việc thi hành án có liên quan chặt chẽ với nhau. Thi hành án hình sự và thi hành án dân sự đều phải tuân thủ một số nguyên tắc chung như bảo đảm hiệu lực bản án, quyết định của Tòa án, bảo đảm sự kết hợp giữa thuyết phục và cưỡng chế, bảo đảm quyền giám sát, kiểm sát hoạt động thi hành án, vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa,... Chính vì vậy, chúng tôi thấy rằng, cần xây dựng Bộ luật thi hành án chung để tạo sự thống nhất trong tổ chức, quản lý thi hành các loại án nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay. Việc xây dựng một Bộ luật thi hành án là để thể chế hoá Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về chiến lược xây dựng pháp luật và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Vấn đề này cũng đã được xác định trong Nghị quyết số 12/2002/QH11 ngày 16-12-2002 của Quốc hội XI về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XI (2002-2007).

2. Vấn đề thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án

Đây là vấn đề phức tạp cả về lý luận và thực tiễn dẫn đến có cách hiểu khác nhau.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án cần được hiểu là thống nhất cả về mặt quản lý nhà nước lẫn tổ chức thực hiện công tác thi hành án, theo đó, khi đã giao cho một cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án thì phải giao cả tổ chức, bộ máy, con người để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án không đồng nghĩa với việc trực tiếp tổ chức thực hiện công tác thi hành án. Do vậy, có thể giao chức năng thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án cho Bộ Tư pháp, còn việc tổ chức thi hành án thì giữ nguyên như hiện nay là Bộ Công an vẫn quản lý trại giam, Bộ Quốc phòng vẫn quản lý công tác thi hành án (kể cả hình sự lẫn dân sự) trong quân đội.

Chúng tôi thấy rằng, loại ý kiến thứ nhất phù hợp với nguyên tắc "ai quản lý công việc thì phải quản lý cả tổ chức, bộ máy và con người". Cơ chế quản lý này sẽ khắc phục tình trạng phân tán, thiếu sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất trong công tác thi hành án, bảo đảm sự gắn kết giữa công tác thi hành án dân sự và hình sự, phù hợp với nghị quyết của Đảng. Đây cũng là kinh nghiệm quản lý về thi hành án của nhiều nước hiện nay.

Tuy nhiên, vấn đề cần cân nhắc thêm những nét đặc thù của công tác thi hành án trong quân đội. Hiện nay, Quân đội có một hệ thống riêng các cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án và cơ quan thi hành án. Việc thi hành án trong quân đội cũng có những nét đặc thù, trại giam trong quân đội có tính nghiêm ngặt cao hơn xuất phát từ tính chất nghiêm khắc của kỷ luật quân đội, đối với các hình phạt ngoài tù, người bị kết án chấp hành án tại các đơn vị quân đội. Hơn nữa, qua nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài thì thấy rằng cũng có nước giao cho Bộ Tư pháp quản lý công tác thi hành án hình sự nhưng vẫn có hệ thống cơ quan thi hành án hình sự trong quân đội riêng.

3. Về vấn đề xã hội hoá thi hành án

Về vấn đề này có hai loại ý kiến khác nhau:

Loại ý kiến thứ nhất ủng hộ việc xã hội hoá mạnh mẽ công tác thi hành án nói chung và công tác thi hành án dân sự nói riêng, kể cả việc áp dụng chế định thừa phát lại trong thi hành án dân sự.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, chủ trương xã hội hoá công tác thi hành án là đúng đắn và cần thiết nhằm giảm bớt gánh nặng cho Nhà nước trong công tác thi hành án. Tuy vậy, cần phải có bước đi thích hợp, thận trọng, nhất là việc xã hội hoá trong công tác thi hành án hình sự.

Xã hội hoá là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta được ghi trong các Nghị quyết số 48 và 49 của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện chủ trương này trong lĩnh vực thi hành án, nhất là thi hành án hình sự cần phải hết sức thận trọng và có những bước đi thích hợp. Do đó, dự thảo Bộ luật thi hành án cần quy định nguyên tắc xã hội hoá và đã cụ thể hoá một bước trong lĩnh vực thi hành án dân sự. Riêng xã hội hoá trong lĩnh vực thi hành án hình sự chủ yếu xác định nguyên tắc chung, còn xã hội hoá đến đâu, xã hội hoá ở khâu nào cần tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hoá trên cơ sở tiến hành thí điểm và hoàn thiện từng bước phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Về Cảnh sát tư pháp

Về vấn đề Cảnh sát tư pháp hiện nay có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, dự thảo Bộ luật thi hành án cần phải quy định toàn diện cả về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát tư pháp và giao cho Bộ Tư pháp quản lý để thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành phục vụ công tác thi hành án.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, ngoài việc hỗ trợ thi hành án, lực lượng Cảnh sát tư pháp còn có nhiệm vụ bảo vệ phiên toà, trụ sở các cơ quan toà án, kiểm sát, tư pháp, hỗ trợ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy, trong Bộ luật này chỉ nên quy định những vấn đề về nguyên tắc, chủ yếu liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ của Cảnh sát tư pháp trong lĩnh vực thi hành án, còn những vấn đề cụ thể như tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh sát tư pháp thì sẽ do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

Chúng tôi đồng ý với loại ý kiến thứ hai, vì ý kiến thứ hai phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

5. Về hiệu lực thi hành của Bộ luật thi hành án

Về vấn đề này hiện đang có 02 loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, tất cả các quy định của Bộ luật thi hành án phải đồng thời có hiệu lực, theo đó, kể từ khi Bộ luật có hiệu lực phải tiến hành luôn việc chuyển giao công tác thi hành án từ Bộ Công an và Bộ Quốc phòng sang Bộ Tư pháp để sớm ổn định tổ chức bảo đảm triển khai thực hiện tốt công tác thi hành án.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, Bộ luật thi hành án nên có hiệu lực từng phần để có thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm thi hành Bộ luật, theo đó, tuyệt đại đa số các quy định của Bộ luật sẽ đồng thời có hiệu lực. Riêng các quy định liên quan đến công tác quản lý và thi hành án phạt tù, án trực xuất; nhiệm vụ của Cảnh sát tư pháp thì sẽ có hiệu lực muộn hơn.

Chúng tôi thấy rằng, Bộ luật thi hành án là một Bộ luật lớn quán triệt những nội dung cải cách tư pháp, do vậy, việc thi hành Bộ luật này cần phải có sự chuẩn bị thật kỹ càng và chu đáo, nhất là phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, nhân lực, tài lực để thực hiện việc chuyển giao công tác thi hành án sang Bộ Tư pháp đồng thời đề nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết thi hành Bộ luật này, trong đó, xác định cụ thể về lộ trình thi hành Bộ luật này. Bộ luật thi hành án được Quốc hội thông qua vào tháng 6 năm 2006 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. Riêng các quy định liên quan đến công tác quản lý và thi hành án phạt tù, án trực xuất; nhiệm vụ của Cảnh sát tư pháp thì sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010.

Kể từ ngày Bộ luật thi hành án có hiệu lực cho đến hết ngày 31/12/2009, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an vẫn tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ về thi hành án theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Các nhiệm vụ có liên quan đến Cảnh sát tư pháp được quy định trong Bộ luật thi hành án do lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an thực hiện cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Ngay sau khi Bộ luật thi hành án được Quốc hội xem xét, thông qua, Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo xây dựng đề án củng cố cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ của cơ quan thi hành án các cấp để thực hiện việc chuyển giao tổ chức và công tác thi hành án cho Bộ Tư pháp.

BÁO CÁO TỔNG KẾT HỘI THẢO

Claude Brenner

*Giáo sư, Trường Đại học Panthéon-Assas
Cộng hòa Pháp*

Cuộc Hội thảo này là cơ hội để chúng ta gặp gỡ và cùng nhau trao đổi thông tin, kinh nghiệm. Với riêng tôi, đây còn là dịp để áp dụng bài học vỡ lòng của mình: làm bất kỳ việc gì cũng phải làm đến nơi đến chốn. Từ khi còn nhỏ, không biết bao nhiêu lần tôi được nghe nhắc nhở: "Con phải làm xong bài tập sau đó mới được đi chơi" hay "con hãy dọn cho xong phòng ngủ của mình".v.v. Ngay lúc đó, tôi hiểu rằng trong những lời nhắc nhở có cả phương diện chế tài và lời nhắc nhở này thường chỉ áp dụng với món súp và rất ít khi áp dụng đối với món tráng miệng. Khi đã có kinh nghiệm hơn, tôi hiểu rằng nguyên tắc này không phải lúc nào cũng hoàn toàn cứng nhắc và phụ thuộc rất nhiều vào thái độ của tôi: tôi sẽ bắt buộc phải ăn hết đĩa súp nếu cha mẹ tôi đang muốn quở trách tôi vì một lỗi gì đó nhưng nếu tôi không có lỗi thì tôi có thể để lại một vài thìa. Xét trên tất cả các phương diện, nguyên tắc cưỡng chế không hề đơn giản...

Tuy nhiên, tất cả vấn đề ở trên có liên quan gì tới Hội thảo này? Khi mời tôi tham gia Hội thảo, ban tổ chức đã đề nghị tôi chuẩn bị báo cáo dẫn đề và sau đó lại dành cho tôi vinh dự phát biểu tổng kết Hội thảo. Điều đó có nghĩa là tôi sẽ khép lại những vấn đề mà mình đã gợi mở trong phần báo cáo dẫn đề. Nhân đây, thay mặt cho tất cả các đại biểu, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến ban tổ chức Hội thảo bởi vì đây thực sự là một cuộc Hội thảo chất lượng và thành công.

Để thực hiện nhiệm vụ này, tôi sẽ cố gắng thoát khỏi vai trò của một giáo sư đại học. Trong một Hội thảo quốc tế, cái để người ta có thể dễ dàng nhận ra một giáo sư luật học Pháp, ngoài khả năng tiếng Anh không tốt lắm, là một bài phát biểu gồm 2 phần. Một bài phát biểu gồm 2 phần dường như đã trở thành "thương hiệu quốc gia", gắn bó mật thiết với chúng tôi và trở thành bản chất thứ hai của mình.

Tuy không phải thói quen nhưng bài phát biểu lần này của tôi sẽ gồm 3 phần: phần chính đề, phần phản đề và phần kết luận. Đây là nguyên tắc của Trường "Sciences Po" trường đại học danh tiếng của Pháp về khoa học chính trị. Nhân dịp này, cho phép tôi được gửi lời chào tới thẩm phán Debat, thật tiếc vì ông không thể tham dự cuộc Hội thảo hôm nay bởi chắc chắn những kinh nghiệm của ông trong lĩnh vực luật công sẽ cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin và hiểu biết quý báu.

Xin nhắc lại rằng, bài phát biểu tổng kết của tôi gồm 3 phần: phần chính đề, phần phản đề và phần kết luận. Trong phần chính đề, tôi xin đề cập đến những điểm tương đồng giữa các mô hình tổ chức thi hành án được giới thiệu trong khuôn khổ Hội thảo này. Phần phản đề là những điểm khác biệt giữa các mô hình. Từ những điểm tương đồng và khác biệt đó, các cơ quan hữu quan của Việt Nam sẽ rút ra các kết luận, bài học kinh nghiệm cho mình. Đó cũng chính là phần cuối cùng trong bài tổng kết của tôi.

I. Trước tiên, xin đề cập đến những điểm tương đồng giữa các mô hình tổ chức thi hành án. Chắc chắn rằng, đây là những yếu tố đồng đạo nhất, hay ít ra là khi chúng ta xem xét những nguyên tắc cơ bản của cưỡng chế thi hành án.

Thứ nhất, trong bất kỳ mô hình nào, cưỡng chế thi hành án cũng được xem là biểu hiện của quyền lực nhà nước, do đó cưỡng chế thi hành án được quy định trong pháp luật của hầu hết các nước, không chỉ trong lĩnh vực thi hành án hình sự mà cả trong thi thành án dân sự.

Thứ hai, trong các mô hình tổ chức thi hành án được giới thiệu tại Hội thảo này đều có sự phân định rõ ràng giữa thi hành án hình sự và thi hành án dân sự: hiện nay, các nước đều không còn nhầm lẫn hai lĩnh vực này và ranh giới phân định giữa hai lĩnh vực này ngày càng có xu hướng tinh tế hơn. Điều đó được chứng minh qua những quy định về thi hành án dân sự trong vụ án hình sự của dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam.

Để xem xét kỹ hơn những điểm tương đồng giữa các mô hình tổ chức thi hành án, chúng ta không chỉ dừng lại ở việc xem xét các nguyên tắc cơ bản mà phải đi vào kỹ thuật pháp lý của các lĩnh vực thi hành án cụ thể.

A. Trước hết, việc thi hành án hình sự trong tất cả các mô hình tổ chức thi hành án được giới thiệu không chỉ dừng lại ở mục đích đơn thuần là răn đe, trừng phạt người phạm tội mà nhiệm vụ quan trọng hơn là nhằm giúp người bị kết án tái hòa nhập xã hội.

Dĩ nhiên, xét về tính chất, chức năng cải tạo người phạm tội mà ở nơi này hoặc nơi khác người ta gán cho hình phạt không hoàn toàn giống với chức năng giúp người bị kết án tái hòa nhập xã hội như chúng ta thấy ở Pháp. Hơn nữa, thực tiễn thực hiện chức năng này của mỗi nước không giống nhau.

Dù sao chúng ta luôn hy vọng rằng hoạt động thi hành án trong các mô hình sẽ đi theo xu hướng chung là ngày càng mang tính nhân đạo hơn. Đây không chỉ là một đòi hỏi về mặt đạo đức mà còn là đòi hỏi mang tính chính trị và đồng thời là kết quả của phép tính về tính hợp lý của việc thi hành án. Điều này ngày càng trở nên chính xác hơn khi chúng ta thấy rằng tác dụng răn đe của thi hành án hình sự sẽ bị hạn chế rất nhiều nếu thi hành án chỉ đơn thuần mang tính trừng phạt hoặc trấn áp trong trường hợp người phạm tội là người ít hiểu biết, bị mắc bệnh tâm thần, rối loạn hành vi hoặc khi người phạm tội có những yếu tố nhân thân, gia đình hoặc xã hội đặc biệt.

Điểm tương đồng thứ hai trong lĩnh vực thi hành án hình sự đó là việc hiện nay nhiều quốc gia đang có xu hướng tìm kiếm những giải pháp thay thế cho hình thức giam giữ và sự tương đồng về khung hình phạt.

B. Trong lĩnh vực thi hành án dân sự, chúng ta cũng có thể thấy có rất nhiều điểm tương đồng.

Trước tiên, trong các mô hình được giới thiệu có một điểm chung là thi hành án dân sự chủ yếu hay thậm chí hoàn toàn chỉ là thi hành án đối với tài sản. Cưỡng chế thi hành án đối với con người hầu như không có hoặc chỉ là những trường hợp cá biệt.

Ngoài ra, tất cả các hệ thống pháp luật đều quy định các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với tài sản. Các biện pháp này được tổ chức thực hiện theo một khuôn mẫu chung hầu như không thay đổi: thi hành án dân sự được thực hiện thông qua thủ tục kê biên tài sản. Sau đó, tài sản bị kê biên được bán hoặc giao cho người được thi hành án và coi đó như việc thực hiện nghĩa vụ.

Hệ thống các văn bản có hiệu lực thi hành cũng là điểm tương đồng giữa các mô hình tổ chức thi hành án. Văn bản có hiệu lực thi hành không chỉ gồm bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật mà còn gồm văn bản, quyết định của một số cơ quan nhà nước không phải là cơ quan tư pháp. Ngoài ra, trong bối cảnh các hoạt động trao đổi kinh tế trở nên phức tạp, pháp luật của các nước có xu hướng thừa nhận một số văn bản tư cũng có hiệu lực thi hành, tất nhiên phải có sự giám sát của cơ quan nhà nước.

C. Ngoài việc phân định rõ ràng giữa thi hành án dân sự và thi hành án hình sự thì điểm tương đồng rất quan trọng giữa các hệ thống pháp luật đó là mối quan hệ mật thiết giữa hoạt động thi hành án và pháp luật mà nó bảo đảm thực hiện. Thông qua các trao đổi, thảo luận trong khuôn khổ Hội thảo, quan điểm này đã được làm rõ trong lĩnh vực hình sự. Chẳng hạn như ở Pháp, việc thi hành bản án, quyết định đối với người phạm tội được thực hiện thông qua Viện Công tố đã làm giảm đáng kể số lượng các bản án xét xử vắng mặt bị cáo, có thể coi là một điểm yếu của ngành tư pháp. Yêu cầu này cũng đặt ra trong lĩnh vực dân sự: để đảm bảo hiệu quả của cưỡng chế thi hành án dân sự thì cũng phải xây dựng tốt pháp luật nội dung.

II. Ngoài những điểm tương đồng rất quan trọng nêu trên, chúng ta cũng nhận thấy mô hình tổ chức thi hành án của các nước còn nhiều điểm khác biệt. Đó chính là nội dung trong phần phân đề.

A. Khác biệt đầu tiên là sự khác biệt về tổ chức thực hiện.

Trong lĩnh vực dân sự, mỗi nước đều có những quy định riêng về thời gian thi hành án. Việc tổ chức cưỡng chế thi hành án của mỗi quốc gia có phù hợp hay không, có chặt chẽ hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc hệ thống pháp luật đó hài hòa hóa các lợi ích xung đột như thế nào. Chúng ta có thể thấy rõ hơn điều này nếu so sánh thời hạn thi hành án quy định trong dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam và những thời hạn tương tự quy định trong pháp luật Pháp.

Trong thi hành án hình sự, quy định về việc người bị kết án phải thực hiện nghĩa vụ lao động cũng là một điểm khác biệt giữa các mô hình tổ chức thi hành án. Một số nước quy định lao động là nghĩa vụ bắt buộc, một số nước khác lại cho phép người bị kết án có quyền lựa chọn việc tham gia lao động hoặc không. Có nơi người bị kết án được trả thù lao cho hoạt động lao động, có nơi lại không .v.v...

B. Khác biệt về thiết chế

Trong lĩnh vực thi hành án hình sự cũng như trong thi hành án dân sự, thẩm quyền cưỡng chế thi hành án có thể được trao cho cơ quan tư pháp hoặc cơ quan hành chính, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào sự lựa chọn của những nhà làm luật. Vấn đề trở nên cực kỳ nhạy cảm trong thi hành án hình sự bởi vì trong lĩnh vực này, thẩm quyền thi hành án được giao cho Bộ Nội vụ hay Bộ Tư pháp tùy thuộc vào hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia.

C. Khác biệt liên quan đến các quy định của Hiến pháp

Qua hai ngày Hội thảo, nhiều lần chúng ta đã đề cập tới quy định pháp luật về khung hình phạt và việc một số hệ thống pháp luật vẫn quy định hình phạt tử hình. Thực ra, vấn đề này không còn thuộc lĩnh vực thi hành án mà thực chất, nó thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự, bởi vì nó liên quan đến việc quyết định hình phạt chứ không chỉ đơn thuần liên quan đến thi hành án. Dù thế nào, cần phải lưu ý rằng đối với các quốc gia thành viên Hội đồng Châu Âu, việc quy định hình phạt tử hình là trái với Hiến pháp. Theo quan điểm của các luật gia Châu Âu, đây chính là hố sâu ngăn cách giữa các hệ thống pháp luật mà chúng ta khó lòng có thể vượt qua.

III. Tuy nhiên, từ những khó khăn đặt ra cho các nhà làm luật trong việc quyết định giữa nhiều sự lựa chọn cho phép tôi đi đến phần cuối cùng của bài phát biểu này. Điều đó có nghĩa là tôi sẽ sớm nhường lời bởi vì chỉ có các bạn chủ nhà Việt Nam mới có quyền rút ra bài học kinh nghiệm cho mình.

Dù sao, tôi cho rằng những nước đã mở rộng hơn thẩm quyền của cơ quan tư pháp, đặc biệt trong lĩnh vực thi hành án hình sự có lẽ nên vui mừng về điều đó bởi vì nó phép các cơ quan nhà nước có trách nhiệm đảm bảo trật tự công cộng tập trung hơn vào những nhiệm vụ cơ bản của mình.

Ngoài ra, xin lưu ý rằng những hệ thống pháp luật công nhận ngày càng nhiều văn bản có hiệu lực thi hành và thực hiện tự do hóa phần nào lĩnh vực thi hành án dân sự thì hiệu quả của hoạt động thi hành án đã được nâng cao rõ rệt.

Tuy nhiên, điều này hoàn toàn thuộc thẩm quyền của các cơ quan hữu quan Việt Nam. Tôi cho rằng, những công việc mà Việt Nam đã triển khai sẽ cho phép Việt Nam xây dựng được quan điểm của riêng mình.

Một lần nữa, cho phép tôi được cảm ơn ban tổ chức Hội thảo.

PHỤ LỤC

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO QUỐC TẾ

« CÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRÊN THẾ GIỚI »

Ngày 17 & 18/4/2006

Khách sạn Sofitel Plaza (số 1, Đường Thanh Niên, Hà Nội)

Thứ hai, ngày 17/04/2006

Buổi sáng**08h30** Đăng ký đại biểu**09h00** Khai mạc Hội thảo*Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu:***Ông Nguyễn Văn Bình**, Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp.*Diễn văn khai mạc:***Ông Đinh Trung Tụng**, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Việt Nam;**Ông Jean-François Blarel**, Đại sứ Cộng hòa Pháp tại Việt Nam;**Ông Stéphan Plumet**, Giám đốc Văn phòng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ.**09h30** *Tham luận dẫn đề:* « Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc lựa chọn mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia »**Ông Claude Brenner**, Giáo sư, Trường Đại học tổng hợp Panthéon-Assas, CH Pháp**10h00** Nghỉ giải lao*Chủ tọa: Ông Dominique Couturier**Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng Le Havre, CH Pháp***10h15** Quy định pháp luật và nguyên lý tổ chức thi hành án hình sự tại Cộng hòa Pháp**Ông Dominique Couturier**, Thẩm phán, Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng Le Havre, CH Pháp**10h35** Những vấn đề thực tiễn trong thủ tục thi hành án hình sự tại Cộng hòa Pháp**Ông Alain Guillou**, Công tố viên cao cấp, Tòa phúc thẩm Rouen, CH Pháp

- 10h55 Thảo luận
- 11h15 Quy định pháp luật và thực tiễn thi hành án hình sự tại Trung Quốc
Ông Cheng Chunming, Giáo sư, Trường Đại học Luật và Khoa học chính trị Trung Quốc
- 11h35 Thảo luận
- 12h00 Kết thúc buổi làm việc

Buổi chiều

Chủ toạ: Ông Szeplaki-Nagy Gábor

Thẩm phán cao cấp, Chánh Văn phòng, Tòa án tối cao Hungari

- 14h00 Thực tiễn quản lý thi hành án hình sự tại Cộng hòa Pháp
Ông Stéphane Gely, Giám đốc Trại giam Fresnes, Cục quản lý trại giam, Bộ Tư pháp, CH Pháp
- 14h20 Tổ chức cơ quan thi hành án hình sự tại Cộng hòa Hungari
Ông Szeplaki-Nagy Gábor, Thẩm phán cao cấp, Chánh Văn phòng, Tòa án tối cao Hungari
- 14h40 Thảo luận
- 15h30 Nghỉ giải lao
- 15h45 Thực tiễn quản lý thi hành án phạt tù tại Việt Nam
Ông Tạ Xuân Bình, Phó Cục trưởng, Cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Cục V26), Bộ Công an, Việt Nam
- 16h05 Thực tiễn quản lý thi hành án hình sự không giam giữ tại Việt Nam
Ông Nguyễn Ngọc Anh, Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, Bộ Công an, Việt Nam
- 16h25 Thảo luận
- 17h00 Kết thúc buổi làm việc

Thứ ba, ngày 18/04/2006

Buổi sáng

Chủ toạ: Ông Patrice Nocquet

Nguyên Chủ tịch Hội đồng thừa phát lại Pari, CH Pháp

08h30 Quy định pháp luật và nguyên lý tổ chức thi hành án dân sự tại Cộng hòa Pháp

Ông Claude Brenner, *Giáo sư, Trường Đại học tổng hợp Panthéon-Assas, CH Pháp*

08h50 Thực tiễn thi hành án dân sự tại Cộng hòa Pháp

Ông Patrice Nocquet, *Nguyên Chủ tịch Hội đồng thừa phát lại Pari, CH Pháp*

09h10 Thảo luận

10h00 Nghỉ giải lao

10h15 Thực tiễn thi hành các quyết định dân sự trong bản án hình sự

Ông Alain Guillou, *Công tố viên cao cấp, Tòa Phúc thẩm Rouen, CH Pháp*

10h35 Thủ tục thi hành án dân sự tại Việt Nam

Ông Nguyễn Thanh Thủy, *Phó Cục trưởng, Cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp, Việt Nam*

10h55 Thảo luận

11h15 Tổ chức cơ quan thi hành án dân sự tại Nhật Bản

Bà Yuko Nishitani, *Giáo sư, Khoa Luật, Trường Đại học Tohoku, Nhật Bản*

11h35 Thảo luận

12h00 Kết thúc buổi làm việc

Buổi chiều

Chủ tọa: **Ông Nguyễn Bình**

Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp

- 14h00** **Thi hành án hình sự, dân sự và hành chính tại Indônêxia**
Tiến sỹ Lintong O. Siahaan, SH, Tòa án hành chính tối cao, Indônêxia
- 14h20** **Thi hành án hình sự và dân sự tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**
Ông Bounsavad Boupha, Cục trưởng, Cục quản lý thi hành án, Bộ Tư pháp, Lào
- 14h40** **Thảo luận**
- 15h15** *Nghỉ giải lao*
- 15h30** **Pháp điển hóa các quy định pháp luật về thi hành án và những vấn đề đặt ra**
Giới thiệu Nội dung Dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam - Ông Nguyễn Bình, Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp, Việt Nam
Nhận xét, bình luận của các chuyên gia quốc tế về dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam.
- 16h30** **Tổng kết Hội thảo**
Ông Claude Brenner, Giáo sư, Trường Đại học tổng hợp Panthéon-Assas, CH Pháp, kết luận nội dung trao đổi tại Hội thảo
Ông Marc Gélinau-Larrivet, Phó Giám đốc, Nhà Pháp luật-Việt-Pháp, cảm ơn các chuyên gia tham dự và bế mạc Hội thảo
- 17h00** **Kết thúc Hội thảo**

Kỳ yếu Tọa đàm

DỰ THẢO
BỘ LUẬT THI HÀNH ÁN

Tài liệu tham khảo – lưu hành nội bộ
Hà nội, ngày 19/04/2006

Ngày 19 tháng 04 năm 2006

Nhà Pháp luật Việt-Pháp đã tổ chức buổi Tọa đàm

Dự thảo Bộ luật Thi hành án

với sự tham gia của các chuyên gia Pháp:

Ông Claude Brenner, Giáo sư, Trường Đại học tổng hợp Panthéon-Assas;

Ông Patrice Nocquet, Nguyên Chủ tịch Hội đồng Thừa phát lại Pari;

M. Dominique Couturier, Thẩm phán, Chánh án Tòa Sơ thẩm Le Havre;

Ông Stéphane Gely, Giám đốc trại giam Fresnes, Cục quản lý trại giam,
Bộ Tư pháp;

Ông Alain Guillou, Công tố viên cao cấp, Viện công tố vùng Rouen.

Kỷ yếu này ghi lại nội dung hội thảo làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho các cơ quan và chuyên gia pháp luật của Việt Nam tham gia hội thảo.

Nhà Pháp luật Việt-Pháp

Tọa đàm "Dự thảo Bộ luật thi hành án"
Hà Nội, ngày 19/04/2006

Buổi sáng**Ông Nguyễn Văn Bình, Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp**

Kính thưa quý vị đại biểu,

Sau hai ngày tổ chức Hội thảo chung, hôm nay, tại phòng hội thảo Nhà Pháp luật Việt-Pháp, tôi xin nhiệt liệt chào mừng sự có mặt của các chuyên gia Pháp. Trong số năm chuyên gia có mặt ngày hôm nay, ông Alain Guillou và ông Patrice Nocquet đã biết đến Nhà Pháp luật Việt-Pháp. Tuy nhiên, ông Claude Brenner, ông Dominique Couturier và ông Stéphane Gely đều lần đầu tiên đến Nhà Pháp luật.

Cách làm việc trong khuôn khổ Nhà Pháp luật hôm nay sẽ khác hơn với cách làm việc ở Hội thảo lớn. Tức là chúng ta sẽ đi vào những vấn đề hết sức cụ thể. Để chuẩn bị cho buổi Tọa đàm này, sau khi nhận được dự thảo 10 Bộ luật thi hành án, Nhà Pháp luật đã cho dịch sang tiếng Pháp và chuyển cho chuyên gia để nghiên cứu. Vì khuôn khổ thời gian làm việc rất ngắn, chỉ trong một ngày nên các chuyên gia không thể góp ý cho từng chương, từng điều. Nhà Pháp luật đã nhận được danh sách các vấn đề mà Ban soạn thảo, Tổ biên tập muốn hỏi ý kiến chuyên gia, chúng tôi đã dịch và chuyển cho chuyên gia. Trước khi bắt đầu Tọa đàm, tôi cũng đã trao đổi với ông Nguyễn Bình, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự và Kinh tế, Bộ Tư pháp và chúng tôi đã thống nhất là để tiết kiệm thời gian, sẽ không giới thiệu lại về dự án Bộ luật thi hành án nữa và chuyên gia bình luận luôn về dự thảo. Trong quá trình chuyên gia cho ý kiến, bình luận theo danh sách các vấn đề đã nêu, các đại biểu Việt Nam có thể đặt câu hỏi hoặc làm rõ thêm. Bây giờ, tôi xin nhường lời cho các chuyên gia.

Ông Dominique Couturier, Thẩm phán, Chánh án Tòa sơ thẩm Le Havre, Cộng hòa Pháp

Xin cảm ơn ông Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp. Sau hai ngày tham gia Hội thảo tại khách sạn Sofitel, hôm nay, tôi rất vinh dự được tham dự Tọa đàm này. Dĩ nhiên, trong cuộc Tọa đàm này, chúng ta sẽ đề cập hết sức cụ thể những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật của các bạn. Đối với chúng tôi, những người làm thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật của Pháp, nhận xét đầu tiên của chúng tôi là dự án này là một dự án hết sức tham vọng bởi nó nhằm mục đích xây dựng một Bộ luật điều chỉnh thống nhất mọi lĩnh vực thi hành án, từ thi hành án hình sự đến thi hành án dân sự và hành chính. Tham vọng bởi vì các nguyên tắc điều chỉnh các lĩnh vực này rất khác biệt. Ở Pháp, thi hành án hình sự do Bộ luật Tổ tụng hình sự điều chỉnh, thi hành án dân sự do Bộ luật tố tụng dân sự mới điều chỉnh còn thi hành án hành chính được quy định rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác.

Trước hết, tôi thấy rằng thủ tục thi hành án dân sự quy định trong dự thảo của các bạn phức tạp hơn quy định của pháp luật Pháp. Nhân dịp này, tôi xin

trả lời câu hỏi mà hôm qua tôi chưa có thời gian trả lời, đó là câu hỏi về thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự.

Liên quan đến thi hành án dân sự ở Pháp, "thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự" được ra đời từ năm 1991. Ở tất cả các Tòa án sơ thẩm đều có thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự. Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết tất cả các vấn đề nảy sinh trong quá trình thi hành một bản án dân sự dù bản án đó là do Tòa án nào tuyên, có thể là bản án của Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng về bồi thường thiệt hại, có thể là một bản án của Thẩm phán đặc trách lĩnh vực hôn nhân và gia đình hay một bản án của Tòa lao động, cũng có thể là bản án của Tòa án phúc thẩm ví dụ trong khi thi hành một bản án phúc thẩm nếu có vấn đề nảy sinh thì bên được thi hành án cũng như bên phải thi hành án không thể yêu cầu chính Tòa án phúc thẩm đã tuyên bản án giải quyết vấn đề khó khăn đó mà những vấn đề đó sẽ thuộc thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự. Khó khăn đối với thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự là không được nhằm lẫn giữa thẩm quyền giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành án và thẩm quyền của tòa án giải quyết về nội dung vụ án. Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự không phải là cấp xét xử thứ ba, không phải là nơi giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị một lần nữa đối với những bản án mà việc thi hành gặp khó khăn. Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có trách nhiệm xem xét bản án, nghiên cứu hợp đồng, nếu văn bản đó là văn bản công chứng tuy nhiên thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự không được phép sửa đổi bản án, hợp đồng đó. Đây là một trong những khó khăn mà thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự thường gặp phải.

Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có vai trò giải thích bản án nhưng không được làm thay đổi nội dung bản án, có thể gia hạn thời hạn phải thanh toán hoặc có thể quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với bản án phải thi hành, đó chính là biện pháp phạt tiền trong trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ. Biện pháp phạt tiền không nhất thiết phải do thẩm phán đã xét xử vụ việc đưa ra. Trong trường hợp việc thi hành án gặp khó khăn hoặc người phải thi hành án từ chối thi hành án thì thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự mới có thẩm quyền buộc người phải thi hành án chậm thi hành bản án nộp phạt một khoản tiền. Như vậy, chỉ có thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự là người có thẩm quyền buộc người phải thi hành án chậm thi hành bản án phải nộp một khoản tiền phạt.

Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự còn có thẩm quyền can thiệp nếu thừa phát lại gặp khó khăn khi thi hành quyết định của chính thẩm phán theo dõi thi hành án. Chẳng hạn khi thừa phát lại tiến hành kê biên một động sản để thi hành bản án, người ta có thể tưởng rằng tài sản bị kê biên đó thuộc quyền sở hữu của người có mặt khi kê biên hoặc của người đại diện cho người đó, nhưng thực chất tài sản đó thuộc quyền sở hữu của cha, mẹ hoặc vợ (chồng) họ

Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự cũng có thẩm quyền can thiệp trong trường hợp thừa phát lại gặp khó khăn khi yêu cầu sự hỗ trợ của người thứ ba trong quá trình thi hành án. Vấn đề này cũng được quy định trong dự thảo của các bạn. Đó là trong trường hợp thừa phát lại yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin về nội dung tài khoản của người phải thi hành án, yêu cầu ngân hàng phong tỏa tài khoản đó và chuyển số dư trong tài khoản của người phải thi hành án sang tài khoản của người được thi hành án. Trong trường hợp này, ngân hàng có thể gây khó khăn cho thừa phát lại mặc dù các nghĩa vụ cung cấp thông tin, phong tỏa tài khoản và chuyển tiền từ tài khoản của người phải thi hành án sang tài khoản của người được thi hành án đã được ghi nhận trong các văn bản luật và dưới luật. Ngân hàng cũng có thể sẽ cung cấp thông tin sai lệch, không chính xác về số dư trong tài khoản của người phải thi hành án. Trong những trường hợp như vậy cần phải có sự can thiệp của thẩm phán theo dõi thi hành án. Ngoài ra, nếu người phải thi hành án có nhiều tài khoản mở tại cùng một ngân hàng và việc phong tỏa tất cả các tài khoản để phục vụ cho thi hành án là không cần thiết bởi vì số dư trong một tài khoản của người đó cũng đủ để thi hành án thì thẩm phán theo dõi thi hành án phải quyết định tài khoản nào sẽ bị phong tỏa. Số dư trong tài khoản bị phong tỏa chỉ tương đương với khoản tiền phải thi hành án. Thẩm phán cũng quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án.

Như vậy, những thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án mà tôi vừa giới thiệu là thẩm quyền được thực hiện sau khi đã có bản án, tức là sau quá trình tranh tụng giữa bị đơn và nguyên đơn hay giữa người được thi hành án và người phải thi hành án, trong một số trường hợp là giữa người được thi hành án và bên thứ ba (ngân hàng hoặc chủ sở hữu thực sự của tài sản bị kê biên).

Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự cũng có thể đưa ra một số quyết định trước khi có quá trình tranh tụng giữa bên được thi hành án và bên phải thi hành án. Đó là những quyết định về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, ví dụ như để tránh tình trạng tẩu tán chứng cứ. Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do bên nguyên cung cấp, thẩm phán theo dõi thi hành án sẽ chủ động ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ví dụ trong trường hợp bên nguyên đã có bản án nhưng bản án đó chưa phải là bản án chung thẩm và chưa có hiệu lực thi hành thì bên nguyên hay chính là người được thi hành án có thể yêu cầu thẩm phán theo dõi thi hành án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài khoản ngân hàng, bất động sản ... của người phải thi hành án. Tương tự như vậy, trong trường hợp chưa hề có bản án nào, kể cả bản án chưa có hiệu lực thi hành, nếu có căn cứ cho phép tin rằng có một khoản nợ hoặc một nghĩa vụ thì thẩm phán theo dõi thi hành án cũng có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, trong thời hạn pháp luật quy định, người được thi hành án phải khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền.

Quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được thông báo cho người phải thi hành án. Nếu người phải thi hành án phản đối căn cứ cho phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự sẽ thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục thông thường tức là thẩm phán sẽ mở một phiên tranh tụng công khai với sự có mặt người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã phản đối căn cứ để áp dụng biện pháp đó. Sau khi có phiên tranh tụng công khai đó, thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự sẽ đưa ra quyết định hoặc công nhận căn cứ cho phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc sửa đổi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với lý do căn cứ để áp dụng biện pháp này chưa thuyết phục.

Sau khoảng hơn 10 năm áp dụng trên thực tiễn, tôi cho rằng chế định về thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Bởi vì mục đích của việc cải cách này là mang lại cho các văn bản có hiệu lực thi hành giá trị hoàn toàn và đầy đủ. Có nghĩa là chỉ cần văn bản có hiệu lực thi hành, tức là bản án, quyết định của Tòa án thì văn bản đó sẽ được cho thi hành mà không cần thẩm phán xét xử khẳng định có bản án như vậy. Nguyên tắc này được áp dụng đối với bản án, quyết định của Tòa án và văn bản công chứng viên. Văn bản công chứng cũng là một căn cứ để thực hiện việc thi hành án. Tuy nhiên, khó khăn mà chúng tôi gặp phải đối với văn bản công chứng, ví dụ như về nghĩa vụ trả một khoản tiền, đó là văn bản công chứng thường không xác định con số cụ thể.

Ông Nguyễn Bình, Phó Vụ trưởng Vụ pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp, Việt Nam

Tôi xin có một số ý kiến nhận xét và câu hỏi như sau. Thứ nhất, ở các nước như Pháp, Đức, Nhật đều có thẩm phán đặc trách thi hành án và gọi là Tòa thi hành án. Điều này rất thuận lợi bởi vì những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thi hành án chứ không phải những vấn đề liên quan đến nội dung bản án sẽ do thẩm phán đặc trách thi hành án giải quyết. Ở Việt Nam, chúng tôi chưa có thẩm phán nào chuyên trách việc thi hành án. Tôi xin giải thích một chút để các chuyên gia nước ngoài hiểu thêm về tình hình thực tiễn của Việt Nam. Thứ nhất, Việt Nam mới tiến hành chuyên môn hóa các tòa án từ năm 1996, tức là ở cấp tỉnh, tòa án nhân dân được tổ chức thành các phân tòa gồm tòa dân sự, tòa hình sự, tòa hành chính, tòa kinh tế, tòa lao động. Tuy nhiên, việc tổ chức thành các phân tòa như vậy chỉ mới thực hiện ở cấp sơ thẩm còn ở cấp phúc thẩm là tòa phúc thẩm chung, giải quyết tất cả các loại vụ việc. Ở Tòa án tối cao cũng phân chia thành các phân tòa nhưng chỉ trong lĩnh vực giám đốc thẩm. Có thể trong năm tới, khi sửa đổi Luật tổ chức tòa án, chúng tôi cũng sẽ thành lập thẩm phán phụ trách thi hành án để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực thi hành án. Có như vậy, chúng ta mới có thể thực hiện được nguyên tắc là tòa án phải chịu trách nhiệm đến cùng về các bản án mà mình đã tuyên. Thứ hai, ngay trong Bộ luật Tố tụng

dân sự Việt Nam 2004 cũng chưa sửa đổi những quy định về thủ tục rút gọn tại tòa án và cũng chưa giải quyết được vấn đề một thẩm phán có thể tự mình đưa ra một số quyết định. Bởi vì để làm được điều này, chúng tôi phải tiến hành sửa đổi Hiến pháp. Hiến pháp 1992 của Việt Nam quy định rằng Tòa án xét xử tập thể và ra quyết định theo đa số. Nếu không tiến hành sửa đổi Hiến pháp thì các vấn đề vướng mắc về tố tụng dân sự, về thi hành án vẫn còn tồn tại.

Chuyên gia cũng đã đề cập đến việc thi hành hợp đồng, đây là lĩnh vực mà các bạn có rất nhiều kinh nghiệm. Lần đầu tiên, chúng tôi cũng đã đề cập đến việc thi hành ngay các hợp đồng có công chứng hợp lệ mà không cần thông qua tòa án để xét xử. Dĩ nhiên trong thực tế, việc cho thi hành ngay các hợp đồng có công chứng hợp lệ có thể gặp một số khó khăn. Tuy nhiên, nó sẽ giúp ngành tòa án giảm tải một khối lượng công việc khổng lồ và giải quyết tình trạng tồn đọng án hiện nay. Do đó, chúng tôi sẽ mạnh dạn cho các hợp đồng này thi hành ngay, kể cả các phán quyết của trọng tài trong nước.

Chúng tôi muốn tham khảo ý kiến của chuyên gia về khó khăn gặp phải như sau: Cơ quan thi hành án đã thi hành bản án phúc thẩm tuy nhiên bản án đó lại bị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong trường hợp bản án giám đốc thẩm tuyên hủy hoặc đình chỉ việc thi hành án để xét xử lại, nếu việc thi hành án đã được thực hiện và có hậu quả xảy ra thì hậu quả đó sẽ giải quyết như thế nào? Bản án giám đốc thẩm không giải quyết vấn đề đó. Do đó, chúng tôi xin đề nghị hai phương án như sau: một bản án dù là bản án phúc thẩm hay giám đốc thẩm nếu sai về nội dung thì cơ quan thi hành án sẽ yêu cầu tòa án giải thích lại hoặc sửa lại hoặc cơ quan thi hành án sẽ trả lại bản án cho tòa án. Tuy nhiên sau đó, chúng tôi đã thay phương án trả lại bản án bằng phương án hoãn thi hành án. Tóm lại, hiện nay giữa cơ quan thi hành án và tòa án có hai vướng mắc lớn đó là: việc giải thích bản án rất chậm và thứ hai, nếu bản án sai, chúng tôi không trả lại được.

Ông Dominique Couturier

Nguyên tắc chung trong thi hành án dân sự là người được thi hành án phải chịu rủi ro trong thi hành án. Ngoài những trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành ngay theo quy định của pháp luật thì trong các trường hợp khác, người được thi hành án có quyền lựa chọn hình thức thi hành án nào hiệu quả nhất, tất nhiên phải có sự tư vấn của thừa phát lại hoặc luật sư. Do đó, nếu trong quá trình tố tụng, các số liệu bị thay đổi thì người được thi hành án có thể phải trả lại cho người phải thi hành án khoản tiền mà người phải thi hành án đã trả cho họ. Hiện nay, ở Pháp cũng đang có nhiều ý kiến trái ngược về vấn đề mở rộng các trường hợp bản án, quyết định được thi hành ngay. Đây là trường hợp thường gặp khi thi hành bản án, quyết định của Tòa lao động. Theo quy định pháp luật, một số bản án, quyết định của Tòa lao động được đương nhiên thi hành ngay trong khi đó phần lớn các bản án, quyết định của Tòa lao động đều bị phúc thẩm và tỷ lệ bản án sơ thẩm phải sửa lại cao hơn các lĩnh vực khác rất nhiều. Ví dụ, theo bản án sơ thẩm của

tòa lao động, người sử dụng lao động phải trả cho người lao động một khoản tiền nhưng bản án phúc thẩm lại tuyên hoàn toàn ngược lại.

Vấn đề thứ hai cần đề cập đến đó là việc giải thích bản án. Không thể gán trách nhiệm cho tòa án đã sửa lại bản án. Như trong ví dụ mà tôi đã nêu thì người phải thi hành án không phải thực hiện bất kỳ quyền đặc biệt nào để có thể được hoàn lại khoản tiền mà mình đã trả cho người được thi hành án, bởi thực tế anh ta không phải trả khoản tiền đó. Còn trong ví dụ thứ hai về vụ việc do tòa lao động giải quyết, theo quy định của pháp luật pháp, tòa lao động giải quyết vụ việc theo nguyên tắc đa số và các thẩm phán là những người đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động theo tỉ lệ ngang nhau. Do đó, không thể đặt ra vấn đề xem xét trách nhiệm cá nhân của các thẩm phán đã đưa ra bản án lao động sơ thẩm. Chỉ trong một số trường hợp đặc biệt, có thể xem xét trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và cũng trong một số trường hợp Nhà nước có thể kiện ngược lại đối với những người đã ra bản án sai.

Ông Nguyễn Bình

Tôi cũng hỏi chuyên gia thêm một ý nữa. Tôi thấy rằng tỉ lệ bản án sơ thẩm bị cải sửa rất cao. Thực tế ở Việt Nam, 75% án sơ thẩm bị cải sửa còn đối với bản án phúc thẩm, tỉ lệ này cũng là 30-40%. Trước tình hình đó, trong dự thảo lần thứ 11 Bộ luật thi hành án chúng tôi bổ sung thêm quy định về việc giải quyết hậu quả trong trường hợp bản án sơ thẩm hoặc phúc thẩm bị cải sửa mà việc thi hành án đã được tiến hành. Phương án thứ nhất giống với phương án mà chuyên gia đã đưa ra là các bên sẽ hoàn trả cho nhau mà không gây thiệt hại. Phương án thứ hai là: nếu do lỗi của tòa án mà gây thiệt hại cho các bên thì bên bị thiệt hại sẽ kiện đòi tòa án bồi thường, chính là Nhà nước bồi thường. Trong dự thảo 12, chúng tôi đã quy định theo hướng đó để nâng cao trách nhiệm của Tòa án.

Ông Claude Brenner, Giáo sư, Trường Đại học Panthéon-Assas, Cộng hòa Pháp

Tôi xin bổ sung một số ý kiến. Trước tiên, về phạm vi áp dụng của Bộ luật mà các bạn đang soạn thảo, tôi cũng đồng tình với ý kiến của ông Couturier. Các bạn mong muốn xây dựng một Bộ luật duy nhất điều chỉnh tất cả các lĩnh vực thi hành án. Tuy nhiên, theo tôi, sự thống nhất này dường như chỉ mang tính hình thức bởi vì các bạn vẫn quy định trình tự thủ tục thi hành án riêng, các cơ quan thi hành án riêng.

Vấn đề thứ hai đang thu hút sự quan tâm của các bạn đó là vấn đề về việc bản án đã được thi hành bị Tòa án Tối cao tuyên hủy. Tôi xin lưu ý với các bạn rằng, vấn đề đặt ra với pháp luật Pháp hoàn toàn khác với pháp luật Việt Nam bởi ở Pháp số lượng bản án phúc thẩm bị Tòa án Tư pháp tối cao tuyên hủy rất ít. Do đó, vấn đề mà các bạn quan tâm lại không phổ biến lắm ở Pháp.

Ở Pháp, nguyên tắc chung là một khi bản án đã có hiệu lực thì sẽ được thi hành dù pháp luật cho phép người phải thi hành án kháng cáo lên Tòa án Tư pháp tối cao. Trong trường hợp Tòa án Tư pháp tối cao xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật thì cách thức thi hành án đối với một tài sản sẽ không bị xem xét lại. Chẳng hạn, sau khi bán một bất động sản để thi hành một văn bản có hiệu lực, sau đó văn bản này bị kháng cáo lên Tòa án Tư pháp tối cao và Tòa án Tư pháp tối cao đã tuyên hủy thì người đã được thi hành án phải trả lại cho bên kia bằng tiền.

Để giải quyết vấn đề các bạn đặt ra theo tôi nên sử dụng giải pháp cho thi hành ngay bản án, quyết định. Ở Pháp, kể cả những bản án chưa có hiệu lực pháp luật cũng có thể thi hành nếu nó có các điều kiện để cho thi hành ngay. Một số bản án sẽ đương nhiên được thi hành ngay còn một số khác thì được thi hành ngay theo quyết định của thẩm phán. Trong trường hợp bản án chưa có hiệu lực pháp luật được cho thi hành ngay theo quyết định của thẩm phán thì theo quy định của pháp luật Pháp, thẩm phán ra quyết định thi hành ngay sẽ là người đảm bảo việc thi hành án. Cơ chế này đã hài hòa rất tốt lợi ích của các bên bởi vì việc thi hành án sẽ được thực hiện đến cùng và người được thi hành án không phải chờ cho đến khi quá trình tố tụng kết thúc bởi đôi khi quá trình này mất rất nhiều thời gian. Mặt khác, về phía người phải thi hành án, nếu bản án bị hủy do có sai sót thì quyền lợi của họ vẫn được đảm bảo.

Ông Alain Guillou, Công tố viên cao cấp, Viện Công tố vùng Rouen, Cộng hòa Pháp

Theo tôi, tỉ lệ lớn án sơ thẩm bị hủy ở cấp phúc thẩm thậm chí ở cấp giám đốc thẩm có mối liên quan mật thiết đến việc đào tạo thẩm phán. Có lẽ vấn đề các bạn gặp phải là vấn đề thời gian đào tạo thẩm phán. Do đó, theo quan điểm của tôi, giải pháp về việc thi hành ngay bản án, quyết định sẽ không hợp lý mà các bạn cần có một giải pháp thực tế hơn, giải quyết tận gốc vấn đề.

Ông Nguyễn Bình

Đúng là về chất lượng đào tạo thẩm phán ở Việt Nam còn nhiều điều đáng bàn. Các quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự mới đều theo hướng tăng thẩm quyền cho thẩm phán tuy nhiên, vấn đề hiện nay của chúng tôi là đội ngũ thẩm phán còn thiếu nghiêm trọng.

Tôi xin có một câu hỏi vẫn liên quan đến thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự. Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của đương sự. Nếu đương sự yêu cầu đồng thời áp dụng nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời như kê biên, phong tỏa tài khoản .v.v... và được thẩm phán đồng ý, khi đó thừa phát lại sẽ thi hành đồng thời nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời như thế nào?

Ông Patrice Noquet, Nguyên Chủ tịch Hội đồng thừa phát lại Pari, Cộng hòa Pháp

Theo tôi, rất hiếm khi đương sự yêu cầu áp dụng đồng thời nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời. Khi gửi đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự, luật sư của đương sự phải cung cấp cho thẩm phán rất nhiều tài liệu để chứng minh rằng bên phải thi hành án có nghĩa vụ. Đương sự có thể yêu cầu phong tỏa tài khoản trong ngân hàng của người phải thi hành án. Nếu số dư trong tài khoản, không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì sau đó, đương sự mới yêu cầu áp dụng một biện pháp khẩn cấp tạm thời khác, ví dụ như biện pháp thế chấp tạm thời. Đối với thừa phát lại, khi tiến hành phong tỏa tài khoản ngân hàng, nếu thừa phát lại thấy rằng số dư trong tài khoản đủ để thi hành nghĩa vụ thì sẽ không áp dụng bất kỳ biện pháp khẩn cấp tạm thời nào khác. Bởi vì, việc áp dụng thêm biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp này là một hành vi lạm dụng. Ngược lại, nếu tài khoản bị phong tỏa là tài khoản rỗng thì thừa phát lại có quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác đã được thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự cho phép.

Ông Nguyễn Bình

Ví dụ như trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Khi phát hiện ra một kho hàng vi phạm, tức là hàng hóa đều là hàng giả, hàng nhái thì sẽ áp dụng đồng thời một loạt biện pháp như: kê biên, niêm phong và chờ phán quyết cuối cùng sau. Khi đó, nếu chỉ áp dụng một biện pháp sẽ không đủ.

Ông Dominique Couturier

Về câu hỏi này, tôi xin lưu ý rằng, chúng ta phải phân biệt rõ hai lĩnh vực: bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quy định pháp luật áp dụng đối với các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác. Ngoài lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là một lĩnh vực đặc biệt thì thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có quyền đồng ý hoặc từ chối áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà đương sự yêu cầu trên cơ sở nguyên tắc là biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng phải tương xứng với nghĩa vụ mà người phải thi hành án phải thực hiện. Biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được áp dụng trong một thời hạn xác định và quyết định cho phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng phải nêu rõ khoản tiền bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu không, quyết định này có thể bị hủy. Tôi cũng đồng ý với ý kiến của ông Noquet bởi vì trong cùng một ngày, trong cùng một quyết định, thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự không bao giờ giải quyết đồng thời nhiều yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với cùng một nghĩa vụ.

Đại biểu Việt Nam

Liên quan đến thủ tục thi hành biện pháp khẩn cấp tạm thời, theo như chuyên gia trình bày, thì người được thi hành án có quyền yêu cầu và chứng minh được quyền yêu cầu đó. Thẩm phán căn cứ vào đó sẽ ra quyết định áp dụng

biện pháp khẩn cấp tạm thời và chuyển cho cơ quan thi hành án. Biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được thi hành ngay. Tuy nhiên, có trường hợp xảy ra là mặc dù biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được thi hành nhưng sau đó lại không cần thiết vì các bên đã tự dàn xếp với nhau. Tôi xin đưa ra một ví dụ cụ thể: hai người có một hợp đồng vay nợ có giá trị là một tỉ đồng. Bên vay, tức là bên có nghĩa vụ, có một căn nhà. Bên cho vay, tức là bên có quyền yêu cầu tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với căn nhà, đó là biện pháp cấm chuyển dịch, mua bán thậm chí có thể yêu cầu áp dụng biện pháp kê biên. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được chuyển cho cơ quan thi hành án và cơ quan thi hành án đã thi hành biện pháp khẩn cấp tạm thời đó. Sau đó, tòa án cũng tuyên bên vay phải trả khoản nợ 1 tỉ đó. Bên vay là người phải thi hành án đã thanh toán bằng tiền mặt cho người được thi hành án khoản nợ đó. Bên vay muốn bán căn nhà thuộc sở hữu của mình và đã nhận tiền đặt cọc của người mua, tuy nhiên, do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên việc mua bán không thể thực hiện được và bên bán phải trả cho bên đã đặt cọc một khoản tiền gấp đôi số tiền đặt cọc. Như vậy, theo pháp luật pháp phải giải quyết thiệt hại này như thế nào?

Chuyên gia Pháp

Tôi xin làm rõ một số nội dung để tránh sự hiểu nhầm của các bạn Việt Nam.

Trước hết, thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự không đưa ra bất kỳ quyết định nào kèm theo bản án, quyết định của thẩm phán xét xử. Việc thi hành ngay bản án, quyết định được chia thành 2 trường hợp: trường hợp đương nhiên thi hành ngay bản án, quyết định và thi hành ngay bản án, quyết định theo quyết định của thẩm phán xét xử. Trong trường hợp đương nhiên tức là pháp luật quy định trong những trường hợp đó phải thi hành ngay bản án, quyết định. Thẩm phán không có quyền quyết định về việc thi hành án ngay mà chỉ nhắc lại điều này trong bản án của mình. Ví dụ một số bản án của thẩm phán đặc trách lĩnh vực hôn nhân, gia đình đương nhiên có hiệu lực thi hành ngay. Trường hợp thứ hai, thi hành ngay bản án theo quyết định của thẩm phán. Trên cơ sở xem xét, đánh giá hậu quả có thể xảy ra đối với việc cho thi hành ngay, thẩm phán sẽ quyết định có cho thi hành ngay bản án hay không. Thẩm phán sẽ cho phép thi hành ngay bản án nếu thuộc một trong các trường hợp: việc thi hành ngay bản án là cần thiết để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án; nếu thẩm phán có căn cứ cho rằng người phải thi hành án sử dụng mọi công cụ, biện pháp để trì hoãn việc ra bản án của Tòa án; nếu thẩm phán có căn cứ cho rằng người phải thi hành án chắc chắn sẽ kháng cáo phúc thẩm nhằm làm cho việc thi hành án bị chậm lại. Như vậy, chính thẩm phán xét xử sẽ quyết định có cho thi hành ngay bản án hay không chứ không phải là thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự.

Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự chỉ can thiệp trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành bản án, quyết định của tòa án. Người phải thi hành án có nghĩa vụ thực hiện một công việc, giao một vật nhưng lại chậm

thực hiện nghĩa vụ thì thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự có quyền quyết định áp dụng biện pháp phạt tiền đối với người phải thi hành án. Ví dụ theo bản án người phải thi hành án phải giao một tài liệu cho người được thi hành án trong thời hạn một tháng, hết thời hạn này nhưng người phải thi hành án vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thì mỗi một ngày chậm thực hiện nghĩa vụ người phải thi hành án sẽ phải trả khoản tiền phạt ví dụ là 1000 ơ rô. Đây là thẩm quyền mở rộng của thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự.

Ở Pháp cũng có rất nhiều tranh cãi xung quanh việc phúc thẩm, giám đốc thẩm bản án tuy nhiên vấn đề đặt ra không phải về tỉ lệ lớn các bản án bị sửa đổi mà là về thời hạn phúc thẩm, giám đốc thẩm các bản án này. Một số ý kiến cho rằng cần phải mở rộng thêm các trường hợp đương nhiên thi hành ngay bản án và quy định rằng trong những trường hợp đặc biệt có thể hủy bỏ việc thi hành ngay bản án. Tức là nếu phát hiện có sai lầm rõ ràng, hiển nhiên về mặt pháp luật thì Chánh án tòa án sơ thẩm sẽ ra quyết định hủy bỏ việc thi hành án để tránh gây ra những thiệt hại không thể khắc phục về sau. Do đó, vấn đề quy định thêm các trường hợp được thi hành ngay đang được tranh luận khá sôi nổi ở Pháp, đặc biệt để nhằm mục đích giảm tải công việc cho các tòa phúc thẩm và tránh những kháng cáo, kháng nghị vô ích lên Tòa án tư pháp tối cao nhằm trì hoãn việc thi hành án. Trong một vài trường hợp, điều kiện đầu tiên để bản án được Tòa án tư pháp tối cao xem xét lại là bản án thực sự có hiệu lực pháp luật, tức là bản án đó đã được thi hành.

Ông Claude Brenner

Để tránh gây thiệt hại cho người phải thi hành án, pháp luật Pháp quy định các trường hợp được phép hoãn việc thi hành ngay bản án. Tuy nhiên, yêu cầu hoãn việc thi hành ngay bản án phải được gửi cho Chánh án Tòa án phúc thẩm. Đây là một biện pháp để tránh gây ra những thiệt hại không thể khắc phục được về sau, như vậy việc thi hành ngay bản án sẽ được tạm hoãn. Trong trường hợp này, nếu yêu cầu tạm hoãn việc thi hành ngay bản án không được chấp nhận và nếu việc thi hành án gây thiệt hại cho người phải thi hành án thì theo nguyên tắc mà tôi đã nêu, người phải thi hành án có quyền kiện yêu cầu người được thi hành án bồi thường thiệt hại.

Đại biểu Việt Nam

Tôi có một vấn đề thắc mắc muốn hỏi ý kiến các chuyên gia Pháp. Liên quan đến tranh chấp về mốc giới nhà ở, một người khi tiến hành xây nhà đã lấn sang đất nhà hàng xóm. Bản án của Tòa án tuyên bên lấn chiếm phải tháo dỡ nhà để trả lại đất cho bên kia. Ví dụ, chiều dài của phần đất lấn chiếm là 20 cm, trong trường hợp này việc tháo dỡ diện tích nhà tương đương với diện tích đất lấn chiếm rất khó khăn và sẽ ảnh hưởng đến kết cấu, chất lượng toàn bộ ngôi nhà. Nếu cứ tiến hành dỡ bỏ phần diện tích nhà lấn chiếm thì ai phải chịu trách nhiệm nếu có hậu quả xấu xảy ra với ngôi nhà và ở Pháp các bạn giải quyết vấn đề này như thế nào?

Câu hỏi thứ hai liên quan đến trường hợp cả hai vợ chồng phạm tội phải bồi thường cho người bị hại. Hai vợ chồng này chỉ có ngôi nhà là tài sản giá trị. Tuy nhiên, cả cha mẹ và các con của họ cũng đang sinh sống trong ngôi nhà đó. Như vậy, để đảm bảo thi hành được bản án thì phải kê biên ngôi nhà. Hôm qua, tại Hội thảo, nếu tôi nhớ không nhầm thì ông Chánh án của Pháp có nói rằng việc thi hành án phải đảm bảo nguyên tắc nhân đạo, không đẩy gia đình họ lâm vào tình trạng vô gia cư. Trong trường hợp tôi vừa nêu ra thì giải quyết như thế nào? Xin các chuyên gia cho biết ý kiến.

Ông Dominique Couturier

Chúng ta đều công nhận rằng trách nhiệm của thẩm phán là rất lớn. Tuy nhiên, xin nhắc lại rằng trong việc xây dựng quy phạm pháp luật các nhà làm luật cũng có trách nhiệm nặng nề. Họ phải xây dựng những quy định pháp luật có thể áp dụng trong thực tiễn, tức là bản án có thể thi hành trên thực tiễn. Thẩm phán chỉ là người áp dụng pháp luật. Ví dụ mà đại biểu nêu ra đúng là một trường hợp rất khó giải quyết và không phải chỉ xảy ra ở Việt Nam. Chúng tôi cũng đã từng có những tranh chấp kiểu như vậy liên quan đến hàng rào, việc lấn chiếm đất đai. Ngay trong giai đoạn đào tạo thẩm phán, điều đầu tiên mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý cho các thẩm phán tương lai là các bản án của họ phải mang tính thực tiễn, tức là có thể thi hành trong thực tế. Thẩm phán phải luôn nhớ rằng họ phải áp dụng pháp luật vào những trường hợp cụ thể. Do đó, trong ví dụ các bạn đã nêu, giải pháp duy nhất, theo tôi, là người có hành vi vi phạm bồi thường cho người bị vi phạm một khoản tiền. Tất nhiên, giải pháp này cũng có một số khó khăn, nhược điểm như: phải tiến hành sửa đổi mốc giới trong hồ sơ địa chính. Thẩm phán có thể ra quyết định tháo dỡ nhà trên phần đất lấn chiếm. Tuy nhiên, theo tôi, điều này rất khó có thể thực hiện. Bởi vì, như ở Pháp, thừa phát lại là người thi hành án dân sự và có quyền sự trợ giúp của lực lượng vũ trang công quyền. Tuy nhiên, không phải trong bất kỳ trường hợp nào lực lượng vũ trang công quyền cũng bắt buộc phải trợ giúp. Như vậy, bản án hoàn toàn chỉ mang tính lý thuyết.

Ông Claude Brenner

Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Couturier. Chúng ta đã nhắc đi nhắc lại rằng việc thi hành án phụ thuộc rất nhiều vào nội dung bản án. Do đó, trong ví dụ đầu tiên mà đại biểu Việt Nam nêu ra, trước tiên chúng ta phải đặt câu hỏi: liệu việc lấn chiếm đất nhà hàng xóm có thực sự xảy ra không, căn nhà đó được xây dựng hợp pháp hay không. Vấn đề thứ hai cần làm sáng tỏ, là nếu đúng là có việc lấn chiếm đất xảy ra thì trong trường hợp này, sẽ áp dụng quy định pháp luật nào trong pháp luật về sở hữu: để bảo vệ quyền sở hữu của người bị xâm hại, sẽ áp dụng quy định buộc tháo dỡ hay quy định về việc bồi thường. Điều này không còn thuộc lĩnh vực thi hành án nữa mà thuộc pháp luật nội dung, cụ thể là pháp luật dân sự.

Trong ví dụ thứ hai về trường hợp cả gia đình đang sinh sống trong ngôi nhà phải thi hành án. Vấn đề đầu tiên mà thẩm phán phải làm rõ là ngôi nhà đó thuộc quyền sở hữu của ai, ngôi nhà đó thuộc quyền sở hữu của một người hay của nhiều người. Nếu ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của nhiều người trong đó có những người phải thi hành án và những người khác thì có quyền kê biên ngôi nhà để thi hành án không? Vấn đề này lại vượt ra khỏi lĩnh vực pháp luật về thi hành án.

Ở Pháp, trường hợp công trình xây dựng lấn chiếm đất của người khác thường bị tuyên phải dỡ bỏ. Nếu lực lượng vũ trang công quyền không hỗ trợ thừa phát lại trong việc thi hành án, người phải chịu trách nhiệm không phải là thừa phát lại mà là Nhà nước, bởi vì chính Nhà nước đã từ chối yêu cầu hỗ trợ.

Ông Nguyễn Đức Dũng, đại biểu Quốc Hội

Qua hai ngày hội thảo và ngày tọa đàm hôm nay, chúng tôi đã thu thập được khá nhiều thông tin bổ ích. Việc dự án xây dựng Bộ luật thi hành án như của Việt Nam, tức là một bộ luật duy nhất điều chỉnh tất cả các lĩnh vực thi hành án, thực sự là một dự án táo bạo. Tuy nhiên, dự án này không phải là không khả thi.

Khi đưa dự thảo ra Quốc hội thảo luận, vẫn còn nhiều vấn đề mà các đại biểu chưa thống nhất trong đó có những vấn đề về lý luận và những vấn đề về thực tiễn. Nhân dịp này, tôi muốn tham khảo ý kiến chuyên gia về một số vấn đề lý luận. Thứ nhất, hiện nay ở Việt Nam có nhiều quan điểm cho rằng thi hành án là một khâu trong quá trình tố tụng. Ví dụ như trong lĩnh vực hình sự, quá trình tố tụng gồm điều tra, truy tố, xét xử và cuối cùng là thi hành án. Việc giải quyết một vụ việc một cách "tổng thể" từ đầu đến cuối như vậy mới hiệu quả. Trong khi đó, nhiều đại biểu lại cho rằng thi hành án không phải là một khâu của quá trình tố tụng. Thi hành án là giai đoạn sau của quá trình tố tụng, sau khi tòa án đã ra bản án là chấm dứt quá trình tố tụng. Giai đoạn sau đó là thi hành án và thi hành án mang tính chất hành chính nhiều hơn. Nếu chúng ta không làm rõ được vấn đề này thì việc ban hành luật và việc áp dụng luật sẽ rất khác nhau. Nếu chúng ta cho rằng thi hành án là một khâu của quá trình tố tụng thì khi thi hành án chúng ta phải đảm bảo các nguyên tắc chủ đạo của quá trình tố tụng như nguyên tắc xác định chứng cứ, tranh tụng và ra quyết định và nguyên tắc các đương sự bình đẳng với nhau. Nếu không coi thi hành án là một khâu của quá trình tố tụng thì không thể áp dụng các nguyên tắc của tố tụng vào thi hành án mà sẽ phải áp dụng nguyên tắc quyền uy-phục tùng của lĩnh vực hành chính. Chính vì vậy, tôi xin nhắc lại rằng việc xác định thi hành án có thuộc quá trình tố tụng không có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn. Hiện nay, chúng tôi vẫn chưa thống nhất được với nhau ở vấn đề này và muốn tham khảo ý kiến của các chuyên gia.

Câu hỏi thứ hai liên quan đến hình phạt tù trong thi hành án hình sự. Trong dự thảo luật và theo tinh thần cải cách tư pháp hiện nay, chúng tôi muốn

chuyển thi hành án phạt tù từ Bộ Công an sang Bộ Tư pháp để thống nhất quản lý hoạt động thi hành án. Chúng tôi biết rằng có thời kỳ, ở Pháp, việc thi hành án phạt tù là do cơ quan công an quản lý tuy nhiên sau đó được chuyển sang Bộ Tư pháp. Chúng tôi muốn hỏi ý kiến các chuyên gia về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc chuyển giao này.

Ông Dominique Couturier

Ở Pháp, việc thi hành án dân sự không thể thuộc lĩnh vực hành chính. Bởi vì thi hành án dân sự do thừa phát lại tiến hành. Thừa phát lại là một nghề tự do và được Nhà nước ủy quyền trong hoạt động thi hành án dân sự. Ngoài ra, như tôi đã trình bày ở trên, trong quá trình thi hành án dân sự, nếu có vấn đề gì nảy sinh thì sẽ thuộc thẩm quyền của thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự. Như vậy, việc thi hành án vẫn thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp. Ở đây, tôi không thấy có gì mập mờ, không rõ ràng cả.

Liên quan đến thi hành án hình sự, việc thi hành án hình sự thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án sơ thẩm. Ở Pháp, các công tố viên cũng là thẩm phán, tức là họ thực hiện quyền công tố với tư cách là thẩm phán chứ không phải với tư cách nào khác.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án sơ thẩm có thẩm quyền thực hiện quyền công tố, yêu cầu tòa án xem xét các chứng cứ đối với một người đang bị điều tra và cho thi hành bản án hình sự. Họ thực hiện các công việc này với tư cách là một thẩm phán. Một điều nữa cho phép chúng ta khẳng định thi hành án hình sự thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp đó là thẩm quyền của thẩm phán phụ trách thi hành án hình sự. Thẩm quyền này cũng được quy định trong luật. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, thẩm phán phụ trách thi hành án hình sự không phải là người quyết định hình phạt nhưng có quyền điều chỉnh các điều kiện của việc thi hành hình phạt. Như tôi đã trình bày trong bài phát biểu của mình tại Hội thảo, đây là một thủ tục tài phán bởi vì các quyết định của thẩm phán phụ trách thi hành án hình sự chỉ được đưa ra sau khi thẩm phán nghe ý kiến của người bị kết án, luật sư của họ, đại diện Viện Công tố, cơ quan thi hành án hình sự và các quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Ông Alain Guillou

Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Couturier, tuy nhiên tôi xin bổ sung như sau. Thi hành án dĩ nhiên là khâu cuối cùng của một quá trình tố tụng. Việc bản án không được thi hành sẽ làm cho các nỗ lực của các cơ quan điều tra, xét xử trở nên vô nghĩa. Trước tiên, về câu hỏi thi hành án hình sự thuộc lĩnh vực hình sự hay hành chính, hiện nay ở Pháp, chúng tôi đang có xu hướng tài phán hóa các hình phạt đã tuyên, tức là hiện nay mức hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án không phải không thể thay đổi mà nó có thể được điều chỉnh trong quá trình người bị kết án chấp hành hình phạt, tùy thuộc vào thời gian chấp hành hình phạt và tùy thuộc vào một số yếu tố nhân thân của

người bị kết án. Các quyết định tạm hoãn thi hành án, điều chỉnh việc thi hành án, chấm dứt việc thi hành hình phạt, giảm mức hình phạt đều là các quyết định tư pháp. Đối với chúng tôi không đặt ra vấn đề giai đoạn thi hành án hình sự là một khâu của quá trình tố tụng hay là một giai đoạn riêng, do đó không có chuyện thi hành án hình sự có đặc điểm của lĩnh vực hành chính, nó là một khâu trong quá trình tố tụng hình sự.

Ngoài ra, còn một lý do khác nữa. Tôi không biết số lượng cụ thể các vụ án hình sự ở Việt Nam mỗi năm là bao nhiêu, tuy nhiên, người ta thấy rằng những nước đang phát triển đang phải đối mặt với nạn tội phạm tăng cao. Do đó, cần có một cơ quan quản lý hiệu quả việc thi hành án. Ở Pháp, đó chính là Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh tòa án sơ thẩm. Do đó, thi hành án đương nhiên là một hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp.

Cơ quan thi hành án hình sự ở Pháp đã trở thành một cơ quan trực thuộc Bộ Tư pháp từ khoảng năm 1911. Hiện nay, nước Pháp là thành viên của Hội đồng Châu Âu với những tư tưởng về quyền con người, với Công ước Châu Âu về quyền con người, thì việc trao cho một cơ quan tư pháp thi hành hình phạt tước quyền tự do của cá nhân là điều hoàn toàn hợp lý. Tôi không thấy có lý do gì thuyết phục trong việc chuyển công việc này cho một cơ quan hành chính hoặc cho Bộ Nội vụ.

Ông Claude Brenner

Như ông Couturier và ông Guillou đã trình bày, việc xác định hoạt động thi hành án thuộc thẩm quyền của lĩnh vực tư pháp hay lĩnh vực hành chính xuất phát từ hai lý do sau.

Thứ nhất, cần phải xác định xem việc thi hành án là một hoạt động đơn thuần thi hành bản án, quyết định của tòa án hay trong đó có cả thẩm quyền quyết định. Trong lĩnh vực hình sự, nếu hình phạt đã tuyên là cố định, không thể thay đổi hoặc điều chỉnh thì việc thi hành án trở thành một công việc máy móc. Một khi hình phạt được tuyên sẽ không có chuyện thay đổi hay điều chỉnh và công việc chỉ là thi hành hình phạt đó cho nên chúng ta có thể coi giai đoạn thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính vì trong giai đoạn này không có bất kỳ quyết định nào khác. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, trong giai đoạn thi hành án vẫn có các quyết định được đưa ra ví dụ như những quyết định về cá thể hóa hình phạt, về việc điều chỉnh việc thi hành hình phạt nhằm mục đích tái hòa nhập xã hội cho người bị kết án như vậy thi hành án không còn thuộc lĩnh vực hành chính nữa mà thuộc lĩnh vực tư pháp. Ở Pháp, một trong những đặc điểm cho phép phân biệt lĩnh vực hành chính và lĩnh vực tư pháp là lĩnh vực hành chính không đưa ra quyết định mà chỉ thi hành. Như vậy, lý do đầu tiên để cho rằng thi hành án thuộc lĩnh vực tư pháp là lý do về thẩm quyền ra quyết định.

Thứ hai, như ông Guillou đã phân tích, mọi hành vi hạn chế các quyền tự do cá nhân, mọi hành vi ảnh hưởng đến quyền toàn vẹn về thân thể của cá nhân

đều thuộc lĩnh vực tư pháp. Đây là hai lý do cơ bản để chúng tôi cho rằng thi hành án thuộc lĩnh vực tư pháp.

Ông Stéphane Gely, Giám đốc trại giam Fresnes, Cục Quản lý trại giam, Bộ Tư pháp, Cộng hòa Pháp

Ở Pháp, việc thi hành hình phạt tước quyền tự do là một khâu của quá trình hình sự. Khoảng những năm 1900, nước Pháp đã chuyển cơ quan quản lý trại giam từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp. Bởi vì người ta cho rằng cơ quan quản lý trại giam là cơ quan thi hành của Bộ Tư pháp và tất cả những công việc liên quan đến việc quản lý những người bị tước quyền tự do thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp chứ không phải cơ quan công an. Ở Pháp, quan điểm này có từ những năm 1900, tuy nhiên có một giai đoạn ngoại lệ đó là từ năm 1942 đến 1945, giai đoạn nước Pháp bị Đức chiếm đóng. Năm 1942, Cơ quan quản lý trại giam được chuyển sang Bộ Nội vụ và chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cũng là người đứng đầu quân đội dưới thời Pétain, Chính phủ đã hợp tác với Đức quốc xã. Sau giai đoạn rối ren đó, việc Cơ quan quản lý trại giam trực thuộc Bộ Tư pháp là một điều tất yếu, hiển nhiên không bao giờ bị xem xét lại nữa.

Quan điểm cơ bản của các nước Châu Âu, của Pháp đều cho rằng việc thi hành biện pháp tước quyền tự do không thể thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính hay công an mà phải thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp. Là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý những người bị tước quyền tự do, do đó khi một người được chuyển đến, việc đầu tiên chúng tôi phải làm là kiểm tra trong hồ sơ của họ có bản án về việc tước quyền tự do không. Như vậy, chúng tôi là người đảm bảo rằng việc thi hành hình phạt tước quyền tự do được thực hiện đúng đối tượng. Tuy nhiên, là một cơ quan thi hành án do đó chúng tôi chịu sự giám sát của thẩm phán.

Đại biểu Việt Nam

Xin các chuyên gia cung cấp một số thông tin về vấn đề bắt giữ tàu biển theo lệnh khẩn cấp của tòa án. Như các bạn thấy, Việt Nam có hơn 3000 km bờ biển, khối lượng hàng hóa được giao lưu, trao đổi thông qua con đường này là rất lớn, tuy nhiên, cho đến nay rất đáng tiếc là vẫn chưa có một văn bản cụ thể nào về bắt giữ tàu biển cho nên việc bắt giữ tàu biển theo lệnh khẩn cấp của tòa án gần như không thực hiện được. Hiện nay, chúng tôi cũng đang tham gia soạn thảo một pháp lệnh về bắt giữ tàu biển tuy nhiên chúng tôi chưa biết là thủ tục bắt giữ như thế nào, các biện pháp áp dụng như thế nào cho hiệu quả trong việc bắt giữ tàu biển. Do đó, rất mong các chuyên gia cho biết thêm thông tin về thủ tục, thẩm quyền và các biện pháp áp dụng để đảm bảo hiệu quả trong việc bắt giữ tàu biển theo lệnh khẩn cấp của tòa án.

Ông Nguyễn Bình

Ở dự thảo 11, trong phần quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời có quy định biện pháp bắt giữ tàu biển. Theo quy định đó, tòa án gửi quyết định của

mình cho rất nhiều cơ quan gồm cơ quan thi hành án, cảng vụ và các cơ quan khác có liên quan. Thứ nhất, theo quy định này thì tòa án gửi quyết định đến quá nhiều cơ quan, thứ hai, khi nhận được quyết định của tòa án, cơ quan thi hành án là cơ quan có trách nhiệm chính vậy quan hệ giữa cơ quan thi hành án với các cơ quan khác như thế nào?

Chuyên gia Pháp

Việc bắt giữ tàu biển được quy định trong các văn bản lập quy. Theo quy định, sau khi có quyết định của thẩm phán, thừa phát lại phải đến cảng nơi tàu là đối tượng của quyết định bắt giữ đang neo đậu và liên hệ với cảng vụ. Thừa phát lại có thể yêu cầu sự hỗ trợ, giúp đỡ của cảng vụ, đại diện cơ quan công an. Về nguyên tắc, thừa phát lại sẽ và cảng vụ sẽ cấm tàu đó rời cảng. Đối với thủ tục này, vai trò của cảng vụ là rất lớn, cảng vụ sẽ hỗ trợ cho công việc của thừa phát lại đồng thời cấm tàu bị bắt giữ rời cảng.

Ông Dominique Couturier

Tôi chỉ xin cung cấp thêm một thông tin, đó là theo quy định của pháp luật hình sự Pháp, nếu một tàu biển bị phát hiện là gây ô nhiễm cho bờ biển nước Pháp, thì chúng tôi có quyền triệu hồi con tàu trở lại cảng của Pháp. Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng Le Havre nơi tôi làm việc có thẩm quyền đối với một đoạn bờ biển dài 300 km. Đoạn bờ biển nhìn ra Đại Tây Dương thuộc thẩm quyền quản hạt của Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng Brest và đoạn bờ biển nhìn ra Địa Trung Hải thuộc phạm vi quản hạt của Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng Marseille. Với thẩm quyền này, Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng có thể yêu cầu chủ tàu nộp ký quỹ một khoản tiền để ràng buộc họ phải quay trở lại trình diện trước Tòa để giải quyết vụ việc ô nhiễm. Số tiền ký quỹ rất lớn. Nếu tôi nhớ chính xác thì số tiền ký quỹ của vụ việc gần đây nhất là 500.000 ơ-rô. Đây là một biện pháp ràng buộc rất hiệu quả. Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng thực thi quyền của mình trên cơ sở phối hợp với lực lượng hải quân, bởi vì chúng tôi không có điều kiện vật chất để trực tiếp yêu cầu triệu hồi tàu biển.

Ông Alain Guillou

Cùng với lực lượng hải quân, lực lượng hải quan cũng tham gia vào công tác tuần tra biển bằng máy bay để phát hiện buôn bán ma túy.

Ông Nguyễn Văn Bình

Về thủ tục bắt giữ tàu biển, tôi xin bổ sung một thông tin sau: Nhà Pháp luật hiện có một tập tài liệu về thủ tục bắt giữ tàu biển của Pháp. Nếu quý vị nào quan tâm thì xin mời tham khảo tài liệu này.

Đại biểu

Tôi thấy thừa phát lại của Pháp được sự hỗ trợ của cảnh sát tư pháp hoặc của các cơ quan khác có liên quan. Vậy xin chuyên gia cho biết hỗ trợ cụ thể là gì? Ở Việt Nam, công tác hỗ trợ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. Chúng tôi quan

niệm rằng chỉ khi pháp luật quy định nghĩa vụ phải hỗ trợ cho công tác của nhân viên thi hành án thì chúng tôi mới có nghĩa vụ hỗ trợ.

Vấn đề thứ hai tôi muốn được nghe ý kiến của chuyên gia, đó là trong thủ tục ly hôn, nếu hai vợ chồng có con chung thì con được giao cho một bên vợ hoặc chồng nuôi và bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, thực tế xảy ra trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng không hoàn thành nghĩa vụ cấp dưỡng và người có nghĩa vụ giao con không giao con cho người kia. Vậy chúng tôi phải tổ chức như thế nào? Cưỡng chế ra sao?

Ông Dominique Couturier

Đây là một vấn đề rất nhạy cảm. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, pháp luật Pháp quy định nhiều biện pháp dân sự để thực hiện nghĩa vụ này, như nộp tiền vào tài khoản, trích lương... Trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng không hoàn thành nghĩa vụ của mình, Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng có quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có nghĩa vụ. Sau đó, người này bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ của mình dưới sự giám sát của thẩm phán quản lý thi hành án hình sự. Người này cũng có nghĩa vụ phải chứng minh với thẩm phán về việc đã nộp tiền cấp dưỡng định kỳ.

Tương tự, đối với trường hợp người vợ hoặc chồng không giao con cho người kia theo quyết định ly hôn của Tòa án, chúng tôi cũng quy định các biện pháp thực hiện nghĩa vụ dân sự để khuyến khích người vợ hoặc chồng tự nguyện thi hành án. Trên thực tế, rất ít khi đương sự tự nguyện thi hành án. Vì vậy, chúng tôi phải sử dụng đến biện pháp cưỡng chế thi hành án. Khi đó, tính chất vụ việc chuyển từ dân sự sang hình sự. Chánh án Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng có quyền yêu cầu cơ quan cảnh sát thi hành quyết định ly hôn và đảm bảo giao con cho người vợ hoặc chồng có quyền.

Ông Alain Guillou

Vấn đề còn phức tạp hơn nhiều nếu vụ việc có yếu tố nước ngoài. Ở Châu Âu, chúng tôi thường phải dựa vào các hiệp định song phương. Nhưng bản thân việc đàm phán để đi đến ký kết hiệp định cũng không phải đơn giản. Pháp và Đức đã phải đàm phán hơn 10 năm thì mới có thể ký kết hiệp định song phương về vấn đề này.

Ông Patrice Nocquet

Vai trò hỗ trợ của cơ quan quyền lực công đối với công tác của thừa phát lại ở Pháp được quy định tại Luật năm 1991 và Nghị định năm 1992. Ở đây, chúng ta cần phân biệt hai trường hợp: 1/ Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật; 2/ Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà. Người có nghĩa vụ trả nhà ở đây có thể là một gia đình hoặc một người độc thân không thanh toán tiền thuê nhà trong một thời gian dài... Tuy nhiên, ngày nay, vì những lý do nhân đạo, chúng tôi chủ yếu chỉ tập trung vào những đối tượng là người độc thân. Việc buộc một người phải giao nhà trong một số trường hợp cũng không đơn giản.

Chẳng hạn, nếu người bị buộc phải giao nhà có nuôi chó, mèo, thì chúng tôi phải có thêm nghĩa vụ tìm nơi để gửi trông chó, mèo. Cách đây khoảng 10 năm, một đồng nghiệp của tôi được yêu cầu cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà. Nhưng lúc đến nhà, đương sự không có nhà và ở nhà chỉ có một bể cá cảnh. Người đồng nghiệp của tôi đã để lại bể cá trong nhà và kết quả là cá đã chết trước khi đương sự quay trở lại nhà để mang đi. Người đồng nghiệp của tôi đã bị khởi kiện ra Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng. Dù cuối cùng người đồng nghiệp đó không bị truy cứu trách nhiệm nhưng tôi lấy ví dụ này để các quý vị thấy rằng trên thực tế, công tác cưỡng chế cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Điều 101 Bộ luật Thi hành án của các bạn quy định rằng nếu quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo mà người có tài sản không đến nhận thì chấp hành viên bán tài sản. Tôi cho rằng thời hạn này là quá dài. Ở Pháp, chúng tôi chỉ quy định thời hạn là 1 tháng. Nếu quá thời hạn này, thẩm phán sẽ định giá tài sản. Nếu người phải thi hành án không đến chuộc lại tài sản thì tài sản sẽ được bán. Nhìn từ góc độ người cho thuê nhà, tôi thấy thời hạn 6 tháng là quá dài. Bởi vì bản thân người đó đã không được thanh toán tiền nhà trong một thời gian dài. Nếu chúng ta tiếp tục bắt họ phải chờ đợi thêm 6 tháng thì họ sẽ bị thiệt đơn, thiệt kép, do mất thêm một khoản thu có thể có từ việc cho người khác thuê nhà.

Ngoài ra, khi nghiên cứu Dự thảo của các bạn, tôi nhận thấy người được thi hành án luôn có mặt trong thủ tục kê biên tài sản. Theo tôi, chúng ta không nên quy định như vậy. Bởi vì việc để cho người phải thi hành án và người được thi hành án trạm chán nhau lúc này sẽ không có lợi cho công tác kê biên tài sản.

Buổi chiều

Ông Nguyễn Bình

Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thủ tục xóa án tích hình sự, kể cả phạt tù cũng như ngoài phạt tù. Tới đây, chúng tôi sẽ đưa Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán về xóa án tích hình sự vào Bộ luật Thi hành án.

Chiều nay, chúng tôi mong muốn được nghe các chuyên gia thuyết trình về cơ chế quản lý thi hành án hình sự ngoài tù, đối với từng loại án. Hiện nay, chúng tôi đã xây dựng cơ chế nhưng chưa có ai quản lý. Nếu Bộ Tư pháp đứng ra quản lý thì quản lý như thế nào? Đầu mỗi theo dõi thế nào?

Thứ hai, chúng tôi cũng muốn biết kinh nghiệm của nước ngoài trong việc quy định thủ tục đề nghị Tòa án xóa án tích hình sự đối với từng loại án để cải thiện thêm Dự thảo Bộ luật Thi hành án. Vì Dự thảo này được soạn thảo trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

Trên đây là hai đề xuất thảo luận của tôi. Đây là hai vấn đề rất quan trọng đối với chúng tôi. Bởi vì chúng tôi phải nhanh chóng hoàn thành Dự thảo 12 để đến tháng 7, trình ra Hội nghị đại biểu quốc hội chuyên trách và đến tháng 10, trình Quốc hội xem xét và thông qua. Rất mong các chuyên gia, đặc biệt là ông Giám đốc trại giam Fresnes, cho biết ý kiến.

Ông Stéphane Gely

Việt Nam đang tiến hành cải cách toàn diện nhằm xây dựng một Nhà nước pháp quyền và hoạt động tố tụng cũng không nằm ngoài công cuộc cải cách này. Các bạn đã soạn thảo một Dự thảo Bộ luật Thi hành án mà theo chúng tôi đánh giá, đó là một Dự thảo tham vọng, có tính đổi mới và độc đáo. Nói như vậy là bởi vì các bạn dự định gộp cả thi hành án dân sự, hành chính và hình sự vào cùng một văn bản luật. Trong phạm vi chuyên môn của mình, tôi chỉ xin đóng góp một vài ý kiến về phần thi hành án hình sự (từ Điều 159 đến Điều 294). Cũng phải nói luôn rằng thời gian công tác của tôi ở Việt Nam không dài và tôi cũng không hiểu biết nhiều về pháp luật thực định của Việt Nam nên tôi không thể đóng góp được nhiều ý kiến xây dựng cho Dự thảo Bộ luật của các bạn. Sau đây là một vài ý kiến đóng góp của tôi:

Sau khi đọc Dự thảo, tôi thấy mô hình thi hành án hình sự của Việt Nam có nhiều điểm giống với mô hình hiện nay của Pháp và thậm chí, ở một số điểm còn tiến bộ hơn mô hình của Pháp.

Trước hết, mô hình này được quy định trong một văn bản luật, trong khi đó, ở Pháp không thể xây dựng được một văn bản luật về vấn đề này.

Thứ hai, các bạn đã thành công trong việc xây dựng một Dự thảo thể hiện rõ tính nhân đạo của các nguyên tắc, nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của biện pháp trừng phạt. Điều 159 là một trong những ví dụ điển hình của thành công này. Chế độ giam giữ và sinh hoạt đối với phạm nhân được đảm bảo tốt. Các bạn có thể thấy rõ điều này qua quy định từ Điều 188 đến Điều 192.

Ngoài ra, như tôi đã nói, đây là một Dự thảo độc đáo. Độc đáo trước hết là bởi vì ở đây, gia đình đã thực sự trở thành một yếu tố hỗ trợ tích cực cho công tác thi hành án hình sự. Gia đình có nghĩa vụ nỗ lực hết mình để giúp đỡ người phạm tội cải tạo và hoàn lương. Độc đáo còn bởi vì Dự thảo cũng cho phép phạm nhân được đoàn tụ gia đình. Thực vậy, khoản Điều 204 cho phép phạm nhân được gặp gỡ thân nhân từ 24 đến 48 giờ và được ở lại buồng riêng trong phạm vi tiếp đón của trại. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng nếu các bạn đã chủ trương coi gia đình là một công cụ hỗ trợ người phạm tội hoàn lương thì nên cho phép phạm nhân được gặp gỡ thân nhân thường xuyên hơn nữa.

Chuyển sang nhận xét về vai trò của Ban tự quản, theo quy định tại Điều 307, trong mỗi nhà giam có thể tổ chức Ban tự quản của phạm nhân do Hội nghị hàng năm của phạm nhân bầu và được giám thị trại giam ra quyết định công nhận. Ban tự quản có trách nhiệm hỗ trợ giám thị trại giam giữ gìn trật tự, vệ sinh, nội quy, nếp sống văn hóa trong trại giam. Như vậy, có thể coi đây là một cơ chế phối hợp quản lý giữa giám thị trại giam và ban tự quản. Tôi e rằng với cơ chế này, vô hình chung, chúng ta sẽ tạo điều kiện cho hoạt động băng đảng trong nhà giam.

Bên cạnh các điểm tương đồng nêu trên, mô hình thi hành án hình sự của Việt Nam cũng có một số điểm khác biệt.

Khác biệt thứ nhất là nghĩa vụ lao động. Ở Pháp trước đây, tức là trước những năm 80, lao động là bắt buộc. Tuy nhiên, ngày nay, người ta đã xóa bỏ nghĩa vụ này. Tại sao? Bởi vì sự phát triển của thị trường lao động đã khiến cho Cục quản lý thi hành án hình sự không thể hoàn thành nghĩa vụ này. Thất nghiệp là một trong những nguyên nhân đầu tiên khiến cho nỗ lực tái hòa nhập xã hội không đem lại kết quả. Do vậy, tôi nghĩ rằng liên quan đến vấn đề lao động, Bộ luật này cần được cụ thể hóa hơn nữa. Có hai giải pháp có thể lựa chọn: Một là chúng ta xây dựng hệ thống pháp luật chung để điều chỉnh mọi vấn đề liên quan đến lao động. Hoặc hai là chúng ta cố gắng xây dựng trong Bộ luật các quy định sao cho thống nhất với các quy định của pháp luật lao động trên các phương diện như tiền công, bảo hiểm xã hội...

Khác biệt thứ hai liên quan đến đào tạo nghề. Đây là một nội dung được soạn thảo khá tốt. Tuy nhiên, tôi xin được hỏi thêm về khái niệm đào tạo nghề phù hợp với công việc hiện có ở trại giam. Ở Pháp, vấn đề này được nêu tại các quy định chung của pháp luật từ gần 10 năm nay. Chúng tôi chủ trương đào tạo các nghề có triển vọng và phù hợp với trình độ của phạm nhân, chứ không đào tạo các nghề phù hợp với công việc hiện có ở trại giam. Ngoài lề duy nhất, đó là các dịch vụ chung (như nghề bảo dưỡng công trình). Ngoài ra, chúng tôi cũng ưu tiên các nghề cho phép phạm nhân có thể hoàn thành quá trình đào tạo ở bên ngoài, nếu được giám án.

Tiếp theo, về công tác giáo dục, tôi nghĩ rằng chúng ta cần xóa bỏ mọi ngăn cách. Nếu Bộ Tư pháp đã sẵn sàng loại bỏ rào cản này thì vấn đề còn lại chỉ là

tham khảo ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam để xem liệu Bộ Giáo dục và Đào tạo có đủ nguồn nhân lực và vật lực để đảm bảo đủ số lượng giáo viên cho các trại giam. Vấn đề này đặc biệt quan trọng với người chưa thành niên phạm tội. Ở Pháp, các trung tâm giáo dưỡng người chưa thành niên phạm tội mới được xây dựng đều có chức năng giáo dục do Bộ Giáo dục trực tiếp đảm nhiệm. Chương trình giáo dục phải chuẩn bị cho người phạm tội những kiến thức cần thiết để tái hòa nhập xã hội sau khi hoàn thành quá trình cải tạo.

Sáng nay, các bạn đã hỏi tôi về các biện pháp thay thế hình phạt tù và cơ chế theo dõi việc chấp hành các biện pháp này ở Pháp. Tôi đã trả lời rằng Cục quản lý thi hành án hình sự của Pháp là cơ quan thi hành các biện pháp theo quyết định của cơ quan tư pháp. Theo tôi, chúng ta có thể phân chia các biện pháp thay thế hình phạt tù thành 2 loại: các biện pháp thay thế có thể được quyết định áp dụng ngay từ đầu, tức từ khi Tòa án quyết định hình phạt và các biện pháp thay thế được áp dụng khi phạm nhân được giảm án trong quá trình thi hành án phạt tù.

Câu hỏi đầu tiên, đó là tại sao lại quy định biện pháp thay thế hình phạt tù? Câu hỏi này đã được đặt ra ở Pháp. Biện pháp thay thế hình phạt tù phải đáp ứng hai mục đích: thứ nhất, giúp người bị kết án không bị loại hoàn toàn ra khỏi xã hội; thứ hai, giảm bớt tình trạng quá tải ở các nhà tù. Tổ chức quản lý thi hành án của Pháp không phụ thuộc vào biện pháp thay thế hình phạt tù được áp dụng.

Chúng tôi có các cơ quan phụ trách vấn đề tái hòa nhập xã hội và thử thách. Đây là cơ quan trực thuộc Cục quản lý thi hành án hình sự và có nhiệm vụ theo dõi việc chấp hành các biện pháp thay thế hình phạt tù. Cơ quan này chỉ mới được thành lập từ năm 1999, khi nước Pháp tiến hành cải cách pháp luật và tư pháp. Công tác theo dõi việc chấp hành các biện pháp thay thế hình phạt tù bao gồm theo dõi trong tù đối với những phạm nhân bị phạt tù và theo dõi ngoài cộng đồng, đối với những người phạm tội không bị phạt tù. Ở đây, chúng tôi vẫn phân biệt hai môi trường: môi trường cải tạo có giam giữ (nhà giam) và môi trường cải tạo không giam giữ (tức cộng đồng), cho dù mục tiêu của cuộc cải cách trong thời gian qua là xóa bỏ sự phân biệt giữa hai môi trường này. Thực vậy, mục tiêu của cải cách là làm sao đảm bảo công tác theo dõi phạm nhân ngay từ trước khi giam giữ và duy trì sự theo dõi ngay cả khi người này đã chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên, vì những trở ngại thực tế mà cho đến nay, chúng tôi vẫn phân biệt hai loại môi trường: môi trường cải tạo có giam giữ và môi trường cải tạo không giam giữ.

Những người làm việc tại Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách là nhân viên Nhà nước có nhiệm vụ theo dõi quyết định của thẩm phán. Họ có quyền tự do đánh giá phương thức thực hiện các biện pháp thay thế hình phạt tù nhưng không được làm ảnh hưởng đến hiệu lực pháp luật của bản án. Nói tóm

lại, họ chỉ có thể đề xuất những biện pháp thay thế mới đối với thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự.

Ở Pháp, thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự chỉ phụ trách môi trường cải tạo có giam giữ. Đây chính là người có thẩm quyền giảm thời gian chấp hành hình phạt cho người phạm tội.

Nguyên tắc đặt ra, đó là dù người phạm tội được giảm thời gian chấp hành hình phạt thì người đó vẫn phải chịu sự theo dõi của cơ quan tư pháp. Một người phạm tội không thể dễ dàng được hưởng tự do mà không phải chịu bất kỳ hình thức theo dõi xã hội hoặc tư pháp nào. Đây chính là nội dung cơ của nguyên tắc tái hòa nhập xã hội.

Về những biện pháp thay thế hình phạt tù cụ thể, chúng tôi có rất nhiều biện pháp khác nhau:

1/ Án treo. Như tôi đã nói, Tòa án có thể quyết định cho người phạm tội được hưởng án treo. Việc cho phép một người được hưởng biện pháp thay thế hình phạt tù không có nghĩa là người đó không có tội.

2/ Án treo kèm theo thời gian thử thách từ 18 tháng đến tối đa là 3 năm.

3/ Lao động công ích. Biện pháp này được xây dựng từ năm 1983. Như tôi đã nói hôm trước, đây là một biện pháp thông minh. Thông minh bởi vì biện pháp này có nhiều ích lợi. Thứ nhất, đây là biện pháp cho phép ràng buộc trách nhiệm đối với cá nhân. Thứ hai, biện pháp này góp phần giúp người phạm tội thanh toán được một phần khoản nợ của mình, thông qua việc lao động từ 40 đến 120h cho một cơ quan địa phương như bệnh viện, Tòa thị chính... Tất nhiên, người phạm tội không được trả thù lao.

Đáng tiếc là cho đến nay, biện pháp này không được áp dụng nhiều ở Pháp, do có những khó khăn nhất định, chẳng hạn như phải tìm được cơ sở tiếp nhận người phạm tội đến làm việc. Nếu cho người phạm tội đến làm việc ở Tòa thị chính thì phải có biện pháp quản lý và theo dõi cần thiết. Hơn nữa, việc tiếp nhận này chắc chắn sẽ khiến những nhân viên đang làm việc tại cơ quan này sinh thái độ nghi kị. Do vậy, dù đây là biện pháp thông minh thì việc áp dụng biện pháp này chỉ rất hạn chế, do không phải cơ quan nào cũng sẵn sàng tiếp nhận người phạm tội. Tòa án sơ thẩm là cơ quan quyết định các cơ quan sẽ tiếp nhận người phạm tội đến làm việc.

Tôi nghĩ đây có thể là một giải pháp cho Việt Nam. Tuy phương Tây và phương Đông không cùng chung quan điểm về lao động. Điều này được thể hiện qua quy định về nghĩa vụ lao động của phạm nhân trong trại giam trong Bộ luật của các bạn. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu cho phép người phạm tội được đóng góp sức lao động của mình để phục vụ cộng đồng và sửa chữa lỗi lầm thì sẽ rất tốt.

Về nhóm biện pháp điều chỉnh hình phạt, điểm khác biệt cơ bản của nhóm biện pháp này so với nhóm biện pháp vừa nêu trên, đó là ở đây, người

phạm tội đã phải chấp hành hình phạt tù. Có thể kể ra đây một số biện pháp cụ thể sau đây:

- 1/ Tha tù trước thời hạn có điều kiện: Biện pháp này được pháp luật Pháp quy định rất cụ thể. Ưu điểm của biện pháp này, đó là sau khi được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người phạm tội vẫn thuộc diện giám sát, theo dõi. Người phụ trách giám sát, theo dõi có nhiệm vụ báo cáo định kỳ cho thẩm phán thi hành án hình sự. Nếu người phạm tội được tha tù trước thời hạn có điều kiện không tuân thủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định thì sẽ phải chấp hành hình phạt tù.
- 2/ Chế độ giam giữ bán thời gian: Đây là biện pháp được áp dụng từ lâu đời với những phạm nhân có mức hình phạt từ 1 năm trở xuống. Ban ngày, họ có thể ra ngoài làm việc và buổi tối, phải trở về nơi mình đang chấp hành hình phạt.
- 3/ Chế độ giam giữ cho phép người bị giam giữ ra ngoài. Đúng như tên gọi, chế độ giam giữ này cho phép phạm nhân có thể được ra ngoài để làm việc hoặc học tập, dưới sự giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp của trại giam. Cơ chế này được thực hiện trên cơ sở hợp tác giữa cơ sở giam giữ và các hiệp hội, vốn rất phát triển ở Pháp.
- 4/ Cuối cùng là biện pháp quản chế bằng hệ thống điện tử. Biện pháp này có thể áp dụng chung cho cả hai nhóm biện pháp. Đây là biện pháp mới được áp dụng trong thời gian gần đây nhằm hạn chế tình trạng quá tải trong các trại giam. Thời gian áp dụng biện pháp này không được quá 6 tháng. Người được quản chế bằng hệ thống điện tử phải đeo một vòng tay điện tử được kết nối bằng sóng điện từ với bộ tiếp nhận đặt tại nhà mình. Nhược điểm của biện pháp này là không khả thi, do những trở ngại tâm lý. Hiện nay, chúng tôi đã qua giai đoạn áp dụng thử nghiệm biện pháp và chuyển sang áp dụng trên toàn quốc. Tính đến nay, biện pháp này đã được áp dụng 5 năm. Về mặt kỹ thuật, đây là một biện pháp rất an toàn. Có rất ít sự cố xảy ra. Nhưng đây là một biện pháp tốn kém cả về nhân lực và vật lực.

Vẫn liên quan đến nguồn lực, tôi thấy rằng các bạn đã xây dựng những nguyên tắc chung của công tác thi hành án rất gần với các nguyên tắc của Pháp. Thực vậy, chúng ta đều thống nhất rằng công tác thi hành án phải đảm bảo nguyên tắc nhân đạo và phải phù hợp với các công ước quốc tế. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc đảm bảo áp dụng các nguyên tắc này trên thực tế đòi hỏi rất nhiều nguồn lực. Để giám sát và quản lý người thuộc diện cải tạo, chúng ta có thể lựa chọn một trong 4 nguồn sau: doanh nghiệp, công an, Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn có nhiệm vụ quản lý người phạm tội. Theo tôi, các bạn nên đi theo hướng quản lý tập trung. Tại sao? Bởi vì đối với loại dự thảo như Dự thảo mà chúng ta đang xây dựng, chúng ta nên có tư tưởng thực tế. Ở Pháp, vấn đề chế độ giam giữ và sinh hoạt của phạm nhân

đã được nhắc đến rất nhiều trong thời gian qua. Người ta cho rằng một số nhà giam của Pháp không đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho phạm nhân. Hệ quả là chúng tôi đã phải chi rất nhiều tiền để nâng cấp hệ thống nhà giam và nhà tù chỉ được tính đến nếu buộc phải tước quyền tự do của người phạm tội. Đúng là chúng ta có thể xây dựng những hệ thống chỉ tước quyền tự do đi lại của người phạm tội, còn những quyền cơ bản khác như quyền bầu cử, quyền của cha mẹ đối với con, quyền được đảm bảo về sức khỏe, quyền học tập... vẫn được đảm bảo. Nhưng để làm được điều đó, cần rất nhiều nhân lực và tiền bạc.

Khi đọc Dự thảo của các bạn, tôi thấy rất yên tâm khi Nhà nước Việt Nam khẳng định rõ bằng văn bản rằng sẽ đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực cho hệ thống các cơ sở giam giữ. Ngoài ra, các bạn cũng đã ấn định thời hạn 2010.

Quay trở lại với nội dung cuộc tranh luận sáng nay về sự lựa chọn cơ quan có thẩm quyền quản lý thi hành án hình sự, như tôi đã nói, ở nhiều nước phương Tây, công tác quản lý thi hành án tước quyền tự do có thể được thực hiện bởi những người không trực thuộc Bộ Tư pháp. Điều đó không có nghĩa rằng ở những nước có cơ quan quản lý thi hành án trực thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan này không có khả năng quản lý hiệu quả việc thi hành án tước quyền tự do. Bởi vì đây là sự lựa chọn của mỗi quốc gia. Tôi mong rằng các bạn có đủ quyết tâm để đi theo sự lựa chọn này. Tôi thực sự rất ấn tượng về những cam kết của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực này.

Ông Nguyễn Bình

Xin cảm ơn chuyên gia. Sau đây, tôi xin giải thích thêm một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, hiện nay Việt Nam chưa quy định các biện pháp thay thế hình phạt tù (ví dụ chuyển từ tù sang tiền hoặc ngược lại). Vấn đề này phải đợi đến khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự thì mới được xem xét.

Thứ hai, chuyên gia có nói rằng từ vài năm trở lại đây, Pháp đã bỏ nghĩa vụ lao động trong nhà tù. Để làm được như vậy, tôi nghĩ chúng ta phải tính đến vấn đề phân loại phạm nhân: loại nào phải giam giữ theo chế độ đặc biệt và không phải lao động. Ở Đức, 18% là tù "mở" (tức là có thể ra ngoài làm việc cho các công ty) và 82% là tù "kín". Nếu chấp nhận hình thức tù "mở" thì đằng sau chủ trương này còn đặt ra chính sách việc làm và dạy nghề cho phạm nhân. Về vấn đề này, chúng tôi còn gặp nhiều lúng túng. Chúng tôi hiểu rằng giá trị lao động của phạm nhân sẽ giúp giải quyết 3 vấn đề: 1/ Giảm bớt chi phí của Nhà nước để đảm bảo ăn uống và giam giữ phạm nhân. 2/ Cho phép phạm nhân giúp đỡ được gia đình bằng cách gửi tiền công về gia đình, nếu có gia đình. 3/ Cho phép phạm nhân có một khoản tiết kiệm sau khi ra tù để tái hòa nhập cộng đồng. Nhưng cách giải quyết cụ thể ra sao đối với giá trị lao động của phạm nhân thì chúng tôi còn gặp nhiều lúng túng. Bởi vì vấn đề này còn liên quan đến Công ước về nhân quyền và Công ước về cấm cưỡng bức lao động. Nếu chúng tôi quy định nghĩa vụ lao động công ích và không trả công thì điều đó lại vi phạm Công ước về cấm cưỡng bức lao động.

Nhân có các chuyên gia ở đây, tôi xin hỏi một số vấn đề sau:

Pháp luật ở nước các bạn quy định như thế nào để vẫn đảm bảo tôn trọng các công ước quốc tế?

Nếu trong nhà tù không đặt ra vấn đề việc làm và dạy nghề một cách nghiêm túc thì giải quyết tái hòa nhập cộng đồng như thế nào?

Bộ Tư pháp, Cục quản lý thi hành án hình sự làm gì để giúp đỡ phạm nhân sau khi họ mãn hạn tù? Theo tôi được biết, Nhật Bản có Cục Tái hòa nhập cộng đồng để hỗ trợ người mãn hạn tù. Xin hỏi Pháp có mô hình tương tự như vậy không?

Giám thị trại giam thuộc Bộ Tư pháp do ai bổ nhiệm? Quản giáo do ai bổ nhiệm? Những người này hoạt động theo quy chế nào? Quy chế công chức?

Ông Stéphane Gely

Ở Pháp, trước đây, chúng tôi coi lao động là một trong những biện pháp cải tạo người phạm tội. Nhưng giờ đây, nguyên tắc này đã bị xóa bỏ, do khó có thể đảm bảo áp dụng trên thực tế và do việc duy trì không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội. Ngày nay, chỉ 38% phạm nhân đi làm. Điều này được giải thích bởi hai lý do sau: 1/ Rất ít doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận lao động là người phạm tội. 2/ Sau khi CNXH ở các nước Đông Âu sụp đổ, nhiều lao động ở các nước này sang tìm việc ở Pháp và đưa ra giá nhân công rất cạnh tranh.

Các phạm nhân đi làm việc vẫn được trả tiền công bằng 85% mức lương tối thiểu ở Pháp. Do hạn chế về trình độ, nên công việc mà các phạm nhân thường làm chủ yếu là những công việc đơn giản, liên quan đến lao động thủ công. Tiền công được trả theo mỗi đầu việc. Sau khi được trả lương, phạm nhân phải đóng bảo hiểm xã hội với mức đóng ưu đãi. Chính sách này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tuyển dụng lao động là phạm nhân. Tiếp đến, một phần tiền lương được trích để bồi thường cho người bị hại. Phần tiền lương còn lại được chia thành hai khoản, một khoản để dành cho phạm nhân sau khi mãn hạn tù và một khoản để chi tiêu và cải thiện cuộc sống.

Như vậy, các bạn có thể thấy chúng tôi cố gắng làm sao để chế độ lao động trong tù không quá khác biệt với chế độ lao động bình thường. Chúng tôi không bao giờ đề xuất việc làm với một phạm nhân vì lý do kinh tế mà luôn xuất phát từ nguyên tắc tạo việc làm để giúp họ không quên hoặc học lại kỹ năng làm việc. Một khi phạm nhân chấp nhận đi làm, họ phải chấp nhận tuân thủ giờ giấc làm việc và chấp nhận một mức tiền công thấp hơn những gì mà họ đã từng kiếm được. Lao động cải thiện cho họ khả năng tái hòa nhập xã hội.

Về câu hỏi hình phạt lao động công ích có vi phạm nhân quyền hay không, tôi xin trả lời là không. Bởi vì trước khi tuyên hình phạt này, Tòa án phải hỏi ý kiến của đương sự. Lao động công ích không phải là biện pháp cưỡng chế lao động, do vậy, phải được sự đồng ý của đương sự.

Liên quan đến công tác hỗ trợ người mãn hạn tù, ở Pháp, trước khi thành lập cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách, chúng tôi có Ủy ban hỗ trợ người mãn hạn tù. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp, người mãn hạn tù có thể yêu cầu cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách hỗ trợ trong vòng 6 tháng kể từ khi được tự do. Các nội dung hỗ trợ rất đa dạng. Đó có thể là hỗ trợ tìm chỗ ở, hỗ trợ hoàn thành thủ tục hành chính, hỗ trợ làm chứng minh thư, hỗ trợ tìm việc làm... Tuy nhiên, thực tế là sau khi mãn hạn tù, nhiều người không muốn quay trở lại gặp những người làm việc cho Cơ quan quản lý thi hành án để yêu cầu giúp đỡ. Cá nhân tôi không ủng hộ quy định nêu trên của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bởi vì đây là một quy trình quá tốn kém mà hiệu quả không cao, do không có nhiều người đến yêu cầu hỗ trợ.

Cuối cùng, về quy chế của giám thị trại giam, để được làm giám thị, các ứng cử viên phải tham gia vào kỳ thi sát hạch trên toàn quốc. Hàng năm, có khoảng 16 người trúng tuyển. Hiện nay, cả nước Pháp có 340 giám thị. Quy chế của giám thị có nhiều điểm khác với quy chế công chức thông thường. Chẳng hạn, giám thị không có quyền bãi công, biểu tình. Công tác bổ nhiệm giám thị do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm. Ban đầu, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ bổ nhiệm họ vào chức phó giám thị ở một cơ sở giam giữ nhỏ hoặc chức trưởng ban ở một cơ sở giam giữ lớn. Sau đó, họ sẽ được thăng tiến dần. Mỗi người không được ở quá lâu ở một vị trí. Thông thường, thời gian làm việc tối đa ở một vị trí là 3 hoặc 4 năm.

Ông Nguyễn Bình

Qua phần trả lời của chuyên gia, tôi xin có một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, thực tiễn lao động của phạm nhân tạo ra rất nhiều hàng hóa. Nhưng vấn đề là tổ chức thế nào để tạo ra giá trị hàng hóa để trả công xứng đáng cho phạm nhân. Vấn đề này cần được giải quyết trong Bộ luật Thi hành án.

Thứ hai, chuyên gia có nói rằng ở Pháp, quan hệ với các công ty bên ngoài để tạo việc làm cho phạm nhân cũng có mức độ. Tôi nghĩ điều này liên quan đến chính sách việc làm. Ở Đức, toàn bộ việc in ấn các sản phẩm độc quyền của cơ quan Nhà nước (như biểu mẫu) đều do các xưởng in trong nhà tù đảm nhiệm. Hiện nay, chúng tôi đang phấn đấu theo hướng này của Đức.

Thứ ba, về vấn đề tha tù trước thời hạn có điều kiện, tôi muốn biết các bạn quy định những tiêu chí gì? Hiện nay, chúng tôi có quy định một số tiêu chí như ý thức khắc phục hậu quả của tội phạm, ý thức cải tạo, nhân thân...

Thứ tư, tôi hoàn toàn nhất trí với chuyên gia rằng lao động công ích vì lợi ích của Nhà nước và toàn xã hội không thể bị coi là lao động cưỡng bức.

Ông Stéphane Gely

Về câu hỏi liên quan đến tiêu chí tha tù trước thời hạn có điều kiện, tôi nghĩ ông Couturier sẽ trả lời tốt hơn tôi.

Về câu hỏi liên quan đến khó khăn mà chúng tôi gặp phải trong quan hệ với các doanh nghiệp tư nhân, chúng tôi có đội ngũ cán bộ, nhân viên có nhiệm vụ tìm kiếm đối tác là doanh nghiệp tư nhân và khuyến khích họ tạo công ăn việc làm cho các phạm nhân. Về phần các doanh nghiệp, nếu chấp nhận tuyển dụng lao động là phạm nhân, họ sẽ được hưởng khá nhiều ưu đãi như được dành riêng kho chứa hàng hóa trong trại giam, được hưởng mức đóng bảo hiểm xã hội ưu đãi... Nghĩa vụ duy nhất của họ, đó là phải cung cấp nguyên vật liệu và trả lương. Tiền lương trả cho phạm nhân chỉ bằng 85% mức lương tối thiểu ở Pháp. Đây là những ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tuyển dụng lao động là phạm nhân. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều doanh nghiệp tư nhân chấp nhận tạo việc làm cho phạm nhân nhưng yêu cầu chúng tôi không được cung cấp thông tin rằng sản phẩm mà họ cung cấp là thành quả lao động của phạm nhân, do e ngại hình ảnh của công ty sẽ bị ảnh hưởng. Cách đây khoảng 10 năm, các tai nghe dùng trên máy bay được làm ra tại các nhà giam nữ Fleury-Mérogis và Fresnes. Ở Pháp, chúng tôi có rất ít lĩnh vực độc quyền. Do vậy, chúng tôi không chấp nhận việc một sản phẩm nào đó thuộc về độc quyền sản xuất của các nhà tù giống như ở Đức.

Ông Dominique Couturier

Nhân các bạn có đề cập đến các cam kết quốc tế, tôi xin đóng góp một vài ý kiến. Trước hết, pháp luật Pháp nghiêm cấm các công việc hạ thấp phẩm giá của phạm nhân. Thứ hai, việc lựa chọn biện pháp chấp hành hình phạt phải phù hợp với mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Do vậy, ở Châu Âu, chúng tôi không chấp nhận biện pháp cưỡng chế lao động. Tôi rất ngạc nhiên khi biết rằng ở Đức, người ta lại dành độc quyền sản xuất trong một số lĩnh vực cho các cơ sở giam giữ. Bởi vì giống như Pháp, Đức cũng là tham gia Công ước Rôme về quyền tự do cung cấp dịch vụ, sản phẩm, tự do kinh doanh và tự do cạnh tranh. Do đó, mọi hình thức độc quyền Nhà nước đều không được chấp nhận. Điều duy nhất được chấp nhận, đó là một số nước có thể có quy chế lao động hoặc chế độ xã hội ưu đãi hơn một số nước khác.

Ông Nguyễn Bình

Ở Đức, việc in ấn các biểu mẫu thuộc độc quyền của Nhà nước, như biểu mẫu của các cơ quan tư pháp có thể được chuyển cho các trại giam.

Ông Stéphane Gely

Ở Pháp, trong các cơ sở giam giữ lớn đều có một bộ phận chuyên nhận thầu gia công sản phẩm cho các doanh nghiệp tư nhân.

Quay trở lại với vai trò của gia đình trong việc giáo dục người phạm tội, các bạn có nhấn mạnh rằng gia đình có vai trò hỗ trợ người phạm tội nhận ra lỗi của mình và giúp người đó không tái phạm. Vậy tôi xin hỏi trong trường hợp một người phạm tội lần đầu thì gia đình đóng vai trò gì? Tôi nghĩ phương Đông và phương Tây có cách nhìn nhận khác nhau về vai trò của gia đình. Chúng tôi không nhất trí với việc quá đề cao vai trò của gia đình trong công

tác giáo dục, cải tạo người phạm tội. Ở Pháp, mô hình gia đình "tam đại đồng đường" hiện không còn tồn tại.

Liên quan đến điều kiện để một phạm nhân được lao động cho một doanh nghiệp bên ngoài, đương nhiên, điều kiện đầu tiên đặt ra phải là an toàn. Chúng ta không thể chấp nhận cho một tên khủng bố được ra ngoài làm việc, bởi vì điều này sẽ đe dọa đến an toàn xã hội. Điều kiện tiếp theo là ý thức của phạm nhân trong quá trình lao động và sinh hoạt tại cơ sở giam giữ. Để làm được điều này, giám thị trại giam phải nắm rõ mọi diễn biến trong trại. Chúng tôi gọi đây là nguyên tắc "nhìn thấy tất và biết tất".

Ông Nguyễn Văn Bình

Nếu trong lĩnh vực thi hành án dân sự, ở Pháp có chức danh Thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự, thì trong lĩnh vực hình sự có một chế định khác là Thẩm phán áp dụng hình phạt hay thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự. Vì vậy, đề nghị ông Chánh án Tòa án sơ thẩm Le Havre trình bày tiếp về chế định này.

Ông Dominique Couturier

Cám ơn ông Giám đốc. Sáng nay tôi đã trình bày với các bạn về chế định JEX - thẩm phán theo dõi thi hành án dân sự. Sau đây tôi xin trình bày về chế định JAP - thẩm phán áp dụng hình phạt - chức danh có thẩm quyền riêng trong lĩnh vực thi hành án hình sự. Tương ứng với mỗi tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng ở Pháp có một thẩm phán áp dụng hình phạt.

Trước hết, xin nhắc lại một số chi tiết để tránh hiểu lầm. Thứ nhất, sau khi thụ lý một vụ án hình sự và kết luận người có hành vi vi phạm là kẻ phạm tội, tòa án sẽ quyết định một trong những hình phạt được quy định trong luật hình sự (nguyên tắc pháp quyền). Trong những trường hợp phạm khinh tội (tội phạm có mức độ nghiêm trọng trung bình theo cách phân loại tội phạm ở Pháp) hoặc trọng tội (tội phạm có mức độ nghiêm trọng cao nhất), người phạm tội sẽ có thể bị kết án tù giam. Còn trong trường hợp phạm tội vi cảnh (loại tội phạm có mức độ nghiêm trọng thấp nhất), người phạm tội chỉ có thể bị tuyên phạt tiền hoặc bị tước hoặc hạn chế quyền.

Thực tiễn xét xử cho thấy rằng phần lớn các hình phạt do tòa án đã tuyên không phải là hình phạt tù giam, mà chủ yếu là phạt tiền, tước hoặc hạn chế một số quyền (như đình chỉ quyền sử dụng giấy phép lái xe hoặc giấy phép săn bắn, hủy giấy phép lái xe hoặc giấy phép săn bắn...), hình phạt tù cho hưởng án treo đơn giản hoặc hình phạt tù cho hưởng án treo có thứ thách.

Trong trường hợp hình phạt tù cho hưởng án treo đơn giản, lý lịch tư pháp của người bị kết án sẽ ghi là hình phạt tù có thời hạn nhưng không phải thi hành ngay, người bị kết án sẽ chỉ phải thi hành hình phạt tù đó nếu như trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bị kết án, đương sự lại bị kết án mới.

Còn trong trường hợp hình phạt tù cho hưởng án treo có thử thách, người bị kết án sẽ bị đặt dưới quyền giám sát của thẩm phán áp dụng hình phạt. Bên cạnh thẩm phán áp dụng hình phạt là Cơ quan phụ trách tái hòa nhập xã hội và thử thách mà ông GELY đã nhắc đến lúc trước. Người bị kết án sẽ nhận được tổng đạt về những nghĩa vụ mà mình phải tuân thủ trong thời gian hưởng án treo, đồng thời được cảnh cáo là nếu họ không tuân thủ thì quyết định cho hưởng án treo có thể bị hủy. Các phương thức chấp hành án cụ thể như thế nào đối với người bị kết án đó thì sẽ do Cơ quan tái hòa nhập và thử thách theo dõi. Tòa án có thể quyết định cho người bị kết án hưởng án treo có thử thách nếu như hình phạt tù không quá 5 năm. Sự giám sát của thẩm phán áp dụng hình phạt cũng như của Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách đối với người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo có thử thách chỉ kéo dài trong một thời gian nhất định theo quyết định của tòa án, tối thiểu là 18 tháng, tối đa là 3 năm.

Trong thời gian được hưởng án treo có thử thách, người bị kết án có thể phải chấp hành những nghĩa vụ nào? Đó có thể là nghĩa vụ chứng minh là mình có nơi ở ổn định, có việc làm hay đang theo học nghề, đang được chữa bệnh, được điều trị về tâm thần, tâm lý. Đó cũng có thể là nghĩa vụ chứng minh rằng họ đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quyết định của tòa án. Một nghĩa vụ khác mà người bị kết án được hưởng án treo phải chấp hành (nhưng chỉ khi nào người đó đồng ý trước), đó là nghĩa vụ lao động công ích (tổng thời gian không quá 200h - 240h). Trong trường hợp người bị kết án không tuân thủ những nghĩa vụ trên, thẩm phán áp dụng hình phạt sẽ có quyền hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hình phạt tù cho hưởng án treo.

Ông Nguyễn Bình

Tính chất của Cơ quan phụ trách tái hòa nhập là tổ chức xã hội hay tổ chức phi chính phủ? Cơ cấu thành phần của cơ quan này như thế nào? Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với chúng tôi khi thiết kế các cơ quan phụ trách thi hành án ngoài phạt tù.

Ông Dominique Couturier

Thiết chế này lúc đầu được gọi là Ủy ban thử thách và hỗ trợ người được trả tự do, còn từ 4, 5 năm nay thì được đổi tên thành Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách (SPIP). Các cơ quan này trực thuộc Cục Quản lý thi hành án hình sự của Bộ Tư pháp về mặt hành chính. Tại mỗi tỉnh có một cơ quan hỗ trợ tái hòa nhập và thử thách trong phạm vi quản hạt của Tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng; bên cạnh đó là thẩm phán áp dụng hình phạt.

Về cơ cấu tổ chức, nhân sự trong các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách đều là công chức của Cục Quản lý thi hành án hình sự, do Cục Quản lý thi hành án hình sự tuyển dụng và phân công từ các học viên tốt nghiệp Trường đào tạo cán bộ quản lý thi hành án hình sự quốc gia. Trung bình mỗi SPIP có từ 15 đến 90 nhân viên. Đứng đầu mỗi SPIP là một giám đốc có chức

năng lãnh đạo và quản lý chung toàn bộ cơ quan. Dưới đó có các cán bộ phụ trách từng mảng tái hòa nhập và thử thách. Tiếp theo là đội ngũ nhân viên hỗ trợ xã hội, có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ về tái hòa nhập cộng đồng hoặc về thử thách. Ngoài ra, do SPIP là cơ quan độc lập, không phụ thuộc về hành chính vào trại giam cũng như vào tòa án, cho nên trong cơ cấu của SPIP còn có một số nhân viên hành chính để quản lý hoạt động nội bộ của cơ quan. Như vậy, các SPIP trực thuộc Cục Quản lý thi hành án hình sự của Bộ Tư pháp, nhưng hoạt động phục vụ cho các cơ quan tư pháp.

Mỗi nhân viên tư vấn tái hòa nhập và thử thách được giao một số hồ sơ nhất định, tùy theo số lượng dân cư và số người bị kết án cần theo dõi trong địa bàn mình phụ trách. Nếu có vấn đề gì phát sinh trong quá trình theo dõi, nhân viên hỗ trợ xã hội đó phải thông báo cho thẩm phán áp dụng hình phạt để thẩm phán xem xét và quyết định biện pháp xử lý.

Ông Nguyễn Bình

Tổng số nhân viên hỗ trợ xã hội trên toàn quốc ở Pháp là bao nhiêu? Biên chế đó do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định? Theo tôi hình dung, số biên chế đó phải rất lớn.

Ông Stéphane Gely

Tổng số nhân viên hỗ trợ tái hòa nhập xã hội và thử thách ở Pháp là vào khoảng 2870 người, hiện đang theo dõi việc áp dụng 135000 biện pháp tại cộng đồng, đồng thời theo dõi quá trình cải tạo của 59900 phạm nhân trong trại giam.

Cùng với việc thành lập hệ thống các Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách, cải cách năm 1999 cũng đã xác định rõ chức năng, quyền hạn của các cơ quan này cũng như mối quan hệ giữa thiết chế này với trại giam và tòa án. Ngay từ khi đó, chúng tôi cũng đã nghiên cứu cơ cấu tổ chức của các cơ quan này sao cho xác định được số lượng chính xác các nhân viên hỗ trợ xã hội cần có trong mỗi cơ quan tái hòa nhập và thử thách. Việc phân bổ số lượng nhân viên hỗ trợ xã hội về các cơ quan này dựa trên 2 tiêu chí là hoạt động xét xử trong lĩnh vực hình sự của tòa án và số lượng phạm nhân bị giam giữ tại trại giam trong phạm vi tỉnh do mỗi cơ quan theo dõi. Số lượng biên chế cho mỗi cơ quan này không phải là cố định.

Xin lấy một ví dụ rất đơn giản. Như tôi đã trình bày hôm kia, để giải quyết vấn đề quá tải trong các cơ sở giam giữ, Chính phủ Pháp đã quyết định cho xây dựng thêm nhiều trại giam mới. Gần Paris cũng mới có thêm một trại giam có thể giam giữ đến 600 người. Tương ứng với 600 phạm nhân đó, chúng tôi đã bổ sung thêm 6 vị trí nhân viên hỗ trợ tái hòa nhập xã hội và thử thách, và 1 cán bộ phụ trách. Như vậy, tỷ lệ theo dõi đối với phạm nhân tại cơ sở giam giữ là 01 nhân viên hỗ trợ xã hội / 100 phạm nhân. Đối với thi hành án tại cộng đồng thì hiện nay, mỗi nhân viên hỗ trợ xã hội phải xử lý từ 120 - 140 hồ sơ.

Cơ chế theo dõi của chúng tôi là theo dõi trên cơ sở cá thể hóa. Dù là thi hành án trong hay ngoài cơ sở giam giữ, không phải hồ sơ nào cũng đòi hỏi phải được quan tâm như nhau. Mức độ theo dõi phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vụ việc, nhân thân của người bị kết án, tính chất các nghĩa vụ hoặc quy định cấm đặt ra đối với người bị kết án... Có hồ sơ chỉ cần theo dõi về mặt hành chính, trong đó chúng tôi có thể xét cho đối tượng không phải đến trình diện hàng tháng hay nửa tháng 1 lần, mà chỉ phải đến trình diện 6 tháng 1 lần. Còn đối với những hồ sơ phức tạp, thì sự theo dõi, giám sát đòi hỏi phải nghiêm ngặt hơn.

Xin lưu ý rằng quyền quyết định phương thức thi hành án và theo dõi việc chấp hành hình phạt là quyền của Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách, chứ không phải của cơ quan tư pháp. Đây là điểm mới đáng chú ý trong cải cách về thẩm quyền của hệ thống SPIP. Trước đây, thẩm phán áp dụng hình phạt có vị trí gần như là ông chủ của Ủy ban thử thách và hỗ trợ người được trả tự do. Hiện nay, sau cải cách dẫn đến thành lập hệ thống SPIP, các thiết chế này đã được tự chủ trong việc xác định các phương thức thi hành án, nhưng luôn luôn đặt dưới sự giám sát của cơ quan tư pháp (thẩm phán áp dụng hình phạt). Tuy cơ quan tư pháp không thể thay đổi phương thức thi hành án do nhân viên hỗ trợ xã hội đã lựa chọn, nhưng thẩm phán có thể yêu cầu giám đốc SPIP ra quyết định chuyển hồ sơ từ một nhân viên hỗ trợ xã hội này sang cho nhân viên khác theo dõi, với lý do là nhân viên đầu tiên đã không làm đúng chức năng của mình.

Ông Nguyễn Bình

Như ông vừa trình bày, tỷ lệ theo dõi đối với phạm nhân trong trại giam là 1 nhân viên hỗ trợ xã hội / 100 phạm nhân. Nhưng nếu xét theo số liệu thực tế, với hơn 2800 nhân viên hỗ trợ tái hòa nhập và khoảng gần 60000 phạm nhân, thì 1 nhân viên chỉ phải phụ trách hơn 20 phạm nhân. Mong ông giải thích rõ hơn tỷ lệ này. Nếu chỉ là 1/20 thì số biên chế nhân viên hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng như vậy có quá lớn không?

Ông Nguyễn Văn Bình

Trong chuyến tháp tùng Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ông Chu Lưu khảo sát tại Pháp vừa rồi, chúng tôi đã đến thăm một trại giam có số phòng giam là hơn 800, trong khi tổng biên chế của trại giam đó lên tới hơn 400 người. Như vậy, tỷ lệ biên chế theo dõi là 1/2 phạm nhân. Bộ trưởng Lưu cũng đã nói rằng: "Muốn có một nền tư pháp hiệu quả thì không thể không tốn kém". Khi cải cách, nếu chúng ta chỉ nghĩ đến việc trao thẩm quyền, nếu chỉ cải cách bằng lý thuyết, nguyên tắc trên giấy mà không nghĩ đến điều kiện con người, điều kiện phương tiện thì sẽ rất khó thực hiện.

Ông Nguyễn Bình

Ở Pháp, việc thi hành án hình sự tại cơ sở giam giữ và thi hành án hình sự ở bên ngoài cơ sở giam giữ là do cùng một cơ quan theo dõi hay có 2 cơ quan chuyên trách riêng?

Ông Dominique Couturier

Ở Pháp không có cơ quan nào có nhiệm vụ theo dõi những người bị kết án phạt tiền, phạt tù cho hưởng án treo đơn giản. Những người này sẽ được trả tự do ngay lập tức và chính họ phải tự điều chỉnh cách xử sự của mình sao cho không để bị đưa ra tòa lần nữa.

Các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách (SPIP) chỉ theo dõi những người bị tuyên hình phạt tù nhưng được hưởng án treo có thử thách. Những người bị kết án này không bị giam giữ tại trại giam, họ vẫn được tự do nhưng sẽ thuộc diện quản lý, theo dõi của SPIP và thẩm phán áp dụng hình phạt trong một thời hạn nhất định như ông Gely đã nói lúc trước.

Bên cạnh hoạt động tại cộng đồng, các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách còn hoạt động trong các cơ sở giam giữ. Trong việc theo dõi việc chấp hành hình phạt của phạm nhân trong trại giam, bên cạnh cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách còn có thẩm phán áp dụng hình phạt (JAP). Thẩm phán này có nhiều thẩm quyền khác nhau nhằm điều chỉnh tình hình cho phù hợp với từng người bị kết án.

Theo quy định của pháp luật Pháp, phạm nhân có thể được giảm hình phạt. Chế định này đã có một số thay đổi theo thời gian. Trước đây, thẩm phán phải xem xét thái độ cải tạo, cách xử sự của từng phạm nhân trong trại giam để từ đó mới quyết định giảm hình phạt. Theo quy định từ vài tháng trở lại đây, người bị kết án ngay từ khi bước chân vào trại giam đã mặc nhiên được cấp một "quỹ thời gian giảm hình phạt". Ví dụ, đối với một người bị kết án 4 tháng tù giam, chúng tôi sẽ nói với anh ta rằng "anh được giảm 28 ngày tù giam, anh sẽ được trả tự do không phải sau 4 tháng mà là sau 4 tháng trừ đi 28 ngày". Tuy nhiên, trong khoảng thời gian hơn 3 tháng chấp hành hình phạt tù của người đó, thẩm phán áp dụng hình phạt có thể rút lại quyết định cho giảm hình phạt có tính chất tự động đã ban hành, nếu phạm nhân có hành vi hoặc thái độ xử sự không tốt trong quá trình cải tạo.

Thẩm phán theo dõi thi hành án hình sự cũng có thẩm quyền áp dụng một số biện pháp khác, ví dụ như cho phép phạm nhân ra ngoài trại giam (không có người theo sát) để về nhà gặp gỡ người thân (nhằm duy trì quan hệ gia đình) hoặc tham gia một cuộc thi nào đó, với điều kiện phạm nhân phải trở lại trại giam vào đúng ngày, giờ nhất định.

Thẩm phán này cũng có quyền áp dụng biện pháp trả tự do trước thời hạn có điều kiện, tức là giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù. Xin lấy ví dụ một người không có tiền án tiền sự bị kết án 1 năm tù, phạm nhân này có thể

được trả tự do sau 6 tháng cải tạo trong tù. Trong 6 tháng còn lại, anh ta sẽ chịu sự theo dõi của Cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách. Nếu trong thời gian đó mà anh ta vi phạm các điều kiện quy định thì biện pháp trả tự do trước thời hạn có điều kiện sẽ bị hủy bỏ. Đối với những trường hợp phạm nhân bị kết án tù ngắn hạn, thì thẩm phán áp dụng hình phạt có thể tự mình quyết định. Còn đối với những trường hợp phạm nhân bị kết án tù dài hạn, thì thẩm quyền quyết định thuộc về một tòa án theo dõi thi hành án hình sự (gồm có 3 thẩm phán áp dụng hình phạt).

Thẩm phán áp dụng hình phạt có thẩm quyền tương đối rộng, bởi vì trừ trường hợp khẩn cấp, Viện Công tố không thể cho thi hành án tù giam dưới 1 năm nếu như trước đó không hỏi ý kiến Thẩm phán áp dụng hình phạt. Vị thẩm phán này có quyền xem xét xem liệu hình phạt tù như vậy có phải là biện pháp tốt nhất hay không. Trong một số trường hợp, đối với án phạt tù từ 6 tháng trở xuống, thẩm phán áp dụng hình phạt có thể tự mình quyết định cho thay bằng hình phạt lao động công ích hoặc phạt tiền.

Như vậy, thẩm phán áp dụng hình phạt có thẩm quyền lớn trong việc căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau (như thái độ của người bị kết án, tình hình cuộc sống của họ ở bên ngoài trại giam như thế nào, cơ quan tổ chức nào sẽ tiếp nhận họ, kế hoạch học tập hoặc làm việc của họ như thế nào...) để điều chỉnh hình phạt đã tuyên sao cho phù hợp với nguyên tắc cá thể hóa hình phạt. Như tôi đã trình bày trong Hội thảo hôm trước, điều này cũng giải thích hiện tượng "xói mòn hình phạt", tức là hình phạt cuối cùng được thi hành trên thực tế ít khi là hình phạt tù giam và thường có thời hạn ngắn hơn so với thời hạn chấp hành trong bản án do tòa án tuyên.

Đối với những trường hợp người phạm tội nghiêm trọng và bị kết án tù dài hạn, thẩm phán hoặc tòa án theo dõi thi hành án hình sự không có toàn quyền, bởi vì pháp luật Pháp quy định một "thời kỳ an toàn", tức là một thời gian không thể rút ngắn, trong đó người bị kết án bắt buộc phải chấp hành hình phạt trong một cơ sở giam giữ. Tất nhiên, quy định về "thời kỳ an toàn" cũng chỉ bắt buộc áp dụng trong một số trường hợp nhất định và không bắt buộc trong một số trường hợp còn lại.

Ông Alain Guiffou

Trình bày của ông Couturier và ông Gely đã rất đầy đủ rồi. Tôi chỉ xin nói thêm một chút để các bạn hiểu rõ hơn như sau:

Trong mọi hệ thống hình phạt, trước hình phạt tù bao giờ cũng có một số loại hình phạt khác với những khung hình phạt khác nhau. Quyết định hình phạt nào là giai đoạn hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Tòa án, tất nhiên có sự tham gia của Viện Công tố. Đó có thể là hình phạt tiền, phạt tù cho hưởng án treo đơn giản hoặc án treo có thử thách. Như các chuyên gia trước đã nói, đối với việc chấp hành hình phạt tiền và phạt tù cho hưởng án treo đơn giản thì không có cơ chế theo dõi. Thẩm phán áp dụng hình phạt (JAP) chỉ bắt đầu can

thiệt đối với việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo có thử thách. Vị thẩm phán này có thẩm quyền theo dõi việc tuân thủ những nghĩa vụ đặt ra đối với người bị kết án tù được hưởng án treo có thử thách, đồng thời có quyền hủy bỏ án treo nếu người bị kết án vi phạm nghĩa vụ của mình. Đó là trường hợp ở ngoài trại giam. Đối với trường hợp trong trại giam, sự can thiệp của thẩm phán áp dụng hình phạt hoặc của các cơ quan tái hòa nhập xã hội và thử thách (SPIP) lại khác, bởi vì mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị kẻ phạm tội mà còn nhằm cải tạo họ và đưa họ tái hòa nhập xã hội. Các biện pháp mà thẩm phán JAP có thể quyết định nhằm chuẩn bị cho cuộc sống của phạm nhân sau khi ra trại có thể là điều chỉnh hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt, cho phép ra khỏi trại giam để tìm việc làm, gặp nhà tuyển dụng, trả tự do trước thời hạn có điều kiện... Tất nhiên, hoạt động của thẩm phán áp dụng hình phạt vẫn chịu sự giám sát của Viện Công tố, nhưng nhìn chung, thẩm phán áp dụng hình phạt vẫn có vai trò rất quan trọng trong lĩnh vực thi hành án hình sự từ nhiều năm nay.

Về biện pháp trả tự do trước thời hạn có điều kiện, cần hiểu rằng đây không phải là cách thức quản lý nhằm làm rộng chỗ trại giam, mà việc trả tự do này đòi hỏi phải có những đảm bảo nhất định, nhất là đảm bảo về tái hòa nhập xã hội, chẳng hạn như phạm nhân liên quan phải có việc làm, có nơi ở ổn định...

Ông Stéphane Gely

Về biện pháp trả tự do trước thời hạn có điều kiện, xin nói thêm là một số không nhỏ phạm nhân không muốn được áp dụng chế độ này, vì họ biết rằng khi được áp dụng chế độ đó, họ vẫn còn nợ một số việc; trong khi đó, nếu ở trong tù đến khi mãn hạn, họ sẽ được tự do và không còn nợ nần gì nữa. Đó là hiện tượng thực tế và rất con người ở Pháp.

Ông Alain Guillou

Xin nói thêm một chút liên quan đến vấn đề xóa án tích, đó là mọi biện pháp quản lý, theo dõi thi hành án hình sự nói trên đòi hỏi phải có một hệ thống lý lịch tư pháp được tổ chức tốt. Pháp có một hệ thống quản lý lý lịch tư pháp hiệu quả nổi tiếng trên thế giới, hệ thống này được cập nhật liên tục hàng ngày về tình hình chấp hành án hình sự của từng người bị kết án. Trước khi quyết định một hình phạt nào đó, tòa án sẽ được thông báo về toàn bộ tiền án tiền sự của bị cáo. Ngay cả trong trường hợp áp dụng thủ tục xét xử rút gọn và khẩn cấp (trong vòng 24h hoặc 48h kể từ khi thực hiện tội phạm), lý lịch tư pháp của bị cáo cũng được gửi đến cho tòa án qua fax. Tòa án sẽ không thể ra quyết định hình phạt nếu không biết lý lịch tư pháp của bị cáo. Như vậy, lý lịch tư pháp cũng có vai trò rất quan trọng trong hệ thống xét xử và thi hành án hình sự.

Câu hỏi

Chúng tôi đang dự kiến chuyển giao thi hành án hình sự từ Bộ Công an sang Bộ Tư pháp quản lý, trong khi Pháp đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực này từ

mấy chục năm nay. Vậy mong các bạn cung cấp thêm thông tin và chia sẻ kinh nghiệm cho chúng tôi trong một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, khi trích xuất phạm nhân ra ngoài trại giam để phục vụ công tác điều tra trong một vụ án khác, thì quan hệ phối hợp giữa lực lượng công an với trại giam được thực hiện như thế nào? Liên quan đến việc quản lý phạm nhân trong trại giam, vấn đề phạm nhân trốn trại, vấn đề phạm nhân đánh nhau, cai trị lẫn nhau trong nhà tù được xử lý như thế nào?

Thứ hai, hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại một hệ thống tòa án và cơ quan điều tra trong quân đội, mà tới đây lại chuyển giao thi hành án hình sự tập trung về Bộ Tư pháp quản lý. Theo trao đổi của các chuyên gia Pháp trong hội thảo hôm qua, ở Pháp, chỉ có một tòa án duy nhất ở Paris chuyên xét xử những quân nhân phạm tội khi đang công tác ở nước ngoài. Vậy đối với quân nhân phạm tội ở trong nước thì có cơ quan điều tra riêng không? Nếu có thì hoạt động phối hợp giữa cơ quan điều tra trong quân đội với cơ quan xét xử như thế nào?

Thứ ba, theo trình bày hôm qua của ông Gely, Giám đốc Trại giam Fresnes, thống kê tình hình phạm nhân trong trại giam cho thấy tội phạm có tính chất côn đồ, hung hãn, mà nếu để ở bên ngoài xã hội thì sẽ rất nguy hiểm, là rất lớn, ví dụ như tỷ lệ phạm nhân phạm tội hiếp dâm, quấy rối tình dục chiếm 22%, trộm cắp: 17%, cố ý gây thương tích: 17%... Với một số lượng lớn phạm nhân phạm tội như vậy, Bộ Tư pháp phải có điều kiện và cơ chế quản lý như thế nào để bảo đảm cho các cán bộ quản lý trại giam xử lý được tốt vấn đề phạm nhân trốn trại hay đánh nhau, phá quy định của trại giam? Mà tâm lý phạm nhân thường chỉ sợ cảnh sát.

Ông Dominique Couturier

Theo quy định của pháp luật Pháp, việc trích xuất phạm nhân ra ngoài trại giam để phục vụ công tác điều tra trong một vụ án khác chỉ có thể được thực hiện nếu được Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa án sơ thẩm cho phép. Phạm nhân đó cũng chỉ có thể ở tại cơ quan điều tra trong một thời gian ngắn nhất định, tương đương với thời gian tạm giữ, tức là tối đa 24h hoặc 48h; trường hợp đặc biệt, thời hạn này mới có thể lên đến 96h. Sau đó, phạm nhân phải trở lại ngay trại giam. Trong trường hợp trích xuất phạm nhân ra khỏi trại giam hoặc chuyển phạm nhân vì lý do kỹ thuật thông thường, đó là nhiệm vụ do lực lượng hiến binh hoặc cảnh sát thực hiện.

Ông Alain Guillou

Câu hỏi của ông rất hay vì nó liên quan đến vấn đề cảnh sát hỗ trợ tư pháp. Không giấu gì các bạn, liên quan đến vấn đề này, tình hình ở Pháp cũng rất phức tạp. Phải thừa nhận rằng nhiệm vụ của lực lượng cảnh sát và hiến binh ở Pháp là vô cùng nặng nề. Họ không chỉ có nhiệm vụ đảm bảo trật tự tại tòa án trong các phiên xét xử, dẫn giải bị cáo từ nơi giam giữ đến cơ quan điều tra hoặc tòa án để lấy lời khai hoặc xét xử, trích xuất phạm nhân ra khỏi trại

giam để phục vụ công tác điều tra trong một vụ án khác... Đã có rất nhiều tranh cãi về vấn đề này, thậm chí cả ở cấp cao. Phía Cảnh sát quốc gia thì nói rằng Cục Quản lý thi hành án hình sự và trại giam phải đảm nhiệm việc này. Phía Cục Quản lý thi hành án hình sự và trại giam thì nêu lý do họ không có đủ điều kiện.

Chủ trương của các bạn xây dựng lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp với nhiệm vụ không chỉ trong lĩnh vực thi hành án (trích xuất, chuyển phạm nhân...), mà còn có cả nhiệm vụ bảo vệ trật tự tại phiên tòa... là một chủ trương tốt. Vấn đề là ở chỗ lực lượng này trực thuộc ai? Phương thức hoạt động như thế nào? Số biên chế cần thiết là bao nhiêu?

Ông Stéphane Gely

Đó là mô hình của Italia, nhưng họ không gọi là "cảnh sát hỗ trợ tư pháp" mà gọi là "cảnh sát trại giam", có nhiệm vụ không chỉ đảm bảo an ninh cho mọi cuộc dẫn giải phạm nhân đến trước thẩm phán điều tra, công tố viên để lấy lời khai, hoặc ra tòa xét xử, mà còn đảm bảo an ninh cho việc chuyển phạm nhân từ trại giam này sang trại giam khác.

Ở Pháp, khi nói đến vấn đề chuyển phạm nhân, cần phân chia 2 trường hợp. Thứ nhất là chuyển theo yêu cầu của cơ quan tư pháp, trường hợp này do lực lượng hiến binh đảm nhiệm. Đây là một trong những nhiệm vụ mà họ coi là "vô lý" đối với họ và chỉ làm lợi cho cơ quan tư pháp. Thứ hai là chuyển hành chính, tức là thay đổi nơi giam giữ phạm nhân. Việc chuyển hành chính sẽ do cơ quan quản lý thi hành án hình sự thực hiện và đôi khi được lực lượng cảnh sát hoặc hiến binh đảm bảo an ninh. Từ bên ngoài nhìn vào, hệ thống có vẻ phức tạp vì ít nhất có 3 lực lượng cùng tham gia là cơ quan quản lý thi hành án hình sự, lực lượng hiến binh và lực lượng cảnh sát quốc gia. Đúng là đã từng có ý kiến chuyển giao lại cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự những nhiệm vụ "vô lý" hiện vẫn do cơ quan cảnh sát quốc gia hoặc hiến binh đảm nhiệm. Nhưng cơ quan quản lý thi hành án hình sự, sau khi tính toán, đã đề nghị phải tuyển thêm 4000 nhân viên nữa mới có đủ điều kiện để thực hiện. Bộ Tư pháp thì nói rằng Bộ hoàn toàn ủng hộ việc chuyển giao nhiệm vụ này, nhưng do ngân sách của Bộ không đủ nên nếu chuyển giao nhiệm vụ thì cũng phải chuyển một số lượng tương đương về nhân viên và ngân sách hoạt động từ lực lượng hiến binh cũng như cảnh sát quốc gia sang Cục Quản lý thi hành án hình sự. Tất nhiên, Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng đã phản đối quyết liệt điều đó. Vấn đề được đưa lên cấp Chính phủ nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Sau đây tôi sẽ nói qua về vấn đề phạm nhân đánh nhau, phá quy định của trại giam. Mỗi trại giam có thể coi là một xã hội thu nhỏ. Các nhà tù ở Pháp cũng gặp phải những vấn đề tương tự như ở các nước khác, trong đó có cả hiện tượng băng đảng trong tù. Để xử lý vấn đề này, một lần nữa, chủ trương "thấy hết, biết hết" đã cho phép chúng tôi nếu thấy cần thiết thì có thể không

ngăn ngại cách ly ngay những kẻ cầm đầu hoặc chuyển một số phạm nhân sang trại giam khác để đảm bảo an toàn cho họ. Nói nôm na là chúng tôi cũng phải dọn dẹp nhà cửa. Tuy nhiên, đây không phải là hiện tượng phổ biến trong hệ thống trại giam ở Pháp, mà chủ yếu là ở các nhà tù quanh khu vực Paris. Năm 2005 đã xảy ra 22 vụ nổi loạn trong các trại giam ở Pháp, trong đó 6 vụ cần đến sự can thiệp của các lực lượng bảo an. Như vậy là tương đối ít so với tổng số gần 60000 phạm nhân đang bị giam giữ.

Đối với những trường hợp phá quy định của trại giam một cách nghiêm trọng, theo thống kê của chúng tôi đã xảy ra 540 vụ tấn công nhân viên quản giáo. Về số trường hợp đánh nhau giữa các phạm nhân thì chúng tôi chưa có số liệu chính xác, nhưng đã có 3 vụ phạm nhân giết phạm nhân.

Trước đây, người ta thường nói rằng trách nhiệm hàng đầu của cơ quan quản lý trại giam là làm sao để ngăn ngừa phạm nhân trốn trại. Nhưng quan niệm hiện nay đã khác. Mỗi quan tâm hàng đầu hiện nay của chúng tôi là sự an toàn về tính mạng và sức khỏe của phạm nhân, sau đó mới là vấn đề trốn trại.

Ông Alain Guillou

Tất cả các trường hợp gây rối nghiêm trọng trong trại giam, nhất là khi có phạm nhân bị chết trong tù, đều phải được điều tra kỹ lưỡng. Chúng tôi vẫn luôn nhắc nhở các công tố viên của mình, đặc biệt là ở Viện Công tố bên cạnh Tòa án phúc thẩm, là bắt buộc phải tiến hành khám nghiệm tử thi trong mọi trường hợp phạm nhân chết trong tù, kể cả chết một cách tự nhiên.

Ông Nguyễn Bình

Qua một ngày tọa đàm hôm nay, về phía những thành viên trong Tổ Biên tập dự thảo Bộ luật Thi hành án, chúng tôi đã học được rất nhiều kinh nghiệm của Pháp về lĩnh vực thi hành án, tử thi hành án dân sự cho đến thi hành án hình sự, cũng như mối quan hệ giữa các trại giam, Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp với cảnh sát... Điểm nổi bật trong đó là cơ chế thi hành án hình sự ngoài phạt tù, với vai trò của các cơ quan hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng. Có lẽ chúng tôi sẽ học tập được ở cơ chế hoạt động của các cơ quan tái hòa nhập cộng đồng này, nhưng cái khó của chúng tôi là ở vấn đề biên chế công chức. Xét trong điều kiện của Việt Nam, có thể chúng tôi sẽ tính đến sự tham gia của các tổ chức xã hội khác trong các cơ quan tái hòa nhập này, nhằm giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước mà vẫn đảm bảo được hiệu quả của tái hòa nhập cộng đồng đối với thi hành án hình sự ngoài tù. Bởi vì thực tiễn ở Việt Nam cho thấy các tổ chức xã hội của chúng tôi, nhất là ở cấp cơ sở, thông qua rất nhiều hội đồng hòa giải, đã tham gia rất tích cực và hiệu quả vào công tác này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các chuyên gia là giáo sư và những người hoạt động thực tiễn ở Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp đã nhiệt tình tham gia trao đổi kinh nghiệm trong 3 ngày hội thảo và tọa đàm vừa qua. Tôi cũng xin cảm ơn ông Bình, Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp, đã phối hợp tổ chức thành công tọa đàm này cũng như Hội thảo quốc tế về các mô hình thi hành án trên thế

giới, qua đó giúp chúng tôi rất nhiều trong việc hoàn thiện dự án Bộ luật Thi hành án để trình Quốc hội trong thời gian tới.

Tham dự hội thảo và tọa đàm vừa qua có đại biểu Quốc hội, giám đốc Sở Tư pháp một số tỉnh, thành phố, Trưởng Phòng Thi hành án một số tỉnh, có cả Cục phó Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và một loạt chuyên gia là thành viên trong Tổ Biên tập Bộ luật Thi hành án. Điều đó chứng tỏ sự quan tâm của rất nhiều thành phần khác nhau đối với vấn đề này. Xin cảm ơn tất cả quý vị.

Ông Nguyễn Văn Bình

Sau tọa đàm này, chúng tôi sẽ cho bóc băng ghi lại kỷ yếu bằng tiếng Việt hội thảo và tọa đàm 3 ngày vừa qua và gửi cho Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập cũng như tất cả đại biểu đã tham gia để mọi người tiếp tục nghiên cứu, vì tôi có cảm giác rằng do thời gian có hạn và do 2 hệ thống pháp luật khác nhau nhiều nên có một số điểm chúng tôi hiểu chưa rõ, chưa kỹ. Nếu ngân sách Nhà Pháp luật cho phép, chúng tôi sẽ tổ chức trong năm 2006 một đoàn khảo sát thực tế tại Pháp để các chuyên gia Việt Nam trực tiếp tìm hiểu tại chỗ các thiết chế của Pháp trong lĩnh vực thi hành án. Sau khi chúng tôi gửi tài liệu, rất mong ông Bình nghiên cứu kỹ và cụ thể hóa những nội dung các ông cần tìm hiểu, vì khảo sát tại Pháp thì không thể đông người và trong một thời gian dài được.

Về phía các chuyên gia Pháp, sự tham gia của các bạn trong 3 ngày hội thảo và tọa đàm vừa qua vẫn là chưa đủ. Chúng tôi sẽ còn đến tận nơi các bạn làm việc để tìm hiểu ngay trong năm nay, trước khi Quốc hội Việt Nam xem xét thông qua dự án Bộ luật Thi hành án vào tháng 10 tới. Do đó, đề nghị các bạn đừng ngần ngại trả lời tiếp những thắc mắc của chúng tôi và tiếp tục giúp đỡ chúng tôi trong chuyến khảo sát tại Pháp.

Ông Patrice Nocquet

Thay mặt các thành viên trong đoàn đại biểu Pháp, tôi xin chân thành cảm ơn sự đón tiếp chu đáo của các bạn trong những ngày hội thảo vừa qua. Hội thảo đã được tổ chức trong điều kiện vật chất hết sức tuyệt vời, mỗi người trong chúng tôi đều rất vui vì đã tham gia tại đây. Chúng tôi không có tham vọng giới thiệu một hình mẫu về tổ chức thi hành án, mà chỉ muốn chia sẻ với các bạn những kinh nghiệm của chúng tôi để các bạn nghiên cứu thêm trong việc hoàn thiện dự án Bộ luật Thi hành án. Tất nhiên, chúng tôi vẫn luôn sẵn lòng giúp đỡ các bạn trong quá trình này và sẵn lòng đón tiếp các bạn đến tìm hiểu hệ thống của chúng tôi tại Pháp.

PHỤ LỤC

Chương trình Tọa đàm
« DỰ THẢO BỘ LUẬT THI HÀNH ÁN »

Thứ tư, ngày 19/04/2006

Buổi sáng

- 08h30** **Đăng ký đại biểu**
- 09h00** **Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu**
Ông Nguyễn Văn Bình, Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp
- 09h15** **Giới thiệu mục đích, yêu cầu, quá trình xây dựng Dự thảo Bộ luật thi hành án của Việt Nam và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau**
Ông Nguyễn Bình, Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp
- 09h45** **Bình luận của chuyên gia Pháp về các vấn đề chung của Bộ luật thi hành án**

Tham luận/Thảo luận

Ông Claude Brenner, Giáo sư, Trường Đại học tổng hợp Panthéon-Assas

Ông Patrice Nocquet, Nguyên Chủ tịch Hội đồng Thừa phát lại Pari

M. Dominique Couturier, Thẩm phán, Chánh án Tòa Sơ thẩm Le Havre.

- 11h45** **Kết thúc buổi làm việc**

Buổi chiều

- 14h00** **Bình luận của chuyên gia Pháp về một số vấn đề cụ thể**

Tham luận/Thảo luận

Ông Claude Brenner, Giáo sư, Trường Đại học tổng hợp Panthéon-Assas (Paris 2)

Ông Patrice Nocquet, Nguyên Chủ tịch Hội đồng Thừa phát lại Pari

Ông Stéphane Gely, Giám đốc trại giam Fresnes, Cục quản lý trại giam, Bộ Tư pháp

Ông Alain Guillou, Công tố viên cao cấp, Viện công tố vùng Rouen

- 16h45** **Kết thúc tọa đàm**

